

CÁC CHỦ TỊCH

KHGB

NHỮNG HỒ SƠ
LỘ SÁNG



TRẦN XUÂN T. NHÀ LẠC ĐỘNG

Các chủ tịch KGB - Những hồ sơ lộ sáng

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

HÀ NỘI 2001

Dịch từ nguyên bản tiếng Nga

Các Chủ tịch KGB

Những bí mật số phận được khám phá

Tác giả Leonid Mlechin

LỜI GIỚI THIỆU

Cuốn sách các bạn cầm trên tay của tác giả Nga Leonid Mlechin là một cuốn sách đặc biệt vì nó kể về những người lãnh đạo một công tác mà ở Liên Xô trước đây và Nga hiện nay gọi là "công tác đặc biệt"; và bản thân những người đó cũng có những số phận đặc biệt. Đó là các Chủ tịch KGB.

Cơ quan an ninh Liên Xô được thành lập từ những ngày đầu cách mạng tháng Mười với nhiệm vụ trấn áp các lực lượng phản cách mạng trong nước để bảo vệ chính quyền với tên gọi là Ủy ban đặc biệt, về sau đã trở thành một cơ quan kiểm soát toàn diện xã hội và một cơ quan tình báo quốc tế bậc nhất. Với tên gọi là KGB từ năm 1954, cơ quan quyền lực hùng mạnh này đã trở thành nỗi kinh hoàng đối với số đông người và niềm kính nể đối với đồng nghiệp an ninh quốc tế.

KGB là một hiện tượng lịch sử trong thế kỷ 20, nó được xây dựng bằng công sức, trí tuệ và cả xương máu của nhiều thế hệ người Xô viết. Suốt 74 năm tồn tại Liên Xô (1917 - 1991); KGB sống song hành cùng Liên Xô. Những chặng đường các Chủ tịch KGB đã đi là những chặng đường của lịch sử Liên Xô vinh quang và cay đắng. Và số phận cá nhân vừa oanh liệt vừa bi thảm của họ cũng không nằm ngoài lịch sử đó.

Đây là lần đầu tiên, một cuốn sách kể về cuộc đời và sự nghiệp của tất cả các Chủ tịch KGB (mười bảy vị) từ thời Lênin cho đến khi Liên Xô tan rã.

Đọc cuốn sách này, người ta hiểu biết thêm nhiều về lịch sử chính trị và an ninh Liên Xô. Trong sách có đề cập đến những lãnh tụ và nhân vật lịch sử như Lênin, Stalin, Trotski và một số nhân vật còn có những đánh giá khác nhau như Beria, Tukhachevski và một số vụ việc còn nhiều bí ẩn như vụ ám sát Kirov, "Vụ án các bác sĩ", vụ "Đảng bộ Leningrad" v.v.. Một số sự kiện lịch sử như việc Stalin bắt tay với Hitle để trì hoãn chiến tranh, sự biến ở Hung-ga-ri năm 1956 v.v.. được đề cập và phân tích khá sâu trong mối quan hệ chính trị - ý thức hệ - an ninh.

Sách cũng cung cấp thêm tư liệu và lý giải về những diễn biến nhân sự ở hậu trường trong những bước ngoặt lớn chuyển giao lãnh đạo của Liên Xô. Hầu hết các nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng của Liên Xô được nhắc đến trong sách này.

Đây không phải là cuốn sách về một ngành công tác. Đây là câu chuyện kể về những bước ngoặt lịch sử của đất nước Liên Xô, mà trên mỗi bước ngoặt đó đều có vai trò của KGB.

Do đó nó không chỉ bổ ích về nghiệp vụ mà còn có giá trị nghiên cứu, tham khảo rất quý đối với đông đảo bạn đọc.

L.Mlechin trong mấy năm gần đây là một tác giả ăn khách ở Nga, vì sách của ông thường viết về đề tài an ninh, trên cơ sở khai thác kho tư liệu lưu trữ phong phú của Liên Xô và KGB. Tuy nhiên, nằm trong trào lưu tư tưởng dân chủ cấp tiến của xã hội Nga hiện nay, tác giả có xu hướng phân tích một cách phê phán đối với lịch sử nước nhà, đối với Stalin.

Đó là điều phổ biến và khó tránh được hiện nay. Nhiều điều đã được biết hoặc trở thành bình thường đối với xã hội Nga có thể không được chấp nhận hoặc chia sẻ đối với chúng ta. Mặc dù vậy, giới thiệu cuốn sách này với độc giả kính mến, chúng tôi tin rằng cuốn sách có giá trị tái hiện lịch sử sinh động, lại được viết bằng giọng văn chính luận hấp dẫn, chắc chắn nó sẽ mang lại cho bạn đọc nhiều điều bổ ích và phát hiện lý thú.

Dịch giả HÙNG SƠN

THỜI LÊNIN

CHƯƠNG I

FELIX EDMUNDOVICH DZERJINSKI

*Chủ tịch Ủy ban đặc biệt toàn Nga (từ tháng 12/1917 đến tháng 2/1922).
Cục trưởng Cục chính trị quốc gia (từ 2/1922-7/1926).*

Ban đầu, không ai ở nước Nga đánh giá hết được ý nghĩa của sắc lệnh thành lập Ủy ban đặc biệt toàn Nga, được thành lập trong những ngày đầu sau cách mạng tháng Mười, nhằm mục đích đấu tranh chống phản cách mạng và sự phá hoại ngầm của các viên chức cũ đối với chính quyền mới, tổ chức tiền thân này của KGB với tên gọi giản dị là VSK hoặc SK (viết tắt tiếng Nga của "Ủy ban đặc biệt toàn Nga") sẽ là nỗi kinh hoàng của khá đông người suốt gần hai thập kỷ.

Hiện nay ở Xanh Petecbua, góc giữa phố Gorokhova và đại lộ Admiral vẫn còn giữ lại ngôi nhà mà tháng 12/1917 đã từng là trụ sở thành lập Ủy ban đặc biệt mà Chủ tịch đầu tiên là Felix Edmundovich Dzerjinski.

Dzerjinski sinh ngày 30/8/1877 tại tỉnh Vilen, hiện nay thuộc Minsk (Belarus) trong một gia đình địa chủ nhỏ. Đang học dở trung học, năm 18 tuổi ông tham gia "Đảng Xã hội - Dân chủ của Ba Lan và Litva". Từ đó đến năm 1917, ông chỉ làm công tác Đảng, trở thành một nhà cách mạng chuyên nghiệp như người ta thường gọi.

Năm 1897, Dzerjinski bị bắt và đưa đi đầy 3 năm ở Viatka, được một năm thì trốn thoát về Vilno, từ đó chạy sang Varsava tuyên truyền trong công nhân. Năm 1900 Dzerjinski lại bị bắt, ngồi tù ở Varsava hai năm rồi bị đi đầy ở Sibir năm năm. Trên đường bị giải đi Sibir, Dzerjinski chạy thoát và trốn ra nước ngoài.

Nhưng ít lâu sau ông lại trở về nước và tháng 6/1905 lại bị bắt. Nhưng cách mạng Nga 1905 nổ ra, và ông được ân xá. Cuối 1906 ông lại bị bắt, và lại được bảo lãnh thả ra. Năm 1908, Dzerjinski lại bị bắt, lại bị đầy ở Sibir, lại trốn thoát, sau đó hoạt động ở Varsava Năm 1912, chính quyền lại bắt

Dzerjinski và lần này giữ chặt bằng cách cho đi tù khổ sai ba năm ở Orel. Mãn hạn, người ta giải ông về Matxcova và năm 1916 cộng thêm sáu năm nữa vì tội trạng cũ. Nhưng chỉ một năm sau thì cách mạng tháng Hai nổ ra, ông cùng các tù chính trị được giải phóng.

Dzeriinski tham gia cuộc họp lịch sử ngày 10/10/1917 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Bôn-sê-vich tại Petrograd - cuộc họp thông qua quyết định chuẩn bị tiến hành khởi nghĩa vũ trang. Tại cuộc họp này, chính Dzerjinski là người nêu ra sáng kiến về việc thành lập một Bộ Chính trị trong Ban chấp hành Trung ương Đảng. Sáng kiến này được hoan nghênh, và từ đó cơ quan lãnh đạo đặc biệt này đã tồn tại trong tất cả các đảng cộng sản các nước xã hội chủ nghĩa cho đến tận ngày nay.

Dzerjinski tham gia ủy ban quân sự - cách mạng Petrograd và tham gia lãnh đạo cách mạng tháng Mười. Sau đêm khởi nghĩa, khi những người Bôn-sê-vich cướp được chính quyền, Dzerjinski được giao chiếm bưu điện trung tâm và bảo vệ cung điện Smolny - trụ sở tham mưu của cách mạng.

Dzerjinski đã ký giấy phép ra vào cho nhà báo Mỹ John Reed đi lại trên lãnh thổ Smolny và Petrograd và viết cuốn "Mười ngày rung chuyển thế giới".

Ngày 20/12/1917, Lênin giao cho Dzerjinski nhiệm vụ chính của đời hoạt động cách mạng của ông là thành lập và lãnh đạo Ủy ban đặc biệt toàn Nga.

Đã 11 năm ngồi tù, Dzerjinski biết rõ hơn ai hết bộ máy cường chế. Ông đã rút ra được những bài học gì từ kinh nghiệm bản thân?

Thứ nhất, ông căm ghét và khinh bỉ sự đê tiện của những tên tay sai của Sa hoàng. Thứ hai, ông nhớ ông và các đồng chí của ông đã có thể dễ dàng lừa bịp lính canh ngục và cảnh sát như thế nào, và ông không muốn lặp lại sai lầm đó của đối phương.

Tháng 3/1918, một cuộc họp của ban lãnh đạo Ủy ban đặc biệt (SK) đã ra nghị quyết cấm sử dụng biện pháp khiêu khích và gây hấn trong hoạt động của SK. Nhưng ý định tốt lành đã không thực hiện được khi vấp phải thực tế.

Dzerjinski đã cho áp dụng phương pháp cài điệp viên vào trà trộn cùng với tù nhân để khai thác tin tức và moi lời khai đặc biệt đối với các tù chính trị. Việc điều tra đối với các vụ án chính trị nhiều khi không có điều kiện tiến hành một cách thực sự, do đó các nhân viên mật vụ trở thành nguồn nhân chứng, công cụ chính của việc điều tra. Họ chỉ cần đạt được sự thú tội của đương sự là đủ.

QUYỀN XỬ BẮN LÀ CỰC KỶ QUAN TRỌNG

Dzerjinski không coi SK là một cơ quan an ninh, phản gián hoặc cảnh sát chính trị. Đối với ông, SK là một cơ quan đặc biệt có cái quyền đặc biệt là độc lập thủ tiêu kẻ thù. Ông đã viết: "Các cán bộ của SK là những người lính của cách mạng. Họ không làm công tác điều tra hay làm gián điệp. Người xã hội chủ nghĩa không thích hợp với công việc đó. Đối với SK, quyền xử bắn là cực kỳ quan trọng".

Ngày 12/6/1918, hội nghị đảng bộ các Ủy ban đặc biệt địa phương ra nghị quyết như sau:

1. Sử dụng các nhân viên mật vụ.
2. Theo dõi các tướng lĩnh và đội ngũ sĩ quan của Hồng quân.
3. Xử bắn các nhân vật phản cách mạng nguy hiểm nhất, những kẻ đầu cơ, cướp bóc và ăn hối lộ.
4. Kiến nghị với Trung ương để đồng chí Uritsky thôi chức Chủ tịch SK Petrograd và thay thế bằng một đồng chí kiên quyết hơn, có khả năng tiến hành điều tra không khoan nhượng chống các phần tử phản động và thù địch với chính quyền Xô viết.

Lãnh đạo SK Petrograd từ những ngày đầu cách mạng, Uritsky cố gắng tránh những khủng bố quy mô lớn và ít khi áp dụng án tử hình đối với tội phạm, điều đó đã gây sự phẫn nộ trong các đồng chí của ông.

Một tháng sau khi bản Nghị quyết nói trên được thông qua, xảy ra hai sự kiện: Uritsky bị một sinh viên tên là Leonid Kanegissen bắn chết, và ngày hôm sau, 30/8/1918, Lenin bị mưu sát trong khi đang phát biểu ở nhà máy Mikhelson. Thủ phạm bị bắt giữ tại chỗ. Đó là Fanny Kaplan, họ thật là Roidman, một phụ nữ 28 tuổi, theo đảng vô chính phủ. Bà ta nhận là đã bắn

Lênin, và bị xử tử. Nhưng cho đến nay vẫn không xác định được là tự bà ta bắn hay có ai giao nhiệm vụ cho bà ta không.

Hai vụ mưu sát nói trên, cùng với việc quân Anh, Pháp đổ bộ xuống Arkhrngelsk ngày 4/8/1918 đã khiến chính quyền cách mạng tiến hành một đợt "khủng bố Đỏ". Ở Petrograd đã xử bắn 500 người và bắt làm con tin 500 người. Báo "Đỏ" đăng danh sách 500 người này dưới đầu đề: "Đáp lại khủng bố trắng" và viết: "Nếu cách mạng đòi hỏi, và nếu giới sĩ quan cũ không chịu từ bỏ âm mưu giành lại các đặc quyền đặc lợi và lập lại Sa hoàng, thì chúng sẽ bị tiêu diệt hết".

LÊNIN và TROTSKI

Sự rạn nứt đầu tiên trong chính phủ Bôn-sê-vich liên quan đến vấn đề chiến tranh với Đức. Trong vấn đề này Dzerjinski bất đồng với Lênin và đứng về phía Trotski.

Ngày 7/11/1917, Dân ủy ngoại giao đầu tiên của chính phủ Xô viết là Lev Trotski gửi một bức công hàm cho Đại sứ tất cả các nước đang tham chiến (trong Chiến tranh thế giới I) đề nghị ký hoà ước. Đây là bước đi đầu tiên của những người Bôn-sê-vich nhằm thực hiện lời hứa của họ khi giành chính quyền là chấm dứt chiến tranh.

Nhưng các nước thuộc khối Antanta, trước hết là Anh và Pháp không đáp lại lời kêu gọi của chính quyền Xô viết. Họ không tin là chính quyền Xô viết sẽ trụ được, và từ chối đàm phán. Trong khi đó, Đức, Áo, Hungari thì lại đồng ý đàm phán, vì họ đang thua trận và muốn có một hoà ước riêng rẽ với Nga để rảnh tay tiếp tục chiến tranh ở phía Tây.

Ngày 22/11/1917 Trotski ký thoả ước về việc đình chiến. Nhưng chấp nhận những điều kiện tham lam của Đức thì Trotski không chịu. Ông cho đó là điều xỉ nhục đối với nước Nga. Ông nêu ý kiến rằng có thể ký hoà ước với Đức nhưng chỉ khi nào tình hình không có lối thoát.

Mặt khác, tiếp tục chiến tranh đối với Nga cũng là rất khó khăn. Đó không chỉ Trotski nghĩ thế, mà Lênin cũng nghĩ như thế.

Cuộc đấu tranh xoay quanh việc ký hoà ước với Đức diễn ra không phải giữa Lênin và Trotski, mà thực ra giữa Lênin với đa số ủy viên Ban chấp hành Trung ương muốn đánh bằng mọi giá, trong số đó có Dzerjinski.

Trước tình hình này, Lênin chủ trương: tiếp tục đàm phán và trì hoãn việc ký hoà ước. Ngày 24/1/1918 hội nghị Ban chấp hành Trung ương với đa số biểu quyết đã thông qua công thức do Trotski đề xuất: "chấm dứt chiến tranh, giải giáp quân đội, không ký hoà ước". Và tại bàn đàm phán với quân Đức tháng hai năm 1918, Trotski đã tuyên bố về lập trường đó. Điều này đã khuyến khích quân Đức - Áo - Hung chuyển sang phản công.

Trước tình thế nguy ngập, Lênin chỉ thị phải ký hoà ước bằng mọi giá.

Dzerjinski cùng một số ủy viên Trung ương phản đối, coi đó là sự đầu hàng. Nhưng cuối cùng khi Trung ương biểu quyết, Dzerjinski cũng không bỏ phiếu chống, mà cùng với Trotski bỏ phiếu trắng, do đó mà Lênin đã thông qua được nghị quyết về ký hoà ước. Hoà ước Brest-Litov đã được ký ngày 3/3/1918.

Bất bình nhất với hoà ước Brest-Litov là đảng Xã hội cánh tả, khi đó còn là đồng minh của đảng Bôn-sê-vich.

Ngày 6/6/1918, tại Đại hội II của các Xô viết; họ đã công khai rời bỏ phòng họp và tập trung tại trụ sở của Đảng.

Hai giờ chiều hôm đó, hai cán bộ của SK người của đảng xã hội cánh tả là Bliumkin và Andreev đến sứ quán Đức, xuất trình giấy giới thiệu có ký tên Dzerjinski và đóng dấu, yêu cầu được gặp Đại sứ Đức.

Khi Đại sứ Đức ra, họ liền giết luôn.

Lênin biết tin, gọi điện ngay cho Dzerjinski.

Dzerjinski bèn tức tốc đến Đại sứ quán Đức, rồi từ đó đến thẳng đơn vị SK bị nghi ngờ là có những kẻ giết Đại sứ Đức đang ẩn náu. Chỉ huy trưởng đơn vị đó là Popov, một người xã hội cánh tả, không những không trao hai cán bộ kia, mà lại còn bắt luôn cả Dzerjinski.

Lênin đã chỉ thị tạm đình chỉ công tác của Dzerjinski để điều tra sự việc. Và Dzerjinski đã tạm thời bị mất chức cho đến tháng 8 năm đó (năm 1918).

Những người Xã hội - dân chủ muốn chứng tỏ cho những người Bôn-sê-vich, và nhân thế cho Đức thấy sức mạnh của họ, để từ đó thúc đẩy phong trào cách mạng ở Đức. Họ chân thành tin rằng chủ nghĩa xã hội không thể thắng lợi được nếu không có sự ủng hộ của cách mạng thế giới.

Một trong những người lãnh đạo phong trào xã hội dân chủ là bà Maria Spiridonova viết thư cho Lenin giải thích lý do của sự kiện ngày 6/6 đó:

"Không phải chúng tôi muốn lật đổ những người Bôn-sê-vich. Chúng tôi chỉ nhằm tới một mục đích: tạo một hành động khủng bố có ý nghĩa quốc tế để phản kháng trước toàn thế giới về sự bóp nghẹt đối với cuộc Cách mạng của chúng ta". Và theo bà, Hoà ước Brest- Litov đã làm chậm cuộc cách mạng Đức mất nửa năm.

Thái độ xử sự của những người xã hội - dân chủ đã tạo điều kiện cho những người Bôn-sê-vich giành được thế chủ động. Trotski (lúc đó đã được phân công chuyển sang làm Dân ủy quân sự) lệnh cho hai trung đoàn quân Latvia trung thành với những người Bôn-sê-vich đóng ở ngoại ô Matxcơva đem xe bọc thép đến bắn phá bộ chỉ huy quân trung thành với phái xã hội - dân chủ.

Vài giờ sau, những người xã hội - dân chủ đã phải hạ vũ khí. Buổi tối ngày hôm đó (7/7), cuộc nổi loạn bị dẹp tan. Phó của Dzerjinski trong Ủy ban đặc biệt là V.A.Alexandrovich cùng 12 sĩ quan trong đơn vị của Popov bị xử bắn.

Sự kiện tháng bảy năm 1918 đó có hậu quả tiêu cực đối với lịch sử đất nước. Từ đấy trở đi, những người xã hội - dân chủ bị gạt ra khỏi chính trường, không còn khả năng gây ảnh hưởng đối với số phận đất nước, nông dân mất đi người bảo vệ họ trong nền chính trị. Những người Bôn-sê-vich - nắm toàn quyền định đoạt sự phát triển của lịch sử, và chính quyền Xô viết từ nay trở thành một đảng.

"VỤ ÁN LOCCART"

Mùa hè năm 1918, Ủy ban đặc biệt phanh phui một vụ án gọi là "âm mưu của các đại sứ" (mặc dù đúng ra ở Matxcơva lúc đó chưa có các đại sứ, vì chưa nước nào công nhận Nga về mặt ngoại giao).

Nhân vật chính trong vụ âm mưu này là Robert Bruce Loccart - một nhà ngoại giao Anh. Sau cách mạng tháng Mười, ông ta được chính phủ cử đến Matxcơva để tiếp xúc không chính thức với những người Bôn-sê-vich.

Ông ta đã đặt được quan hệ khá tốt với Dân ủy ngoại giao đầu tiên là Trotski và sau đó là Chicherin. Nhưng ở Anh lại có thái độ hoài nghi đối

với các thông tin mà Loccart cung cấp từ Matxcơva.

R.Loccart vẽ lại cho chúng ta bức chân dung sau đây về Dzerjinski: "Dzerjinski là con người có cung cách cư xử đúng mực, giọng nói và lời nói bình tĩnh nhưng không có chút khôi hài nào. Đôi mắt ông ta sâu và cháy một ngọn lửa lạnh lẽo của sự cuồng tín. Và ông hầu như không bao giờ chớp mắt". Loccart kể lại rằng ông ta đã từng ở bên cạnh những người làm việc 18 tiếng một ngày, những con người mang tinh thần khắc khổ và xả thân của những tín đồ giê-du-it thời tiền khởi. Ông ta kể về Ian Peters, Phó chủ tịch Ủy ban đặc biệt, người đã hỏi cung ông ta: "Không có cái gì trong tính cách của con người ấy cho thấy ông ta là con ác quỷ vô nhân cả."

Ông ta (tức Peters) nói, mỗi lần ký lệnh tử hình là ông ta đều cảm thấy đau. Tôi nghĩ đây là những lời nói thật. Trong con người ông ta có cái phần rất lớn đó là tình cảm, nhưng ông ta là người cuồng tín - ông ta theo đuổi những mục tiêu Bôn-sê-vich với một tinh thần trách nhiệm không biết đến sự thương hại".

Sau khi Hoà ước Brest-Litov được ký, thấy rõ là nước Nga Xô viết sẽ không đánh nhau với Đức nữa, các nước đồng minh bèn quyết định rằng cần lật đổ những người Bôn-sê-vich và đưa một chính phủ mới lên nắm chính quyền, mà chính phủ đó sẽ tiếp tục chiến tranh với Đức.

Loccart bắt liên lạc với B.Savinkov, một lãnh tụ xã hội - dân chủ cánh tả có kế hoạch giết các lãnh tụ Bôn-sê-vich vào đêm mà quân đồng minh đổ bộ vào Nga, và báo cáo với Luân Đôn về kế hoạch này. Đồng thời, Loccart liên lạc với một điệp viên của Anh là Sidney Raily sinh trưởng ở Nga.

Trong chiến tranh thế giới I, tình báo Anh vẫn nổi tiếng là cơ quan tình báo có hiệu quả nhất, nhưng có lẽ hai nhân vật then chốt của họ ở Nga là Loccart và Raily là những tay chơi nghiệp dư, nên họ đã thua Dzerjinski.

SK Nga phái hai sĩ quan an ninh người Latvia giả danh hai sĩ quan chỉ huy Hồng quân chán ghét cách mạng, muốn ám sát Lênin và Trotski để lập công với Anh.

Loccart bị bắt, sau đó bị trục xuất cùng một số nhân viên sứ quán Anh. Còn S.Raily năm 1925 bị KGB dụ đến Liên Xô vờ như để gặp gỡ với một nhóm phản động bài Xô, và bị giết đi.

NỘI VỤ VÀ NGOẠI GIAO

Từ thời Dzerjinski, giữa Bộ Nội vụ hay Bộ an ninh và Bộ Ngoại giao có sự kị giơ nhau, và mối quan hệ đó còn lại cho đến ngày nay.

Dân uỷ ngoại giao thứ hai của chính quyền Xô viết là Georghii Vassilievich Chicherin (Dân uỷ đầu tiên, nhưng chỉ trong một thời gian ngắn, là Trotski - ND) đã công khai tranh luận với Ủy ban đặc biệt, không tán thành với những biện pháp mà cơ quan an ninh áp dụng.

G.V.Chicherin nói chung là một "người đời" (nguyên văn: một người không phải từ thế giới này - ND). Ông là một con người lý tưởng chủ nghĩa, cực kỳ tận tụy với công việc, là một nhà quý tộc, nói chung không phù hợp với cuộc sống Xô viết. Thế mà chính con người đó đã tạo lập những nguyên tắc cơ bản của nền ngoại giao Xô viết tồn tại cho đến tận khi Liên Xô tan vỡ.

Giữa Dzerjinski và Chicherin có nhiều điểm giống nhau: Là những nhà quý tộc xuất thân từ những gia đình có học vấn, cả hai đều là những người trung thành với lý tưởng, những người lao động trung thực, tận tâm và khắc khổ cách mạng.

Sống độc thân, Chicherin gần như ở luôn ở cơ quan, đến tối muộn mới về nhà, nhà lại ở gần ngay cơ quan, để mỗi khi có điện hoả tốc người ta lại gọi ông dậy kể cả đang đêm - chính ông yêu cầu như thế. Trong phòng ở của ông có một cây đàn pi-a-nô. ông thường chơi Mozart - rất yêu Mozart và viết một cuốn sách về nhạc sĩ thiên tài này, cuốn sách được xuất bản nhiều năm sau khi ông mất. "Cuộc đời tôi có cách mạng và Mozart" - ông đã viết như thế cho người em trai của mình.

Công lao chủ yếu của Ngoại trưởng Chicherin là đã lãnh đạo việc giành được sự công nhận quốc tế đối với Liên Xô. Tại hội nghị Genoa tháng 4 năm 1922 - là hội nghị quốc tế đầu tiên mà Liên Xô tham dự, và Chicherin đại diện cho Liên Xô đã gây ấn tượng mạnh tại hội nghị về sự uyên bác và phong thái ngoại giao.

Mặc dù ngôn ngữ hùng biện và đầy những khẩu hiệu cách mạng, Chicherin là nhà hoạt động thực tiễn lớn.

Với sự đề xuất của ông, "cùng tồn tại hoà bình" đã được Lênin và Bộ Chính trị thông qua từ ngày đó như một trong những nguyên tắc cơ sở của ngoại giao Xô viết.

Trong những năm 20, có thể nói ước lệ là Liên Xô có hai chính sách: một chính sách theo đường lối quốc gia mà Chicherin và Bộ Ngoại giao bảo vệ, và một chính sách theo đường lối Quốc tế Cộng sản. Những lời kêu gọi của lãnh đạo Quốc tế Cộng sản và lãnh đạo Liên Xô về làm cách mạng thế giới, ủng hộ các cuộc khởi nghĩa vũ trang của giai cấp vô sản, giúp đỡ các Đảng Cộng sản tại các nước đã phá vỡ những nỗ lực của ngoại giao Xô viết nhằm ổn định quan hệ với thế giới. Matxcơva đã giúp tiền và vũ khí cho những người Cộng sản Đức với hy vọng là cách mạng thế giới sẽ bắt đầu từ Đức. Nhưng đồng thời Matxcơva vẫn hợp tác với Chính phủ Đức. Do đó mà Chicherin gọi Quốc tế Cộng sản là kẻ thù số một.

Kẻ thù số hai được Chicherin coi là Bộ Nội vụ, hay Ủy ban đặc biệt. Trong di chúc chính trị của mình, ông viết: "Những người lãnh đạo Ủy ban đặc biệt không chân thật, thủ đoạn, luôn luôn tìm cách lừa gạt, nuốt lời, giấu việc Ủy ban đặc biệt đối xử với Bộ Ngoại giao như kẻ thù giai cấp, . . . thường xuyên theo dõi và bắt tất cả những người có quan hệ quen biết với các sứ quán nước ngoài, bắt, thậm chí bắn cả người nước ngoài mà không hề phối hợp hoặc thông báo cho Bộ Ngoại giao, dẫn đến nhiều vụ xích mích về đối ngoại".

Những xích mích nội bộ giữa hai bộ cũng diễn ra thường xuyên. Khi Ủy ban đặc biệt bắt một cán bộ của Bộ Ngoại giao, Dzerjinski báo cáo với Lênin, nhưng không hề cho Chicherin biết gì cả. Ủy ban đặc biệt tìm cách thâm nhập vào các sứ quán nước ngoài, giải mã các bức điện qua lại giữa sứ quán với trong nước. Khi những việc như vậy bị sứ quán phát hiện, thì Bộ Ngoại giao phải đứng ra trả lời chất vấn. Bộ Chính trị đã phải lập một ủy ban để hoà giải hai bộ. Ủy ban này từ năm 1923 do V.Molotov - Bí thư Trung ương Đảng, còn từ năm 1928 do S.Ordjonikidze cầm đầu. Đây là khi đó còn có thể tranh cãi với Ủy ban đặc biệt và còn cần phải hoà giải, còn sau này KGB đã trở thành một cơ quan đầy quyền năng, không ai còn có thể tranh cãi với nó được nữa.

QUẢ ĐẮM SẮT

Sau khi nội chiến kết thúc, ngày 6/2/1922 Trung ương Đảng ra sắc lệnh "Về việc giải tán Ủy ban đặc biệt toàn Nga và quy định về việc tiến hành khám xét và bắt người". Theo sắc lệnh này, Ủy ban đặc biệt toàn Nga được cải tổ thành Cục Chính trị quốc gia nằm trong Bộ Nội vụ. Việc hạ thấp quy chế của cơ quan thanh trừng này là hợp lý, vì nội chiến đã kết thúc. Sau hai năm, bộ máy của Dzerjinski bị giảm biên chế đi ba lần. Song điều này không ảnh hưởng gì đến vị trí của Dzeriinski, vì ông vẫn là Dân ủy Nội vụ, vừa vẫn phụ trách cơ quan an ninh. Chỉ có điều, đội ngũ an ninh không thích sự cải tổ này, do đó một năm rưỡi sau, tháng 11.1923, Cục Chính trị quốc gia được chuyển thành Cục Chính trị quốc gia thống nhất với tư cách một cơ quan ngang bộ.

Dzerjinski thôi chức Dân ủy Nội vụ để lãnh đạo Cục Chính trị quốc gia thống nhất, là ủy viên thường trực của Hội đồng dân ủy. Và mỗi nước cộng hoà đều có một cục chính trị quốc gia trực thuộc Trung ương, chứ không phục tùng Chính phủ nước cộng hoà. Đây đã là một truyền thống có tính nguyên tắc: an ninh quốc gia không phục tùng sự chỉ đạo của chính quyền địa phương. Và điều này khiến các cơ quan đảng và chính quyền địa phương không hài lòng. Và mỗi một lần chính quyền địa phương định thay đổi tình hình đó đều không thành, vì Ban chấp hành Trung ương biết rất rõ giá trị của các cơ quan an ninh trong việc kiểm soát đất nước.

Thứ trưởng Bộ Tư pháp lúc đó là N.V.Krylenko năm 1925 có viết một bức thư gửi Bộ Chính trị, cho rằng Cục Chính trị quốc gia hành động vượt quá thẩm quyền và đề nghị "hạn chế một cách nghiêm ngặt quyền tiến hành điều tra và xét xử...", và rằng "Viện kiểm sát cần phải giám sát việc xét xử trong các cơ quan an ninh".

Dzerjinski bác bỏ đề nghị của Krylenko với lý do: "Tình hình chính trị trong nước không cho phép giảm các quyền hạn của Cục Chính trị quốc gia trong cuộc đấu tranh chống gián điệp và phản cách mạng".

Và Dzerjinski luôn là người chiến thắng. Địa vị của cơ quan ông mạnh hơn cả Bộ Tư pháp và Viện kiểm sát cộng lại. Đối với ông, cả đến sự bất bình ở cấp Bộ Chính trị cũng không đáng sợ. Cuối năm 1924, tại một cuộc

họp Bộ Chính trị, N.I.Bukharin, ủy viên Ban chấp hành kiêm Tổng biên tập báo "Sự Thật", "người con yêu của Đảng" nói như lời Lênin, đã chỉ trích hoạt động của Cục Chính trị quốc gia. Nhưng vì Dzerjinski không có mặt tại cuộc họp đó, nên Bukharin viết một bức thư cho Dzerjinski nêu lại tinh thần những ý kiến của ông tại Bộ Chính trị (rằng cần chuyển sang những hình thức hoạt động "dân chủ hơn, ít khủng bố hơn và nhiều tính pháp chế hơn", và đề nghị Dzerjinski "hiếu cho, tôi không có chút gì chống lại anh và cơ quan của anh (anh biết tôi yêu quý anh biết dường nào), mà đây là vấn đề nguyên tắc". Dzerjinski trả lời lại bằng một bức thư trân trọng những tình cảm của Bukharin, và hứa sẽ xem xét lại thực tiễn hoạt động của Cục Chính trị quốc gia sao cho "khiêm tốn hơn, thận trọng hơn và ít lộ liễu hơn".

Ngày 18/8/1919, Ban tổ chức Trung ương Đảng quyết định bổ nhiệm Dzerjinski làm Chủ tịch Hội đồng quân sự của các lực lượng nội vụ, đồng thời phụ trách một ban của Ủy ban đặc biệt theo dõi quân đội. Dzerjinski cho rằng Ủy ban đặc biệt cần phải có các đơn vị vũ trang riêng, nhưng Lev Trotski, đương nhiệm Dân ủy quân sự và Chủ tịch Hội đồng quốc phòng thì phản đối việc thành lập bất kỳ quân đội riêng nào của ngành. Do đó, mặc dù Dzerjinski vẫn kiên trì ý kiến của mình, song các đơn vị vũ trang của Ủy ban đặc biệt vẫn nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quốc phòng. Đến năm 1920, Dzerjinski đạt được cho cán bộ của Ủy ban đặc biệt có địa vị và quyền lợi ngang với sĩ quan và chiến sĩ của Hồng quân. Năm 1921, Dzerjinski thành lập một đội đặc nhiệm bảo vệ Lênin, sau đó là bảo vệ lăng Lênin và các công sở quan trọng như Bộ Tài chính, Ngân hàng quốc gia. Đội quân này về sau trở thành Sư đoàn đặc nhiệm mang tên Dzerjinski.

Ủy ban đặc biệt toàn Nga được thành lập như một cơ quan bảo vệ cách mạng và đấu tranh chống những tội phạm đặc biệt nguy hiểm trong những năm đầu sau cách mạng, nhưng đã biến thành một công cụ kiểm soát và đàn áp toàn diện. Năm 1922, Dzerjinski ra lệnh tập hợp thông tin về tất cả những nhà trí thức lớn của đất nước - từ văn nghệ sĩ, bác sĩ đến kỹ sư. "Về mỗi nhà trí thức phải có một hồ sơ, phải kiểm tra, đối chiếu mọi mặt sao cho các kết luận của chúng ta chính xác và không thể lật ngược... Cần phải

nhớ rằng nhiệm vụ của chúng ta phải là uốn nắn đường lối trí thức, phân hoá đội ngũ trí thức và từ trong số họ đưa lên những người ủng hộ vô điều kiện chính quyền Xô viết".

Dzerjinski nói chung là một con người khắc nghiệt. Sinh thời ông, người ta đã gọi ông là "ông Felix sắt đá", không chỉ vì ông và cơ quan của ông là bàn tay sắt đối với kẻ thù, mà cả bạn bè đồng chí cũng đều biết sự nghiêm khắc cao của ông đối với bản thân mình và đồng chí, đồng sự.

Otto Latsis, Tiến sĩ kinh tế, người đã viết một số công trình về Dzerjinski nêu lại một tình tiết do người cháu gái họ của Dzerjinski kể lại: "Vào giữa thời kỳ đói kém nhất năm 1919, một hôm Dzerjinski ghé qua nhà em gái. Gày gò, hốc hác, mệt mỏi, ông cởi áo choàng, ngồi xuống cạnh bàn. Người em gái biết khẩu vị của anh, đã rán sẵn cho ông một chảo bánh bột mì nhân mỡ.

Ông hỏi:

- Cô lấy bột mì ở đâu ra thế.

Bà em đáp:

- Chỉ có thể mua lại của bọn đầu cơ chứ còn ở đâu ra nữa.

- Tôi đấu tranh với chúng ngày và đêm, còn cô thì...

Thế là ông giận dữ hất cả đĩa bánh rán qua cửa sổ.

Lời bình của Otto Latsis: "Tôi không lấy làm thán phục hành động đó của Dzerjinski. Nhẽ ra ông không ăn nhưng có thể để đĩa bánh rán lại cho cô em. Song trong hành động đó, Dzerjinski đã rất thành thật với chính bản thân mình".

Dzerjinski trung thành với cách mạng đến cuồng tín, và điều đó giải thích mọi hành vi trong cuộc sống và sự nghiệp của ông. Từ ngày đi hoạt động cách mạng năm 17 tuổi, ông hầu như không có ngày nào được tự do.

Năm năm đi đày, sáu năm tù khổ sai, thời gian còn lại là hoạt động cách mạng. Ông có thể ngồi tù đến suốt đời nếu như không có cách mạng.

Ông không có quyền và không có xu hướng khoan dung với kẻ thù của cách mạng. Người ta gọi ông là "kẻ sát nhân thần thánh" - trong bản thân danh hiệu đó đã có sự kết hợp giữa hai khái niệm mâu thuẫn nhau: cao thượng và tàn bạo trong một con người. Và nói chung cá nhân Dzerjinski

không đơn giản: trong con người ông có lòng vị tha, hy sinh quên mình ghé gớm, đồng thời cũng có cái ác.

Dzerjinski không phải là người có bệnh say mê bạo lực (sadist) như một số người mô tả, không phải là kẻ khát máu sung sướng trong việc hành hạ người khác. Mặc dù ông có thể đích thân hỏi cung tội phạm hoặc say sưa nghiên cứu hồ sơ bị cáo suốt đêm. Ông không nhận được khoái cảm từ sự tiêu diệt kẻ thù. Ông chỉ coi đó là sự cần thiết. Việc đàn áp cuộc nổi dậy của binh lính Hồng quân ở Kronstad và Tombov không phải do Dzerjinski chỉ đạo, mặc dù theo chức trách phải là ông.

Ngày 17/1/1920, theo đề nghị của Dzerjinski, Trung ương Đảng và Hội đồng dân ủy thông qua quyết định "Bãi bỏ việc áp dụng tử hình trong các bản án của Ủy ban đặc biệt các cấp cũng như của các tòa án". Một tháng sau, ngày 28/2/1920, Dzerjinski lại ký một sắc lệnh của Ủy ban đặc biệt về việc hạn chế bắt công dân, thay vào đó là áp dụng các biện pháp ngăn chặn có tính chất hành chính, và sắc lệnh tháng 1/1921 "Về chính sách trừng phạt của Ủy ban đặc biệt", trong đó chú trọng mặt giáo dục người có lỗi trong môi trường lao động thay cho việc giam giữ trong nhà tù về chính sách đặc biệt đối với giai cấp tư sản, và về việc bắt những người liên quan đến các vụ án chính trị chỉ được xem là biện pháp tạm thời cách ly họ vì lợi ích cách mạng, chứ tuyệt nhiên không được có hành động trừng trị.

Sau nội chiến, quy mô các vụ thanh trừng giảm hẳn.

Song, giữa cơn lốc của cuộc đấu tranh giai cấp, bạo lực và sự tàn khốc lôi cuốn các cơ quan an ninh là một thực tế khách quan không thể cưỡng nổi. Sau vụ Dân ủy báo chí, xuất bản và tuyên truyền Petrograd là Volodarski bị ám sát, chính Lênin đã chỉ thị "đẩy mạnh khủng bố chống kẻ thù phản cách mạng" và cho phép kể cả bắt con tin.

Tại Đại hội của ngành Giao thông vận tải năm 1922, Dzerjinski đến dự và phát biểu. Ông nói:

"Một số đồng chí cho rằng nếu in ra một số lượng tiền đủ, thì sẽ giải quyết được các khó khăn đương gặp phải. Đó hoàn toàn là điều sai lầm, ảo tưởng, bởi lẽ dưới chính sách kinh tế mới của chúng ta, cái máy in chỉ có ý nghĩa khi nó in một khối lượng tiền cần thiết cho sự trao đổi hàng hoá giữa

thành thị và nông thôn, giữa ngành công nghiệp này với ngành công nghiệp khác, giữa công nghiệp với giao thông vận tải. Nhưng nếu trong nước không có lúa mì, không có thành phẩm, thì không tiền nào có thể tạo ra được những thành phẩm và lúa mì này được cả. Cần phải đúc thép, luyện gang, cày bừa và gieo trồng lúa mì thì các máy in kia mới có thể hoàn thành nhiệm vụ của nó được".

Tưởng đây là một nhà kinh tế theo thị trường tự do, chứ không phải là Felix Edmundovich Dzerjinski - chủ tịch Ủy ban đặc biệt đang nói.

Sau nội chiến, công tác an ninh lùi xuống hàng thứ hai trong ưu tiên hoạt động của Dzerjinski. Thời gian này, Dzerjinski gánh vô số những trách nhiệm: ông là chủ tịch ủy ban kỷ luật lao động toàn quốc, Chủ tịch ủy ban đấu tranh chống tệ nạn ăn hối lộ, Chủ tịch ủy ban cải thiện đời sống của công nhân Matxcơva, chủ tịch Hội đồng những người bạn của điện ảnh, Chủ tịch ủy ban cải thiện đời sống trẻ em, Chủ tịch ủy ban xem xét lại cơ cấu các cơ quan nhà nước Liên Xô.

Rất nhiều trách nhiệm, nhưng về "đường quan lộc", Dzerjinski không được thành đạt lắm. Ông vẫn chỉ là ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị. Một số người chẳng tên tuổi gì lắm, tài năng và cống hiến không bằng ông, đã vượt qua ông trở thành ủy viên chính thức Bộ Chính trị.

Trotsky kể:

"Dzerjinski là người trung thực, thẳng thắn, tính cách mạnh mẽ và dữ dội. Quyền lực không làm tha hoá ông. Song, những phẩm chất đó chưa đủ để ông trở thành một nhà chính trị độc lập. Trong khi còn Lênin, vấn đề đưa Dzerjinski vào Bộ Chính trị không được đặt ra".

Trong năm 1921 và 1922, Dzerjinski nhiều lần than phiền với tính chất tự bạch: có thể tôi là nhà cách mạng không đến nỗi tồi, nhưng tôi không phải là lãnh tụ, là người hoạt động bộ máy.

Trotsky viết tiếp: "Trong công tác lãnh đạo kinh tế, Dzerjinski hết mình vì nhiệt tình: ông kêu gọi, thúc đẩy lôi cuốn bằng tấm gương của bản thân mình.

Nhưng cả Dzerjinski và Ordjnikidze đều không được Lênin đánh giá cao. Và Stalin bèn lôi kéo họ. Sự lạnh nhạt giữa Lênin với Dzerjinski xảy ra khi

Dzerjinski hiểu rằng Lênin không coi ông là nhà lãnh đạo kinh tế có năng lực. Và chính điều này đã đẩy Dzerjinski về phía Stalin".

Song, Trotski nói thế cũng không hoàn toàn đúng. Sự lạnh nhạt giữa Dzerjinski với Lênin thì có, nhưng còn Dzerjinski chưa bao giờ là người của Stalin. Chẳng qua từ năm 1923, theo đề nghị của Dzerjinski, Trung ương Đảng quyết định giao cho Cục Chính trị quốc gia nhiệm vụ đấu tranh chống các lực lượng đối lập, và các đảng viên có nghĩa vụ báo cáo với các cơ quan an ninh về bất kỳ hiện tượng bè phái nào trong Đảng.

Bản thân Dzerjinski phê phán mạnh hoạt động của Zinoviev và Kamenev và không tán thành chương trình kinh tế của các ủy viên Bộ Chính trị này đặt trọng tâm vào các biện pháp hành chính cưỡng bức thay vì vận dụng các đòn bẩy và quy luật kinh tế. Dzerjinski còn chưa biết rằng chương trình đó của hai người chẳng bao lâu, sau khi Lênin chết, sẽ trở thành đường lối kinh tế của Stalin.

Nhưng Dzerjinski không sống được đến ngày đó.

Quan hệ giữa Lênin và Dzerjinski vốn chưa bao giờ nồng thắm đã hoàn toàn xấu đi sau vụ điều tra để làm sáng tỏ việc các đảng viên Cộng sản Gruzia khiếu kiện Bí thư thứ nhất Đảng bộ Ngoại Kavkaz là Ordjnikidze về cung cách lãnh đạo độc đoán, thô bạo, và đề nghị với Trung ương để cho Gruzia tham gia liên bang Xô viết một cách trực tiếp chứ không cần phải phụ thuộc một cấp trung gian là Liên hiệp ba nước Ngoại Kavkaz nữa.

Ordjnikidze bác bỏ đề nghị đó, và Dzerjinski được Trung ương phân công làm Trưởng ban điều tra vụ khiếu kiện, đứng về phía Ordjnikidze, bởi vì cả hai đều cho rằng cần phải đấu tranh với mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa ly khai.

Nhưng Lênin đọc xong báo cáo của Dzerjinski thì lại phê Dzerjinski cùng với cả Stalin và Ordjnikidze là mắc bệnh sô-vanh đại Nga. Thậm chí sau đó đã có đề cập đến khả năng cách chức Dzerjinski. Nhưng Lênin đột ngột lâm bệnh, cấm khẩu, và sự việc dừng lại ở đó.

Sau khi Lênin mất, một ủy ban lưu giữ tên tuổi và hình ảnh của lãnh tụ vĩ đại được thành lập và Ban chấp hành Trung ương giao cho Dzerjinski làm Chủ tịch. Tại cuộc họp Bộ Chính trị, chính Dzerjinski là người đặt vấn đề

giữ gìn vĩnh viễn thi hài Lênin. Dưới sự lãnh đạo của Dzerjinski, trong một thời gian ngắn, lăng Lênin đã được xây dựng.

Cho dù bây giờ chúng ta có nói gì đi nữa, lễ mai táng V. I. Lênin khi ấy đã là một sự kiện chính trị trọng đại.

Đây là một đoạn nhật ký của ông nội tôi - Vladimia Mikhailovich Mlechin, lúc đó đang học ở trường kỹ thuật cao cấp (sau này là trường Bauman):

"Ngày 27/1, tôi đến Quảng trường Đỏ. Trên quảng trường có những đồng lửa cháy. Bên những đồng lửa là công an và các chiến sĩ Hồng quân - không đông lắm - đang đợi tiễn Lênin .

Ai đã nghĩ ra việc chở nhiên liệu để đốt những đồng lửa rải rác ở các nơi trong ngày này? Người đó cũng phải xứng đáng được đài kỷ niệm. Không chỉ vì là người ấy đã cứu hàng trăm, nghìn người khỏi chết cồng, mà còn cho thấy cần phải làm những gì cả trong những giờ phút mà mọi việc của sinh hoạt đời thường tưởng như là thứ yếu, không quan trọng.

Sau khi rời Nhà Công đoàn (nơi diễn ra lễ truy điệu), chúng tôi trở lại Quảng trường Đỏ. Rất đông người, nhưng không hề có cảnh chen chúc, xô đẩy gây mất trật tự. Công an cũng ít phải huy động đến. Trật tự như thế được thiết lập tự nó. Hàng nghìn vạn con người, mỗi người trong thâm tâm đều cảm thấy một cái gì đó thiêng liêng. Chưa bao giờ kể cả sau này, tôi được chứng kiến một biển người đông mà trật tự đến như vậy".

Dzerjinski trên cương vị Chủ tịch Ủy ban đặc biệt và Cục trưởng Cục chính trị quốc gia từ tháng 3/1919 đến tháng 7/1923, sau đó còn thể hiện mình ở chức vụ Dân ủy Giao thông đường bộ đến tháng 2/1924, và đặc biệt xuất sắc trên cương vị Chủ tịch Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao từ năm 1924 cho đến khi qua đời.

Dzerjinski - an ninh đã trở thành nhà lãnh đạo kinh tế tài năng, mặc dù không được học kinh tế.

Otto Latsis, Tiến sĩ kinh tế, mới viết một cuốn sách về Dzerjinski. "Dzerjinski - ông viết - là một người có cảm quan kinh tế rất nhạy bén và sức làm việc kinh khủng. Về nhân quan, ông hoàn toàn thuộc trường phái kinh tế thị trường. Ông rất chống chủ trương in tiền và chủ trương phân

phối. Ông đã từng tranh luận với L.Kamenev lúc đó là Dân ủy Thương mại, chủ trương quản lý và phân phối.

Khi Dzerjinski về làm Dân ủy Giao thông đường bộ, ông cho mời tất cả các chuyên gia đã từng làm việc trong ngành, rồi chọn một người làm phó cho mình, mà người này đã từng làm thứ trưởng dưới thời Sa hoàng.

Trước Dzerjinski, mọi người nghĩ rằng vận tải yếu kém là vì thiếu đầu máy. Đến khi chính quyền Xô viết dốc túi dự trữ vàng ra để mua một số đầu máy khoẻ, thì các chiếc cầu lại không chịu nổi. Vậy là phải bắt đầu tu sửa những con đường đã bị tàn phá trong cả nước và những chiếc cầu. Dzerjinski đã bắt đầu từ đó.

Khi A.I.Rykov được bổ nhiệm đứng đầu Chính phủ, thì Dzerjinski thay Rykov làm Chủ tịch Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao. Các bộ ngành lúc đó còn chưa có (chỉ đến năm 1932 mới có). Do đó Hội đồng Kinh tế quốc dân phụ trách toàn bộ các ngành công nghiệp. Dzerjinski còn lãnh đạo cả Tổng cục kim khí mà sau này chia thành hơn chục bộ: luyện kim đen, luyện kim màu, chế tạo máy, dụng cụ đo lường v.v...

Cao trào của chính sách kinh tế mới trùng với thời gian Dzerjinski lãnh đạo công nghiệp và làm Chủ tịch Hội đồng kinh tế quốc dân. Đôi khi ông cũng có sử dụng những tiềm năng theo đường an ninh để hỗ trợ cho việc thực hiện các nhiệm vụ công tác của mình, song nhìn chung ông hiểu rằng làm kinh tế là phải tuân thủ các quy luật kinh tế. Dzerjinski mời các chuyên gia của chế độ cũ về cống hiến tài năng cho chính quyền mới, mà không coi họ là kẻ thù, đồng thời đưa những chiến sĩ an ninh có học thức về công tác ở Hội đồng kinh tế quốc dân cùng với ông.

Khi Dzerjinski về làm Chủ tịch Hội đồng Kinh tế quốc dân, mọi người nghe ông nội vụ này về, sẽ thiết lập kỷ luật sắt và thanh lọc hết cho mà xem. Nhưng không, ông triệu tập các cán bộ lãnh đạo ngành công nghiệp đến và bảo: các đồng chí hãy giúp đỡ tôi. Tôi đến đây để học hỏi và cộng tác với các đồng chí.

Dzerjinski phản đối chủ trương độc quyền nhà nước và tăng giá. Sự thực thì độc quyền rất có lợi cho nhà sản xuất: người sản xuất cứ việc định giá, còn mặc kệ người mua. Đây là dưới chủ nghĩa tư bản thì sự cạnh tranh

không cho phép tăng giá, còn dưới chủ nghĩa xã hội thì ai cấm? Nhưng một tình hình không ngờ trước đã xảy ra: không ai mua sản phẩm công nghiệp cả. Nông thôn thì nghèo đói, người nông dân không có tiền mua. Giảm giá thì ngành công nghiệp không muốn, do đó nó tìm các đơn đặt hàng của Nhà nước. Nhưng Nhà nước cũng không có tiền. Đây là sự khủng hoảng về tiêu thụ, diễn ra trong giai đoạn từ năm 1922 đến 1924. Nói chính xác hơn, đó là sự khủng hoảng do chính quyền Xô viết không biết cách buôn bán.

Dzerjinski viết thư cho Bộ Chính trị: "Giá cả không còn là tiêu chuẩn để đánh giá như trước nữa, bởi vì nó được quyết định bởi ủy ban kế hoạch Nhà nước và tại các văn phòng. Nền kinh tế của chúng ta không có thị trường" .

Dưới chủ nghĩa tư bản, ai nâng giá cao quá, kẻ đó sẽ bị phá sản. Còn dưới chủ nghĩa xã hội, người phá sản chỉ có thể là bản thân Nhà nước. Nông nghiệp lúc đó còn tư hữu và Dzerjinski cảnh cáo: "Nếu cứ thu vén từ người nông dân như thế, Nhà nước sẽ đổ. Chúng ta sẽ đổ thôi..." Các kho chất đầy sản phẩm công nghiệp và máy móc không bán được. Chỉ sau khi Dzerjinski đạt được việc bán sản phẩm công nghiệp theo giá thị trường, các kho đó mới bắt đầu vơi đi.

Trong thực tế công tác, Dzerjinski còn áp dụng hoàn toàn những nguyên tắc thị trường. Lênin có lần nói:

"Chủ nghĩa xã hội bằng chính quyền Xô viết cộng với điện khí hoá toàn quốc". Còn Dzerjinski thường thích nói rằng trong khi thực hiện chính sách của chúng ta, cần phải theo công thức "chính quyền Xô viết cộng với thị trường".

Về phương diện chính trị, Dzerjinski như đi giữa hai làn nước: ông không tán thành phe đối lập, vì Zinoviev, Kamenev dùng khẩu hiệu của Trotsky chủ trương "bóc" của nông dân vì anh nông dân tư hữu thời gian qua đã giàu lên. Ông tranh luận với họ: Nếu các anh lột áo của nông dân, thì rồi chính bản thân các anh sẽ phải ở trần.

Bất đồng giữa Dzerjinski và Kamenev mang tính nguyên tắc: Dzerjinski muốn điều chỉnh thị trường bằng sản xuất hàng hoá và sử dụng các nguồn

dự trữ để thiết lập giá cả thấp cho xã hội, còn Kemenev thì cho rằng cần phải quản lý, thậm chí chỉ huy thị trường.

Dzerjinski phản bác lại Kamenev vì ông này cho rằng nông dân không chịu bán lúa mì cho Nhà nước là do bọn kulắc. Nhưng Dzerjinski còn chưa biết rằng chỉ vài năm sau đa số họ sẽ bị giết, bị tịch thu lúa mì và bị đuổi khỏi ruộng đất mà đi Xibêri.

Nhưng ông cũng không thuộc phe Stalin. Ông là người lạ với cả hai phái. Nếu như ông sống thêm được hai năm nữa, chắc sẽ bị liệt vào phe hữu cùng với Bukharin.

Ba tuần trước khi chết, Dzerjinski viết cho ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ là V. V. Kuibyshev một bức thư riêng. Trong bức thư đó, Dzerjinski thú thật là những ý kiến của ông không tán thành một số chủ trương hiện thời của Trung ương có thể tiếp tay cho phái đối lập, là điều ông không muốn.

Song, nếu không làm gì cả mà cứ để như thế này, thì "đất nước sẽ tìm cho mình một nhà độc tài, sẽ chôn vùi cuộc cách mạng của chúng ta, cho dù chiếc áo mà người đó mặc đỏ đến đâu chăng nữa. Hầu như tất cả các nhà độc tài hiện nay đều xuất thân từ đỏ cả: Mussolini, Pilsudski VV. . .

Tôi đã mệt mỏi vì những mâu thuẫn đó lắm rồi.

Tôi cũng đã xin từ chức nhiều lần. Đồng chí nên giải quyết sớm cho. Tôi không thể làm Chủ tịch Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao, một khi mang trong mình những suy nghĩ và trăn trở như vậy. Chính đồng chí cũng thấy đấy. Tôi xin các đồng chí cho tôi từ chức và thay thế bằng một người của mình, nghĩa là một người mà không có những bất bình và băn khoăn như tôi".

Và Dzerjinski hạ một câu bất ngờ đối với một vị lãnh đạo cơ quan an ninh:

"Tôi đã cảm thấy rất nặng nề là lúc nào cũng phải làm một ông chủ nghiệt ngã".

Điều đáng chú ý là người đứng đầu cơ quan Nội vụ và thanh trừng lại có thái độ khá bình tĩnh đối với phe đối lập chính trị. Dzerjinski chủ yếu phê phán gay gắt các cán bộ lãnh đạo đối lập về quan điểm kinh tế, đặc biệt là

trong vấn đề nông dân, nhưng không hề áp dụng biện pháp hành chính nào chống lại các đối thủ. Trotski, sau khi bị lật đổ khỏi đỉnh cao quyền lực nhưng vẫn còn uy tín cao trong Đảng và trong nhân dân, đã được Dzerjinski nhận về Hội đồng kinh tế quốc dân làm vụ trưởng Vụ khoa học - kỹ thuật, và Dzerjinski không tiến hành biện pháp chính trị gì đối với ông ta cả. Cơ quan an ninh chỉ "sờ" đến Trotski sau khi Dzerjinski chết.

Dzerjinski làm việc nhiều kinh khủng, hoàn toàn không biết thế nào là hưởng thụ cuộc sống. Trước cách mạng ông sống rất khiêm tốn, không cho phép mình tiêu vào tiền của Đảng, mặc dù các nhà cách mạng khác ở nước ngoài, kể cả Lenin, đều sinh hoạt không đến nỗi tồi. Còn sau khi cách mạng thành công, ông khép mình vào công việc, thậm chí bỏ cả vào rạp hát hoặc xem phim để không bị chi phối thời gian cho công việc.

Trotski viết về điều như này sau:

"Dzerjinski là một con người sôi sục nhiệt tình. Nghị lực của ông như điện thế mạnh được giữ thường xuyên liên tục. Gặp bất cứ vấn đề gì phải giải quyết, ông như cháy lên, mắt sáng lên, cánh mũi mỏng mấp máy, và giọng nói đanh lại. Trạng thái thần kinh bị tải nặng như thế, nhưng Dzerjinski không hề biết đến những giai đoạn xuống sức hoặc suy sụp. Lúc nào sức lực và tinh thần ông cũng ở trong trạng thái tổng động viên".

Dzerjinski yêu bất cứ công việc nào mà ông thực hiện bằng một tình yêu mê say. Ông che chắn cho cán bộ và cộng sự của mình khỏi sự can thiệp và chỉ trích bằng một tình cảm, một sự không khoan nhượng, một sự cuồng tín mà trong đó không có cái gì là riêng tư cả. Bởi vì Dzerjinski đã hoà tan vào trong công việc.

Trong những năm cuối đời, Dzerjinski bị ốm đau nhiều. Các bác sĩ theo dõi bệnh cho ông và đưa ông đi nghỉ ở Crum và Kislovodsk. Do được ăn uống tốt, Dzerjinski đi nghỉ về béo khoẻ lên. Nhưng những năm dài tù đầy đã huỷ hoại sức khoẻ của ông. Đang phát biểu tại hội nghị Trung ương ngày 20/7/1926 phản đối Kamenev, bảo vệ nông dân, ông bỗng cảm thấy người khó chịu.

Từ hội nghị Trung ương về đến nhà, Dzerjinski ngã ra. Người ta gọi bác sĩ đến cấp cứu, tiêm cho ông, nhưng đã muộn. Dzerjinski qua đời năm ông

49 tuổi.

Otto Latsis và tôi có nói với nhau rằng năm 1991 đài kỷ niệm Dzerjinski trên quảng trường Lubiauka đã bị giật đổ nhưng nếu sau này người ta quyết định dựng tượng ông trên phố Varvarca (nơi trước đây là trụ sở Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao), thì chúng tôi và chắc hẳn nhiều người sẽ giơ cả hai tay.

CHƯƠNG II

VIACHESLAV RUDOLFOVICH MENJINSKI

Cục trưởng Cục chính trị quốc gia (7/1926 - 5/1934)

Trong tất cả các Chủ tịch An ninh Liên Xô, Menjinski có lẽ là nhân vật mờ nhạt nhất, mặc dù ông đứng đầu cơ quan này 8 năm - lâu hơn cả Yagoda và Ejev cộng lại, và mặc dù đã nghe ra những phương pháp làm việc được những người kế nhiệm ông sử dụng một cách đầy đủ và triệt để. Ông là người cao hơn họ một cái đầu, mà họ - những người thừa kế - chỉ đi theo con đường mà ông đã vạch ra, chứ ở địa vị ông chưa chắc họ đã nghe ra được những phương pháp đó.

Điều không may có lẽ là ở chỗ Menjinski lỗi lạc hơn các đồng nghiệp của mình. Một con người dễ chịu, nhẹ nhàng, cởi mở, khiêm tốn, vô tư và rất trí thức - đó là những nét tính cách đọng lại trong bức chân dung của Menjinski. Thời gian cuối trên cương vị Chủ tịch cơ quan an ninh, nhà cách mạng Bôn-sê-vích trung kiên Menjinski bị ốm nặng, nhiều thời gian phải ở nhà riêng ở ngoại ô, vui trồng hoa và làm các phản ứng hóa học trong phòng thí nghiệm. Không có điều kiện đi sâu vào mọi chi tiết công vụ, ông phải bằng lòng với những thông tin mà người phó thứ nhất của ông là Yagoda báo cáo. Tuy nhiên, cho rằng mọi việc đều do Yagoda làm là hoàn toàn sai. Chính Menjinski là người đã soạn thảo đường lối và chiến thuật tiêu diệt ku-lắc như một giai cấp, cử các nhóm khủng bố ra nước ngoài để ám sát các kẻ thù của chế độ Xô viết và đề xuất việc mở phiên tòa xét xử các vụ án đầu tiên ở Matxcơva trong loạt các vụ án đã làm chấn động không chỉ cả nước mà toàn thế giới.

Chính Menjinski khởi đầu đã là lý thuyết gia của hệ phương pháp An ninh Liên Xô, và nếu quy mô những việc làm của Menjinski chưa phải như của những người sẽ kế nhiệm ông là chỉ vì Stalin chưa đòi hỏi một người như thế.

Menjinski sinh ngày 19/8/1874 ở Peterburg trong một gia đình quý tộc. Cha ông là giảng viên sử học ở trường Ca-det ^u Peterburg. Menjinski tốt nghiệp phổ thông xuất sắc được nhận huy chương vàng, rồi vào học khoa luật Đại học tổng hợp Peterburg, ra trường làm nghề luật sư.

Ông tham gia Đảng Xã hội - Dân chủ sớm - từ năm 1902, nhưng khác với Dzerjinski, ông luôn cố gắng không vi phạm pháp luật. Ông dạy học ở các khoá học bổ túc ban tối cho công nhân, cộng tác với tờ báo Bôn-sê-vich "Trại lính" trong thời gian cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất. Tháng 7/1905, cảnh sát bắt toàn bộ cộng tác viên của báo, và ông phải ngồi tù 4 tháng. Sau khi được thả, ông chạy sang Phần Lan (luật lệ nước đó dễ chịu hơn Nga). Năm 1907, ông lưu vong sang sống ở Bỉ, Thụy Sĩ, rồi Pháp và Mỹ. Thời gian ở Pháp, ông tranh thủ học Đại học Sorbonne. L.Trotsky gặp Menjinski lần đầu tiên là ở Paris. Menjinski thời gian ấy thuộc nhóm xã hội - dân chủ cực tả cùng với Dân uỷ Giáo dục sau này là Lunacharsky. Tại Bô-lôn-ha (Italia), tổ chức Bôn-sê-vich mở một lớp học cho công nhân Nga, và tại đây, Trotsky đã cùng làm việc với Menjinski, kể lại:

"Tôi có thể nói ấn tượng đầu tiên ông ta gây cho tôi là không gây được ấn tượng gì cả. Ông ta như là cái bóng của một người nào đó khác, hay như một bức ký họa dở dang của một bức tranh không thành. Có những người mà khoé mắt và nụ cười thể hiện một sự cố gắng che giấu nhân cách của bản thân".

Khi Trotsky viết những dòng này, ông ta đang ở nước ngoài, sau khi bị trục xuất, khi mà Menjinski đang tiến hành cuộc đấu tranh chống phe đối lập trong nước, cho nên nhận xét của ông ta có thể không được khách quan.

G.A.Solomon, một nhà xã hội - dân chủ có tiếng đầu thế kỷ, có quan hệ gần gũi với gia đình Lênin và là bạn của Menjinski trong thời gian lưu vong kể lại:

"Sau cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất, theo yêu cầu của Lênin, Menjinski đến Bruxelles để đón Lênin... Tôi trông thấy Menjinski người gù gù, ốm yếu, và đi sau Menjinski là Lênin. Menjinski thời gian này đang bị đau thận, không có tiền để chữa bệnh, tay run run xách vali cho Lênin.

Trông thấy thế, tôi bèn giằng chiếc vali từ tay Menjinski. Còn Menjinski thì nhoẻn một nụ cười ngượng nghịu, dễ thương (đọng lại mãi trong tôi hình ảnh đó của Menjinski). Một lần khác, tôi lại gặp vẫn Menjinski ấy trên đường công tác về Matxcơva, vui vẻ khuôn vác hành lý của mình và của mọi người. Thời gian cuối, ông bị vôi hóa cột sống phải nằm nhà, không hề than thở và yêu cầu gì với một ai, lặng lẽ chịu đau đớn, môi vẫn nhoẻn một nụ cười dịu dàng .

Những ngày đầu sau Cách mạng tháng Mười, Lênin có cảm tưởng Menjinski là một người nhẹ dạ, nông nổi, không có đủ năng lực gánh vác nhiệm vụ biến những tư tưởng vĩ đại của cách mạng thành hiện thực.

Nhưng Lênin đã nhầm. Menjinski trước và sau khi làm Chủ tịch cơ quan an ninh là hai con người khác nhau. Không rõ công tác đã làm thay đổi con người, hay là trong con người ấy đã bộc lộ rõ ra những nét tính cách mà trước đây còn tiềm ẩn?

Tháng 7 năm 1917, Menjinski từ nước ngoài về Nga.

Ông - một người thuần túy dân sự - được đưa vào Ban tổ chức quân sự của Trung ương đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga. Ngày 25/10/1917, Menjinski được bổ nhiệm làm Chính ủy ủy ban quân sự cách mạng ở Ngân hàng quốc gia. Ông yêu cầu cơ quan tài chính lớn nhất của đất nước cấp cho Chính quyền mới mười triệu rúp để phục vụ những nhu cầu cấp thiết. Các công chức Ngân hàng không công nhận chính quyền Bôn-sê-ích và ngạo mạn từ chối yêu cầu. Khi đó, các chiến sĩ cận vệ bèn bao vây ngân hàng, nhưng vẫn không lấy được tiền ra. Đó là những ngày đầu cách mạng.

Sau đó, Lênin bổ nhiệm Menjinski làm Dân ủy tài chính (tức Bộ trưởng Bộ Tài chính), có lẽ vì nhớ thời gian lưu vong ở nước ngoài ông đã từng làm việc ở ngân hàng Pháp. Menjinski trả lời phỏng vấn nhà văn Mỹ John Reed: "Chúng tôi hoàn toàn bất lực nếu không có tiền... Các ngân hàng thì đóng cửa, Ngân hàng quốc gia không hoạt động. Các viên chức ngân hàng trong cả nước bị mua chuộc và lãn công".

Khi đó Lênin bèn ra lệnh dùng bộc phá đánh vào các tầng hầm của Ngân hàng quốc gia và ban hành lệnh yêu cầu các ngân hàng nhỏ "phải mở cửa ngay từ ngày mai, nếu không chính quyền cách mạng sẽ tự mở".

Menjinski đã ký cùng với Lênin một sắc lệnh quy định cho các ngân hàng "Trong ngày 31/10 phải mở cửa làm việc. Nếu không mở và không chịu cấp tiền theo ngân phiếu, thì tất cả giám đốc và các thành viên hội đồng quản trị sẽ bị bắt, và các chính ủy sẽ được điều động tạm thời về các ngân hàng và dưới sự chỉ đạo của Phó dân ủy tài chính sẽ tiến hành việc trả tiền theo các ngân phiếu có đóng dấu của ủy ban công – nông".

Chỉ đến 17/11, Menjinski mới nhận được 5 triệu rúp đầu tiên để chi dùng cho nhu cầu của Hội đồng dân ủy (tức Chính phủ - ND). Hội đồng dân ủy tuyên bố Nhà nước độc quyền về công việc ngân hàng. Các ngân hàng tư nhân bị quốc hữu hóa và sát nhập vào Ngân hàng quốc gia thành Ngân hàng nhân dân. Các trái phiếu ngân hàng bị hủy bỏ và việc buôn bán chúng bị coi là bất hợp pháp. Tất cả những công việc đó Menjinski hoàn thành trong có vài tháng. Nhưng Menjinski không được Lênin chú ý khen ngợi lắm và cũng không được giữ chức vụ cao. Khi Chính phủ chuyển về Matxcơva, Menjinski ở lại làm ủy viên Đoàn Chủ tịch Hội đồng thành phố Petrograd và thành viên ban lãnh đạo Cơ quan dân ủy tư pháp Petrograd. Đây là một sự xuống chức.

Năm 1918, với kiến thức, ngoại ngữ và kinh nghiệm sống ở nước ngoài, Menjinski được cử đi làm Tổng lãnh sự ở Đức nhưng lại sớm bị Đức trục xuất khi cảnh sát Đức tìm thấy truyền đơn tuyên truyền trong văn ngoại giao của cơ quan lãnh sự. Menjinski được phái xuống Ucraina làm Phó dân ủy thanh tra Liên Xô tại Ucraina được mấy tháng.

Mùa thu năm 1919 Menjinski quay trở lại Matxcơva.

Dzerjinski tìm được công việc cho ông ở Ủy ban đặc biệt.

Tháng hai năm đó, Trung ương Đảng ra nghị quyết "về những đơn vị đặc biệt trong Ủy ban đặc biệt toàn Nga".

Đó là các đơn vị có nhiệm vụ đấu tranh chống phản cách mạng và gián điệp trong quân đội. Do uy tín và vị trí cao của Trotski lúc đó là Dân ủy quân sự, nên các đơn vị đặc biệt đó vẫn được đặt dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quân sự cách mạng do Trotski đứng đầu. Từ năm 1931, tình báo quân sự sẽ tách ra khỏi sự quản lý của quân đội. Ngành quân báo của Liên Xô đã

ra đời như vậy. Nó không chỉ phát hiện gián điệp và những kẻ phản bội, mà còn có nhiệm vụ theo dõi các tướng lĩnh và nắm tâm trạng binh sĩ.

Ngoài ra, vì Ủy ban đặc biệt còn chưa có một vụ đối ngoại, nên một Cục đặc biệt được thành lập để làm công tác tình báo ở nước ngoài và ở các lãnh thổ tạm thời bị Bạch vệ và quân đội nước ngoài chiếm đóng.

Dzerjinski kiêm phụ trách công tác này, và là Cục trưởng đầu tiên của Cục đặc biệt.

Tháng 9/1919, Menjinski được cử về Cục đặc biệt, nửa năm sau làm Cục phó và mấy tháng sau nữa trở thành Cục trưởng, đến năm 1922 là ủy viên ban lãnh đạo của Ủy ban đặc biệt. Menjinski có trách nhiệm báo cáo về công tác của Cục đặc biệt và về tình hình trong nội bộ quân đội cả với Dzerjinski và với Trotski, bởi vì lúc đó Trotski là nhân vật lãnh đạo quan trọng. Trotski kể lại có lần sau khi báo cáo tình hình với Trotski xong, Menjinski đứng lại tần ngần như muốn nói thêm điều gì. Khi Trotski gạn hỏi, Menjinski mới nói không biết Trotski có biết rằng Stalin đang tiến hành tập hợp lực lượng sau lưng Trotski hay không. Việc báo cáo với lãnh đạo cấp cao không chỉ về tình hình chính trị mà cả về thái độ của các thành viên ban lãnh đạo đã trở thành hầu như một nhiệm vụ của cơ quan an ninh.

Từ năm 1927, sau khi Dzerjinski mất, việc đấu tranh với Trotski và với phe đối lập được giao cho cơ quan Dân uỷ nội vụ. Trong hai năm: 1927 - 1928, toàn bộ những nhân vật đối lập chủ yếu - khoảng 150 người - bị đưa khỏi Matxcơva về những vùng xa của đất nước dưới sự giám sát của cơ quan Dân uỷ nội vụ. Năm 1929 Menjinski được giao nhiệm vụ tổ chức việc trục xuất Trotski khỏi Nga.

Menjinski lãnh đạo công tác tình báo từ ngày thành lập, hơn nữa từ tháng 9/1923 ông được bổ nhiệm làm Phó Chủ tịch thứ nhất Ủy ban đặc biệt, trong khi Dzerjinski ngày càng bận công việc lãnh đạo kinh tế.

Menjinski đã đóng vai trò quan trọng trong việc đưa tình báo Liên Xô trở thành nền tình báo mạnh nhất thế giới những năm 20 - 30. Ưu thế của ngành tình báo trong Ủy ban đặc biệt là ở chỗ: Thứ nhất, làm việc trong công tác tình báo là những người dày dặn kinh nghiệm: những người Bôn-sê-vich đã từng hoạt động bí mật, quen chạm trán với cảnh sát và nhà tù

của Sa hoàng. Thứ hai, thế hệ đầu tiên các chiến sĩ tình báo Liên Xô là những người vì hoàn cảnh nào đó đã từng sinh sống ở nước ngoài, họ am hiểu nước ngoài và không ngỡ khi làm công tác liên quan đến nước ngoài. Và thứ ba, quan trọng nhất, là trước khi có chính quyền Xô viết, người ta cho rằng tình báo và phản gián chỉ cần trong thời gian chiến tranh, còn trong thời bình thì giải tán, chỉ cần công an hoặc cảnh sát. Cơ quan an ninh Đức thôi không tồn tại sau khi Đức bị thất bại trong chiến tranh thế giới thứ nhất. Mỹ không có cơ quan tình báo trong thời gian chiến tranh thế giới thứ hai và chỉ bắt đầu thành lập nó sau chiến tranh thế giới thứ hai, với sự giúp đỡ của Anh. Anh giảm biên chế của cơ quan an ninh đến mức tối thiểu, Pháp cũng vậy. Duy chỉ có cơ quan an ninh Liên Xô - bao gồm cả bộ máy Ủy ban đặc biệt và tình báo quân sự - là lại được củng cố và tăng cường. Không một nước nào khác bỏ vào lĩnh vực này nhiều sức lực và tiền của đến như vậy. Nước Nga Xô viết tự coi mình vẫn ở trong tình trạng chiến tranh gần như với toàn thế giới.

Thế hệ đầu các chiến sĩ tình báo Liên Xô đa phần là những người theo chủ nghĩa lý tưởng, trung thành với sự nghiệp cách mạng thế giới. Họ đi vào tình báo không phải vì để được đi nước ngoài. Họ phục vụ cho sự nghiệp mà họ cho là vĩ đại. Ban đầu họ tìm đến sự giúp đỡ của những người đồng minh tự nhiên là các đảng cộng sản ở nước ngoài, rồi họ sớm hiểu ra rằng một đảng viên cộng sản hoạt động công khai bị cảnh sát ghi sổ đen và theo dõi, thì không thể làm tình báo được. Khi ấy, tình báo Liên Xô bèn tuyển mộ nhân viên trong số thanh niên có quan điểm tả khuynh. Họ khuyến khích những thanh niên đồng ý cộng tác với họ không nên phô trương những quan điểm thật sự của mình, mà cố gắng tìm được chỗ làm việc trong cơ quan nhà nước, trong cơ quan an ninh thì càng hay. Những người tình nguyện về mặt tư tưởng như vậy không thể có nhiều, do đó phải tìm kiếm cả những cộng tác viên đồng ý làm việc vì tiền. Tình báo Liên Xô cũng đã sớm tuyển dụng cả những cộng tác viên trong số những kẻ đồng tính luyến ái. Sự thực kẻ nào sống cuộc sống hai mặt, kẻ đó thường biết giấu bí mật, và lại trên giường ngủ người ta dễ dàng khai thác được các bí

mật. Gay Berges - người Anh đã được tình báo Liên Xô sử dụng để lôi kéo một cán bộ của Bộ Quốc phòng Anh chính bằng con đường đó.

Đó là thế hệ của những người kỳ lạ và độc đáo, những nhà lãng mạn chủ nghĩa. Trong những năm 20 và 30, người ta đi vào tình báo còn vì cảm giác mạnh để trốn khỏi những ngày thường tẻ nhạt, tối tăm nhằm khẳng định sức mạnh và chí nam nhi.

Tháng 1/1923, Bộ Chính trị quyết định thành lập ủy ban nhiễu thông tin (desinformation) bao gồm đại diện Trung ương Đảng, Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao, Cục tình báo quân sự. Ủy ban này chịu trách nhiệm thảo ra những tài liệu cung cấp thông tin giả về tình hình Nội bộ Nga để cho đối phương lấy được, kể cả việc tung cho báo chí những thông tin giả các loại, nhưng trong từng trường hợp đều phải có ý kiến của một Bí thư Trung ương Đảng. Những thông tin này còn nhằm mục đích làm cho các cán bộ chính trị và quân sự đã từng đào tẩu tin rằng ở Nga đang có một phong trào chống Đảng khá mạnh và khi họ về nước thì lập tức bị bắt. Người ta cho rằng Menjinski là người đã đề ra chiến thuật dụ dỗ, lôi kéo các phần tử phản động từ nước ngoài về để bắt trên lãnh thổ Nga. Vụ tên phản động B.V.Savinkov năm 1924 là một thí dụ. Menjinski đã được tặng thưởng Huân chương "Cờ Đỏ" - một Huân chương cao mà ít người được tặng hồi đó.

Đầu những năm 20, Nga kiều V.Shulgin, nguyên đại biểu Duma thời Sa hoàng, được Liên Xô (thực chất là Ủy ban đặc biệt) tổ chức cho một chuyến đi du lịch khắp nước Nga để ông ta thấy rằng những người Bôn-sê-vich nắm chắc chính quyền và bắt đầu xây dựng cuộc sống mới như thế nào. Sau khi về nước, ông ta viết một cuốn sách nhan đề "Du lịch đến nước Nga đỏ" tán dương chính quyền Xô viết.

Một thời gian sau, Menjinski thành lập một nhóm đặc nhiệm trực thuộc Chủ tịch Ủy ban đặc biệt, tách khỏi Cục công tác nước ngoài, phụ trách các chiến dịch đột nhập và cài cắm điệp viên vào những mục tiêu quan trọng trên đất địch. Nhóm này gồm có 20 chiến sĩ cùng với 60 nhân viên hoạt động bí mật. P.Sudoplatov - Thiếu tướng an ninh, người sau này tổ chức việc giết Trotski, là người nhận lệnh của Menjinski "trung lập hóa" - tức

nói nôm na là giết các phần tử dân tộc chủ nghĩa Ucraina, trong đó có lãnh tụ Tổ chức những người theo chủ nghĩa dân tộc Ucraina là Conovalets.

Ngày 30/7/1926, 10 ngày sau khi Dzerjinski mất, Menjinski được cử làm Chủ tịch Ủy ban đặc biệt và giữ chức vụ này 8 năm.

Chính Menjinski đã được Dzerjinski đưa lên làm Phó thứ nhất chứ không phải Unshlich như mọi người chờ đợi. Stalin ủng hộ Menjinski, và sau khi Dzerjinski mất, đã đưa Menjinski vào Ban chấp hành trung ương.

Vẫn như trước kia, Menjinski luôn nhã nhặn, lịch thiệp, thậm chí tế nhị. Cán bộ đến báo cáo, ông bắt tay, chào hỏi, chứ không coi đây là nghĩa vụ công tác "anh phải báo cáo tôi". Em gái ông làm ở Bộ Giáo dục thỉnh thoảng vẫn nói với ông giúp cho người này người kia được nhẹ bớt tội.

Menjinski hay ốm, thậm chí khi làm việc ở cơ quan, ông cũng thường nằm tiếp khách. Nhà văn Ilya Erenbua kể rằng năm 1920 ông được đi Pháp, trước khi đi phải làm một số thủ tục ở Bộ Ngoại giao và được báo đến cửa chính Ủy ban đặc biệt gặp đồng chí Menjinski.

Erenbua tưởng Menjinski sẽ hỏi ông có quan hệ gì với quân Vrangel (Bạch vệ) trong thời gian nội chiến hay không, nhưng Menjinski nói ngay đã gặp ông ở Paris rồi, và vừa nằm vừa nói chuyện với ông về tình hình văn học, về việc hiện nay in nhiều thơ tôi, mà Blôc thì không thấy viết gì cả v.v...

Erenbua được nhận hộ chiếu đi nước ngoài, nhưng còn chưa biết rằng hai năm sau, Blôc cũng sẽ đến Bộ Ngoại giao xin hộ chiếu, nhưng đã không được phép ra nước ngoài, và trong khi chờ trả lời của Menjinski thì nhà thơ đã ốm nặng và qua đời năm 1921.

Ngày nay chúng ta cứ nghĩ rằng khủng bố, bắt bớ chỉ diễn ra trong thời gian nội chiến và sau đó đến năm 1937 lại bắt đầu. Thực ra, khủng bố bắt đầu ngay từ sau cách mạng và tiếp diễn cho đến tận năm 1953, khi Stalin chết.

Năm 1927, Henri Barbusse, nhà văn Pháp có cảm tình với Liên Xô sang thăm Matxcơva, được Stalin tiếp.

H.Barbusse hỏi Stalin làm thế nào đập lại luận điệu tuyên truyền của phương Tây về khủng bố đỏ ở Liên Xô.

Stalin trả lời giản dị và logic:

"Việc xử bắn những tên gián điệp và tay sai của đế quốc không phải là khủng bố đỏ. Chúng ta đang nói về các tổ chức đặc biệt mà cơ sở đặt ở Anh hoặc Pháp và các thế lực đế quốc tài trợ cho họ" "Vừa mới đây, chúng tôi bắt được một nhóm sĩ quan quý tộc. Chúng có nhiệm vụ đánh hơi ngạt cả một hội trường đại hội có mặt 3 - 4 nghìn người. Bỏ tù những kẻ này thì chúng chẳng sợ. Đây là vấn đề tiết kiệm sinh mạng: hoặc là tiêu diệt một số phần tử quý tộc và con nhà tư sản... hoặc để cho chúng sát hại hàng trăm, hàng nghìn người".

" Khi nói về các án tử hình, thì chúng ta phải đặt câu hỏi: án tử hình đối với ai? Toàn là những nhà quý tộc, tướng lĩnh sĩ quan Sa hoàng, đã từng chiến đấu chống lại chính quyền Xô viết. Trong danh sách đó rất hiếm khi có những người thuộc các giai cấp bị áp bức, có thể vài ba người... làm gián điệp. Khi người ta phê phán chúng tôi không bảo vệ mọi công dân như nhau, thì xin trả lời rằng: chúng tôi cũng không định bảo vệ tất cả mọi người: Chúng tôi nói công khai điều đó, bởi vì chế độ của chúng tôi là chế độ có giai cấp".

Lý lẽ của Stalin khó có thể bác bỏ được. Chỉ có điều là trên thực tế, mỗi năm càng có thêm nhiều công nhân và nông dân ngã trước mũi súng hoặc bị đưa vào trại cải tạo cùng với các đại diện của "giai cấp bóc lột".

Trong những năm 1928 - 1930, đã diễn ra một loạt các vụ án lớn gây chấn động dư luận trong và ngoài nước, do Ủy ban đặc biệt thiết kế. Đó là các vụ: vụ Săc- tui (xử "tổ chức chuyên gia tư sản ở vùng mỏ Sac-tui, tỉnh Đôn-bas") năm 1928, vụ "Đảng công nghiệp" (xử "những kẻ phá hoại trong công nghiệp") năm 1930, vụ "Đảng Lao động nông dân" năm 1930 và "vụ trung ương Đảng Mensêvich" (xử về tội "phục hồi chủ nghĩa tư bản") năm 1931.

Các vụ xử án đều nhằm một mục đích là làm cho cả nước thấy rằng những tổ chức và phần tử phá hoại tồn tại khắp mọi nơi, chính chúng cản trở việc phục hồi công nghiệp và ổn định cuộc sống của nhân dân. Những kẻ phá hoại đó trước hết nằm trong số những nhà tư sản, quý tộc cũ, sĩ quan Bạch vệ, chuyên gia của chế độ cũ.

Trong những năm 1930, những sự cố sản xuất hoặc việc cho ra sản phẩm kém chất lượng đều là lý do để truy tố thành vụ việc đối với những người lãnh đạo trong ngành công nghiệp. Một anh đầu bếp tồi - nếu muốn - cũng có thể bị chụp mũ là trót-kít. Mặc dù nguyên nhân thực sự của những sự cố sản xuất và cho ra sản phẩm kém chất lượng là việc công nghiệp hóa quá nhanh trên quy mô toàn quốc và đòi hỏi hoàn thành kế hoạch bằng mọi giá.

Việc xét xử vụ án "Đảng Công nghiệp" kéo dài hai tuần với sự chứng kiến của phóng viên nước ngoài đến ngày 7/12/1930 đã kết thúc. Tám kỹ sư và giám đốc có tên tuổi bị tuyên cáo về "hoạt động phản cách mạng có tính chất phá hoại và làm gián điệp, gây tổn hại cho nền công nghiệp Liên Xô". Tất cả các bị cáo bị tuyên án tử hình, nhưng ủy ban chấp hành trung ương toàn Nga (tức Xô viết tối cao về sau này) xét việc họ đã thành khẩn "nhận lỗi" nên đã quyết định hạ mức án tử hình xuống 10 năm tù giam cho mỗi người.

Stalin quan tâm đến những nhân vật tầm cỡ lớn hơn những bị cáo này, mà hiện ông mới chỉ nhắm đến họ.

Menjinski biết Stalin muốn gì. Quân của Menjinski - các cán bộ điều tra - đã lấy được từ những kẻ phản động lời khai về quan hệ của họ với cái gọi là "những phần tử hữu khuynh". Đó là hai ủy viên Bộ Chính trị: Chủ tịch ủy ban chấp hành trung ương toàn Nga M.I.Kalinin và Chủ tịch Chính phủ A.I.Rykov. Kalinin thì Stalin biết là không có trọng lượng chính trị gì mấy nên không quan tâm lắm. Nhưng còn Rykov, người đang có uy tín lớn trong nhân dân, thì Stalin bắt đầu lập hồ sơ.

Những người đọc tiểu thuyết "*Nghệ nhân và Margarita*" của M. Bulgakov ngày nay sẽ rất buồn cười khi đọc đến đoạn Nikonor Ivanovich đem nộp ngoại tệ và bị quở trách: "Đất nước thì đang cần ngoại tệ, mà ông thì ngồi với đồng ngoại tệ này hoàn toàn không dùng gì đến nó mà không chịu đem nộp cho Nhà nước".

Khi cuốn sách được xuất bản lần đầu tiên, đoạn này bị cắt vì nó bê y nguyên sự thật vào. Trong những năm đó, nhà nước thu của dân tất cả của cải có thể thu được để tiến hành công nghiệp hóa. Một người có thể bị bắt (thường là do tố giác của hàng xóm hoặc đồng nghiệp) và bị giam giữ cho

đến khi phải giao nộp tất cả những gì mà anh ta cất giữ ở nhà. Khi thành phố hầu như đã chẳng còn gì, người ta bèn tiến về nông thôn. Tiến sĩ kinh tế A.Uliukaev, Phó Giám đốc Viện kinh tế quá độ cho rằng:

"Những gì diễn ra cuối những năm 20 có thể coi là khủng bố, cũng có thể coi là việc thực hiện mô hình thay thế nhập khẩu trong điều kiện đất nước bị cô lập. Lúa mì là phương tiện thanh toán chủ yếu, cho nên được tập trung vào tay nhà nước. Người nông dân không tự nguyện nộp lúa mì cho nhà nước, cho nên chính quyền đã sử dụng các đội thu lương thực và tiến hành đấu tranh chống Ku lắc. Chống Ku lắc, nếu nói bằng ngôn ngữ kinh tế hiện đại, thì đó là một kiểu cưỡng bức phá sản. Do vậy cuộc khủng bố cuối năm 1920 bắt đầu không phải do ác ý (mặc dù cái đó cũng không phải là thiếu), mà trước hết là do những người lãnh đạo nhà nước ta đã thông qua một quyết định đơn giản: ta không có thời gian để thuyết phục tư nhân tự nguyện đóng góp tiền bạc, nên chúng ta phải tập trung toàn bộ dự trữ có được để ném vào phát triển đất nước. Khi giao nhiệm vụ cho những cán bộ tổ chức phong trào nông trang tập thể tháng 1/1930, người ta căn dặn rằng: "Nếu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, các đồng chí có quá tay, thì Đảng sẽ bắt các đồng chí. Nhưng hãy nhớ rằng các đồng chí bị bắt là vì sự nghiệp cách mạng".

Các đảng bộ địa phương trong cả nước thi đua nhau xem ai đạt được mục tiêu tập thể hóa một trăm phần trăm sớm hơn. Người nào có lúa mì thì bị thu - mà đó là những người chủ giỏi giang, cần mẫn nhất. Họ bị dán nhãn hiệu "Ku-lắc" và bị đặt ra ngoài vòng pháp luật.

Chỉ thị ban đầu của M.Kalinin chỉ là đưa họ sang các mảnh đất xấu và tước bớt những phần đất "thừa" của họ. Nhưng sau người ta đi xa hơn, cho thế là chưa đủ.

Bộ máy tuyên truyền thể hiện họ như là những ke gian ác bẩm sinh. Rồi thì thực tế là cướp hết tài sản của họ, cấm họ rút tiền gửi trong các quỹ tiết kiệm. Tất cả những điều này có trong tập một của cuốn tư liệu lịch sử "Nước Nga chưa được biết đến".

Ngày 30/1/1930, Bộ Chính trị ra nghị quyết "Về những biện pháp tiêu diệt kinh tế Ku lắc ở những địa phương đã tiến hành tập thể hóa", trong đó

có nêu dự kiến đưa vào trại cải tạo hoặc bán 60 nghìn chủ hộ kinh tế Ku lặc và di dời gia đình họ, và di dời 150 nghìn gia đình nữa. Nhưng quy mô thực tế của việc thực hiện đã vượt quá con số dự kiến đó.

Tiếp theo sau nghị quyết của Bộ Chính trị, Ủy ban đặc biệt cũng ban hành lệnh ngày 2.2.1930 về việc tiêu diệt Ku lặc như một giai cấp. Cơ quan an ninh có nhiệm vụ lập gấp hồ sơ các đầu sỏ Ku lặc và xem xét các đối tượng được giai cấp Ku lặc cài vào trong các tổ chức phản cách mạng và chống đối. Đa số bị đưa đi cải tạo. Một số nguy hiểm nhất thì xử bắn. Đồng thời di dời những Ku lặc khá giả nhất, địa chủ cũ, cha cố chống chế độ... và gia đình họ về các vùng xa và tịch thu tài sản. Sau hai năm 1930 và 1931, hơn một triệu rưỡi nông dân đã bị đưa vào trại cải tạo hoặc trại lao động của Ủy ban đặc biệt. Nửa triệu tự chạy ra thành phố và công trường.

Còn 2 triệu nữa bị di dời theo diện 3, tức là trong nội tỉnh, nhưng cũng bị tước hết tài sản. Những tài sản bị tịch thu này được đưa vào nhà nước, một phần được chia lại cho nông dân trong làng. Một nửa số nông dân bị di dời đó bị đưa vào làm việc ở các ngành công nghiệp khai thác gỗ, khai khoáng và xây dựng.

Nhằm tăng hiệu lực bắt buộc người dân nộp lương thực, Menjinski đã đề nghị bổ sung một số tội danh như giết gia súc, không hoàn thành kế hoạch gieo cấy, đầu cơ tích trữ lúa mì. Đối với Ku lặc, không hoàn thành nghĩa vụ giao nộp lương thực có thể bị khởi tố. Nhưng nhiều Ku lặc chạy trốn, không đợi đến khi bị khởi tố. Khi đó, để hoàn thành kế hoạch, chính quyền địa phương bèn quay sang "nã" trung nông. Bất kỳ ai nói ra những lời không đồng tình với thực trạng đều bị buộc tội phản tuyên truyền. Ai say rượu đánh nhau với cán bộ địa phương bị quy là "có hành động khủng bố". Theo quy định, tất cả các án tử hình đều phải được báo cáo Bộ Chính trị, nhưng một đạo luật ngày 7/8/1932 lại cho phép ba người lãnh đạo cao nhất của Ủy ban đặc biệt được quyền thi hành án tử hình không cần đợi Bộ Chính trị thông qua.

Chính sách đẩy mạnh công nghiệp hóa và cưỡng bức nông dân vào nông trang tập thể đã đẩy đất nước vào tình trạng nội chiến. Những con người chết đói dở ngán không cho chở lúa mì đi. Nông dân nổi dậy khắp nơi trong

cả nước: năm 1929 có 1300 cuộc, nghĩa là mỗi ngày diễn ra 4 cuộc. Tháng 1/1930 có 125 nghìn nông dân tham gia các cuộc nổi dậy phản kháng, tháng hai có 220 nghìn, tháng ba gần 800 nghìn... Chính quyền chỉ có thể kiểm soát đất nước bằng vũ lực, đã xử tử hàng nghìn người theo các hồ sơ của Ủy ban đặc biệt. Công việc quá nhiều, phải động viên trở lại biên chế các cán bộ cũ của cơ quan an ninh đã chuyển ngành hoặc thôi việc sau kỳ cải tổ Ủy ban đặc biệt lần trước.

Khi nhìn thấy quy mô phản kháng của nhân dân trong nước như vậy, có thể cũng là lúc Stalin và các đồng sự của ông nghĩ rằng cần phải tiến hành thanh lọc đại trà để loại trừ từ gốc tất cả những người mà về lý thuyết có thể không đồng tình với đường lối của Trung ương.

Năm 1933, chế độ hộ chiếu và đăng ký hộ khẩu được ban hành nhằm kiểm soát sự đi lại của nhân dân. Trước năm 1923, nhân dân đi lại từ thành phố này đến thành phố khác sử dụng các giấy tờ khác nhau mà họ có, thường là sổ lao động. Năm 1923, có chứng minh thư thống nhất, nhưng mọi người vẫn xuất trình đủ thứ giấy tờ khác nhau: từ giấy chứng nhận của Sở Nhà đất, chứng minh thư cơ quan đến thẻ Công đoàn viên, thẻ Đảng. Với quyết định của một ủy ban của Bộ Chính trị, đứng đầu là một Phó Chủ tịch Ủy ban đặc biệt (V Balitsky), năm 1932, sau đó là quyết định của Hội đồng dân ủy ngày 28/4/1933, "những công dân thường trú ở các vùng nông thôn có nghĩa là nông dân - không được cấp hộ chiếu, để cho họ không được rời bỏ nông thôn. Quyết định này chỉ đến năm 1974 mới được hủy bỏ.

Một đạo luật ban hành ngày 7/8/1932 quy việc biến thủ tài sản Nhà nước và tài sản công cộng là một tội phạm phải bị tử hình. Đạo luật này được ban hành theo đề nghị cá nhân của Stalin.

Việc tàn phá nông thôn cuối cùng đã dẫn đến nạn đói năm 1932 - 1933. Những người nông dân đói khát lấy trộm lúa về ăn, liền bị Ủy ban đặc biệt áp dụng đạo luật trên, khép tội tử hình.

Trong công nghiệp, tình hình cũng không sáng sủa hơn. Tiền được đầu tư vào các công trình xây dựng dang dở, các xí nghiệp đang làm việc thì không nhận được nguyên liệu và thiết bị. Tài chính suy sụp. Chính phủ tăng giá, in tiền, phân phối lương thực theo tem phiếu.

Các cửa hàng trống rỗng. Thực phẩm trong cửa hàng giao tế được bán bằng ngoại tệ, bằng cả đồ trang sức bằng vàng. Nạn đói năm 1932 - 1933 đã làm chết hàng triệu người.

Về mặt chính trị, cuộc khủng hoảng đó dẫn đến việc uy tín của phái "hữu" tăng lên - có nghĩa là những người trong ban lãnh đạo chủ trương chính sách ôn hòa hơn đối với nông thôn. Đó là Chủ tịch Chính phủ A.I. Rykov, nhà tư tưởng của Đảng N.I. Bukharin và nguyên lãnh tụ Công đoàn M.P.Tomski. Cuộc thanh lọc vẫn tiếp tục diễn ra: từ 1929 đến 1931 đã khai trừ khỏi Đảng 250 nghìn người. Trong Bộ Chính trị, đa số vẫn rất tín nhiệm những người "hữu khuynh", do đó không phải lúc nào cũng xử lý tình hình như Stalin mong muốn. Đặc biệt Stalin rất khó bác lại Rykov - một người có phẩm chất, một nhà quản lý tài năng, hoàn toàn có thể tranh vị trí lãnh đạo cao nhất.

Cũng như với tất cả các đối thủ cạnh tranh khác, Stalin đã xử lý với Rykov bằng sự trợ giúp của cơ quan an ninh.

Menjinski nói với Chicherin - dân ủy ngoại giao:

"Ủy ban đặc biệt có nghĩa vụ phải biết tất cả những gì xảy ra trong nước, từ Bộ Chính trị đến ủy ban nhân dân xã. Và bộ máy của chúng tôi đã phấn đấu để đạt được việc hoàn thành nhiệm vụ đó".

Menjinski có lý do để tự hào về công tác của mình.

Sau 8 năm, ông đã thành lập được một hệ thống cơ quan an ninh tỏa rộng khắp đất nước, đã đè bẹp được các cuộc nổi dậy của người dân trong thời kỳ tập thể hóa, đã tiến hành xét xử một số vụ án gây tiếng vang đối với những tên "phá hoại" nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và thành lập một mạng lưới tình báo khá mạnh ở nước ngoài.

Khác với người tiền nhiệm của mình, Menjinski hiểu rằng cơ quan an ninh cần phải phục vụ đích thân Tổng Bí thư. Dưới thời Menjinski, việc đề bạt cán bộ lãnh đạo cao cấp của Ủy ban đặc biệt do cơ quan Đảng phê duyệt.

Các cán bộ làm công tác an ninh cũng được sàng lọc như đảng viên. Đầu thời kỳ tập thể hóa, còn không đủ cán bộ an ninh để bao quát nông thôn. Cuối thời Menjinski, bộ máy an ninh đã tỏa xuống tận xã.

Menjinski chết sau một cơn đau tim ngày 10/3/1934 tại biệt thự ngoại ô Matxcơva ở vùng Arkhangelskoe, ở tuổi 60. Thi hài ông được chôn ở chân tường điện Kremli.

Stalin tìm người thay Menjinski rất lâu: sau hai tháng, chức vụ của Menjinski mới được chuyển giao cho G.G.Yagoda. Đây là cuộc chuyển giao hoà bình cuối cùng chức vụ Chủ tịch cơ quan An ninh. Từ nay trở về sau, mỗi người mới sẽ bước lên vị trí này sau khi loại bỏ người tiền nhiệm của mình.

THỜI STALIN

CHƯƠNG III

HENRICH GRIGORIEVICH YAGODA

Dân uỷ Nội vụ (7/1934 - 11/1936)

Rubinsk - Thành phố nhỏ ở miền Bắc nước Nga là quê hương của hai vị Chủ tịch KGB là Andropov và Yagoda.

Henrich Grigorievich Yagoda sinh tại đây ngày 7 tháng 11 năm 1891. Cha ông - Grigori Philippovich - là em con chú con bác của Mikhail Sverdlov - cha của Yakov Sverdlov. Nói cách khác cha ông là chú họ của Sverdlov (Chủ tịch Xô viết tối cao và Bí thư Trung ương Đảng thời Lenin).

Năm 1919, khi Sverdlov mất, Stalin thay Sverdlov giữ chức Bí thư Trung ương Đảng.

Gia đình H.G. Yagoda có 5 chị em gái và 3 anh em trai. Hai người anh trai của ông bị chết cả - một người bị lính cô-dắc giết chết trong một cuộc xung đột, còn người khác bị bắt đi lính cho Kolchak (Tướng Bạch vệ - ND) và bị xử bắn cùng với một số người khác vì không chịu bắn vào công nhân.

Ông vào Đảng năm 1907, sau cuộc Cách mạng Nga lần thứ nhất lúc mới 16 tuổi, khi mà nhiều người làm điều ngược lại là ra khỏi Đảng vì thất vọng về cuộc cách mạng.

Tại Nijni Novgorod trên sông Volga, ông đã làm quen với nhà văn vô sản Maxim Gorki và hai người chơi thân với nhau suốt cả về sau này. Yagoda làm việc ở nhà in bí mật của Đảng, bị bắt năm 1911, ngồi tù hai năm, sau đó chuyển về Petrograd làm ở quỹ bảo hiểm của Nhà máy Putilov. Năm 1915 bị gọi đi lính, bị thương.

Ông đã từng chiến đấu ở các mặt trận phía Nam và Đông - Nam. Tại Saritsun, ông đã gặp Stalin, được Stalin chú ý vì tính năng động, sáng tạo. Ông và Agranov sau này sẽ được Stalin đưa về làm Dân uỷ và Thứ trưởng thứ nhất Cơ quan dân uỷ nội vụ.

CON CUNG CỦA DZERJINSKY

Thành phần ban lãnh đạo Ủy ban đặc biệt do Lê nin phê chuẩn ngày 29/7/1920 gồm 13 người là: Dzerjinsky, Kedrov, Peters, Avanesov, Ksenofontov, Mansev, Latsis, Messing, Menjinsky, Yagoda, Kornev. Chỉ có Dzerjinsky và Menjinsky ốm chết, còn những người khác số phận sẽ do Stalin định đoạt.

Yagoda làm Chánh Văn phòng Ủy ban đặc biệt, là cánh tay phải của Dzerjinsky, rất được Dzerjinsky tín nhiệm. Năm 1923, Dzerjinsky đề bạt Yagoda làm Phó Chủ tịch thứ hai của Ủy ban đặc biệt. Khi Menjinsky được thăng chức, Yagoda thay Menjinsky làm Cục trưởng Cục đặc biệt, theo dõi nội tình quân đội, sau đó lãnh đạo toàn bộ công tác tình báo.

Trotsky vẽ lại bức chân dung Yagoda khi đến báo cáo tình hình với ông là "một anh chàng gầy gò, da mặt xam xám (Yagoda mắc bệnh lao), ria mép tía ngấn, gây ấn tượng về một con người rất chính xác và rất có lễ độ".

Sau khi Dzerjinsky mất, Menjinsky trở thành Chủ tịch Ủy ban đặc biệt vì hơn những người khác trong ban lãnh đạo cả về tuổi đời, tuổi Đảng và kinh nghiệm công tác. Nhưng Yagoda cũng trở thành không những là Phó thứ nhất của Menjinsky mà còn là lãnh đạo thường trực của cơ quan, lãnh đạo bộ máy, điều hành các công việc tác chiến vì Menjinsky ốm đau luôn. Yagoda còn trực tiếp lãnh đạo Cục tác chiến bí mật, tức là phụ trách các vấn đề chính trị, mà cụ thể hơn nữa là vấn đề đấu tranh với các phần tử chống Liên Xô.

Năm 1930, Yagoda nhận Huân chương CỜ ĐỎ thứ hai. Sau này, do công lao trong việc xây dựng kênh đào Belomor - Bantich, ông còn được tặng thưởng Huân chương Lênin.

Nhưng con đường đi lên của Yagoda không phải suôn sẻ. Hoá ra trong nội bộ cơ quan, Yagoda có nhiều kẻ thù. Phó Chủ tịch ủy ban là M.Trissler chống lại ông, nhưng đã bị Stalin chuyển đi nơi khác. Cục trưởng Cục tác chiến bí mật Evdokimov và Cục trưởng Cục công tác nước ngoài Messing và Cục phó Cục tình báo Artuzov cũng không phục ông. Đến lúc đó, Stalin bắt đầu để ý xem vấn đề ở chỗ nào. Năm 1931, Yagoda từ Phó Chủ tịch thứ nhất bị chuyển xuống làm một trong mấy Phó Chủ tịch thứ

hai. Ivan Akulov lên làm Phó Chủ tịch thứ nhất ủy ban, nhưng một năm sau đó được cử đi làm Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Ucraina.

Yagoda vẫn không được đề bạt trở lại làm Phó Chủ tịch thứ nhất ủy ban, nhưng tại đại hội Đảng được bầu vào Trung ương. Đó là dấu hiệu ông đã được Stalin chú ý.

Ngày 10/5/1934 Menjinsky chết vì bệnh suy tim. Hai tháng trời Yagoda ở trong trạng thái chờ đợi căng thẳng, vì nhiều ứng cử viên được xem xét lựa chọn thay thế Menjinsky. Cũng trong thời gian này, Trung ương xem xét việc cải tổ Ủy ban đặc biệt thành Cơ quan dân ủy nội vụ, và cuối cùng, ngày 10/7/1934 đã đề bạt Yagoda làm Dân ủy nội vụ.

Cơ cấu của Cơ quan dân ủy nội vụ khác với Ủy ban đặc biệt ở chỗ các đơn vị phụ trách công tác tình báo, phản gián, đấu tranh với các lực lượng đối lập và bảo vệ lãnh đạo được thống nhất làm một thành Tổng cục An ninh quốc gia do một Thứ trưởng thứ nhất là I.S.Agranov lãnh đạo. Tuy nhiên lúc đó, nhiều người thấy rằng tính độc lập của Cơ quan dân ủy nội vụ bị giảm bớt so với Ủy ban đặc biệt, nhất là chức năng thanh trừng.

Cơ quan dân ủy Nội vụ không có quyền tuyên án đa số các vụ án chính trị như trước nữa, Hội đồng xét xử của Ủy ban đặc biệt cũng bị giải thể, các vụ việc điều tra từ nay chuyển sang tòa án để xét xử và tuyên án. Về hình thức, có vẻ như pháp luật đã thăng thế một bước. Năm 1934, Yagoda tự thành lập các Tòa án cấp tỉnh và khu để xét xử các vụ phạm tội trong các trại cải tạo, không xin ý kiến Trung ương. Quyết định này đã bị Phó viện trưởng Viện kiểm sát tối cao Liên Xô A.I.Vyshinsky kháng nghị. Bộ Chính trị bèn huỷ bỏ quyết định của Yagoda. Nhưng sự suy yếu quyền hạn này của Yagoda chỉ diễn ra cho đến ngày 11/2/1934.

Sau đó, Yagoda đã lập ra chế độ phong hàm cho các sĩ quan Tổng cục An ninh từ thiếu úy cho đến cao ủy An ninh quốc gia bậc Một. Các hàm cấp an ninh đó có giá trị suốt đời, chỉ Tòa án mới có quyền tước các hàm đó. Cán bộ lãnh đạo của Tổng cục an ninh quốc gia không thể bị bắt nếu không được phép của Dân ủy Nội vụ. Ngày 26/11/1935, Yagoda được phong hàm Tổng cao ủy An ninh quốc gia (tương đương Nguyên soái trong

quân đội), tại đại hội 17 của Đảng được bầu làm ủy viên Trung ương, Yagoda bắt đầu nổi tiếng trong nước.

Chính ông đã có sáng kiến biến hệ thống các trại cải tạo thành một lực lượng sản xuất hùng hậu. Đằng sau hàng rào thép gai là bao nhiêu nhân công lao động không phải trả tiền, không dám từ chối những công việc nặng nhọc hoặc ca kíp, không dám phản đối việc kéo dài ngày lao động hoặc đòi hỏi tôn trọng những quy tắc an toàn lao động. Một Nghị quyết của Hội đồng dân ủy giao cho Cơ quan dân ủy Nội vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế đối với các vùng ngoại vi của Liên bang giàu tài nguyên thiên nhiên. Căn cứ theo lô-gích của Nghị quyết này, có thể hiểu rằng càng nhiều tù nhân thì thành tích kinh tế của Cơ quan dân ủy nội vụ sẽ càng to lớn. Trong một công lệnh của Dân ủy nội vụ Yagoda có nói: " Các chiến sĩ an ninh là những người nhiệt tình bắt tay vào bất kỳ nhiệm vụ mới mẻ nào. Bằng nghị lực và nhiệt tình, họ đã phát triển công nghiệp và văn hoá vùng cực Bắc. Các trại mới dưới sự quản lý của Cơ quan dân ủy Nội vụ - công lệnh nói tiếp - sẽ phải đóng vai trò quan trọng trong việc mở mang kinh tế và văn hoá của các vùng xa".

V F.Nekrasov - Trung tướng, Giáo sư, tác giả một cuốn sách viết về các Dân ủy Nội vụ nói về Yagoda:

"Yagoda đã gần ấy năm làm việc với Dzerjinsky, kề vai sát cánh, được Dzerjinsky rất tin tưởng. Yagoda làm việc quần quật như một con trâu, rất nhanh chóng nắm bắt bản chất sự việc. Tôi đã đọc các tài liệu cũ, các văn bản lệnh của Yagoda. Có một bức thư gửi đến Yagoda tố cáo một ông giám đốc hay thủ trưởng đơn vị nào đó bực tức vì kế hoạch sản xuất không hoàn thành, đã phạt các công nhân - tù nhân bằng cách bắt họ mặc quần áo lót ra đứng ngoài trời tuyết, kể cả phụ nữ."

Yagoda phê vào đơn: "Sao lại có những cán bộ thô bạo đến thế", và chỉ thị điều tra ngay sự việc.

M.P. Shreider, từng công tác ở Ủy ban đặc biệt, kể lại trong hồi ký một nhận xét đáng chú ý sau đây về Yagoda. Theo ông, Yagoda là một nhà quản lý kinh tế và nhà tổ chức giỏi. Tù nhân thời ông lãnh đạo đã xây dựng được

một số công trình kinh tế quan trọng như kênh đào Belomor - Ban tích. Các nhà tù và trại cải tạo cuối những năm 20 đầu những năm 30 ít lộn xộn nhất.

Công tác giáo dỡng và cải tạo trẻ bơ vơ và tội phạm chưa đến tuổi thành niên bắt đầu từ thời Dzerjinsky được ông tiếp tục tốt.

Yagoda sống ở số nhà 9, phố Markhlevsky, nơi nhiều cán bộ an ninh được phân căn hộ. Nhà Yagoda là nơi nhiều nhà văn, nhà báo thường hay đến tụ tập chơi, vì Yagoda là anh em cọc chèo với L.L.Averbakh - Tổng thư ký Hội nhà văn. Báo chí thời ấy viết nhiều về những thành tích xây dựng các công trình kinh tế quốc dân có sử dụng lao động tù nhân. Năm 1928, khi Maxim Gorki đi nghỉ ở Ý về, biết Gorki yêu trẻ em, Yagoda khoe với nhà văn về công tác giáo dỡng trẻ hư hỏng. Đối với cấp dưới - Shreider viết tiếp - Yagoda không chịu được những sự phản đối, mà chỉ thích được ca tụng. Ông ta thường tổ chức nhậu nhẹt tại nhà với những đệ tử chuyên bợ đỡ ông để cùng nhau ăn mừng thắng lợi. Nói chung Yagoda là một người háo danh. Ngày 20/12/1927, dịp kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Ủy ban đặc biệt, các đơn vị của Bộ Nội vụ tổ chức liên hoan tại những khách sạn sang trọng nhất Matxcova khi đó là "National", "Sa va" và "Grand-Hotel". Yagoda đi ô tô ghé vào từng khách sạn nâng cốc chúc mừng và ngồi vui với mỗi đơn vị một lúc.

Uy tín của Yagoda từ đầu những năm 30 ngày càng tăng. Về lực lượng, Cơ quan dân ủy Nội vụ quản lý một số lượng đông đảo kỹ sư và nhân viên kỹ thuật trong số các tù nhân. Các hội nghị cán bộ an ninh bắt đầu được tổ chức hàng năm ở Điện Kremli dưới sự chủ trì của Stalin. Stalin muốn qua việc đó để khẳng định vai trò lãnh đạo tối cao đối với lực lượng an ninh. Dần dà, cán bộ an ninh các cấp trở nên coi nhẹ vai trò của các cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương.

Ngày 11/2/1934, ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ và Thành uỷ Leningrad, Bí thư Đảng bộ vùng Tây-bắc, một nhà lãnh đạo hàng đầu của Đảng - Sergei Mironovich Kirov bị giết hại.

Vụ ám sát này đã không được điều tra đến nơi đến chốn, mặc dù các nhà điều tra và nhà nghiên cứu đã lập các ủy ban tiến hành công việc này nhiều lần, nguyên nhân vì sao?

Vụ ám sát Kirov năm 1934 rất giống với vụ ám sát Tổng thống Mỹ J.Kennedy năm 1963. Trong cả 2 trường hợp đều chỉ có những chứng cứ tội lỗi của bản thân kẻ giết người, và đều có cơ sở để giả thiết rằng kẻ giết người hành động không phải đơn thương độc mã, mà là cả một âm mưu có tổ chức.

Kẻ giết Kirov là Leonid Nicolaev - nguyên cán bộ Đảng chuyên nghiệp, một người tâm thần bất ổn. Ông ta dùng súng lục bắn vào gáy Kirov cách phòng làm việc của Kirov ở Smolny có vài bước.

M.V. Rosliakov, nguyên Giám đốc Sở Tài chính Leningrad, đã từng ngồi tù và có viết hồi ký, là người vào thời điểm Kirov bị giết đang ngồi họp trong phòng làm việc của Phó Bí thư Tỉnh uỷ Leningrad là M.S.Chudov, kể lại rằng vào lúc bốn giờ rưỡi chiều mọi người nghe thấy hai tiếng súng, liền chạy bổ ra hành lang và nhìn thấy Kirov đang nằm bất động trên mặt đất, và cạnh đó một người cầm khẩu súng lục đang vật vã lăn lóc. Người ta khiêng Kirov vào phòng Chudov và gọi bác sĩ, nhưng bác sĩ kết luận Kirov đã chết. Người ta gọi điện về Matxcơva báo cáo, còn Nicolaev thì bị đưa vào phòng tạm giam.

Ngày hôm sau Stalin đến Leningrad. Cùng đi với Stalin có Molotov - Thủ tướng Chính phủ, Voroshilov - Dân uỷ Quốc phòng và A.Jdanov - Bí thư Trung ương mới mà sau đó vài ngày được đề bạt làm Bí thư Tỉnh uỷ Leningrad thay Kirov. Cùng đi với những người lãnh đạo cao cấp còn có Thủ trưởng các cơ quan chức năng:

Viện trưởng Viện kiểm sát Cộng hòa Liên bang Nga A.Vyshinsky, Phó Chủ tịch ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng N.I.Ejov, Dân uỷ Nội vụ Yagoda và Thứ trưởng thứ nhất Cơ quan dân uỷ Nội vụ Agranov.

Sự việc đã diễn ra như sau: Khi Kirov đến Điện Smolny, ông lên tầng ba, đi dọc theo hành lang dài và rẽ vào một đoạn hành lang nhỏ - ở đó có phòng làm việc của ông. Bảo vệ riêng của Kirov là Iu. Borisov đi sau Kirov, nhưng đến một lúc bị tụt lại sau. Trong hành lang ngách rẽ vào phòng làm việc của Kirov nhẽ ra phải có một trạm canh gác, nhưng không có. Do đó mà Kirov một mình đối mặt với thủ phạm ở góc hành lang.

Giáo sư, Tiến sĩ sử học V.P Naumov, người đã nghiên cứu kỹ hoàn cảnh vụ ám sát Kirov, nói: "Không thể hiểu được tại sao một người lạ có thể lảng vảng ở cái hành lang nơi mà mọi người có thể nhìn thấy rõ ai đi qua đi lại này. Đây là khu vực người không có phận sự không thể vào được".

Tôi hỏi:

- Nếu giả sử người bảo vệ không tụt lại sau, mà vào lúc đó có mặt ở bên cạnh Kirov và bắn chết kẻ giết người để cứu Kirov, thì lịch sử nước ta đã ít bị đẫm máu hơn.

Naumov trả lời:

- Không, việc phải diễn ra thế nào cũng diễn ra. Mọi sự đã được tính toán kỹ. Kirov nói chung không thích bảo vệ lúc nào cũng kè kè bên cạnh ông, do đó mà Borisov chỉ cách sau ông hai bước, thì đến chỗ rẽ vào hành lang ngách, thế nào cũng có một lúc Kirov một mình đối diện với kẻ lạ mặt. Kẻ thủ phạm bắn vào Kirov ở một vị trí và một góc độ thuận lợi nhất cho hắn, khiến cho Kirov khó mà thoát được. Mọi chi tiết đã được tính toán kỹ càng. Liệu ông Nicolaev dờ khôn dờ dại có thể soạn thảo toàn bộ kịch bản đó một mình không, hay là với sự giúp đỡ của một ai đó kinh nghiệm hơn, tinh vi hơn?"

Sau này người ta được biết rằng, Nicolaev đã có cơ hội để giết Kirov không phải chỉ một lần, rằng ông ta đã mang súng theo người thường xuyên, lại lên đạn sẵn, và ông ta lọt được vào Smolny một cách tương đối dễ dàng.

Ngày hôm đó, Kirov đến Smolny tương đối bất ngờ. Ở cơ quan không ai biết ông có sẽ đến hay không, và nếu đến thì khi nào. Nghĩa là Nicolaev đã được biết là Kirov đang trên đường đến Smolny.

Một tháng rưỡi trước đó, Nicolaev đã bị bắt giữ ở cạnh nhà của Kirov trên đại lộ Bình minh hồng, bị hỏi cung, nhưng sau đó được thả. Khrushchov cho biết Nicolaev bị bắt giữ hai lần. Nhưng theo Tiến sĩ sử học O.V. Khlevnhuk, hồ sơ tài liệu cho thấy Nicolaev chỉ bị bắt giữ một lần ở gần nhà ở của Kirov và các vị lãnh đạo khác của Tỉnh uỷ.

Khu vực đó hay có những người mang đơn, thư khiếu nại đến. Công an vây bắt họ, nhưng không tống giam, mà chỉ thuyết phục, giải thích rồi thả.

Mà Nicolaev bị bắt giữ mang vũ khí trong người! Thời bấy giờ, một cố nhỏ hơn như thế nhiều cũng đủ để bị giam. Mà vũ khí, nhất là súng lục lúc đó rất khó kiếm. Vậy mà Nicolaev vẫn được thả!

Các cuộc điều tra cho biết rằng Nicolaev đã chuẩn bị một cách nghiêm túc cho vụ mưu sát. Ông ta tập bắn, đạn thì nhận ở cơ sở luyện tập "Dinamo" của Bộ Nội vụ.

Leonid Vassilievich Nicolaev sinh năm 1904, lúc bé là một đứa trẻ ốm yếu, sớm mồ côi cha, gia đình túng thiếu. Sự nghèo khổ của gia đình và sự ốm yếu của bản thân đã để lại dấu ấn trong tâm lý và tinh thần ông ta.

Luôn luôn, ông ta là người thất bại, không may mắn.

Trong 15 năm, ông ta thay đổi 11 chỗ làm việc. Ông ta làm thợ tiện, rồi được lấy lên quận làm Quận đoàn thanh niên Viborg, thành phố Leningrad. Ông ta làm được ba tháng ở Ban Công nghiệp của Thành ủy, nhưng không hoà hợp với đồng sự và bị chuyển về làm ở Ban thanh tra công - nông của Tỉnh ủy. Nhưng rồi người ta cũng không chịu được ông. Khi tổ chức đề xuất đưa ông về làm công tác chính trị ở Sở giao thông vận tải, ông từ chối. Người ta bèn không chỉ cho ông thôi việc mà khai trừ khỏi Đảng. Sau đó ông được khôi phục Đảng tịch. Đó là vào năm 1934.

Nhưng ông vẫn không tìm được việc làm. Là một Đảng viên, ông được Quận ủy đề xuất mấy chỗ, nhưng ông đều chê lương thấp, phàn nàn là bị đối xử không công bằng, và yêu cầu được gặp lãnh đạo để trình bày.

Vợ ông là Milda Petrovna, làm việc ở Văn phòng Tỉnh ủy, thường hay trực đêm và có khi cả ngày chủ nhật.

Nghe nói Kirov để ý và có cảm tình với người phụ nữ xinh xắn này. M.V. Rosliakov, người đã được nhắc đến ở trên, từng cũng công tác ở Tỉnh ủy cho rằng không có mối tình nào giữa Kirov và vợ Nicolaev cả. Song một số người vẫn cứ nói bóng gió với ông ta về điều đó.

Sự thật, liệu có phải Kirov có chuyện gì với người phụ nữ kia không? Giả thuyết về việc Nicolaev đã bắn Kirov vì ghen tuông đúng đến đâu? Về vấn đề này, Tiến sĩ sử học Khlevnhuk cho rằng:

- Không loại trừ là con người thần kinh không được khoẻ mạnh, bị cuộc đời hắt hủi này, mâu thuẫn với tất cả và đã từng viết thư cho chính Kirov đề

ngợi nhận ông ta về làm việc và giúp đỡ, bỗng nhiên quyết định trả thù con người mà ông ta cho là may mắn hơn ông ta một trời một vực.

Còn Giáo sư Naumov thì có ý kiến: Kirov là người đàn ông đang độ sung mãn. Cũng có thể ông có thể hiện sự quan tâm nào đó đối với Milda. Nhưng nói chung là giả thuyết này xuất hiện về sau này, và tôi cho rằng do Bộ Nội vụ tung ra.

Sau khi giết Kirov, Nicolaev sống thêm được gần 1 tháng. Toà quân sự của Toà án tối cao tuyên cáo tội và đem ông ta đi xử bắn, cùng với 13 người thuộc phe đối lập. Và sau đó hai tuần nữa - tháng 1/1935 - người ta bắt và đưa ra xét xử "những kẻ tổ chức vụ ám sát Kirov". Đó là: G.E.Zinoviev - nguyên ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Tỉnh ủy Leningrad, nguyên Chủ tịch Ban chấp hành quốc tế Cộng sản, L.B.Kamenev - nguyên ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng lao động và quốc phòng, G.E.Evdokimov - nguyên ủy viên Ban tổ chức, Bí thư Trung ương Đảng, P.E.Zalutsky - nguyên ủy viên Ban tổ chức, Bí thư Đảng bộ ngoại thành Leningrad, và 11 người nữa đã từng cùng phe với Zinoviev. Họ đều đã từ bỏ chính trường, nhưng Stalin nhớ không quên từng người nào đã một lần cản trở ông.

Hai tuần sau khi Kirov bị ám sát, tất cả họ đều bị bắt, và bị khai trừ khỏi Đảng. Năm 1935, Zinoviev và những đồng sự của ông bị kết án tù ở các mức khác nhau. Đây đã là bước đầu tiên chính quyền đặt những người đối lập ngang bằng về mặt tội trạng với những kẻ khủng bố và tội phạm hình sự.

Bản thân Zinoviev không hiểu nổi điều gì đang xảy ra. Năm 1935, ngồi trong tù, ông còn viết thư cho Stalin: "Tôi ngắm nhìn giờ lâu ảnh đồng chí và ảnh các ủy viên khác của Bộ Chính trị đăng trên báo và nghĩ: "Các đồng chí thân mến ơi, hãy nhìn vào tâm tôi. Chẳng nhẽ các đồng chí không thấy rằng tôi nào phải kẻ thù của các đồng chí, toàn bộ thể xác và tâm hồn tôi là thuộc về đồng chí".

Nhưng những bức thư như thế không làm Stalin động lòng. Ông có bao giờ là người đa sầu đa cảm? Hơn nữa, về mặt lý trí, tất cả những ai mà ông đã ra lệnh xử bắn, trong con mắt ông đều là tội phạm, kẻ thù của nhân dân.

Ông không cần đến sự xác nhận về mặt pháp lý tội trạng của họ. Tự ông quyết định: ai có tội, ai không.

Khi Stalin đến Leningrad sau khi Kirov bị ám sát, ông ra lệnh cho ủy ban chính phủ lục lại toàn bộ hồ sơ lưu trữ liên quan đến vụ việc. Trong các hồ sơ đó, người ta tìm thấy thư của M.N.Volkova, một phụ nữ làm công việc quét dọn kiêm nhân viên mật vụ, báo cáo với cơ quan an ninh trung ương rằng ở Leningrad đang chuẩn bị tiến hành mưu sát Kirov, Voroshilov và Molotov. Một sĩ quan của Cục đặc biệt Bộ Nội vụ đã gặp chị để thẩm vấn. Nhưng sau khi hồ sơ được đưa lên trên để kiểm tra thì kết luận là những khai báo của Volkova không có cơ sở thực tế, M.N.Volkova thần kinh không bình thường, còn người sĩ quan thì sau đó bị cải tạo giam một thời gian vì mất cảnh giác cách mạng. . .

Sự dính líu của Zinoviev và Kamenev - hai cựu ủy viên Bộ Chính trị và cộng sự gần gũi của Lê nin - với cái chết của Kirov là điều lúc đó ít ai nghi ngờ. Cả những Nga kiều lưu vong năm 1934 cũng tin rằng việc giết Kirov là âm mưu của phe đối lập. Một năm sau khi Zinoviev, Kamenev và những người đối lập bị tình nghi bị bắt, toà quân sự của Toà án tối cao xem xét lại hồ sơ vụ án và ngày 24/8/1936 tuyên án tử hình tất cả họ.

Ngay đêm hôm đó, bản án được thi hành. Có mặt tại cuộc xử bắn có Dân ủy Nội vụ Yagoda và người sẽ thay thế ông ta sau này, lúc đó là Bí thư Trung ương Đảng N.I.Ejov. Vô những viên đạn đã bắn vào Zinoviev và Kamenev sẽ được Ejov để trên bàn làm việc để làm kỷ niệm.

Trong cuộc họp kín nổi tiếng tại Đại hội 20 của Đảng, Khrushchov phát biểu rằng Stalin có dính líu đến việc ám sát Kirov. Ý kiến đó dựa trên cơ sở nào?

Quả thật, những dấu hiệu gián tiếp chứng tỏ sự dính líu của Stalin đến vụ ám sát không phải là ít.

Tại một cuộc họp Trung ương sau khi Kirov bị giết, N.I.Bukharin nói rằng vụ này là do bàn tay của phái Zinoviev. Stalin lập tức chỉnh lại rằng đây chỉ là một giả thuyết, mới chỉ có 7, 8 ngày sau khi sự việc xảy ra, còn sớm để kết luận. Còn A.I.Mikoian thì viết trong hồi ký rằng ngay sau khi

được tin Kirov bị ám sát, Stalin nói ngay rằng đây là âm mưu của Zinoviev. Có cảm tưởng rằng Stalin đã sẵn sàng với cái tin về việc Kirov bị giết.

Không thể có chuyện Stalin quên được ông nói điều đó khi nào, chỉ có điều ông không muốn nói ra trước mọi người ở cuộc họp, mà muốn rằng những điều ông nói phải là kết quả của việc điều tra.

Cũng có những người cho rằng Stalin không biết cụ thể về việc ai giết Kirov.

Ý kiến của Giáo sư Naumov:

- Tôi bác bỏ khả năng Nicolaev bắn chết Kirov một cách tự ý và tình cờ. Đây là giả thuyết mà KGB luôn bảo vệ, để giữ uy tín cho Stalin. Năm 1956, Khrushchov có giao cho Chủ tịch KGB là Serov tiến hành điều tra lại vụ án. Một số nhân chứng vẫn còn sống sót. Nhưng Serov đã bỏ lỡ cơ hội tìm ra sự thật. Trong quá trình điều tra, Serov chủ yếu gây sức ép để hướng các nhân chứng khẳng định lại những lời khai trước đây của mình.

- Thế liệu có một tài liệu mật hoặc một chứng cứ nào đó thật tin cậy chỉ ra mối liên hệ của Stalin với sự việc hay không - Tôi hỏi.

Giáo sư Naumov:

- Mọi người đều bảo: hãy cho xem dù chỉ một tờ giấy có ghi việc Stalin chỉ thị cho Yagoda làm gì đó đối với Kirov. Làm gì có những tài liệu như thế? Không thể có được! Chúng ta biết Stalin là người rất thận trọng. Trên các tài liệu, văn kiện, Stalin viết ý kiến hoặc chỉ thị của mình vào một mảnh giấy, kẹp vào, chỉ khi cần bày tỏ quan điểm hoặc ý kiến rõ ràng, chính thức thì mới phê vào tài liệu hoặc viết hẳn thành chỉ thị riêng. Còn những người công tác gần gũi thì đón ý thủ trưởng dựa theo tâm trạng hoặc những lời nói hàm ý. Stalin không hề khờ, cũng không ngây thơ. Cục trưởng Cục cảnh vệ Pauker và trợ lý Poskrebyshev hàng ngày lĩnh hội ý kiến Thủ trưởng và báo cáo lại với Dân ủy Nội vụ. Có khi Stalin ra xe, vừa ngồi vào ô tô vừa dặn thêm điều gì đó rồi mới đóng cửa xe. Những điều dặn thêm đó có khi lại rất quan trọng.

Giáo sư Naumov cho rằng lãnh đạo "chiến dịch Leningrad" là Thứ trưởng Thứ nhất Bộ Nội vụ Yakov Agranov. Người này thời kỳ nội chiến đã từng ở cùng với Stalin, rất được Stalin tin cậy. Trong phòng làm việc của

Stalin ở Điện Kremli, các cuộc tiếp khách đều được ghi biên bản. Nhưng còn những cuộc nói chuyện kín, mang tính chất tin cậy nhất thì diễn ra ở nhà nghỉ.

Agranov là người hiểu Stalin từ câu nói bóng gió trở đi.

Chi tiết đáng chú ý: báo cáo về vai trò của tập đoàn Zinoviev trong vụ ám sát Kirov do Agranov viết, chứ không phải Dân ủy Nội vụ Yagoda hay Chủ tịch ủy ban điều tra, Bí thư Trung ương Đảng Ejov.

Nicolaev - kẻ giết Kirov - không phải là ứng cử viên duy nhất cho nhiệm vụ này (cơ quan an ninh đã cân nhắc cả những ứng cử viên khác), và chỉ là một mắt xích của một kế hoạch lớn sau khi giết Kirov. Ban đầu, Dân ủy Nội vụ Yagoda tìm bằng chứng chứng tỏ sự dính líu của Bạch vệ trong vụ giết Kirov, nhưng bị Stalin quở trách "Đừng có làm mất thời gian?". Yagoda không biết rằng trong thâm tâm Stalin đã thông qua một quyết định khác rồi.

O.G.Shatunovskaia, Ủy viên Ban kiểm tra Trung ương Đảng thời Khrushchov và là thành viên ủy ban đầu tiên của Đảng nghiên cứu các sai lầm của Stalin (một số đoạn hồi ký của bà đã được đăng trên "Báo chung" năm 1997) kể rằng chính bà đã nhìn thấy trong giấy tờ lưu trữ của Stalin một tờ giấy, trên đó Stalin vẽ hai trung tâm Matxcơva và Leningrad, và một mũi tên nối nhóm Zinoviev với trung tâm Leningrad. Shatunovskaia còn kể rằng người lính gác phòng giam Nicolaev năm 1934 đã chứng kiến Stalin gọi Nicolaev vào hỏi cung.

Nicolaev phàn nàn với Stalin:

- Suốt bốn năm nay các nhân viên an ninh không buông tha tôi, họ thuyết phục tôi rằng vì lợi ích của Đảng phải bắn chết Kirov, và hứa sẽ bảo toàn tính mạng cho tôi. Người ta đã bắt tôi hai lần, và đều thả tôi. Thế mà bây giờ, khi tôi đã làm xong công việc vì lợi ích của Đảng, thì người ta lại muốn giết tôi. Tôi biết rằng người ta không tha tôi đâu.

Người cận vệ của Kirov là Iu.Borisov thì không có điều kiện để hỏi cung, vì anh ta chết sau Kirov có một ngày. Trong khi người ta đưa gập anh ta đến gặp Stalin lúc đó vừa mới đến Leningrad, thì Borisov bị chết khi

chiếc xe chở anh ta bị tai nạn trên đường. Borisov bị vỡ đầu chết ngay, trong khi mấy người khác cùng ngồi xe với anh không ai bị chết cả.

Câu hỏi: Tại sao Kirov bị chọn làm đối tượng thủ tiêu?

Giáo sư Naumov trả lời:

- Cho đến nay, ý kiến chung cho rằng Sergei Mironovich Kirov cầm đầu phái theo quan điểm tự do hơn, đối lập với Stalin, và rằng số đông trong Đảng lúc bấy giờ muốn Kirov thay thế Stalin trên cương vị lãnh tụ Đảng. Tuy vậy, trong cuốn sách viết về mối quan hệ trong nội bộ Bộ Chính trị những năm 20 và 30, Tiến sĩ sử học Oleg Khlevnhuk lại cho rằng việc coi Kirov là người đứng đầu phái hữu trong Bộ Chính trị, dám tranh cãi với Stalin, và trong Đảng muốn Kirov thay Stalin chỉ là những huyền thoại. Nếu ta nghiên cứu kỹ các tài liệu về cuộc đời của Ordjiniđze - một nhà lãnh đạo cũng kết thúc một cách bi kịch: rút súng tự sát, nghe nói sau một cuộc tranh cãi và xung đột với Stalin, thì ta thấy rằng bằng chứng về mâu thuẫn giữa Ordjiniđze và Stalin có rất nhiều. Trong khi đó, không thấy ở đâu nói về việc Kirov mâu thuẫn với Stalin. Các phát biểu của Kirov đều không có chỗ nào đi ngược lại với đường lối của Đảng do Stalin vạch ra cả. Hơn nữa, năm 1929, chính Stalin đã đưa Kirov từ Ngoại Kavkaz về lãnh đạo Tỉnh ủy Leningrad thay Zinoviev, và khi các quan chức Đảng phê phán Kirov không phải là người Bôn-sê-vich và đề nghị cách chức ông, Stalin đã đứng ra bênh vực Kirov. Do đó, Stalin và Kirov là không phải là hai đại lượng bằng nhau, Kirov không phải là đối trọng của Stalin. Tuy nhiên, mọi người đều nhớ rằng tại Đại hội 17 của Đảng, Stalin không thu được số phiếu áp đảo vì nhiều đại biểu đã không bỏ phiếu cho ông mà bỏ phiếu cho Kirov. Tóm lại, D.Khlevnhuk cho rằng việc Stalin sai giết Kirov là một khả năng. Không có đầy đủ cơ sở để kết luận.

Đúng thế hay không, nhưng rõ ràng việc ám sát Kirov đã được Stalin khai thác một cách triệt để.

Tôi hỏi:

- Nhưng bao nhiêu người đã bị thủ tiêu có cần phải có gì đâu, mà đây thì cả một loạt sự việc được dàn dựng kỹ lưỡng?

Giáo sư Naumov:

- Cho đến thời điểm ám sát Kirov, cả một nền tảng pháp lý đã được xây dựng để triển khai các cuộc khủng bố quy mô lớn. Chỉ còn cần cơ để mở máy.

Sau cái chết của Kirov, như có một trận cuồng phong đẫm máu đi qua cả nước.

Ngày 8/6/1934, Hội đồng Chấp hành Trung ương toàn Nga bổ sung vào "Nghị định về các tội phạm quốc gia và tội phản cách mạng" các điều khoản về tội phản quốc, theo đó các hành động "làm gián điệp, tiết lộ bí mật quân sự hoặc bí mật quốc gia, chạy sang hàng ngũ địch, trốn hoặc vượt biên", đều bị coi là "phản quốc" và bị xử tử. Nếu người mắc tội là quân nhân, thì cả gia đình còn phải bị đày về vùng xa năm năm. Một luật về bảo vệ bí mật quốc gia cũng được ban hành, quy định từ 8 đến 12 năm tù đối với việc bảo quản cầu thả tài liệu mật. Đánh mất tài liệu thì coi như là đại họa đối với công chức.

Ngày hôm sau khi xét xử và tử hình Nicolaev, Stalin phổ biến tới tất cả các ủy viên Bộ Chính trị bức thư của ông gửi các đảng bộ: "Những bài học qua những sự kiện liên quan đến việc giết hại đã man đồng chí Kirov". Bức thư trở thành nền tảng tư tưởng cho công tác của Cơ quan dân ủy Nội vụ.

Tháng 12/1934 Hội đồng Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết về việc đẩy nhanh việc xử lý các vụ bị buộc tội khủng bố. Theo Nghị quyết này, không chấp nhận ân xá đối với tội khủng bố, còn án tử hình thì phải thi hành ngay. Nghị quyết này sau đó được soạn thảo thành luật và tồn tại cho đến năm 1956. Dựa vào luật này, sau này người ta đã xử tử Beria.

Một nghị quyết của Hội đồng Chấp hành Trung ương và Hội đồng dân ủy tháng 11 năm 1934 cho phép thành lập cái gọi là Hội nghị đặc biệt trực thuộc Dân ủy Nội vụ với những quyền hạn rất rộng, kể cả quyền đưa đi đày hoặc đưa vào trại cải tạo lao động cho tới 5 năm những người bị coi là nguy hiểm đối với xã hội mà không cần xét xử. Năm 1937, Hội nghị đặc biệt này được thêm quyền đưa đi trại cải tạo thời hạn cho tới tám năm những người bị buộc tội tham gia các tổ chức trôtkit hữu khuynh, các tổ chức gián điệp, phá hoại và các tổ chức khủng bố. Đến tháng 11/1941, Hội nghị đặc biệt đã có quyền tuyên mọi bản án, kể cả án tử hình.

Năm 1937, Trung ương Đảng phối hợp với Cơ quan dân ủy Nội vụ quyết định giao cho bộ ba: Bí thư Đảng nước cộng hòa, Dân ủy Nội vụ và Viện trưởng Viện kiểm sát quyền áp dụng mọi biện pháp trừng phạt, kể cả tử hình.

Bình luận của Giáo sư Naumov:

"Tất cả những cái đó tạo cơ sở pháp lý để Stalin bắn tĩa ban lãnh đạo cao cấp của Đảng, vì thấy các quyết định của ông không được trong nước thực hiện vô điều kiện như ông mong muốn. Ông cần phải gieo vào mọi người nỗi sợ. Không có sự sợ hãi, hệ thống không hoạt động được.

Ngoài ra, Stalin muốn giữ bỏ những người đã từng làm việc với Lênin, đã từng giúp Stalin đấu tranh với phe đối lập. Trong khi đó xung quanh Stalin đã bắt đầu xuất hiện lớp cán bộ trẻ coi ông ta là ông trời, và ông bắt đầu tiến hành việc thay đổi thể hệ trên toàn quốc.

Trước vụ ám sát Kirov, các nhà lãnh đạo đảng bộ địa phương lên Matxcova dự đại hội có thể tự do gặp gỡ nhau để trò chuyện, trao đổi. Sau khi Kirov bị ám sát, Trung ương ra quy định: Bí thư tỉnh ủy lên Matxcova họp hoặc đi công tác chỉ sau khi được phép của Stalin.

Mọi tiếp xúc giữa các lãnh đạo đảng bộ địa phương với nhau không được khuyến khích, vì nó làm nghi ngờ về lòng trung thành đối với Stalin. Kể cả khi Stalin đang ở miền Nam, các bức điện của lãnh đạo địa phương vẫn tiếp tục được gửi đến để xin phép lên Matxcova hoặc đi công tác thành phố khác và kèm theo giải thích lý do.

Bộ Chính trị quyết định cho ai đi nghỉ phép và nghỉ ở đâu. Tư lệnh quân khu Bêlarus - Tướng I.P.Uborevich không muốn, nhưng cũng bị ép đi nghỉ ở nước ngoài, sau đó được giao nhiệm vụ làm tình báo ở các nước mà ông đã ở. N.I.Ejov chữa bệnh ở Đức, cũng bị tố cáo là tiếp tay cho tình báo Đức. Stalin đã tính toán mọi việc đến từng chi tiết.

Tài năng tổ chức của Stalin là điều không thể nghi ngờ. Chẳng phải ngẫu nhiên Lênin chọn Stalin giữ chức Tổng Bí thư. Lênin đánh giá cao ở Stalin con người cứng rắn, kiên quyết, triệt để. Sau này, thời gian cuối đời của Lênin, khi Stalin bắt đầu biểu hiện những mặt trái, chính Zinoviev và Kamenev - hai ủy viên Bộ Chính trị - thuyết phục Lênin rằng Stalin còn trẻ,

rằng tập thể sẽ uốn nắn dần. Và đã uốn nắn, chỉ có điều người bị "uốn nắn", mà uốn nắn một cách triệt để, đến nơi đến chốn lại chính là hai ông, chứ không phải là Stalin.

NGA KIỀU

Khác với các Chủ tịch tiền nhiệm, Yagoda không sống ở nước ngoài, không biết ngoại ngữ. Và khác với Menjinsky, Yagoda không quan tâm nhiều đến tình báo.

Nhưng ông lại cũng không làm phiền những người làm tình báo, mà để cho họ làm việc. Do đó mà dưới thời ông, tình báo Liên Xô đã tỏ ra hữu hiệu. Sau này, khi Ejoy lên, bắt đầu thanh lọc bộ máy tình báo, thì mới nảy sinh vấn đề. Trong những năm mà chúng ta đang nói, Bạch vệ lưu vong bị coi là nguồn gốc thường xuyên của nguy cơ phản cách mạng. Matxcova cho rằng các sĩ quan Bạch vệ cũ vẫn chuẩn bị về mặt vũ trang để chống phá chế độ Xô viết. Thật ra những năm 30, tàn quân Bạch vệ lưu vong rải rác khắp châu Âu khó có thể coi là mối đe dọa trực tiếp đối với đất nước. Song những người lãnh đạo ở Matxcova cho rằng trong trường hợp nổ ra xung đột vũ trang chống Liên Xô, kẻ địch sẽ tung các đội quân Bạch vệ trở về chống Liên Xô. Hơn nữa, Bạch vệ lưu vong vẫn giữ nguyên phiên chế cũ cả ở nước ngoài, họ coi mình vẫn đang tiếp tục ở trong quân ngũ. Chúng tìm hiểu sức mạnh Hồng quân và thỉnh thoảng tiến hành khủng bố trên lãnh thổ Liên Xô, chờ dịp tấn công Liên Xô. Đó là lý do tại sao các trụ sở tình báo Liên Xô ở các nước châu Âu tập trung nỗ lực vào việc chống các tổ chức phản động Nga kiều.

Vào đầu những năm 30, tình báo Liên Xô chú ý tới một lực lượng mới trong Nga kiều là tầng lớp thanh niên con cháu của những người lưu vong. Họ lớn lên ở nước ngoài, ám ức về thất bại của cha anh họ trước những người bolsêvích và không hiểu tại sao cha anh họ không hành động để phục thù. Một cuộc xung đột chính trị diễn ra giữa các thế hệ lưu vong. Chính lớp thanh niên Nga kiều này sẵn sàng cầm vũ khí trở về quê hương chiến đấu. Và điều đó khiến tình báo Liên Xô lo ngại và tăng cường cài điệp viên vào trong hàng ngũ của lực lượng này.

Các tổ chức phản cách mạng của thanh niên Nga kiều bắt đầu được thành lập từ năm 1928, đến năm 1930, tại một cuộc hội nghị diễn ra từ ngày 1 đến ngày 5 tháng bảy tại Belgrad, các tổ chức thanh niên lưu vong ở các nước Pháp, Nam Tư, Bungari, Tiệp, Hà Lan thống nhất lại trong "Liên đoàn quốc gia thanh niên Nga", thông qua hiến chương và bầu ban chấp hành do một cựu sĩ quan tên là V.M.Baidalakov đứng đầu.

Nguyên là một sĩ quan Cốt đắc trong quân đội của Vrangel, Baidalakov hân hoan chào đón việc đảng Quốc xã lên cầm quyền ở Đức. Anh ta tán thành chủ nghĩa bài Do Thái và không hề lo ngại vì xu hướng chống Slave của Hitler.

Trong những năm đầu, chủ nghĩa phát xít xuất hiện như một cứu cánh cho việc phục hồi lòng tự hào dân tộc và giải quyết nhiều vấn đề của các quốc gia châu Âu.

Việc thanh niên châu Âu những năm 20 - 30 say mê chủ nghĩa Mác đã được nghiên cứu kỹ. Nhưng còn việc một bộ phận thanh niên khác cùng lúc đó say mê những lý tưởng của chủ nghĩa xã hội dân tộc thì còn ít được nghiên cứu. Từ "phát xít" (fascism) đối với một số đông người lại là bản nhạc yêu nước. Trong bối cảnh đó, tình báo Liên Xô đã ghi nhận được việc các tổ chức Nga kiều bắt liên lạc và tìm kiếm sự hợp tác với Đức phát xít.

Chúng thúc đẩy Đức cung cấp tài chính, và hứa bảo đảm nhân lực để tiêu diệt chế độ Xô viết. Tổ chức Nga kiều phản động hoàn toàn trông chờ vào nước Đức Quốc xã, vì đó là nước duy nhất đã tuyên chiến một mất một còn với chủ nghĩa cộng sản.

KẾT CỤC CÙNG VỚI NHÓM TROT-XKIT HỮU KHUYNH

Ngày 25/9/1936, Stalin đang nghỉ ở Sochi (biển Đen), đánh một bức điện về Matxcova cho các ủy viên Bộ Chính trị. Bức điện do Stalin ký, và Andrei Alexandrovich Jdanov - ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, ủy viên

Ban tổ chức Trung ương Đảng - cùng đứng tên

nội dung như sau: "Chúng tôi cho rằng hoàn toàn cần thiết đề bạt đồng chí Ejev làm Dân ủy Nội vụ. Yagoda rõ ràng đã không hoàn thành tốt nhiệm vụ phát giác tập đoàn Trotskit - Zinoviev. Trong việc này Cơ quan dân ủy Nội

vụ đã chậm mất bốn năm. Các cán bộ Đảng và đa số đại diện của Cơ quan dân ủy Nội vụ ở các địa phương đều tán thành ý kiến đó".

Tại sao Stalin lại gạt bỏ Yagoda? Nguyên nhân rất đơn giản: Stalin tuyển mộ người để thực hiện một nhiệm vụ nào đó, sau đó lại đề ra một nhiệm vụ mới và tuyển người mới cho nhiệm vụ mới. Những người được ông sủng ái cũng thay đổi luôn. Vào lúc đó ông đang thích Nicolai Ivanovich Ejov - một con người cần mẫn và chấp hành. Yagoda đã ngồi trong cơ quan an ninh quá lâu rồi, sức bật và sự nhanh nhạy đã có phần bị giảm sút, không thấy được là có biết bao nhiêu kẻ thù đang có mặt xung quanh. Người mới chắc sẽ làm được nhiều hơn. Thế là Eioy được đưa vào cuộc.

Năm 1934 và 1935, Cơ quan dân ủy Nội vụ dưới sự lãnh đạo của Yagoda đã bắt 260 nghìn người. Còn năm 1936 và 1937, dưới thời Ejov đã bắt một triệu rưỡi người và xử bắn một nửa số đó.

Dưới thời Yagoda, số lượng bắt bớ còn phụ thuộc vào sự nỗ lực nhiều hay ít của đảng bộ và cơ quan nội vụ địa phương. Khi Ejov lên thay, bắt đầu một công tác kế hoạch hoá việc bắt bớ và tiêu diệt con người.

Henrich Grigorievich Yagoda là người cuối cùng ở cương vị này còn có thể lắng nghe sự giải thích, trình bày và còn có thể thoả thuận được để cứu một ai đó bị coi là vô tội Yagoda cũng còn có khi nhận lỗi thay Cơ quan dân uỷ Nội vụ trong việc này việc kia, mặc dù điều đó là cực kỳ hiếm, còn với Ejov thì đó là điều không thể có được Hội Chữ thập đỏ chính trị là một tổ chức cứu trợ những tù nhân chính tở ra đời năm 1918. Lãnh đạo Hội là Ecaterina Peskova (vợ nhà văn Ma xim Gorki). Tại phòng tiếp khách của bà ở trụ sở Hội trên phố "Cầu Kuznetsky" lúc nào cũng có người xếp hàng vào gặp để trình bày, nhờ giúp đỡ, bởi vì ngoài Hội ra họ cũng không biết dựa vào ai nữa. Bà Peskova trình bày với Dzerjinsky, và đôi khi cũng giúp được người này người khác nhẹ bớt tội. Dzerjinsky lắng nghe bà, và có những trường hợp Dzerjinsky cũng đồng ý là quân của mình có quá tay.

Sau khi Dzerjinsky mất, khả năng can thiệp của Hội giảm hẳn đi. Hội chỉ còn tìm hiểu được người bị bắt đang ở đâu và thông tin lại cho người nhà biết những việc cần làm. Và Hội tiếp tục tồn tại cho đến thời Yagoda.

Nhưng Yagoda là bạn thân của M.Gorki, nên bà Peskova đôi khi cũng vẫn còn xin được cho người này người kia.

Theo Tiến sĩ sử học Oleg Khlevnhuk, số phận của Yagoda được định đoạt, khi ngày 22/8/1936 nguyên ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Công đoàn M.P.Tomski tự sát và để lại một bức thư gửi cho Stalin có tái bút: "Nếu đồng chí muốn biết những người đã đẩy tôi về phía phe hữu đối lập năm 1928 là ai, hãy hỏi riêng vợ tôi, bà ấy sẽ nói".

Stalin đi nghỉ Ở miền Nam. Lazar Kaganovich và Sergo Ordjonikitze - một ủy viên Bộ Chính trị và một Bí thư Trung ương Đảng ở lại trực giải quyết các công việc -bèn cử Nicolai Ivanovich Eiov - con người nhã nhặn, lịch sự đồng thời là Chủ tịch ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng đến gặp bà quả phụ Tomski. Sau khi gặp xong, Eiov về báo cáo rằng Tomski coi Yagoda là người đóng vai trò tích cực trong việc liên lạc với bộ ba của nhóm hữu khuynh, thường xuyên cung cấp cho họ tin tức trong Trung ương và khuyến khích những hoạt động của họ.

Việc tung những thông tin kiểu đó đối với Cơ quan dân ủy Nội vụ không phải là chuyện lạ. Trên thực tế, Yagoda không thể nào gần gũi với Bukharin và Rykov được Eiov, nhiều tham vọng và đang hăng, viết một bản báo cáo gửi Stalin:

"Thời gian gần đây, Cơ quan dân ủy Nội vụ mắc nhiều khuyết điểm mà theo tôi không thể tiếp tục để như thế được. Trong hàng ngũ cán bộ lãnh đạo ngày càng phổ biến tâm lý tự mãn, yên vị. Đáng lẽ phải rút bài học từ vụ án Trôtkit và tự chấn chỉnh những thiếu sót của mình, thì người ta lại chỉ nghĩ đến việc được tặng thưởng huân chương vì những vụ việc đã phát hiện được. Tiếp đó, Eiov báo cáo với Stalin rằng đã xem lại một lượt nữa danh sách những người thuộc diện bị bắt để kết án, rằng "sẽ phải xử bắn một số khá đông. Song, riêng tôi nghĩ rằng điều đó cũng phải làm, để tiêu diệt tận gốc mầm hoạ".

Ngày 26/9/1936 Yagoda được chuyển sang làm Bộ trưởng Bưu điện thay Rykov để sau đó một năm bị xử bắn cùng nhau. Ba ngày sau, người ta chuyển G.E.Prokofiev - Thứ trưởng Cơ quan dân ủy Nội vụ về làm Thứ trưởng thứ nhất cho Yagoda ở Bộ Bưu điện.

Prokofiev cũng sẽ bị xử bắn. Còn Agranov thì được tạm giữ lại ở Cơ quan dân ủy Nội vụ để bàn giao công việc cho Ejov.

Nhìn bề ngoài, nhiều người nghĩ rằng, là một nhà tổ chức giỏi, Yagoda được cử về bộ khác để chấn chỉnh tình hình. Khi đó nhiều cán bộ Đảng cũng được điều động như vậy. Còn bản thân Yagoda có lẽ biết chắc điều gì đang chờ đợi ông. Đầu tiên người ta chuyển cán bộ sang công tác khác, thế rồi tên anh ta xuất hiện trong hồ sơ của Cơ quan dân ủy Nội vụ, sau đó Cơ quan dân ủy Nội vụ gửi hồ sơ lên Stalin. Bộ Chính trị quyết định cách chức đương sự, khai trừ khỏi Đảng và chuyển hồ sơ sang cho Viện kiểm sát để khởi tố. Ông biết rõ tất cả quy trình ấy, và bây giờ thì đến lượt ông làm quân cờ trong tay kẻ khác.

Ngày 29/1/1937, Hội đồng chấp hành Trung ương toàn Nga thu hồi hàm Tổng Cao ủy an ninh quốc gia của Yagoda.

Ngày 28/3/1937, Dân ủy Nội vụ mới Ejov, phát biểu trước cán bộ cốt cán của Bộ, nói rằng Yagoda là tay sai của Sa hoàng, một kẻ tham ô lãng phí của công.

Ngày 3/4/1937, báo "Sự thật" viết: "Do những tội lỗi mang tính chất hình sự", Dân ủy Bưu điện Yagoda bị cách chức, vụ việc được chuyển cho các cơ quan điều tra giải quyết. Ngày hôm sau, Yagoda bị bắt. Lệnh bắt do người kế nhiệm ông ký.

Trong biên bản khám nhà Yagoda có ghi là đã tìm thấy:

- Tiền rúp: 22.997 rúp, trong đó gửi ở sổ tiết kiệm có 6.180 rúp.
- Rượu vang các loại, đa số là rượu ngoại: 1.229 chai.
- Thuốc lá ngoại: 1 10 tút.
- Bàn tô nam: 21 chiếc.
- Phim khiêu dâm: 11 cuốn.
- Súng ngắn các loại: 19 khẩu.
- Súng trường: 2 khẩu.
- Súng săn: 12 khẩu.
- Dao găm đời cổ: 10 con.
- Đồng hồ mạ vàng: 5.
- Đồng hồ các loại: 9.

- Xe máy: 1.
- Xe đạp: 3.
- Một bộ sưu tập tẩu hút thuốc, trong đó nhiều cái vẽ hình khiêu dâm.
- Một bộ sưu tập đồng tiền cổ.
- Đồ ăn cổ: 1.008 cái.
- Sách báo phản động và trộm-kít.

Những người mới đây còn là cấp dưới của Yagoda tố cáo ông ta đủ điều - từ hoạt động trotx-kit phản cách mạng, làm gián điệp cho Đức, đến tổ chức ám sát Gorki, Kuibyshev, Menjinsky. Trong các cuộc hỏi cung ông, người ta bắt ông làm những việc mà khi chính ông là thủ trưởng người ta đã làm với những người khác. Và kết quả là ông đã khai như sau:

"Năm 1931 tổ chức phản cách mạng của chúng tôi đã bắt đầu tiến hành khủng bố và thúc đẩy các cuộc nổi dậy của Ku lắc.

Tôi cũng xác nhận những lời khai trước đây của tôi về việc tham gia ám sát S.M. Kirov. Tôi được biết về việc đang chuẩn bị mưu sát Kirov từ Emikidze (Thư ký Đoàn Chủ tịch Hội đồng Chấp hành Trung ương), nhưng Emikidze đề nghị tôi không cản trở việc này và tôi đã đồng ý. Sau khi Kirov bị sát hại, tôi đã định làm chìm việc điều tra, nhưng N.I. Ejov - người được Ban chấp hành Trung ương giao nhiệm vụ giám sát chặt chẽ việc điều tra vụ án - đã không cho phép tôi thực hiện ý định đó.

Tôi cũng được L.M.Carahan (Thứ trưởng Nội vụ) cho biết về việc nhóm trotx-kit cánh hữu đã đồng ý và hứa hẹn nếu lên nắm quyền sẽ nhượng bộ lãnh thổ cho Đức.

Cần phải nói thêm rằng việc đẩy nhanh cái chết của M.Gorki bằng cách chữa bệnh không đúng đối với ông ta do tôi tổ chức theo quyết định của nhóm hữu khuynh xuất phát từ chỗ Gorki được biết đến như là người ủng hộ tích cực chính sách của Đảng và là bạn thân của Stalin.

Tôi không có phàn nàn, thắc mắc gì.

Biên bản này đã được tôi xem lại.

H. Yagoda".

Giả thuyết về việc cơ quan an ninh giết hại M.Gorki theo lệnh của Stalin cho đến ngày nay vẫn được nêu ra.

Nhưng cũng như đối với cái chết của Essenin và Mayakovski, vẫn cần phải có đầy đủ cơ sở mới có thể khẳng định được.

Phiên toà xét xử nhóm trôt-kit hữu khuynh bắt đầu vào tháng 3 năm 1938. Chánh án là Chủ tịch Tòa quân sự của Tòa án tối cao V.V.Ulrich, công tố viên là Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao Liên Xô A.Ia.Vyshinsky.

Ngồi ở ghế bị cáo là nguyên ủy viên Bộ Chính trị, nhà lý luận và "người con yêu của Đảng" như lời Lênin - N.T. Bukharin, nguyên Thủ tướng Chính phủ - A.I.Rykov, nguyên Dân ủy Nội vụ H.G.Yagoda, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, sau đó là Thứ trưởng Ngoại giao N.N.Krestinsky, nguyên ủy viên Hội đồng quân sự cách mạng, nguyên Dân ủy Ngoại thương A.P.Rozengolz, và một số nhà lãnh đạo nổi tiếng khác cùng một vài bác sĩ đầu ngành - các bác sĩ thì bị buộc tội là đã chữa cho chóng chết các bệnh nhân của mình là Menjinsky, Kuibyshev và Gorki.

Công tố viên và các nhân chứng đã lần lượt tố cáo các bị cáo, và các bị cáo đã nhận tội. Những người ngồi trong hội trường Nhà Công đoàn cũng như cả nước đọc phóng sự và các biên bản phiên tòa, đã tin vào tất cả những điều đó.

Đêm 14/3/1938, án tử hình đối với Yagoda được thi hành. Bị tử hình cùng với ông còn có hai Thứ trưởng của ông là Ia.S.Agranov và G.E.Prokoflev, và một số Cục trưởng của Cơ quan dân ủy Nội vụ.

CHƯƠNG IV

NICOLAI IVANOVICH EJOV

Dân uỷ Nội vụ (9/1936 - 11/1938)

Nhà văn nổi tiếng Lev Emanuilovich Razgon là người đã từng quen biết N.I.Ejov. Razgon đã từng bị đi cải tạo nhưng sống sót. Ông là con rể của I.M.Moskvin - một cán bộ cao cấp của Trung ương Đảng, cuối những năm 30 phụ trách công tác cán bộ, và Ejov làm trợ lý cho ông.

Nhà văn L.E.Razgon kể:

- I.M.Moskvin đã từng công tác ở Leningrad thời kỳ Zinoviev làm Bí thư Tỉnh ủy, không kính trọng Zinoviev lắm và là một trong những cán bộ dám lên tiếng phản đối thủ trưởng của mình. Thế là Moskvin liền lọt vào mắt xanh của Stalin và được chuyển về Matxcơva.

Nhưng mối quan hệ giữa ông với Stalin không trở nên thân thiết, vì họ thuộc hai tạng người khác nhau.

Nhà Moskvin luôn có nhiều bạn bè, khách khứa, một phần vì bà chủ - vợ ông là một người phụ nữ phúc hậu, hiếu khách. Buổi trưa Moskvin thường về nhà ăn cơm và có lần dẫn Ejov về cùng - người mà ông rất quý mến.

Ejov người nhỏ bé và do đó gây cho người ta một sự thương hại, muốn chở che. Ông ăn mặc lúc nào cũng một kiểu: thường là một áo sơmi lụa màu xanh và bên ngoài là chiếc áo vét giản dị, nhàu nhĩ; rất ít nói, gầy gò, khiến bà chủ - Sofia Alexandrovna phúc hậu - lúc nào cũng phải lo lắng, chăm sóc. "Chú phải ăn nhiều vào - bà bảo". "Chú" gật đầu: "Vâng!", rồi lại ngồi im lặng.

Có lần tôi (Razgon - ND) hỏi Moskvin:

- Thế Ejov là một cán bộ giỏi lắm à? Ba đánh giá cao anh ấy lắm phải không?

Moskvin đáp:

- Ejov có lẽ là cán bộ xuất sắc nhất mà ba từng gặp (mà ông thì đã gặp khá nhiều - tôi nghĩ. Là một cán bộ hiếm có ở chỗ đã giao cho anh ta việc gì, thì có thể không cần phải kiểm tra. Cứ yên tâm, đã giao nhiệm vụ là anh ấy chắc chắn sẽ hoàn thành không cần phải nhắc. Song anh ấy chỉ có một nhược điểm, do vậy mà vẫn cần phải kiểm tra.

- Tức là anh ấy vẫn sẽ làm cái gì đấy không đúng với nhiệm vụ được giao?

- Không phải, anh ấy sẽ làm mọi thứ đúng như yêu cầu. Chỉ có điều anh ấy sẽ không dừng lại ở đó. Trong bất cứ công việc gì cũng có cái giới hạn của nó, cần phải biết dừng. Ejov không dừng lại bao giờ. . .

- Cả hai ông bà Moskvin đều bị bắt. - Razgon kể tiếp - Khi vợ chồng tôi đến phòng tiếp khách của Cơ quan dân ủy Nội vụ hỏi, thì được trả lời: "10 năm cải tạo xa, không được phép viết thư". Lúc đó chúng tôi không biết rằng như thế tức là bị xử bắn. Chúng tôi cứ tưởng rằng đấy là những trại cải tạo nằm ở xa, khác với các nhà tù thường, dành cho các cán bộ cao cấp. Chúng tôi thật chẳng hiểu gì.

Moskvin bị xử bắn năm 1937. Còn vợ ông - bà Sofia Alexandrovna, thì Razgon đình ninh rằng đã chết trong tù ở Mordovia, nơi giam giữ vợ của các tù chính trị.

Trong hồ sơ của Cơ quan dân ủy Nội vụ, lệnh bắt bà được ban hành ngay trong tờ lệnh bắt ông. Bên dưới có chữ ký của Chánh công tố Vyshinsky: "Đồng ý", và ý kiến của Dân ủy nội vụ Ejov: "Thi hành lệnh bắt", và ghi thêm: "Cả vợ nữa".

Trong hồ sơ về Sofia Alexandrovna, Razgon tìm thấy hai biên bản: một biên bản, trong đó bị cáo không thú nhận gì cả, còn biên bản thứ hai sau đó ba tháng, trong đó bà nhận lỗi về tất cả mọi việc, từ việc bà biết về những việc làm tội lỗi của Moskvin đến việc bà mưu toan đầu độc Ejov (?)..

Tại sao Ejov lại nhẫn tâm xử bắn một người phụ nữ đã đối xử tốt với ông ta như thế? Đó cũng là một điều bí ẩn của một tâm hồn lạ lùng, sâu kín.

Các nhà viết tiểu sử Ejov là B.Brukhanov và E.Shoskov đã tìm được nhiều tư liệu về Ejov, tuy vậy trong lý lịch của một người nắm rất vững lý lịch của người khác vẫn còn nhiều vùng tối. Chẳng hạn, người ta không

làm rõ được cha mẹ ông là ai. Nhưng thôi, điều đó cũng không quan trọng lắm. Về bản thân ông, người ta được biết ông rất ít học - đâu chỉ lớp 3 - lớp 4, nhưng chữ viết đẹp và rõ ràng. Ejov khai trong lý lịch là đã từng làm công nhân nhà máy Putilov (cơ sở công nghiệp hàng đầu trên địa bàn Peterbua - ND). Đối với một cán bộ xuất thân từ thành phần cơ bản, điểm này là rất vinh dự. Nhưng hồ sơ lao động trong giai đoạn này của ông không thấy lưu lại. Ông đi bộ đội mấy năm, nhưng dường như không ra mặt trận. Trong thời gian ông đang lên cao, người ta viết là ông đã từng hoạt động cách mạng - điều mà dường như cũng không rõ rệt lắm. Tuy vậy, trước cách mạng tháng Mười ít lâu - tháng năm năm 1917, ông gia nhập Đảng Bôn-sê-vích. Trong thời gian nội chiến, ông làm chính trị viên một cơ sở đào tạo kỹ thuật viên cơ điện và vô tuyến điện của quân đội. Chức vụ này được Cục trưởng Cục chính trị của Hội đồng quân sự cách mạng phê duyệt, cho nên tên ông được đưa vào danh sách cán bộ do Trung ương quản lý.

Ejov lấy vợ là một phụ nữ có học thức tên là Antonina Alexeevna Titova, không những tốt nghiệp trung học, mà còn học Đại học tổng hợp Kazan. Bà lên Matxcơva làm Trưởng ban văn hoá của Liên hiệp công đoàn ngành hoá chất. Và Ejov sau đó một thời gian cũng chuyển về Matxcơva theo vợ. Trung ương Đảng để ý đến anh cán bộ Đảng trẻ tuổi, và nửa năm sau (2/1922) cử anh về tỉnh tự trị Mariskaya làm Bí thư Đảng bộ. Các nhà sử học cố tìm xem ai là người đỡ đầu Ejov lên các chức vụ như vậy và lọt vào hàng ngũ cán bộ cấp cao, nhưng không tìm ra. Có lẽ trong những năm đó Đảng đang thiếu cán bộ, rất cần những người có hiểu biết để làm nhiệm vụ Bí thư Đảng. Mà Nicolai Ivanovich Ejov nổi lên là một cán bộ có triển vọng, một người rất có hiểu biết. Theo đánh giá của giáo sư V.F.Nekrasov, những ưu điểm nổi bật của Ejov là trí thông minh bẩm sinh mang tính thực tiễn của người công nhân, đầu óc biết định hướng, và sau này là lòng trung thành với Stalin, không phải làm ra bộ trung thành mà trung thành thật sự.

Tháng 3 năm 1922, Ejov và vợ đi đến thành phố Ioskar Ola, vợ ông phụ trách công tác lịch sử Đảng ở tỉnh ủy này. Bà đã viết hai ba bài báo cho chồng mang tên ở tạp chí của địa phương. Nhưng quan hệ của Ejov với các

cán bộ Đảng địa phương trong chuyến đi đó không thành công, vì Ejov xử sự thô lỗ và ngạo mạn, nên uy tín bị ảnh hưởng. Một năm sau, ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Semipalatinsk. Do đó ông bị chuyển sang Orenburg với chức vụ thấp hơn: trưởng ban của tỉnh ủy. Nhưng rồi sau đó ông lại được làm Bí thư Tỉnh ủy một tỉnh xa là Kzyl-Orde. Rõ ràng Ejov là một cán bộ Đảng dày dặn kinh nghiệm và cũng có năng khiếu tổ chức.

Mùa hè năm 1927, Ejov được gọi lên Matxcova nhận công tác. Trưởng ban Tổ chức phân phối Trung ương Đảng là I.M.Moskvin phân công cho ông làm chuyên viên. Chức vụ thấp nhất đó trong bộ máy Trung ương Đảng trở thành cầu nhảy đối với Ejov. Từ đó ông liên tục lên cao. Một thời gian sau Moskvin cho ông làm trợ lý của mình, rồi làm Phó ban. Ejov bắt đầu trở nên đắt giá: Trung ương chú ý đến ông, phái ông đi làm Bí thư Tỉnh ủy Tacta có vấn đề dân tộc, rồi làm Thứ trưởng phụ trách cán bộ của Bộ Nông nghiệp năm 1929 - tức là khi bắt đầu chiến dịch tập thể hoá nông nghiệp và đấu tranh chống Ku lắc.

Rồi cuộc sống riêng cũng được tổ chức lại: Ejov chia tay với Antonina Titova (chính điều này lại là may mắn đối với bà vì nhờ thế mà bà giữ được mạng sống), và kết hôn với một phụ nữ khác.

Năm 1930, Ejov về Hội đồng kinh tế quốc dân làm phó cho Ord-jinikitze, phụ trách tổ chức. Tháng 11 năm 1930, Ejov được đề bạt làm Trưởng Ban tổ chức - phân phối Trung ương Đảng - tức là nắm toàn bộ công tác tổ chức cán bộ của Đảng, và trực tiếp trực thuộc Stalin.

Theo hồi ức của nhiều người, thời gian này Ejov là một con người khiêm tốn, cởi mở, gần gũi quần chúng, cũng thích nâng cốc, vui vẻ, hát hò. Nhà văn Iu Dombrovsky có thời gian bị cải tạo ở Kazakhstan, viết rằng những người quen của ông không ai phàn nàn gì về Ejov.

Năm 1933, Ejov làm Trưởng ban làm trong sạch Đảng, tại đại hội 17 được bầu làm Phó Chủ tịch ủy ban kiểm tra Đảng. Năm 1935 Ejov làm Bí thư Trung ương Đảng, và thay Kaganovich làm Chủ tịch ủy ban kiểm tra Đảng.

Bí thư Trung ương Đảng, ngoài Stalin ra, chỉ có ba người: Jdanov kiêm Bí thư Tỉnh ủy Leningrad, Kaganovich kiêm nhiệm công tác ở Bộ Giao

thông vận tải và Ejov, thực tế là điều hành toàn bộ công tác của Trung ương Đảng. Stalin gặp Ejov thường xuyên hơn những người khác trong ban lãnh đạo. Chỉ có một người nữa Stalin hay gọi đến gặp là Molotov - Thủ tướng Chính phủ và là người thứ hai sau Stalin.

Theo chỉ thị của Stalin, Ejov dần dần tìm hiểu công việc của Cơ quan dân ủy Nội vụ. Vốn tác phong thận trọng, Stalin không thích giao những nhiệm vụ nào đó trực tiếp cho cơ quan an ninh, mà thích thông qua một người nào đó giải thích và hướng dẫn cho an ninh phải làm gì và làm thế nào. Trong những năm cuối đời Stalin, người đó sẽ là Beria, còn giữa những năm 30, đó là Ejov.

*

Sau khi nhận được bức điện của Stalin gửi từ Sochi ngày 26/9/1936, Matxcơva hiểu ý lãnh tụ và bắt đầu làm các thủ tục ra quyết định. Ejov vẫn giữ nguyên các chức vụ Đảng (Bí thư Trung ương và Chủ tịch Ban kiểm tra), nhưng Bộ Chính trị yêu cầu ông phải dành "90% thời gian cho công tác ở Cơ quan dân ủy Nội vụ".

Lazar Kaganovich viết trong thư gửi cho Sergo Ordjinikidze: "Việc đề bạt Ejov làm Dân ủy Nội vụ là quyết định sáng suốt của lãnh tụ - cha của chúng ta đã được trong Đảng và trong nước nhất trí đón nhận. Với Ejov, công việc chắc sẽ chạy tốt". Trong một bức thư sau đó ông lại viết: "Tôi muốn nói thêm là công việc của đồng chí Ejov vẫn tốt đẹp. Đồng chí ấy đã bắt tay vào việc một cách kiên quyết, theo kiểu Stalin".

Việc bổ nhiệm Dân ủy Nội vụ chỉ là giao thêm chức cho Ejov chứ không phải thăng chức (các chức vụ Đảng của ông cao hơn nhiều). Nhưng Stalin tìm thấy ở Ejov một người thừa hành siêu hạng. Ông là người từ ngoài được cử về lãnh đạo Cơ quan dân ủy Nội vụ, không dính líu với ai, không hàm ơn ai, khác với Yagoda đã bám rễ quá sâu vào mảnh đất an ninh, cho nên chắc sẽ phải hành động tích cực hơn gấp trăm lần so với Yagoda. Còn để lãnh đạo công việc của bộ máy Đảng, Stalin tìm được một người thông thái hơn: đó là Georgi Maximilianovich Malenkov.

Tại hội nghị Trung ương cuối tháng 2 năm 1937, Ejov phát biểu:

"Đã mấy tháng rồi, không thấy có lần nào có đồng chí lãnh đạo Bộ Kinh tế hoặc đơn vị sản xuất nào gọi điện bảo: "Này đồng chí Ejov, tôi thấy người này người kia đáng khả nghi hoặc việc này việc kia không ổn, đồng chí hãy tìm hiểu xem thế nào. Không có bao giờ! Trái lại, khi đặt vấn đề bắt một người nào đó là phản động, Trôtkít, một số đồng chí lại còn tìm cách bảo vệ".

Stalin có bài phát biểu "Về một số thiếu sót của công tác Đảng và những biện pháp đấu tranh chống Trôtkít và những kẻ hoạt động hai mặt". Ông gọi Trôtkít là "một băng đảng hiếu chiến và vô nguyên tắc của những kẻ phản động, biệt kích, gián điệp và giết người, hoạt động theo chỉ thị của các cơ quan an ninh nước ngoài".

Hội nghị ra Nghị quyết "Tiếp tục và hoàn thiện việc tổ chức lại bộ máy Cơ quan dân ủy Nội vụ, đặc biệt là Tổng cục An ninh quốc gia, làm cho nó trở thành một cơ quan thực sự chiến đấu, đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ của Đảng và Chính phủ Liên Xô giao cho là bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội".

Tại cuộc họp với cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Bộ, Ejov nói: "Các đồng chí đừng thấy tôi bé thế này mà tưởng nhầm. Tay tôi rắn lắm đấy - và vươn hai tay ra phía trước. - Tôi có đủ sức lực để tiêu diệt tất cả những bọn Trôtkít và bọn theo Zinoviev, Bukharin...".

Tiếp đó, nhìn chăm chú vào mặt những người có mặt ở cuộc họp, ông nói tiếp:

- Thế nhưng trước hết chúng ta cần phải làm trong sạch bộ máy của chúng ta để không có những phần tử mà theo thông tin tôi có được, cố tình kìm hãm cuộc đấu tranh của chúng ta với những kẻ thù của nhân dân. Xin nói là tôi sẽ bỏ tù và bắn bỏ tất cả những ai cản trở sự nghiệp đấu tranh của chúng ta - bất kể chức vụ và cấp bậc nào.

Ejov đã thay 5 nghìn cán bộ trong số 25 nghìn cán bộ cơ quan an ninh.

Trong một bức điện của Ban chấp hành Trung ương tháng 6/1937 do Stalin ký, gửi các tỉnh ủy và nước cộng hòa, có nói rằng "Những Ku lắc sau khi đi cải tạo về là những thủ phạm chính của các hoạt động phản kháng chống chính quyền Xô viết, và đề nghị giám sát chặt chẽ họ, những kẻ

ngoan cố nhất trong số đó thì bắt và xử bắn theo trình tự vụ việc của họ và do "bộ ba" quyết định. "Bộ ba" bao gồm Bí thư Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Nội vụ và Trưởng cơ quan Kiểm sát".

Trong mấy tháng này, Ejov có mặt ở phòng làm việc của Stalin liên tục, nhiều hơn bất cứ nhà lãnh đạo nào khác. Và cuộc khủng bố lớn bắt đầu.

Stalin, Ejov, Vyshinsky ký văn bản tháng 7 năm 1937 chỉ đạo "việc thủ tiêu tàn tích của các giai cấp thù địch: cựu Ku lắc , các phần tử chống chính quyền Xô viết và các tên tội phạm hình sự".

Ejov ký lệnh số 00447 về việc bắt đầu một chiến dịch bốn tháng kể từ đầu tháng 8 năm 1937, giao chỉ tiêu bắt người cho các tỉnh, vùng, không cần tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng và không cần báo trước. Dự kiến xử bắn 76 nghìn người trong toàn quốc và bắt đi cải tạo 200 nghìn người.

Ngoài ra, Ejov còn lập các danh sách những cán bộ là "kẻ thù của nhân dân" đưa lên Stalin, Molotov và các Ủy viên Bộ Chính trị duyệt. Những người này phải đưa ra toà án binh, và bản án đã được tuyên trước: tử hình! Đã có 383 bản danh sách như thế.

Ngày 15/8, Ejov ký lệnh số 00486 về việc bắt vợ những kẻ phản quốc, các thành viên tổ chức phản động, trốn-kít. Đối với con họ, lớn thì vào trại cải tạo, bé thì vào trại trẻ mồ côi.

Tôi hỏi cháu nội của Molotov là V.A.Nikonov (V.M.Molotov họ thật Nikonov): liệu V.M.Molotov sau này có ân hận về các cuộc thanh trừng ấy không?

V A.Nikonov trả lời:

- Họ sợ nguy cơ của một cuộc can thiệp và nội chiến mới, nên cho rằng cần phải loại trừ nguy cơ từ bên trong, cần phải loại bỏ tất cả những ai có vẻ nghi ngờ.

Một khi guồng máy thanh trừng bắt đầu chạy, thì kiểm tra mức độ phạm tội của từng người là điều không làm được.

Stalin giải thích về mối đe dọa bên trong này giản dị và dễ hiểu: "Để xây dựng Nhà máy thủy điện Dnieproges, cần huy động hàng vạn công nhân. Thế mà để phá nó, chỉ cần vài chục người, không hơn. Để thắng một trận trong chiến tranh, cần vài quân đoàn Hồng quân. Thế mà để làm thất bại

trận đánh, chỉ cần vài tên gián điệp ở đâu đó trong Bộ tham mưu thậm chí ở cấp sư đoàn lấy cắp kế hoạch tác chiến đem cho địch là đủ".

Vì thế mà phải dọn dẹp nguy cơ của "đội quân thứ năm" trước chiến tranh. Stalin và Bộ Chính trị nhớ rằng trong thời gian nội chiến, chính quyền Xô viết đã ngàn cân treo trên sợi tóc như thế nào, do vậy mà phải lo trước. Nội chiến, thanh đảng, đấu tranh với phe đối lập diệt Ku lắc, tập thể hoá, toàn bộ những quá trình đó động chạm số phận hàng chục triệu con người.

Trong tù, những người bị bắt sợ nói chuyện với bạn tù, vì đa số ai cũng cho rằng mình vô tội, sợ bắt chuyện phải kể có tội thật hoặc kể trà trộn để chỉ điểm. Đa số cho rằng mình bị bắt oan, và tin rằng sẽ có ngày Stalin biết được và sẽ giải oan cho họ. Nhiều người xin giấy bút để viết đơn, thư.

Những cố gắng để tìm cách cứu vớt ai đó đều rất ít khi thành công. I.M.Gronski - Tổng Biên tập báo "Tin Tức" và tạp chí "Thế giới mới", Tổng Thư ký Hội nhà văn và quan trọng hơn, có mối liên hệ với Stalin, đã tìm cách cứu nhà thơ tài năng Pavel Nicolaevich Vassiliev bị bắt năm 1937. Ông kể: "Khi Vassiliev bị bắt, tôi gọi điện hai ba lần cho Ejov, cuối cùng cãi nhau. Tôi gọi cho Stalin. Đã diễn ra một cuộc nói chuyện gay gắt. Cũng không kết quả gì. Thế là tôi đi gặp Kalinin, Mikoian, Molotov. Tất cả đều muốn cứu Vassiliev, nhất là Mikoian. Nhưng đều không làm gì được cả. Và nhà thơ xuất sắc đầy tài năng, có lẽ là lỗi lạc nhất sau Maiakovski đã bị hy sinh oan uổng".

Stalin chắc phải ngán ngấm lắm với những lời thỉnh cầu tha cho người này, thả người kia. Tại sao cấp dưới thân cận của ông không hiểu được rằng cần phải làm như thế? Rằng toàn bộ ý nghĩa của việc thanh trừng là ở tính chất toàn thể và đại trà? Không có ngoại lệ! Hồ sơ được lập đối với tất cả mọi người, kể cả các ủy viên Bộ Chính trị, và nếu cần, bất kỳ ai trong số họ, bất cứ lúc nào, cũng có thể bị bắt và đặt câu hỏi: tại sao ông ta lại bị bắt? - chỉ là thừa.

V.V. Ulrich, Chánh án Tòa quân sự của Tòa án Tối cao Liên Xô báo cáo rằng qua hai năm Ejov làm Dân ủy Nội vụ, Tòa đã tuyên án tử hình 36.514 người, bỏ tù 5.643 người - tổng cộng 42.157 người. Mỗi hồ sơ họ thường

xem không quá 10 - 15 phút, nếu không thì không thể kịp giải quyết được tất cả các vụ việc.

Năm 1937, trong cả nước có 936.000 người bị bắt vì các tội phản cách mạng, và xử bắn 353.074 người (tức là cứ 3 người thì tử hình hơn 1 người); năm 1938 bắt 638.509 người, xử bắn 328.618 (tức là cứ 2 người thì bắn 1 người). Một triệu ba trăm nghìn người tiếp tục ngồi trong các nhà tù. Năm 1937, riêng về tội làm gián điệp, Bộ nội vụ đã kết án 93 nghìn người. Đất nước có nhiều gián điệp đến như thế!

NGUYỄN SOÁI TUKHACHEVSKI

Dưới sự lãnh đạo của Stalin, Ejov đã tiến hành thanh lọc Hồng quân. Bắt đầu bằng việc tử hình Nguyễn soái Tukhachevski và bảy tướng lĩnh cao cấp khác.

Tukhachevski là một Nguyên soái tài năng, và vụ án Tukhachevski rất không đơn giản. Có những người đến nay vẫn cho rằng Tukhachevski đã duy trì mối liên hệ chặt chẽ với Trotxki sau khi Trotxki bị trục xuất, và chuẩn bị đảo chính quân sự để lật đổ Stalin. Những tài liệu của Tòa chống lại Nguyễn soái và các đồng chí của ông được họ cho là thật. Trong số những người bất bình với việc tử hình Tukhachevski cũng còn có những người cho rằng không có lửa làm sao có khói, chắc là vị Nguyên soái đây tham vọng đã ấp ủ những kế hoạch chính trị nào đó.

Trên thực tế, tên tuổi Tukhachevski xuất hiện trong hồ sơ của cơ quan an ninh từ lâu trước khi diễn ra vụ án.

Tiến sĩ sử học Oleg Khlevnhuk tìm thấy trong các hồ sơ lưu trữ đã được công khai hóa những tài liệu cho biết lần đầu tiên cơ quan an ninh đã đề nghị bắt Tukhachevski là vào năm 1930. Các cán bộ của Cục Chính trị quốc gia (ủy ban đặc biệt) đã khám phá một "vụ âm mưu thông thường ở Học viện Quân sự, và những người bị bắt và bị hỏi cung đã khai ra đầu sỏ của vụ này là Tukhachevski."

Ngày 10/9/1930, Chủ tịch ủy ban đặc biệt Menjinski báo cáo với Stalin lúc đó đang nghỉ ở miền Nam:

"Việc bắt từng người một dễ hỏng việc. Có thể có hai cách: hoặc là lập tức bắt tất cả những thành viên chủ chốt của nhóm; hoặc là tạm thời tiến

hành những biện pháp phòng ngừa và đợi đồng chí về. Song cần phải báo cáo với đồng chí rằng hiện tại các nhóm phản loạn đang hoạt động tích cực, cho nên cách thứ hai là tương đối mạo hiểm. Stalin không vội trả lời bức điện của Chủ tịch ủy ban đặc biệt. Ông điện cho Ordjonikidze: "Thế nghĩa là: Tukhachevski là tù nhân của các phần tử chống chính quyền Xô viết và bị tiêm nhiễm bởi các tài liệu chống Xô viết của phái hữu. Theo các tài liệu thì như thế. Liệu điều đó là có thể chăng? Tất nhiên là có thể, một khi nó không bị loại trừ".

Thật là một phản ứng bất ngờ? Nghĩa là Stalin công nhận rằng những tài liệu và kết luận của cơ quan an ninh có thể đúng, mà cũng có thể là không đúng. Thành ra họ khám phá vụ này là uổng công hay sao? Mùa thu năm ấy, Stalin, Ordjonikidze và Vorosilov gọi Tukhachevski đến "cạo" cho một trận, rồi cho thả những người bị bắt.

Đáng chú ý là các cán bộ đã khám phá hay "tạo dựng" ra vụ đó không ai bị nhắc nhở gì cả. Mà nhắc nhở gì mới được? Họ đã làm đúng bài bản lấy khẩu cung về mọi người để lập hồ sơ.

Còn Stalin thì lựa chọn cái ông cần, còn cái gì chưa cần thì cứ để đấy.

Mà Stalin đang cần Tukhachevski, biết rõ giá của Tukhachevski. Nhà lãnh đạo quân sự tài năng trở thành Thứ trưởng, rồi Thứ trưởng thứ nhất Bộ Quốc phòng, được phong hàm Nguyên soái và được bầu vào dự khuyết Trung ương Đảng.

Nhưng năm 1937 đến lượt quân đội.

Một số nhà nghiên cứu lịch sử tin rằng nếu không phải là Tukhachevski làm gián điệp cho Đức, thì chắc chắn ông cũng là nạn nhân của phản gián Đức - chúng đã dúm cho tình báo Liên Xô những tài liệu giả để làm cho Stalin loại bỏ Tukhachevski... Song, Stalin đâu phải người dễ tin!

Nguyên soái Tukhachevski tất nhiên không làm gián điệp cho Đức, nhưng là người có xu hướng thiên Đức, ngưỡng mộ và học tập quân đội Đức, cũng như hầu hết cán bộ lãnh đạo Hồng quân vào thời gian đó. Khi xe tăng và máy bay Đức tấn công Liên Xô năm 1941, thì các sĩ quan chỉ huy Liên Xô trước đó không ngờ rằng vũ khí quân Đức sử dụng để đánh họ là do người Nga làm ra, và các tướng chỉ huy các binh chủng không quân, xe

tăng và bộ binh Đức tấn công họ đã từng học các trường huấn luyện quân sự ở Liên Xô.

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, hoà ước Vec-xay tước của nước Đức bại trận quyền sáng chế và sản xuất vũ khí hiện đại. Năm 1922, Liên Xô ký hiệp định hợp tác quân sự đầu tiên giữa Hồng quân Liên Xô với quân đội Đức. Bộ Chính trị cho phép Đức xây dựng một số cơ sở quân sự trên lãnh thổ Liên Xô để tiến hành thử vũ khí và kỹ thuật quân sự hiện đại và đào tạo đội ngũ. Đổi lại Đức chia sẻ với Liên Xô những thành tựu quân sự tiên tiến của mình. Trên tình thân đó, ở Lipetsk đã mở một trường đào tạo phi công cho Đức trên cơ sở trường dạy bay của hồng quân. Nhiều phi công cự phách của Đức sau này chính là đã qua trường này. Ở Kazan thì mở trường tăng, và người học sinh nổi tiếng nhất là Hains Guderian sau này là tướng chỉ huy binh đoàn xe tăng tấn công Liên Xô mùa hè 1941. Còn ở Samara thì đào tạo chuyên gia chiến tranh hoá học cho Đức, may thay, đã không được Đức sử dụng trong chiến tranh thế giới II. Không ít tướng lĩnh Đức đã từng học ở Liên Xô. Mười năm sau, tên tuổi của họ đã được cả thế giới biết đến ở Nuremberg. Đó là Thống chế Keitel - Tổng Tư lệnh quân đội, Thống chế Brauchich - Tư lệnh lục quân, thống chế Manstein đã chỉ huy chiến dịch chiếm Sevastopol và tàn phá Leningrad.

Trong những năm đó, giới quân sự Liên Xô rất chú ý nghiên cứu kinh nghiệm quân sự của Đức. M.V.Frunze - người thay thế Trotski làm Dân ủy Quốc phòng, viết:

"Cho đến nay, Đức là quốc gia có hệ thống tổ chức lực lượng vũ trang hùng mạnh nhất và hoàn thiện nhất".

Các tướng lĩnh Liên Xô thích phong cách thiên mạnh về tấn công của quân đội Đức.

Thậm chí năm 1933, khi Đức có Chính phủ mới do A.Hitler đứng đầu, sự hợp tác quân sự giữa hai nước vẫn tiếp tục. Tháng 5 năm 1933, tại một cuộc chiêu đãi khách Đức, Thứ trưởng Quốc phòng Tukhachevski nói:

"Cái chia rẽ chúng ta là chính sách, chứ không phải là tình cảm - tình cảm hữu nghị giữa hai quân đội chúng ta. Chúng tôi với các ngài - Liên Xô

với Đức - có thể đặt những điều kiện của chúng ta cho toàn thế giới, nếu chúng ta cùng đứng bên nhau".

Stalin tâm đắc với công thức ấy của Tukhachevski.

Bởi vì ông cũng là người chủ trương hợp tác chiến lược với Đức. M.N.Tukhachevski đã từng phục vụ trong quân đội Nga hoàng. Trong thời gian nội chiến đã chỉ huy quân đoàn và các mặt trận, trong đó có mặt trận phía tây chống Ba Lan năm 1920.

Năm 1935, khi lập ra quân hàm Nguyên soái, năm người đầu tiên được phong Nguyên soái là Dân ủy quốc phòng Voroshilov, tư lệnh quân đoàn đặc biệt Viễn đông - V.K.Bliukher, chỉ huy kỳ binh đoàn - S.M.Budionưi, Tổng tham mưu trưởng Quân đội - A.I.Egorov, và M.N.Tukhachevski. Trong năm Nguyên soái đó, ba người sẽ bị giết, Stalin chỉ giữ lại Voroshilov và Budionưi.

Tukhachevski là nhà chiến lược cao hơn hẳn những người khác một cái đầu. Ông là người đầy tham vọng, khao khát thắng lợi và vinh quang, ở đâu cũng muốn là người đứng đầu. Người ta gọi ông là Bonapart (tức Napoléon) trẻ tuổi. Có thể tham vọng của ông là đứng đầu nước Nga Xô viết, và lo ngại của Stalin không phải là vô cớ!

Trong ban lãnh đạo Hồng quân thực sự có hai trường phái: Trường phái thứ nhất do đội cận vệ già đứng đầu: Voroshilov, Egorov, Budionưi, Bliukher, quen chiến đấu như đã chiến đấu trong nội chiến - chủ yếu bằng súng và gươm, và quen dùng kỵ binh thay vì xe tăng. Trường phái thứ hai gồm Tukhachevski, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Quốc phòng - Ia.B.Gamarnik, và Tư lệnh Quân khu Kiev - I.E.Yakir, chủ trương đưa kỹ thuật quân sự mới vào quân đội theo dõi tư tưởng quân sự hiện đại và sử dụng xe tăng, máy bay, thành lập các binh đoàn cơ giới và đổ bộ bằng không quân. Nhưng sự bất đồng giữa họ không mang tính chất chính trị, chỉ là sự khác biệt và tranh luận mang tính nghề nghiệp. Nhiều lắm, thì chỉ là Tukhachevski và các đồng minh của ông cho rằng ông già Voroshilov - người chưa từng đi học cái gì ở đâu cứ bám giữ mãi kinh nghiệm vè vang của quân đoàn kỵ binh trong cuộc nội chiến và cho thế là đủ để đối phó với một cuộc chiến tranh mới, một người có tư duy như thế không xứng làm

Dân ủy Quốc phòng. Ba năm sau, chính bản thân Stalin cũng đi đến kết luận như thế. Đó là sau cuộc chiến tranh Phần Lan vụng về và kém cỏi, Stalin bãi chức Dân ủy Quốc phòng của Voroshilov, còn sau này, trong chiến tranh vệ quốc vĩ đại sẽ chỉ cử ông lãnh đạo phong trào du kích.

Nghiên cứu các thông tin và tài liệu có được, ta có thể thấy rằng những suy nghĩ và kế hoạch của Tukhachevski hoàn toàn gắn với công tác quân sự.

Những tham vọng của ông mang tính chất binh nghiệp chứ không phải chính trị. Dân ủy Quốc phòng thì ông muốn làm và sẵn sàng làm, nhưng làm người đứng đầu đất nước thì không.

Thế thì tại sao Stalin lại quyết định diệt ông?

Nikita Sergeevich Khrushov là người đầu tiên nói tại phiên bế mạc Đại hội 20 rằng trong khi chuẩn bị tấn công Liên Xô, Hitler đã tung tin giả về việc Tukhachevski và một số tướng lĩnh cao cấp của Hồng quân là điệp viên của Bộ Tổng tham mưu Đức.

Tukhachevski đã sang Đức sáu lần, không kể lần bị bắt làm tù binh hồi chiến tranh thế giới thứ nhất. Người Đức còn giữ lại một số giấy tờ có ký tên ông. Cơ quan mật vụ Đức đã dựa vào những chữ ký đó để làm giả cặp hồ sơ mật trình cho Stalin.

Giả thuyết đó đã được người lãnh đạo cơ quan tình báo Đức là Walter Shelenberg xác nhận. Shelenberg dẫn lời Reihard Heidrich - Giám đốc Tổng cục An ninh quốc gia Đức nói rằng: "Giữa tháng 6 năm 1936, Skoblin, nguyên là Tướng của quân đội Sa hoàng, làm việc cho cả tình báo Liên Xô và tình báo Đức, thông báo rằng một nhóm tướng lĩnh cao cấp của Hồng quân đứng đầu là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Nguyên soái Tukhachevski có quan hệ chặt chẽ với Bộ Tổng tham mưu Đức và đang chuẩn bị một vụ đảo chính chống Stalin".

Đức quyết định ủng hộ Stalin chứ không phải Tukhachevski, và làm một hồ sơ giả tố cáo Tukhachevski để chuyển cho Matxcova. Hồ sơ do Tổng thống Tiệp Khắc lúc đó là Benesh chuyển.

W. Shelenberg là một nhà tình báo có tên tuổi, ai cũng thừa nhận. Nhưng trong trường hợp này, ông ta kể sự việc theo lời người khác. Hồ sơ về

Tukhachevski mà Shelenberg kể, người ta không tìm thấy cả trong kho lưu trữ của Liên Xô cũng như của Đức. Còn tướng Bạch vệ Skoblin không tham gia gì vào vụ này.

Thời Yeltsin, một ủy ban của Tổng thống về vấn đề phục hồi các nạn nhân chính trị đã nghiên cứu kỹ lưỡng "vụ án Tukhachevski". Lọc lại hồ sơ nhiều tập của vụ án, không có trang nào, chỗ nào nói đến việc cơ quan điều tra có trong tay một chứng cứ quan trọng là "hồ sơ về Tukhachevski" của Bộ Tổng tham mưu Đức.

Bản thân việc đặt vấn đề là bộ máy thanh trừng cần đến chứng cứ và bằng chứng đã chứng tỏ sự không hiểu biết đầy đủ về Stalin. Để tiến hành cuộc thanh lọc khổng lồ đối với quân đội, ông không cần đến các hồ sơ của Đức. Ông có các chứng cứ sắc bén hơn để kết án họ.

Một khi Stalin đã cho rằng Tukhachevski âm mưu đảo chính, thì nhiệm vụ của các cán bộ điều tra là tìm kiếm những bằng cứ giống với sự thật và khai thác lời khai và thú tội của các bị cáo để chứng minh điều đó.

Tukhachevski quả đã là nạn nhân của tình báo, nhưng không phải là tình báo Đức, mà tình báo của ta!

Bộ phim truyền hình nhiều tập "Chiến dịch Trest" đã phản ánh một trong những chiến công bất hủ của tình báo Liên Xô. Trong chiến dịch này, các chiến sĩ tình báo Liên Xô đã tung sang phương Tây các thông tin giả về Hồng quân. Chính các sĩ quan ở bộ tham mưu và các chiến sĩ quân báo là người soạn thảo các thông tin giả này. Công việc này được sự đồng ý ở cấp cao nhất của Bộ Quốc phòng là Thứ trưởng Tukhachevski. Sau này, khi xét xử ông, người ta buộc tội ông đã cung cấp thông tin về Hồng quân cho kẻ thù. Ngoài ra, để làm tăng thêm tính hấp dẫn của tổ chức chống đối bí mật trong nước nhằm như Bạch vệ Nga kiều, các chiến sĩ tình báo còn cho biết là cả Tukhachevski cũng tham gia tổ chức đó. Sau đó họ chột nghĩ lại rằng như thế là đi quá xa.

Tên Tukhachevski cho đến cuối chiến dịch không được nhắc đến nữa. Nhưng cũng đã muộn.

Mặt khác, phương Tây tin rằng Nguyên soái trẻ tuổi Tukhachevski là người cầm đầu phái quân sự đối lập Với Stalin. Báo chí phương Tây cũng

viết nhiều về vấn đề này, và tình báo Liên Xô phản ánh lại cho Stalin.

Những điều đó lại càng củng cố ý kiến rằng Tukhachevski là một mối nguy hiểm.

Trên phố Nikolskaia gần điện Kremli hiện vẫn còn ngôi nhà nhỏ ba tầng. Tại đây, ngày 11/5/1937 đã diễn ra phiên tòa xét xử "tổ chức quân sự trốt-kít chống chính quyền Xô viết", không có luật sư bào chữa, không có nhân chứng. Chủ tọa phiên tòa là luật sư quân đội V.V. Ulrich. Tám tướng lĩnh cao cấp của Hồng quân đứng đầu là Tukhachevski bị xử tội phản quốc.

Ngày 11/6 cả tám người bị tuyên án tử hình và bị bắn ngay dưới tầng hầm của ngôi nhà trên phố Nilcolskaia - nơi đã diễn ra phiên tòa.

Tháng 7/1937, Ejov trình lên Stalin một danh sách 138 cán bộ cao cấp của quân đội để xử bắn, tháng 9 trình một danh sách nữa gồm 292 người. Ba trong số năm Nguyên soái Liên Xô đã bị xử bắn trước chiến tranh Thế giới thứ hai.

Tại cuộc họp Hội đồng quốc phòng ngày 29/11/1938, Đảng ủy Quốc phòng Voroshilov báo cáo về kết quả chiến dịch thanh lọc quân đội 1937 - 1938: "Thời gian qua, chúng ta đã loại bỏ hơn bốn mươi ngàn người. Đây là một số lớn. Nhưng chính vì chúng ta đã loại bỏ không thương tiếc như vậy, mà chúng ta có thể nói rằng hàng ngũ của chúng ta vững mạnh, và thành phần Hồng quân giờ đây bao gồm những cán bộ chỉ huy tuyệt đối trung thành".

*

Stalin gọi đùa Ejov là "nhím con" (họ Ejov từ chữ "ej" tiếng Nga là con nhím - ND). N.I. Ejov chỉ cao có một mét sáu, gầy nhỏ - di chứng của một tuổi thơ vất vả và thiếu thốn. Thể trạng của Ejov cũng ảnh hưởng phần nào đến tâm lý con người đòi hỏi một cái gì đó bù lại - có lẽ ở sự tàn nhẫn đối với người khác, nhất là kẻ dưới quyền. Stalin thích Ejov ở điểm Ejov thừa hành một cách tuyệt đối trung thành và chính xác ý chí của Thủ trưởng và không nề hà xắn tay làm bất kỳ công việc gì dù nhỏ và khó đến đâu, kể cả việc của cán bộ cấp dưới.

Ngày 27/1/1937, Ejov được phong hàm Tổng cao ủy An ninh quốc gia, ngày 17/7/1937 được tặng Huân chương Lê nin. Chủ tịch Xô viết tối cao

Kalinin khi trao huân chương đã ca ngợi Ejov về những thành tích xuất sắc trong việc lãnh đạo công tác của Cơ quan dân ủy nội vụ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao". Nhận Huân chương từ tay Kalinin, Ejov phát biểu: "Người cán bộ làm việc ở các cơ quan an ninh - có nghĩa là một người Bôn-sê-vích trung thành vô hạn với Tổ quốc, với Chính phủ, với Đảng và lãnh tụ là đồng chí Stalin".

Ejov đang ở đỉnh cao danh vọng. Ông là ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch ủy ban kiểm tra Đảng, ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản. Ông được bầu làm đại biểu Xô viết tối cao Liên Xô và Xô viết tối cao một loạt nước cộng hòa tự trị.

Dưới thời Ejov, những người phụ trách công tác an ninh ở các nước cộng hòa, các Trưởng ty và Giám đốc Sở Nội vụ trở thành một trong những nhân vật "thét ra lửa" ở địa phương. S.F.Redens, phụ trách công tác nội vụ ở Karakhstan kể: có một lần trong khi uống rượu ở nhà nghỉ ngoại ô, Ejov bảo với mọi người:

- Các cậu sợ gì mới được? Toàn bộ quyền hành trong tay chúng ta - muốn bắt ai thì bắt, tha ai thì tha. Các cậu là Giám đốc Sở, mà lại sợ một anh Bí thư Tỉnh. Phải biết làm việc. Phải làm sao cho mọi người, từ anh Bí thư Tỉnh trở xuống, phải ở trong tay các cậu.

Nếu Ejov thực sự có nói như thế, thì Stalin lập tức được thông báo ngay, và chắc hẳn Stalin sẽ cho rằng Ejov không phải là khôn một khi nói ra những điều đó.

Không ai, kể cả Bộ Nội vụ có thể cao hơn Đảng!

Đến đầu năm 1938, Stalin hẳn cho rằng Ejov đã hoàn thành sứ mạng của mình. Con đường thăng tiến của Ejov dừng lại ở chức ủy viên dự khuyết, mà không được vào chính thức Bộ Chính trị.

Ejov hoàn thành một công trình nhan đề: "Từ bè phái đến phản cách mạng" viết về cuộc đấu tranh chống phái Zinoviev, và gửi cho Stalin để xin ý kiến. Stalin tỏ ra không thích, vì ông nghĩ rằng làm Dân ủy thì cứ làm, còn sách đã có người khác viết. Trong động tác của Ejov, rất cần mẫn và đúng đắn đó, Stalin thấy rằng có vẻ Ejov đã bắt đầu nghĩ về vị trí và tên tuổi của mình.

Năm 1938, Ejov viết một công văn gửi Ban chấp hành Trung ương, Xô viết tối cao Liên Xô và Xô viết tối cao Cộng hoà liên bang Nga đề nghị đổi tên Matxcova thành Stalinodar, muốn bằng việc đó nịnh Thủ trưởng. Nhưng Stalin không thích nữa rồi, vì ông cảm nhận được rằng điều đó sẽ không hay. Thế và giận dữ trách Ejov.

Có một người thừa hành ngoan ngoãn đúng là tốt, nhưng quá mức nhiều khi gây khó chịu. Stalin nghĩ đến việc cần một người mới, cũng cứng rắn, khắc nghiệt như thế, nhưng khôn hơn.

Ngày 21/1/1938, Bí thư Trung ương Đảng A.A.Jdanov đọc diễn văn kỷ niệm ngày mất của Lênin tại Nhà hát Lớn, nói: "Năm 1937 sẽ đi vào lịch sử như một năm mà Đảng ta đã giáng một đòn chí mạng vào những kẻ thù các loại và đội ngũ của Đảng trở nên vững mạnh hơn.

Điều đó một phần quan trọng là nhờ vào công tác tình báo Xô viết đứng đầu là đồng chí N.I.Ejov".

Và đây là những lời ca ngợi cuối cùng đối với Ejov.

Trong tháng năm 1938, Trung ương Đảng ra hai nghị quyết: một nghị quyết "Về những vụ cho thôi việc không đúng đối với những người nhà của những người bị bắt vì tội phản cách mạng", và một nghị quyết nữa "Về khuyết điểm của các tổ chức Đảng trong việc khai trừ đảng viên và thái độ hình thức, quan liêu đối với việc giải quyết các đơn từ của các đảng viên bị khai trừ". Trình bày báo cáo về hai nghị quyết trên là G.M.Malenkov - người thay thế Ejov trên một trong những chức vụ của ông là Trưởng ban Tổ chức cán bộ Trung ương Đảng. Đối với những người theo dõi tình hình, thì điều này có nghĩa là mọi người không hài lòng với công tác của Ejov, thời của ông ta sắp hết, và ông sẽ phải chịu trách nhiệm về tất cả những việc làm sai trái bấy lâu nay.

Bộ Nội vụ lại tiến hành bắt bớ, nhưng lần này là bắt những người mà Ejov đã cất nhắc: các phó của ông ta và Cục trưởng các cục tác chiến, bộ máy Bộ Nội vụ thì được tăng cường thêm những cán bộ ở Ban phụ trách cán bộ lãnh đạo của Trung ương Đảng.

Tháng tám, Ejov có thêm một người phó thứ nhất hoàn toàn mới: đó là L.P.Beria. Đối với Beria, một Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Gruzia, thì

việc được điều về làm Thứ trưởng thứ nhất rõ ràng là một sự giáng chức. Đến tháng 11, các quyết định và các lệnh của Bộ Nội vụ có hai chữ ký: của Ejov và của Beria - điều trước nay chưa từng có.

Ngày 17/11/1938, Trung ương Đảng và Chính phủ ra một nghị quyết nữa "Về các vụ bắt bớ, về việc điều tra và giám sát pháp luật", phê phán những khuyết điểm nghiêm trọng của Bộ Nội vụ, quyết định hủy bỏ cơ chế "bộ ba", mà tiến hành bắt người chỉ với quyết định của Tòa án hoặc Viện kiểm sát. Nghị quyết này được đón nhận như tín hiệu dừng các cuộc thanh trừng hàng loạt lại. Nhưng không phải. Khủng bố vẫn được tiếp tục dưới thời Beria. Nghị quyết lại còn giúp tìm thêm các kẻ thù của nhân dân ở bên trong Bộ Nội vụ. Hiện tại, nghị quyết chỉ như là bản án tử hình đối với Ejov.

Và đương sự, lẽ dĩ nhiên, hiểu điều này.

Ngày 8/4/1938 Ejov được cử kiêm nhiệm chức Bộ trưởng Bộ Vận tải đường sông. Với Yagoda cũng đã hết như thế.

Tháng mười, vợ Ejov - Evghenia bị stress, phải đưa đi dưỡng bệnh ở nhà an dưỡng ngoại ô mang tên Vorovski. Người ta cũng đã "may" xong hồ sơ cho bà.

Mấy tuần dưỡng bệnh và điều trị không mang lại kết quả gì. Bà uống một số lượng lớn thuốc ngủ lumioral và qua đời ngày 21/11. Bà được chôn ở nghĩa địa Donskoi.

Tại lễ mai táng, Ejov không có mặt (ông còn lòng dạ đâu để làm điều đó). Những ngày cuối cùng của ông ngoài tự do đang tính từng ngày. Đây là một đoạn thư của vợ Ejov trước khi chết viết cho chồng:

"Em khẩn thiết đề nghị anh, anh Cô-li-a, hãy kiểm điểm lại toàn bộ cuộc đời em, toàn bộ con người em, xem em có phải là con người hai mặt và tham gia vào các tội ác nào đó như người ta buộc tội cho em không?

Em không có tội trước đất nước và trước Đảng. Vì tội gì anh Cô-li-a, mà em phải chịu những đau khổ mà con người ta khó có thể nghĩ ra được như vậy? Nằm trong tù một mình và lý lịch bị hoen ố, trong đầu cứ xói mãi một ý nghĩ: Sống làm gì? Để chuộc tội lỗi gì mà tôi phải chịu đựng những đau khổ trên cả mức chịu đựng của con người?" Stalin gọi Ejov lên, khuyên cắt

đứt với vợ vì chị ta có những mối quan hệ đáng nghi. (Evghenia là một phụ nữ trẻ, duyên dáng, không sâu sắc, sự thật cũng thích giao du với giới văn nghệ sĩ, trong đó gần gũi với E.Babel, O. Shmidt và M.Sholokhov. Sau này Babel bị xử bắn, còn Shmidt và Sholokhov thì may mắn không bị).

Còn sau đó thì các nhân vật điều tra sáng tác thêm ra rằng vợ Ejov được tình báo Anh đặt vấn đề hợp tác từ năm 1926, sau đó với cả Ejov nữa. Do đó Ejov phải đầu độc vợ để khỏi bị khai ra.

Tháng Mười năm đó, Dân ủy Nội vụ Ucraina là A.I.Uspenski sau khi nói chuyện điện thoại với Ejov, qua giọng nói của Ejov hiểu rằng tình hình xấu, đã quyết định bỏ trốn. Ông để lại một mảnh giấy: "Tôi từ già cuộc đời" ở trên bàn làm việc. Người ta tìm thấy quần áo của ông trên bờ sông Dniepr, nhưng thợ lặn không tìm thấy xác ông. Trong khi đó ông ẩn náu ở các nơi trong nước. Nhưng một tháng sau người ta vẫn tìm thấy ông, và một năm sau thì bị bắn.

Còn Ejov thuộc số những người không hề tìm cách chạy trốn cái chết. Trong những tháng cuối cùng, ông uống rượu nhiều và không làm chủ được bản thân.

Hai tuần trước khi bỏ tù Ejov, Stalin bắt Ejov viết tay ra xem những ai trong các lãnh đạo cao cấp kể cả ủy viên Bộ Chính trị bị tố cáo và tố cáo về tội gì, Bộ Nội vụ kiến nghị xử lý thế nào. Được một danh sách khá dài. Phải viết tay, vì Stalin cho rằng bản đánh máy có thể làm giả. Stalin giữ tài liệu này trong tủ hồ sơ lưu trữ của mình cho đến tận khi chết. Nội dung những lời tố cáo các ủy viên Bộ Chính trị không có gì đặc sắc lắm: có trích dẫn một số phát biểu có hàm ý hoặc có vấn đề, một số trường hợp nâng đỡ người quen biết v.v... Nhưng quan trọng là bản thân việc có và lưu giữ tài liệu đó. Nó cho thấy rằng trong trường hợp cần thiết cũng có thể có những tài liệu như thế đối với những người khác.

Cái cớ để bắt Ejov là bức thư của Giám đốc Sở nội vụ tỉnh Ivanovo là V.Juravlev, về việc Ejov đỡ đầu cho một số phần tử đáng ngờ. Chỉ có thể viết bức thư như thế khi tác giả của nó biết chắc rằng số phận Ejov đã được định đoạt. Juravlev được Stalin ngợi khen và chuyển lên Matxcơva, đến thời Beria thì bị xử bắn.

Ngày 23/11/1938 Stalin gọi Ejov lên làm việc. Ejov ngồi trong phòng làm việc của Tổng Bí thư gần bốn tiếng đồng hồ: từ 9 giờ 15 tối đến một giờ đêm. Cùng dự có Molotov và Voroshilov.

Sau khi ra về, ngay trong đêm đó, Ejov viết bản tự kiểm điểm, nhận sai lầm, khuyết điểm trong công tác, xin từ chức và hứa sửa chữa khuyết điểm, chuộc lại lỗi lầm trong bất kỳ nhiệm vụ nào khác mà Đảng giao phó.

Kể cả một người như Ejov mà cũng có phần ngây thơ, biết rằng sẽ bị mất hết chức (ừ thì sẽ bị bắt, nhưng không thể bị bắn - vì tội gì mà bắn kia chứ?), mà không hiểu rằng Ejov và ê kíp của ông ta đã trở thành đồ bỏ đi.

Lãnh đạo Bộ Nội vụ bây giờ là một ê kíp mới đứng đầu là Beria. Họ tìm cách giữ bỏ lãnh đạo cũ.

Việc thay đổi lãnh đạo Bộ Nội vụ có lợi về mặt dư luận, để có thể đổ mọi trách nhiệm và những sai lầm trong thời gian qua lên đầu Ejov và ban lãnh đạo cũ, để thấy rằng Đảng đã nghiêm khắc trừng trị những kẻ vượt quá quyền hạn, vi phạm pháp luật.

Sau buổi làm việc với Ejov, Stalin ký một quyết định của Bộ Chính trị, tương đối ôn hoà, cho Ejov thôi chức Dân ủy Nội vụ, vẫn giữ chức Bí thư Trung ương Đảng và Dân ủy Vận tải đường sông.

Ngày hôm sau, 25/11, Beria được bổ nhiệm chức Dân ủy Nội vụ.

Ejov vẫn không được yên. Ngày 10/1/1939, Thủ tướng Chính phủ Molotov ký một quyết định:

1. Cảnh cáo đồng chí Ejov về việc thường xuyên đi làm muộn hoặc vắng mặt ở Bộ Vận tải đường sông, không quán xuyến được công tác của Bộ.
2. Đồng chí Ejov phải sửa chữa thiếu sót và lãnh đạo một cách bình thường công tác của Bộ Vận tải đường sông.

Sau đó, Bộ Vận tải đường sông bị tách ra làm hai bộ: Bộ Hàng hải và Bộ Đường sông. Ejov trở thành mất chức, vì bộ mà ông ta lãnh đạo không còn.

Ngày 10/4/1939, Georghii Maximilianovich Malenkov, vừa mới được bầu làm Bí thư Trung ương Đảng kiêm Trưởng ban phụ trách cán bộ lãnh đạo - chức vụ mà Ejov lúc đang sung sức và đang lên đã đảm nhiệm - mời Ejov lên gặp.

Tại phòng làm việc của Malenkov, nguyên Dân ủy Nội vụ đã bị bắt. Lệnh bắt do Dân ủy Nội vụ mới - Lavrenti Pavlovich Beria ký.

Ở trong tù, Ejov bị ốm - ông bị lao và người ta đưa ông vào bệnh viện nhà tù, ở đó ông được điều trị dưới biệt danh "bệnh nhân số 1".

Ejov bị buộc tội "có liên lạc với tình báo Ba Lan và Đức và với một số nhóm cầm quyền Ba Lan, Đức, Anh, Nhật, có âm mưu đảo chính dự định tiến hành vào ngày 7/11/1938". Bản thân Ejov công nhận là tình báo Đức đã đặt vấn đề hợp tác với ông vào năm 1930, rằng ông "đã nhiều năm tiến hành hoạt động hai mặt, đấu tranh ngầm chống lại Đảng và nhân dân Liên Xô". Ông cũng nhận là có quan hệ với các phần tử Trotxki và tình báo nước ngoài. Tóm lại là Ejov nhận tất cả.

Trước khi diễn ra phiên tòa, Beria đã vào tù gặp Ejov. Beria đã nói gì với Ejov? Có lẽ, như thông thường, ông ta khuyên Ejov nên thành khẩn thú nhận tội lỗi thì sẽ có thể được khoan hồng. Bởi vì tại phiên tòa, khi phát biểu lời cuối cùng, Ejov nói: "Beria vừa gặp tôi hôm qua và có bảo tôi rằng, nếu tôi trình bày mọi việc một cách trung thực, thành khẩn, thì sự sống của tôi sẽ được bảo đảm".

Thực chất là tại phiên tòa, ông đã bác bỏ tất cả những lời buộc tội, và kết thúc lời cuối cùng của mình tại phiên tòa như sau:

1 Số phận tôi đã được định đoạt rồi: chắc chắn là người ta không cho tôi sống. Tôi đề nghị một điều: hãy bắn tôi nhanh gọn, đừng làm tôi đau đớn thêm nữa.

2. Cả Tòa án, cả Trung ương đều không tin là tôi vô tội. Tôi đề nghị, nếu mẹ tôi còn sống, hãy trợ cấp cho tuổi già của bà và nuôi dưỡng đứa con gái nhỏ của tôi.

3. Đề nghị không bắt những người họ hàng của tôi vì họ hoàn toàn không có tội gì cả.

4. Đề nghị Tòa xem xét kỹ vụ Jurbenko, bởi vì tôi cho đây là một con người trung thực và trung thành với sự nghiệp của Lênin - Stalin.

5. Tôi đề nghị nói với Stalin rằng trong cuộc đời chính trị của tôi, tôi chưa bao giờ lừa dối Đảng cả - hàng nghìn người biết rõ điều này. Những gì xảy ra là do sự đan xen của một loạt hoàn cảnh và không loại trừ có bàn

tay kẻ địch. Hãy nói với đồng chí Stalin rằng tôi sẽ chết nhưng môi vẫn nhắc tên Stalin".

Phiên toà diễn ra trong một ngày 4/2/1940, kết án tử hình Ejov về tội "phản quốc, phản động, gián điệp, chuẩn bị tiến hành hoạt động khủng bố và giết hại những nhân vật đối lập".

Sau này con gái Ejov, mà khi ông bị xử bắn mới có sáu tuổi, có viết đơn đề nghị phục hồi danh dự cho bố vì - trong đơn viết - ông "là sản phẩm của chế độ độc tài đẫm máu thống trị khi đó. Lỗi của ông trước nhân dân Liên Xô cũng không nặng hơn lỗi của Stalin, Molotov, Kaganovich, Voroshilov, Vyshinski".

Nhưng Tòa quân sự của Tòa án tối cao tháng 6 năm 1998 đã ra quyết định bác bỏ đề nghị phục hồi danh dự cho N.I.Ejov.

CHƯƠNG V

LAVRENTI PAVLOVICH BERIA

Dân uỷ Nội vụ (11/1938 - 12/1945)

Bộ trưởng Bộ Nội vụ (5/3 - 26/6/1954)

Sự nghiệp chính trị của L.P.Beria bao gồm hai giai đoạn: ba mươi năm dưới thời Stalin và ba tháng sau khi Stalin chết, mà cả hai giai đoạn đều đậm đà, sâu sắc.

Nhưng về ba tháng sau khi Stalin chết, chúng ta sẽ nói đến ở chương sau, đó đã là một thời đại khác. Trong tất cả các Chủ tịch KGB, có hai người cho đến nay vẫn tiếp tục thu hút sự quan tâm nghiên cứu và gây nhiều tranh luận. Đó là Beria và Andropov. Đây là hai nhân cách đa dạng, hai nhà hoạt động chính trị đa tài đa diện và phức tạp, trong khi các Chủ tịch KGB khác, trước và sau họ nói chung là những nhân vật đơn tuyến.

Mặc dù được rất ít người ngưỡng mộ so với Andropov, song phải nói rằng những năm gần đây, Beria thu hút được thêm công chúng, hay chí ít cũng được nhìn nhận nhiều hơn như là một nhà chính trị có tài, chứ không phải chỉ là con quỷ khát máu như vẫn thường được mô tả.

Lavrenti Beria sinh ngày 29/3/1899 trong một gia đình nông dân ở Xukhumi, cũng như Stalin, là người Gruzia. Ông học giỏi, nhiều tài, yêu nhạc và am hiểu kiến trúc. Nhưng giữa một thời buổi sôi sục những biến động, ông đã đi theo cách mạng, vào Đảng năm 1917, hoạt động bí mật và làm đến Phó Chủ tịch ủy ban đặc biệt (cơ quan an ninh), rồi Bí thư thứ nhất Đảng bộ ngoại Cápcadơ bao gồm ba nước Azerbaijan, Gruzia và Armenia. Beria nổi tiếng với Trung ương nhờ bài báo sau này in thành sách nhan đề bàn về "Lịch sử các tổ chức Đảng ngoại Kavkaz", trong đó ca ngợi công lao Stalin đối với phong trào cách mạng Cápcadơ. Nhưng đó chỉ là một phần, vì ca ngợi Stalin thì có nhiều người, còn Stalin - nhà lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm, đánh giá Beria ở trí thông minh và tài năng tổ chức hoàn

thành nhiệm vụ. Những người không hoàn thành nhiệm vụ vì kém năng lực hoặc vì không cho rằng phải hoàn thành nhiệm vụ bằng mọi giá kể cả giá sinh mạng con người đều là những người mà Stalin không dùng. Mùa hè 1933 khi Stalin nghỉ ở Abkhazia, nghe nói đã diễn ra một vụ mưu sát. Beria nhảy ra lấy thân mình che cho Stalin và hô to: "Hãy bảo vệ lãnh tụ!". Ai là kẻ đã định mưu sát? - cuối cùng cũng không làm rõ được, vì lính bảo vệ trên bờ biển đã đánh chết một người giơ súng bắn vào Stalin và người ta nói rằng Beria là bậc thầy của những màn như vậy.

Khi mới lên làm Dân ủy nội vụ năm 1939, Beria đã thả 336.600 người khỏi nhà tù, nhưng đồng thời lại bắt 200.000 người và sa thải 7.372 (tức là 1/5) số cán bộ của các cơ quan an ninh theo sắc lệnh "Sửa chữa những khuyết điểm trong công tác điều tra của Dân ủy nội vụ".

Như vậy, với việc Beria lên cầm quyền, các cuộc khủng bố dồn dập trong giai đoạn 1936- 1938 không hề ngừng mà còn tăng lên. Việc tra tấn tù nhân đã có từ năm 1937, nhưng chỉ thị chính thức cho phép việc đánh đập và tra tấn tù nhân là theo kiến nghị của Beria và do Stalin ký ngày 10/01/1939. Stalin tin cậy giao cho Beria những nhiệm vụ đặc biệt bí mật và khó khăn. Chỉ kể hai việc trong số đó: việc ám sát Trôtski đã bị trục xuất từ năm 1929 đang sống ở Mehico và vụ sát hại hơn 20 nghìn tù binh Ba Lan ở Khatưn năm 1940.

TROTSKI

Giết Trôtski đã bị trục xuất khỏi Liên Xô sang sống ở Mehico là mong muốn mạnh mẽ của Stalin. Ít có ai mà ông ghét cay ghét đắng như Trôtski. Trong vấn đề này có nhiều lý do cá nhân. Trotski từ đáy lòng mình khinh bỉ và coi thường Stalin.

Lev Trôtski là công thần lập quốc, một trong những người sáng lập Nhà nước Xô viết. Số phận đã hào phóng ban thưởng cho con người này vừa nhiều vinh quang, vừa nhiều tai tiếng, nhiều lần lên cao cũng như nhiều lần thất sủng. Trong lịch sử cách mạng Liên Xô, ít có nhà lãnh đạo nào nhiều thăng trầm như Trôtski. Ông đã từng chứng kiến những tư tưởng và mơ ước táo bạo nhất của mình nhanh chóng trở thành hiện thực, và cũng chính ông,

trong một cuộc đời, đã nhìn thấy toàn bộ những hy vọng của mình tan thành mây khói, và toàn bộ công danh, sự nghiệp của mình ra tro.

Khi Lênin còn sống, Trôtski đứng ở hàng thứ hai trong Đảng và được xem là có thể thay thế Lênin. Trong khi đó Stalin cũng ngày càng tăng được trọng lượng chính trị và càng ngày càng tin rằng chính ông cần phải là người lãnh đạo Đảng và đất nước sau khi Lênin ra đi. Vì lẽ đó, Stalin bức bối thấy mọi người tiếp tục ngưỡng mộ công lao cách mạng và tài năng quân sự, tài năng hùng biện của Lev Trôtski.

Trôtski đã đóng vai trò quan trọng cùng các nhà cách mạng thế hệ đầu trong việc giành chính quyền vào tay những người Bôn-sê-vích trong cách mạng tháng Mười năm 1917. Tên tuổi ông nổi bật. Ông là nhà hùng biện có tài. Bản thân Trôtski từng mơ ước trở thành nhà văn hoặc nhà báo. Nhưng cách mạng thành công, và ông trở thành một trong những nhân vật chủ chốt của bộ tham mưu của cách mạng. Khi Lênin thành lập chính phủ, định giao cho ông làm Dân ủy Nội vụ, nhưng ông không nhận. Sverdlov đề xuất: "Thế thì giao cho ông ấy phụ trách ngoại giao" (vì Trôtski có học thức, biết ngoại ngữ, sống ở nước ngoài nhiều). Lênin bảo: "Lúc này thì ngoại giao có việc gì mấy!", nhưng cũng đồng ý.

Lênin nói đúng. Trôtski nhận chức Dân ủy Ngoại giao, nhưng vẫn bận chủ yếu công việc ở Hội đồng quân sự cách mạng và Hội đồng cách mạng Petrograd.

- Ta sẽ ban bố mấy sắc lệnh và lời kêu gọi nhân dân thế giới, công bố các hiệp định bí mật bất bình đẳng của Sa hoàng và rồi đóng cửa tiệm. - Trôtski nói.

Tất nhiên là Trôtski nói đùa, nhưng quả thật thời gian đầu sau khi cách mạng tháng Mười thành công, ngoại giao có vẻ là lĩnh vực không thiết thực đối với người cách mạng: ngoại giao gì khi mà vấn đề là làm thế nào để thúc đẩy tiến trình cách mạng thế giới! Bản thân Trôtski ngày đầu tiên đến nhận công tác ở Bộ Ngoại giao, tuyên bố trước cán bộ, nhân viên một câu "xanh rờn":

- Giai cấp vô sản thế giới không cần đến ngoại giao. Nhân dân lao động các nước sẽ tự hiểu nhau.

Ngoại giao Liên Xô ngay từ những ngày đầu sau cách mạng đã mang một số tồn tại đặc trưng cho cả sau này, như xem nhẹ chủ quyền của các quốc gia (các nhà lãnh đạo cho rằng trong trường hợp cần thiết, nhà nước vô sản có thể tiến hành can thiệp "đỏ" nhằm phổ biến chủ nghĩa xã hội, thiết lập chính quyền vô sản ở bất kỳ nước nào) .

Trôtski làm Dân ủy Ngoại giao vừa đúng sáu tháng, sau khi ký xong hoà ước Brest-Litov với Đức thì thờ phào và bàn giao lại chức Dân ủy ngoại giao. Lênin giao cho Trôtski một công việc còn quan trọng hơn nhiều: đó là thành lập quân đội, làm Dân ủy Quốc phòng và Chủ tịch Hội đồng quân sự cách mạng.

Bất chấp sự phản đối của các đồng chí trong Đảng, Trôtski sử dụng cả một số sĩ quan của quân đội Sa hoàng làm biên chế chính thức của Hồng quân. Chính điều này đã giúp bảo đảm hiệu quả của quân đội trong thời kỳ mới thành lập. Vốn tính kiêu ngạo, ông không sợ sự cạnh tranh, không thích những người thừa hành ngoan ngoãn, mà thích làm việc với những người có tài.

Chính ông đã tạo ra bộ khung những tướng giỏi cho thời kỳ nội chiến. Và điều này sau này sẽ là vận đen đối với họ: được Trôtski đưa lên ngang bằng với án tử hình?

Vai trò thống lĩnh quân đội đối với Trôtski thật là phù hợp, vì đây là chỗ để phát huy năng khiếu tổ chức bẩm sinh, lòng dũng cảm và tính cương quyết cùng nghị lực to lớn của ông. Thêm vào những đức tính ấy là sự tàn nhẫn. Lênin và Trôtski hợp tác với nhau, và họ đã chiến thắng trong cuộc nội chiến, nhưng bằng một cái giá đẫm máu.

Sau này trong nhiều năm, người ta viết rằng sự tàn nhẫn của Trôtski có thể giải thích bằng nguồn gốc Do Thái của ông ta (Trôtski họ thật là Bronstein), do vậy mà ông ta không thương tiếc gì nước Nga và người Nga.

Sự thực ý nghĩa dân tộc đối với Trôtski cũng không khác gì đối với Dzerjinski hay Stalin cả. Họ đều không coi mình là người Do Thái, người Ba Lan hay người Gruzia.

Họ đứng cao hơn dân tộc và tự đặt cho mình những nhiệm vụ mang tầm thế giới.

Chiến thắng trong cuộc nội chiến đã tăng thêm cho Trôtski nhiều người ủng hộ. Karl Kadek, ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, một nhà cách mạng, nổi tiếng thời đó nói rằng nếu có thể gọi Lênin là bộ óc của cách mạng, thì Trôtski là ý chí của cuộc cách mạng ấy.

Cục trưởng Cục Chính trị Hội đồng Quân sự cách mạng V. A. Antonov Ovseenko gọi Trôtski là "lãnh tụ, nhà tổ chức và người cổ vũ mọi thắng lợi của cách mạng".

Sau khi nội chiến kết thúc, Trôtski bắt tay vào cải tổ quân đội, đã nhanh chóng giảm biên chế quân đội để mọi người trở về làm việc và giảm gánh nặng ngân khố quốc gia. Các nhà lý luận quân sự cho rằng Hồng quân Liên Xô đã hình thành chiến lược quân sự vô sản.

Frunze, Tukhachevski, Budionui và Voroshilov đã nghĩ như thế. Các nhà quân sự đỏ, đang phấn khởi trước chiến thắng Bạch vệ trong nội chiến, cho rằng cần phải tiếp tục thế tiến công. Riêng Trôtski cho rằng cần phải biết phòng vệ, mà không phải tiếp tục tiến lên làm cách mạng thế giới.

Trôtski phản đối việc tuyệt đối hoá những bài học của nội chiến, và không xem nhẹ nghệ thuật quân sự của đối phương. Ông đánh giá cao các tướng Bạch vệ Dutov, Cornilov, Krasnov, đô đốc Kolchak, Denikin. Ông thường nói rằng chính chỉ huy kỵ binh Bạch vệ - Trung tướng Mamontov đã dạy Hồng quân chiến thuật săn lùng trong vùng địch hậu.

Trong khi nhiều vị chỉ huy không coi trọng lắm khoa học quân sự, Trôtski yêu cầu mọi người phải học tập, kể cả ngoài mặt trận, vào thời gian không có chiến sự. Bản thân ông tham gia vào việc soạn thảo lý luận và các bài giảng về quân sự, thành lập hệ thống đào tạo quân sự và khoa học quân sự.

Tại Đại hội XII của Đảng, bài tham luận của Trôtski đã được hoan nghênh nhiệt liệt, khiến cho Stalin và các ủy viên khác của Bộ Chính trị tái mặt vì ghen tị.

Năm 1925 - lúc này Lênin đã mất và Stalin lên thay - Trôtski bị gạt khỏi chức Dân ủy Quốc phòng và Chủ tịch Hội đồng quân sự cách mạng. Ông bị điều về Hội đồng kinh tế quốc dân làm Vụ trưởng vụ khoa học - kỹ thuật công nghiệp 2 năm dưới trướng của Dzerjinsky. Nhưng công tác này chẳng

chiếm hết bao nhiêu thời gian của ông. Nỗ lực chính của ông là để chiến đấu với Stalin và chính sách của Stalin cho đến khi bị thất bại. Năm 1926 ông bị ra khỏi Bộ Chính trị, tháng 10/1927 ra khỏi Trung ương, và một tháng sau bị khai trừ khỏi Đảng.

Stalin không biết làm gì với Trôtski, vì đất nước còn chưa sẵn sàng coi người bạn chiến đấu thân thiết của Lênin là kẻ thù. Thế là Trôtski bị đưa đi giam lỏng ở Alma-Ata, rồi từ đó bị trục xuất khỏi Liên Xô, còn những người ủng hộ ông ta dần dần bị thủ tiêu. Nhưng rồi ở nước ngoài, Trôtski cũng vẫn tiếp tục đấu tranh với Stalin.

Thời gian từ đó trở về sau, Trôtski viết rất nhiều, và không phải cái gì cũng đúng. Nhưng một vài tiên đoán lịch sử của ông đã trở thành sự thật. Chẳng hạn, năm 1931 ông tiên đoán rằng phát xít sẽ lên nắm quyền ở Đức năm 1933 ông cảnh báo rằng Hitler đang chuẩn bị chiến tranh. Trôtski chê Stalin là không hiểu thế nào là chủ nghĩa phát xít, lại cho rằng chủ nghĩa phát xít cũng không xấu hơn xã hội - dân chủ. Ngày 2/9/1939, Trôtski cảnh báo trước rằng chỉ hai năm nữa Hitler sẽ tấn công Liên Xô. Chưa đầy 2 năm, lời cảnh báo đó đã trở thành sự thật.

Stalin không thể tha thứ cho bản thân việc đã để cho Trôtski ra đi. Bây giờ bắt Trôtski ở nước ngoài, lại ở mãi Mehico bên kia bán cầu là việc làm hơi khó.

Tháng 5/1940, diễn ra cuộc mưu sát đầu tiên đối với Trôtski. Một nhóm biệt động lọt vào nhà Trôtski xả súng máy bắn khắp nhà, Trôtski thoát chết, nhưng từ ngày đó sống trong nỗi lo âu về cái chết đã được báo trước. Sáng sáng ngủ dậy, ông ta nói với vợ: "Thấy không, đêm qua họ đã không giết chúng ta. Thế mà em còn có điều gì không bằng lòng?".

Nhưng, như Stalin đã nói, không có thành trì nào mà những người Bôn-sê-vich, những người lê-nin-nít chúng ta không chiếm được. Năm 1940, Beria giao nhiệm vụ giết Trôtski cho Pavel Sudoplatov. Lãnh đạo trực tiếp chiến dịch này là Eitingon, sau này đã được phong tướng. Người trực tiếp thi hành nhiệm vụ là Ramon Merkader - một người Tây Ban Nha. Mẹ anh ta - bà Marie Caridal cũng là một cộng tác viên của Bộ Nội vụ.

Trước khi bị giết một ít ngày, Trôtski ghi trong nhật ký. "Đêm qua tôi nằm mơ thấy mình nói chuyện với Lênin. Ông lo lắng hỏi về bệnh tình của tôi, và bảo:

"Anh bị căng thẳng thần kinh đấy. Anh cần phải nghỉ ngơi, phải tham khảo ý kiến bác sĩ". Tôi kể cho Lênin về chuyến đi Đức chữa bệnh năm 1926 và định nói thêm: " Đấy là sau khi anh mất, nhưng nhớ ra và chữa lại, à quên sau khi anh bị ốm".

Vậy là cuối đời, trong những giấc mơ của mình, Dân ủy Quốc phòng đầu tiên của Liên Xô vẫn nhìn thấy Lênin là vị cứu tinh.

Ngày 20/8/1940, Merkader đến nhà Trôtski nhờ ông xem hộ một bài báo. Mặc dù trời nóng, anh ta vẫn đội mũ và mặc áo choàng mỏng. Khi Trôtski ngồi vào bàn đọc, anh ta rút cái rìu giấu trong áo ra, nhắm mắt, lấy hết sức bổ vào đầu Trôtski. Anh ta tính chém một nhát giết chết ngay Trôtski và chạy, nhưng không ngờ Trôtski quay lại vật lộn với Merkader. Trong lúc lúng túng, anh ta không kịp rút khẩu súng lục ra để sử dụng.

Ngày hôm sau Trôtski tắt thở ở bệnh viện. Ba trăm nghìn người đã đến từ biệt với ông.

Hai người con trai của Trôtski đều mang họ mẹ (vì sợ liên quan đến tên tuổi gây tai tiếng của người cha) và đều làm khoa học, không dính dáng gì đến chính trị.

Người con lớn - Sergei Sedov - làm kỹ sư, không đi theo cha mà ở lại Liên Xô, dạy ở trường kỹ thuật cao cấp Bauman, từ chối tham gia kể cả các cuộc tranh luận về đề tài chính trị, để chính quyền không có cơ gì đụng đến anh. Thế nhưng chính quyền vẫn cứ đụng đến: đầu tiên điều anh lên Vorkuta (một vùng xa phía bắc), sau đó ra lệnh bắt và năm 1937 xử bắn.

Người con trai thứ hai là Lev Sedov, thừa hưởng tính cách chiến đấu của cha, quyết định lưu vong cùng với bố mẹ. Sống ở Paris, anh ta tích cực giúp bố bằng cách tập hợp những người ủng hộ Trôtski, nhưng không ngờ rằng bị vây bọc bởi toàn những người làm cộng tác viên cho tình báo Nga. Năm 1938, anh ta phải mổ ruột thừa. Việc mổ suôn sẻ, nhưng vài ngày sau thì anh ta chết trong bệnh viện. Nhiều người cho rằng an ninh Liên Xô đã làm

việc đó, nhưng bằng chứng về nguyên nhân khác, ngoài bệnh tật, dẫn đến cái chết, thì không tìm ra.

Hai ngày sau tại Matxcơva, nhà vật lý lý thuyết nổi tiếng, một trong những người sáng lập thuyết lượng tử là Matvei Petrovich Bronstein bị xử tử. Nhà bác học này bị buộc tội là phần tử Trôtski và bị bắt. Trước đó, có lần ông nói đùa là ông có họ với Trôtski. Quả là một câu đùa chết người!

Tại phiên tòa ở Mehico, R.Merkader không nhận là làm việc cho an ninh Liên Xô. Matxcơva hài lòng về điều đó và có ý định tổ chức đánh tháo hoặc chuộc Merkader ra, nhưng sau, cân nhắc lại, lại thôi.

Merkader ngồi tù đến khi mãn hạn, năm 1960. ông ta được đưa sang Cuba, rồi từ Cuba sang Liên Xô, tháng 5/1960. KGB báo cáo với lãnh đạo (lúc đó là Khrushchov).

Ngày 31/5, một sắc lệnh không công bố của Xô viết tối cao Liên Xô quyết định "tặng Huân chương Lênin và danh hiệu Anh hùng Liên Xô cho đồng chí Lopes Ramon Ivanovich vì đã hoàn thành nhiệm vụ đặc biệt...".

Liên Xô cấp quốc tịch Liên Xô cho ông, và xếp cho ông làm việc ở Viện Mác - Lênin. Điều trở trêu là vào lúc này, khi ông ở tù ra, thì những người thầy và đồng chí đã giao nhiệm vụ cho ông là L.Eitingon và P.Sudoplatov lại đã phải vào tù vì, là người của Beria.

Đến giữa những năm 70, Merkader rời Matxcơva sang sống ở Cuba - ở đó vui hơn, không bị rét và không có những cán bộ Đảng và cán bộ an ninh vừa chơi với ông vừa theo dõi ông. Ông qua đời ở Cuba năm 1978 .

Thi hài ông được đưa về chôn cất tại nghĩa trang Kunsevo ở Matxcơva. Đa phần của cuộc đời, ông không sống bằng tên thật, do đó khi ông chết đi, người ta cũng mai táng ông với cái tên mà ông đã mang trong phần lớn cuộc đời: đồng chí Lopes R.I.

LITVINOV

Ngày 4/5/1939, ba nhân vật cao cấp của Đảng và Chính phủ là Molotov (Thủ tướng Chính phủ), Malenkov (Bí thư Trung ương Đảng phụ trách tổ chức) và Beria (Dân ủy Nội vụ) đến Bộ Ngoại giao, tuyên bố với Litvinov - Dân ủy Ngoại giao rằng từ ngày hôm nay ông bị thôi chức.

Với danh nghĩa là "làm trong sạch Bộ Ngoại giao khỏi những phần tử thù địch và đáng ngờ", Beria và đồng sự đã bắt các phó của Litvinov, cách chức hầu hết các vụ trưởng; tổng cộng đã bắt và xử lý hai nghìn rưỡi cán bộ Bộ ngoại giao kể cả ở các sứ quán ở nước ngoài, trong đó có khoảng năm chục đại sứ. Sau vụ này, cả một thế hệ các nhà ngoại giao dày dặn kinh nghiệm bị mất đi, mà chưa kịp được thay thế bằng lớp cán bộ mới.

Ngày 23/7/1939, một thông báo được ban bố, trong đó giải thích rằng Trung ương Đảng rất quan tâm đến công tác của Bộ Ngoại giao và đã quyết định cử người bạn chiến đấu gần gũi của đồng chí Stalin là V.M.Molotov làm Dân ủy Ngoại giao. Còn báo chí cho biết rằng Litvinov đã "không bảo đảm thực hiện đúng đắn đường lối đối ngoại của Đảng, trong công tác lựa chọn và sử dụng cán bộ đã tỏ ra không có tinh thần Bôn-sê-vích, đánh giá đối tượng có sai lầm, đặc biệt là đối với Anh và Pháp".

Theo quy luật, sau khi bị cách chức là đến bị bắt.

Litvinov chờ đợi, nhưng không thấy gì cả. Bộ Nội vụ tiếp tục lấy lời khai của những người bị bắt đối với Litvinov.

Nhưng Stalin ra lệnh không được đụng đến Litvinov.

Khác với hai người tiền nhiệm của mình là Trôtski và Chicherin có nhiều ý tưởng cao xa, Dân ủy ngoại giao thứ ba của chính quyền Xô viết - Litvinov - là một con người thực tế. Ông tham gia cách mạng từ sớm, và làm một công tác vào loại nguy hiểm nhất: chở vũ khí từ nước ngoài vào Nga cho những người bôn-sê-vích. Lênin cũng đã tin cậy giao cho ông nhiệm vụ đổi tiền do Kamo cướp được ở ngân hàng Kavkaz.

Năm 1918, Trôtski cử ông làm đại diện ở Anh, nhưng chính phủ Anh không công nhận chính quyền Xô viết, kiếm cớ bỏ tù Litvinov. Litvinov ngồi tù một thời gian cho đến khi Matxcova đánh đổi điệp viên Anh R.Loccart lấy ông. Ông về Bộ Ngoại giao, ban đầu làm đại diện ở Estonia, sau đó làm Thứ trưởng. Chicherin bị ốm, nhiều thời gian phải điều trị ở nước ngoài, do đó Litvinov thực tế là quyền Dân ủy. Năm 1930 ông trở thành Dân ủy chính thức và ở trên cương vị này 9 năm.

Litvinov là một người thân phương Tây. Ông đã sống lưu vong ở Anh, lấy vợ Anh. Chicherin và Molotov coi Đức là đối tác chủ yếu của Liên Xô.

Litvinov thì coi đối tác chính của Liên Xô là Anh, Pháp và Mỹ. Năm 1933, chính ông đáp tàu biển vượt đại dương sang Mỹ đàm phán với Tổng thống Mỹ Roosevelt và thoả thuận việc lập quan hệ ngoại giao giữa Liên Xô và Mỹ. Đó là giai đoạn đỉnh cao đặc chí nhất của Litvinov. Để tỏ lòng biết ơn của chính phủ Liên Xô đối với công trạng đó, Stalin đã tặng Litvinov một ngôi nhà ngoại ô ở Firsanovka.

Ngoại giao Liên Xô thời Litvinov đã đưa nước Nga Xô viết gia nhập Hội quốc liên - tiền thân của Liên hợp quốc Cũng chính Litvinov đã tìm cách liên kết các quốc gia châu Âu để chống lại nước Đức Hitler. Nhưng không thành công, vì các nước châu Âu sợ Hitler nhưng cũng lại không tin Stalin.

Năm 1936, nhân dịp 60 tuổi, Litvinov được trao tặng Huân chương Lênin. Báo "Sự thật" có bài nhan đề "Người con trung thành của Đảng Bôn-sê-vích". Bài báo viết: "Tên tuổi của đồng chí Litvinov sẽ đi vào lịch sử như một trong những đại biểu của thời đại vĩ đại của cách mạng tháng Mười và xây dựng chủ nghĩa xã hội, như một hiện thân của chính sách đối ngoại Liên Xô trong cuộc đấu tranh vì hoà bình giữa các dân tộc".

BẮT TAY VỚI ĐỨC QUỐC XÃ

Kỷ nguyên của Litvinov kết thúc sau khi Stalin quyết định hợp tác chiến lược với Đức. Việc thay ngoại trưởng là một tín hiệu cho Hitler hiểu rằng Liên Xô sẵn sàng nhích lại gần với Đức.

Khi Stalin và Molotov thông báo cho Berlin rằng Matxcơva sẵn sàng đón Dân ủy Ngoại giao của Đức Quốc xã, Hitler phấn khởi giơ hai tay lên trời và cả cười:

- Bây giờ thì cả thế giới trong túi ta rồi?

Khi Ribbentrop đến Matxcơva tháng 8/1939, Stalin lần đầu tiên đích thân tham gia đàm phán với một Bộ trưởng Ngoại giao nước ngoài. Ba người: Stalin, Molotov và Ribbentrop đã quyết định mọi vấn đề trong một ngày. Đến một giờ đêm thì Molotov và Ribbentrop ký hiệp ước không tấn công.

Ngày 31/8/1939, Molotov báo cáo tại phiên họp bất thường của Xô viết tối cao về việc ký Hiệp ước với Đức.

Ngày hôm sau, 1/9/1939, Hitler tấn công Ba Lan. Còn ngày 17/9/1939, quân đội Liên Xô chiếm lãnh thổ Tây Ucraina, và Tây Belarussia.

Ngày 28/9/1939, Ribbentrop sang Matxcơva lần thứ hai để ký với Molotov một hiệp ước nữa về hữu nghị và biên giới . .

Để bảo vệ cho việc ký hiệp ước với Đức, Molotov phát biểu trước Xô viết tối cao: "Hệ tư tưởng của Hitler, cũng như bất kỳ hệ tư tưởng nào khác, ta có thể công nhận hoặc không công nhận - đây là vấn đề quan điểm chính trị. Nhưng không thể nào tiêu diệt một hệ tư tưởng bằng vũ lực được".

Tại sao Stalin và Molotov quyết định nhích lại gần Đức và ký hiệp ước không tấn công với Đức?

Cách giải thích chính thống là: điều đó đã giúp Liên Xô tránh được đòn tấn công của Đức vào năm 1939, trì hoãn chiến tranh để có thời gian chuẩn bị tốt hơn cho cuộc chiến tất yếu sẽ đến.

Nhưng Hitler không có ý định tấn công Liên Xô năm 1939, vả lại còn đang có nước Pháp thù địch ở sau lưng.

Vấn đề là ở chỗ Hitler đã cho Stalin điều mà Anh và Pháp không thể cho: đó là việc phân chia thế giới. Với Hitler, Stalin đã trở thành nhân vật chính trị thế giới và Liên Xô vào vai người quyết định số phận thế giới.

Trước khi đánh Ba Lan, Hitler có nói với các tướng của mình: "Thực sự, trên toàn thế giới chỉ có ba nhà hoạt động nhà nước vĩ đại là Stalin, tôi và Mussolini. Stalin và tôi là những người duy nhất biết nhìn thấy tương lai.

Vài ngày nữa, tôi sẽ bắt tay Stalin trên biên giới Đức - Nga và cùng với ông ta phân chia thế giới".

Giữa cá nhân Hitler và Stalin đã xuất hiện một "mối tình" ngắn ngủi qua những bức thư. Mà người đưa thư là Molotov. Hiện còn tồn tại tin đồn về một cuộc gặp bí mật giữa Stalin và Hitler ở biên giới. Nhưng điều đó không có, hai người chỉ viết thư và công hàm cho nhau, thông qua Molotov và Đại sứ Đức ở Matxcơva.

Trong chuyến đi Matxcơva của Ribbentrop, buổi tối, trong phòng làm việc của Molotov có tổ chức một cuộc chiêu đãi. Stalin đề nghị nâng cốc chúc sức khoẻ Hitler.

Ribbentrop phấn khởi nâng cốc đáp lại chúc sức khoẻ Stalin và nói ở Matxcơva ông ta cảm thấy thoải mái dễ chịu như ở nhà.

Khác với Ribbentrop, J.Goebbels cũng có mặt trong đoàn cùng với Ribbentrop thì lại không hề có cảm tình với các quan chức Liên Xô - những người mà theo ông ta không có một chút tự nhiên, chân tình nào và luôn luôn cảnh giác.

Dân ủy Nội vụ Beria thì ra sức rót rượu vốt-ka cho Tham tán Đại sứ quán Đức là G.Hilger. Khi uống đã kha khá, Hilger chủ động phanh lại để giữ tỉnh táo, Stalin liền bảo:

- Thôi, nếu ngài không muốn uống, thì không ai có thể ép buộc được ngài phải uống cả.

- Kể cả ông trùm an ninh? - Hilger đùa.

Stalin bèn đáp:

- Đằng sau bàn tiệc này, kể cả trùm an ninh cũng không có nghĩa gì hơn bất kỳ ai khác.

Stalin không nói đùa. Đối với ông, Beria cũng chỉ là một cấp dưới phục tùng của ông, không hơn, chỉ có điều ông giao cho Beria những nhiệm vụ bí mật nhất và đẫm máu nhất.

CHIẾN TRANH

Đầu năm 1941, Beria được bổ nhiệm làm Phó Thủ tướng Chính phủ. Về danh nghĩa là thăng chức, trên thực tế Stalin gạt ông ta khỏi việc lãnh đạo công tác an ninh .

Đồng thời, Cơ quan dân ủy Nội vụ cũng bị chia ra làm hai: Bộ An ninh quốc gia và Bộ Nội vụ. Tình báo, phản gián, công tác điều tra được chuyển về Bộ An ninh quốc gia do V.N.Merkulov lãnh đạo. Beria còn lại Bộ Nội vụ, bao gồm công an, cứu hoả, biên phòng, nội chính và toàn bộ hệ thống các nhà tù và trại cải tạo (GULAG) đến lúc đó đã trở thành một vương quốc công nghiệp - xây dựng. Là Phó Thủ tướng, Beria quản thêm các bộ: Lâm nghiệp, Luyện kim màu, Công nghiệp dầu và đường sông. Từ nay Beria lãnh đạo kinh tế và xây dựng nhiều hơn, sự thực thì cũng bằng các biện pháp an ninh đã quen thuộc của ông ta là chính, và bằng sức lực của tù nhân.

Như một món quà an ủi, ông được phong hàm Cao ủy an ninh quốc gia mà từ 9/7/1945 đổi thành Nguyên soái Liên Xô. Chỉ có ba Chủ tịch cơ quan an ninh được phong hàm này: đó là Yagoda, Ejoy và Beria. Cả ba đều bị xử bắn.

Nhưng Beria không đi hẳn khỏi hệ thống an ninh. Bởi khi chiến tranh nổ ra, thì hai bộ nói trên lại được sáp nhập làm một và do Beria lãnh đạo. Song, đến năm 1943 thì tại tách ra, trong đó bộ phận tình báo quân sự tách ra thành một cơ cấu riêng, trực tiếp phục tùng Stalin là Tổng tư lệnh tối cao. Nhưng Stalin vẫn giữ Beria bên mình như một liên lạc viên. Kể cả sau năm 1945, khi Beria không làm Dân ủy Nội vụ nữa, Stalin vẫn giao cho ông ta truyền đạt các chỉ thị cho các Dân ủy, nhất là về các công việc đen tối, bí mật.

Beria cũng phải gánh chung trách nhiệm với Stalin về việc Hitler bất ngờ tấn công Liên Xô năm 1941, vì Beria quản lý toàn bộ mạng lưới tình báo của Liên Xô.

Khi Ribbentrop ở thăm Matxcơva mùa thu năm 1939, Stalin có nói với ông ta rằng trong trường hợp Đức cần đến sự giúp đỡ của Nga, thì Nga sẽ giúp. Berlin không thể tin được: chẳng lẽ Stalin sẵn sàng đứng về phía Đức? Và yêu cầu đại sứ quán Đức ở Matxcơva kiểm tra lại biên bản hội đàm. Ribbentrop trả lời rằng viện trợ quân sự thì Đức không cần đến, nhưng mong rằng Liên Xô sẽ giúp cung cấp nguyên vật liệu cho Đức. Và quả thực, trong một thời gian Đức đã được Liên Xô cung cấp với số lượng lớn dầu, nguyên liệu và lương thực. Đổi lại, Đức giúp hiện đại hoá Hồng quân Liên Xô. Các chuyên gia Liên Xô đã chia nhau đi đến các nhà máy, cơ sở công nghiệp quân sự của Đức. Đức mở rộng cửa chia sẻ kinh nghiệm và kỹ thuật quân sự với chuyên gia Liên Xô, ai định giấu giếm gì đó thì bị phạt.

Nhưng tại sao Hitler đã rắp tâm sẽ tấn công Liên Xô, lại chia sẻ bí mật vũ khí với Liên Xô? Đây là ý đồ quỷ quyệt của Hitler để làm Liên Xô mất cảnh giác, đồng thời biết rằng đảng nào Liên Xô cũng không kịp sử dụng các bí mật đó, vì Đức sắp tấn công Liên Xô đến nơi rồi.

Còn Stalin, Molotov và Beria tính rằng Đức sẽ sa lầy một thời gian vào chiến sự với Anh và Pháp, không thể thắng nhanh được để tấn công Liên Xô.

Tháng 11 năm 1940, Molotov đi Đức đàm phán về một số vấn đề tranh chấp, nhưng không đạt được thoả thuận gì.

Ngày 13/4/1941, Stalin làm một động tác bất ngờ.

Ông ra ga để tiễn Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Matsuoka, nhưng thực tế là để toàn thể Ngoại giao đoàn nhìn thấy ông đặt tay lên vai đại sứ Đức dặn dò rằng Đức và Liên Xô cần phải tiếp tục là bạn.

Các thông tin tình báo về việc Đức tập trung quân ở biên giới Liên Xô và về ngày dự định tấn công Liên Xô đều không được chấp nhận. Beria cho rằng các trinh sát viên hoặc là làm điệp báo hai mang, hoặc bị ảnh hưởng của địch, đã cung cấp tin tức giả do Anh tung ra nhằm mục đích kích Liên Xô chống Đức.

Stalin và Molotov cho đến tận phút cuối cùng vẫn còn không tin rằng Hitler dự định tấn công Liên Xô, mà chỉ cho rằng hãn muốn buộc Liên Xô nhượng bộ về lãnh thổ và kinh tế. Ngày 21/6/1941 Tổng Bí thư Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản Georghii Dimitrov cũng nhận được thông tin rằng Đức đang chuẩn bị tấn công Liên Xô.

Ông gọi điện thoại cho Molotov. Molotov trả lời Dimitrov: "Tình hình còn phức tạp, nhưng một cuộc chơi lớn đang được tiến hành".

Đến tháng sáu năm 1941, Stalin và Molotov vẫn còn hy vọng sẽ không bị Hitler qua mặt. Hai ông biết rằng sớm muộn cũng sẽ phải đánh nhau với Đức, có thể vào năm 42, 43, khi lợi ích của hai cường quốc nhất định xung đột với nhau. Nhưng còn bây giờ, theo họ, Hitler không dám tiến hành chiến tranh trên hai mặt trận; Đức có thể tiến hành chiến tranh ở châu Âu là do nhận được nguyên liệu, dầu và bột mì của Liên Xô.

Suy luận của Stalin và Molotov về nguyên tắc là đúng. Chỉ có điều Hitler không định tiến hành chiến tranh lâu. Y dự định đánh một đòn chớp nhoáng đè bẹp Liên Xô trong vòng vài tháng và giải quyết mọi vấn đề.

Tối ngày 21/6/1941 Molotov mời Đại sứ Đức Shulenburg lên đề nghị giải thích một số vấn đề về quan hệ của Đức với Liên Xô. Đức hứa báo cáo

với trong nước. Nhưng vài giờ sau chiến tranh bắt đầu. Đại sứ Đức lại xuất hiện tại phòng làm việc của Molotov nhưng với thông báo chiến tranh.

Trong những tuần và tháng đầu tiên sau khi chiến tranh nổ ra, khi Hồng quân Liên Xô bị tổn thất to lớn và phải chạy dài, Stalin lại cử Beria đứng đầu cơ quan an ninh quốc gia và tham gia Hội đồng Quốc phòng - cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước, được thành lập ngày 30/6/1941 do Stalin đứng đầu. Beria phụ trách công tác sản xuất vũ khí và quân dụng. Một tháng sau khi chiến tranh nổ ra, Dân ủy nội vụ đã sơ tán tù binh khỏi các nhà tù ở Matxcơva để khỏi rơi vào tay quân Đức, đồng thời đẩy nhanh "tiến độ xử lý các kẻ thù" nguy hiểm nhất của nhân dân. Đến ngày 16/10/1941 (tức là bốn tháng sau khi chiến tranh nổ ra), 138 người ở nhà tù Butyrskaya (Matxcơva) đã bị xử bắn theo lệnh Beria, trong đó có hai chiến sĩ lão thành của KGB là Cục trưởng Cục cảnh vệ bảo vệ Lênin là A.ra.Belenki và nguyên ủy viên ban lãnh đạo ủy ban đặc biệt M.S.Kedrov.

Trong những ngày bi kịch, khi quân Đức đang tiến gần đến Matxcơva, Beria nhận chỉ thị của Stalin thăm dò khả năng và tìm cách ký hoà ước với Đức kể cả nếu phải nhân nhượng về lãnh thổ.

Tháng 10/1941, Stalin cho gọi Nguyên soái Jukov. Vì Stalin đang ốm, nên Jukov được đưa thẳng vào bệnh viện Trung ương ở Kunsevo để gặp Stalin. Theo Jukov kể, Stalin vẫn còn đang bị sốc sau vụ Đức tấn công Liên Xô.

Stalin không tin là có thể giữ được Matxcơva nên đã quyết định sơ tán thủ đô. Beria phụ trách việc tiêu hủy các công trình quan trọng nhất trong thành phố. Ngày 16/10/1941, Stalin dự định bản thân cũng rời Matxcơva.

Nhưng niềm tin của Jukov rằng sẽ bảo vệ được Matxcơva đã giữ ông lại.

Sau trận phản công của Hồng quân ở ngoại ô Matxcơva, Stalin mới hoàn hồn, lấy lại được sự tự tin, và bắt đầu phân công mọi người rõ ràng theo các vị trí.

Beria thì vất kiệt sức sản xuất của các trại cải tạo. Ngày 30/9/1943 ông ta được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động xã hội chủ nghĩa vì công lao trong việc đẩy mạnh sản xuất vũ khí và quân dụng trong điều kiện thời chiến.

VƯƠNG QUỐC CÔNG NGHIỆP

XÂY DỰNG VÀ NIỀM TIN CHO TRÁI ĐẤT

Ngày 27/12/1945, Xô viết tối cao Liên Xô quyết định để Beria thôi chức Dân ủy Nội vụ. Người thay ông là người phó của ông - trung tướng S.N.Kruglov 38 tuổi, ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, người được tặng thưởng Huân chương của Anh và Mỹ (vì công lao bảo đảm an ninh cho hội nghị tứ cường ở Potsdam năm 1945).

Hai tuần sau, báo "Sự thật" mới đưa tin này và giải thích rằng Phó Thủ tướng L.P.Beria tự đề nghị giải phóng ông khỏi chức vụ này "vì quá bận công tác khác của trung ương".

Việc "tự đề nghị" thì đương nhiên là không có, còn "quá bận" thì đúng. Sau chiến tranh Beria vẫn tiếp tục được giao những trọng trách.

N.K.Baibakov, nhiều năm lãnh đạo ủy ban kế hoạch nhà nước (Gosplan) kể trong hồi ký rằng Beria phụ trách một số lĩnh vực rất quan trọng của kinh tế quốc dân, trong đó có làm Chủ tịch Ủy ban về nhiên liệu. Một lần Baibakov bị cảm lạnh, sốt cao, phải nằm ở nhà.

Chuông điện thoại réo. Ở đầu dây bên kia, Beria giọng bức tức, cầu nhàu: "Phải đi giầy lông vào", và lệnh cho Baibakov bay ngay cùng với thứ trưởng Bộ Nội vụ Kruglov xuống Ufa - ở đó vừa xảy ra một vụ nổ ở nhà máy lọc dầu. Đối với cấp dưới, Beria cứng như sắt, không chấp nhận "thông cảm với hoàn cảnh" này nọ. Từ ông ta toả ra một uy lực tàn nhẫn và lẫm liệt.

Theo Baibakov, dư luận rằng Beria biết lấy lòng Stalin và biết đánh trúng tâm lý lãnh tụ là điều đơm đặt. Stalin là người không dễ "lấy lòng". Chiếm được sự tin cậy của Stalin chỉ có thể bằng việc làm thực tế.

Beria chính là nhà tổ chức tài năng, người biết cách thực hiện bằng được mọi nhiệm vụ được giao, bằng cả "cây gậy và củ cà rốt", chấp nhận hy sinh, kể cả sinh mạng của người khác để đạt được mục đích. Ban lãnh đạo cao cấp của đất nước trong những năm trong và sau chiến tranh luôn tin rằng công việc nào đã giao cho Beria phụ trách, công việc đó dứt khoát thành công.

Tháng 12/1944 Liên Xô thành lập ủy ban đặc biệt trực thuộc Hội đồng Quốc phòng tối cao phụ trách việc sử dụng uranium, Beria trực tiếp lãnh

đạo ủy ban này.

Theo hồi ký của E.Slavski, nguyên Dân ủy chế tạo máy trong nhiều năm, Beria không am hiểu các vấn đề thuộc về chuyên môn khoa học, kỹ thuật, nên rất coi trọng và chú ý lắng nghe ý kiến các nhà bác học, công trình sư, tìm mọi cách cung cấp cho các nhà khoa học tất cả những gì mà họ yêu cầu, đồng thời cũng rất biết "ốp" họ làm việc quên mình.

Nằm trong tay toàn bộ nhà tù trên lãnh thổ Liên Xô, Beria đã sử dụng lao động tù nhân vào việc sản xuất vũ khí, quân trang, quân dụng phục vụ chiến tranh.

Nay, hệ thống nhà tù và trại cải tạo đã trở thành như một vương quốc công nghiệp - xây dựng. Chỉ đạo công việc chế tạo bom nguyên tử là một siêu bộ gọi là Tổng cục trực thuộc Hội đồng Dân ủy. Còn xây dựng các công trình công nghiệp nguyên tử là Tổng cục trại xây dựng công nghiệp của Bộ Nội vụ. Thăm dò, khai thác và chế biến uranium là công việc của Tổng cục trại mỏ - luyện kim của Bộ Nội vụ. Như vậy là trong việc sản xuất bom nguyên tử có sự đóng góp công sức lao động của tù nhân.

Quả bom nguyên tử đầu tiên của Liên Xô đã được nổ thử ngày 29/8/1949 tại căn cứ Semipalatinsk cũng được sản xuất và lắp đặt tại trại tù của Bộ Nội vụ ở thành phố Sarov ở Mordovia.

Năm 1945, theo đề nghị của Beria, chính phủ quyết định thu hút chuyên gia Đức vào công tác xử lý uranium ở Liên Xô. Đức (lúc đó còn chưa thành lập nước Cộng hòa dân chủ Đức - ND) gửi sang gần 300 chuyên gia.

Nguyên là vùng giáp giới giữa Đông Đức và Tiệp Khắc có trữ lượng uranium rất lớn. Theo một hiệp định được ký kết giữa Liên Xô và Đông Đức, Công ty cổ phần Xô-Đức "Vismut" đưa ủy nhiệm khai thác quặng uranium ở vùng này. Thoả thuận rằng 10 năm đầu uranium khai thác được thì cung cấp cho Liên Xô, còn sau đó toàn bộ quyền sử dụng uranium thuộc về Đức.

Nhưng trong 10 năm, Liên Xô đã sử dụng gần hết.

Đến ngày hôm nay, chúng ta cũng không được biết chính xác quy mô của vương quốc nguyên tử mà Beria đã nắm trong tay. Quản lý một cơ ngơi như vậy chắc chắn là một công việc to lớn. Tất nhiên Beria có năng khiếu

tổ chức. Nhưng mặt khác mà nói, cũng không thể không là nhà tổ chức một khi có trong tay các nguồn tài chính, toàn bộ cơ sở công nghiệp và các trại của Bộ Nội vụ, một nguồn sức lao động hầu như vô tận, và các nguồn tài nguyên bao la.

Chỉ có mỗi viện sĩ Piotr Kapitsa đề nghị Stalin giải phóng cho ông khỏi việc tham gia vào dự án nguyên tử vì không thể nào làm việc được dưới sự lãnh đạo cường quyền của Beria. Tuy thế ông cũng phải công nhận tài năng tổ chức và huy động lực lượng của Beria.

Viện sĩ A.D.Sakharov kể rằng Beria tự mình lo liệu toàn bộ công tác nguyên tử, thậm chí cả Malenkov, lúc đó đã trở thành người thứ hai trong Đảng cũng không được Beria cho tiếp cận các công việc đó. Một chữ ký của Beria là đủ để soạn thảo bất cứ quyết định nào thành nghị quyết của Trung ương Đảng và Hội đồng Dân ủy.

Tại một cuộc họp, Beria phê bình một cán bộ phụ trách làm thất bại việc chế tạo thử một vật liệu cần thiết như thế này:

- Những người Bôn-sê-vích chúng ta, khi đã muốn làm gì chúng ta nhắm mắt trước tất cả mọi thứ khác. Còn đồng chí, Pavlov, đồng chí đã đánh mất tinh thần Bôn-sê-vích! Lần này chúng tôi sẽ không phạt đồng chí. Chúng tôi mong rằng đồng chí sẽ sửa chữa khuyết điểm. Nhưng hãy nhớ rằng, nhà tù của chúng ta còn nhiều chỗ lắm .

Beria là người Gruzia, nên chữ "nhà tù" phát âm thành ra "nhà chù" ^[2] - nghe lại càng đáng sợ. Người bị Beria phê bình suýt nữa ngất xỉu.

Năm 1945, bản thân những người sáng chế ra bom nguyên tử không biết rằng họ đã tạo ra một loại vũ khí có khả năng hủy diệt đối tượng sử dụng và cả người sử dụng nó. Con người vẫn đón nhận sự ra đời của loại siêu vũ khí này một cách bình tĩnh, như niềm tin của con người rằng lịch sử giống như một đội quân được tập luyện để hành quân từ thấp lên cao. Người Mỹ cho rằng họ làm vũ khí hạt nhân chỉ là để bảo vệ mình khỏi mối đe dọa Liên Xô. Còn người Liên Xô thì tin rằng đã tự trang bị một lá chắn hạt nhân đối với Mỹ. Một sự lạc quan bao trùm thế giới, rằng "bom nguyên tử được chế tạo để cho chiến tranh, nhưng kiến thức để chế tạo nó có thể mang lại cho

trái đất này không phải cái chết mà là sự sống, không phải bạo tàn mà tự do", "mở ra thời đại của sự giàu có vô tận và những khả năng cho tất cả mọi người".

Người ta đã nghĩ như thế và viết như thế trong những năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai. Và không phải chỉ ở Mỹ, mà cả ở Nga.

Những người sáng tạo ra vũ khí hạt nhân ở Nga ngày hôm nay vẫn vui sướng nhớ lại công việc mình đã làm, tự hào rằng họ đã nghĩ ra và thử nghiệm một sản phẩm tuyệt vời như thế nào. Họ tự hào không phải chỉ vì đã hoàn thành nhiệm vụ mà Tổ quốc giao cho. Họ còn có niềm tự hào riêng của nhà bác học đã giải được một loạt bài toán khó. Trong số họ có cả những nhà lãnh đạo chủ nghĩa coi việc hoàn thành công việc của họ là một bước của con người vươn tới các vì sao.

Stalin giao cho Beria lãnh đạo ủy ban quốc gia về tiến hành thử bom nguyên tử.

Ngày 29/8/1949, Liên Xô tiến hành thử quả bom nguyên tử đầu tiên. Có mặt tại cuộc thử, Beria cũng hồi hộp lo lắng như mọi người khác, vì hiểu rằng nếu thất bại đầu ông ta cũng có thể bay.

Khi Beria mừng rỡ chạy đi gọi điện về Matxcơva, thì ở đầu dây kia Stalin giọng ngái ngủ chỉ trả lời gọn lỏn:

"Tôi đã biết rồi". Và bỏ ống nghe xuống.

Trung ương Đảng và Hội đồng Dân ủy ra một nghị quyết đặc biệt tuyên dương công trạng Beria "vì công tác tổ chức sản xuất năng lượng nguyên tử và thử thành công vũ khí nguyên tử". Beria được nhận Huân chương Lênin và giải thưởng Stalin hạng nhất.

CHƯƠNG VI

VSEVOLOD NICOLAEVICH MERCULOV

Dân ủy An ninh quốc gia (2/1941 - 4/1943)

Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia (3/1943 - 4/1946)

N.K.Baibakov - nguyên Chủ nhiệm ủy ban kế hoạch nhà nước, thời gian đầu chiến tranh làm đặc phái viên của Hội đồng quốc phòng về các vấn đề công nghiệp dầu ở vùng Kavkaz kể lại việc Stalin giao cho ông nhiệm vụ phá hủy các cơ sở lọc dầu ở vùng Kavkaz như sau:

- Đồng chí Baibakov! Quân Đức đang tiến về Kavkaz. Nếu đồng chí để lại cho quân Đức dù chỉ một tấn dầu, chúng tôi sẽ xử bắn đồng chí.

Stalin chậm rãi đi đi lại lại cạnh bàn, im lặng một lát rồi nói thêm:

- Nhưng nếu đồng chí phá hủy các cơ sở sớm trước mà quân Đức không đến, chúng ta không có nhiên liệu dùng, thì đồng chí cũng sẽ bị xử bắn.

Điều lạ kỳ là sau gần nửa thế kỷ, Baibakov vẫn kể lại những lời hăm dọa của Stalin với lòng khâm phục.

Giúp Baibakov là Merculov. Ông dẫn các chuyên gia người Anh đến để giới thiệu với Baibakov kinh nghiệm phá các nhà máy lọc dầu của họ để khỏi bị lọt vào tay Nhật. Nhưng Baibakov không theo kinh nghiệm của Anh. Các chuyên gia Liên Xô nghĩ ra một phương pháp riêng. Không phải ông sợ sự phá hoại của gián điệp nước ngoài. Mà Merculov lúc đó đã là Thứ trưởng thứ nhất Bộ Nội vụ. Ông sợ là sợ không hoàn thành đúng lúc nhiệm vụ mà Stalin đã giao. Cuối cùng, họ đã làm nổ các dàn khoan và nhà máy lọc dầu khi quân Đức đã tiến đến gần sát, nghe thấy cả tiếng súng nổ bên tai.

Merculov hơn Beria bốn tuổi, nhưng trong quan hệ với nhau Beria luôn luôn là anh. Không phải chỉ vì chức vụ. Merculov kém Beria về tính kiên quyết, sự lạnh lùng và cả về năng lực tổ chức.

V.N. Merculov sinh năm 1895 tại thành phố nhỏ Zacatala ở Azerbaijan. Ông học trường cao đẳng kỹ thuật Baku cùng với Beria và các cán bộ an ninh kỳ cựu như Goglidze, Cobulov, Diafar Bagirov. Merculov học cao hơn các đồng chí của mình: sau đó ông lên Thủ đô (Peterburg) và năm 1913 vào học khoa toán - lý Đại học tổng hợp Peterburg. Như vậy Merculov là người có học vấn cao nhất trong ê-kíp của Beria và có thể trong số lãnh đạo cơ quan an ninh nói chung (kể nhiệm ông sau này là Abakumov mới học hết lớp 4).

Nhưng (hoặc có thể do đó), Merculov vào Đảng muộn hơn: mãi năm 1925. Ông đã kịp phục vụ trong quân đội Sa hoàng, rồi trong Hồng quân. Làm công tác giảng dạy ba năm. Năm 1921 ông được lấy vào ủy ban An ninh Gruzia và làm ở đó 10 năm. Đến năm 1931, khi Beria trở thành Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng Cộng sản Gruzia thì lấy Merculov về làm công tác Đảng. Beria thích Merculov ở học thức và tính chấp hành. Ngoài ra, Merculov có viết tập sách mỏng "Người con trung thành của Đảng Lenin và Stalin" nói về Beria.

Năm 1937, Beria đưa Merculov về Matxcơva cùng mình. Bản thân Beria nhận chức Thứ trưởng thứ nhất Bộ Nội vụ (để chuẩn bị thay Ejov) kiêm Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh quốc gia, bèn cử Merculov làm phó của mình, phong hàm Chính ủy An ninh quốc gia hạng ba (tương đương với Trung tướng trong quân đội).

Khi Beria trở thành Bộ trưởng năm 1938, Merculov làm Phó thứ nhất và Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh quốc gia, phụ trách cả tình báo, phản gián và bảo vệ các ủy viên Bộ Chính trị.

Năm 1939, sau khi Tây Ucraina tách khỏi Ba Lan nhập vào Liên Xô, Merculov đã đi Lvov để chỉ đạo chiến dịch phát hiện và xử lý các phần tử nguy hiểm ở khu vực mới sáp nhập vào Liên Xô này. Năm 1940, ông đã trực tiếp phụ trách việc xử bắn các sĩ quan tù binh Ba Lan ở Khatuyn.

Khi chiến tranh nổ ra, các trại lại tràn ngập làn sóng tù nhân mới: đó là những người không thực hiện quy định của chính phủ về việc đem nộp máy thu thanh cá nhân cho ủy ban quận, huyện, những người "loan tin thất thiệt" về việc quân Đức sắp tấn công và loan tin thắng trận của địch hoặc "ca ngợi

vũ khí Đức". Hội đồng quốc phòng quyết định cho Ủy ban đặc biệt của Bộ Nội vụ được quyền quy định mức hình phạt cho các tội, kể cả tử hình.

Trong cơn lốc ấy công bằng mà nói, Merkulov không phải là kẻ tệ nhất. Ông nhã nhặn, nói năng từ tốn, không quát tháo, và cố gắng làm theo lương tri nếu điều đó không đi ngược lại bốn phận công tác của ông. Beria sai cấp dưới tự tay đánh đập tù nhân. Chỉ có một mình Merkulov không chịu làm. Beria cười giễu: trí thức có khác?

Merkulov là người mà với ông còn có thể trình bày, thuyết phục được. Khi nhà vật lý Lev Davidovich Landau bị bắt, Viện sĩ Piotr Kapitsa chạy đến Merkulov xin cho Landau. Merkulov đưa cho viện sĩ xem hồ sơ điều tra, trong đó Landau bị buộc đủ thứ tội chống chế độ.

Kapitsa nói với Merkulov:

- Tôi xin cam đoan với đồng chí rằng Landau không phải là người chống chế độ, anh ấy sẽ không bao giờ tham gia hoạt động phản cách mạng.

- Landau là nhà vật lý giỏi lắm có phải không? - Merkulov hỏi.

- Một nhà bác học thiên tài, tầm cỡ quốc tế - Kapitsa đáp.

Landau được tha. Sau này ông trở thành viện sĩ, được giải thưởng Nobel.

Tháng hai năm 1941, khi Bộ Nội vụ được chia thành hai bộ, Merkulov được cử làm Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia, phụ trách tình báo, phản gián, công tác chính trị - mật vụ và điều tra. Beria làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, phụ trách công an, cứu hoả, biên phòng, hệ thống nhà tù và trại cải tạo và công nghiệp.

Nửa năm sau khi chiến tranh nổ ra, hai bộ lại nhập làm một. Beria lại làm Bộ trưởng, Merkulov lại làm Phó thứ nhất của Beria. Tháng hai năm 1943, ông được phong hàm Chính ủy An ninh quốc gia hạng nhất (tương đương Đại tướng quân đội).

Tháng tư năm 1943, Bộ nội vụ lại tách ra. Và Merkulov lại lãnh đạo Bộ An ninh quốc gia.

"MƯỜI BẢY KHOẢNH KHẮC CỦA MÙA XUÂN"

Việc Stirlits - sĩ quan tình báo Liên Xô hoạt động trong bộ máy an ninh Đức - là người của Merkulov có thể chỉ là một huyền thoại, một sự tích ly

kỳ. Nhưng nhiều người, trong đó có cả những người rất thông thạo cũng tin rằng chuyện đó có thật.

V D.Ejov - Giáo sư, Tiến sĩ sử học, một nhà Đức học lâu năm, kể với tôi rằng ở Iurmala gần vịnh Riga trên biển Ban-tích đã từng có một nhà tình báo Liên Xô sống ẩn dật, xa lánh không chỉ người lạ, mà cả người quen, vì không muốn để mọi người biết về mình. Câu chuyện về cuộc đời con người này là cơ sở để Yulian Semenov viết tiểu thuyết "Mười bảy khoảnh khắc của mùa xuân" đã được dựng thành phim truyền hình.

Trong danh sách những người tham gia xây dựng phim có cố vấn chính của bộ phim là Trung tướng S.K.Mishin. Đó chính là bí danh của Phó Chủ tịch thứ nhất KGB S.K.Tsvigun, một người thân cận của Brejnev.

Vậy sự tích về Stirlits có thật hay không?

Nhà văn Semenov đã quá cố - người mà tôi quen thân và rất yêu mến - là tác giả một loạt tiểu thuyết hay về nhà tình báo Liên Xô Isaev Stirlits. Semenov viết hay và thuyết phục đến nỗi người đọc tiếp nhận Stirlits như một nhân vật lịch sử có thật.

Cuối những năm 20 - đầu những năm 30, Liên Xô có ở Đức một mạng lưới tình báo và phản gián rất mạnh với số lượng điệp viên đông đảo. Nhưng năm 1936 chiến dịch thanh lọc quy mô lớn đã động đến cả quân đội và an ninh. Nhiều cán bộ an ninh đang hoạt động ở nước ngoài bị gọi về, bị bắt hoặc bị bắn. Năm 1938, lãnh đạo Cục tình báo quân sự báo cáo với Bộ trưởng Quốc phòng rằng Hồng quân Liên Xô thực tế không còn tình báo nữa, mạng lưới hoạt động bí mật làm cơ sở cho ngành quân báo đã hầu như bị phá huỷ. Các cuộc khủng bố diễn ra sau vụ án "Tukhachevski" đã giáng một đòn tổn thất lớn cho quân đội. Bộ máy quân báo không còn lại một cán bộ dày dặn kinh nghiệm nào. Khi một sĩ quan cao cấp trong bộ máy Trung ương bị bắt, thì tất cả các chiến sĩ tình báo có quan hệ công tác với sĩ quan đó, cả công khai và bí mật, đều tức khắc bị tình nghi. Đầu tiên là Matxcova không tin những báo cáo của họ nữa, sau đó họ bị gọi về Matxcova thậm chí không kịp bàn giao công việc cho người thay. Như vậy là tình báo Liên Xô bị làm suy yếu không phải bởi kẻ địch, mà bằng chính lãnh đạo nước mình.

Thượng tướng V.Nikolski thời gian ngay trước chiến tranh làm ở Cục tình báo quân đội kể: "Chúng tôi nắm được kế hoạch hoạt động của các nước châu Âu rõ hơn là ý định của chính phủ nước mình. Việc ký hiệp ước với Đức, việc quân đội Liên Xô tiến vào lãnh thổ Ba Lan là những điều hoàn toàn bất ngờ đối với tình báo Liên Xô.

Khi Hồng quân tiến vào chiếm các vùng phía Đông Ba Lan, chúng tôi đã không kịp chuyển các cơ sở và mạng lưới sang phía tây, và các điệp viên của chúng tôi đã bị bắt làm tù binh của Liên Xô.

Cuộc rút lui trong năm đầu của chiến tranh cũng đã buộc phải bỏ các điểm trinh sát, bị mất cán bộ. Trang thiết bị của tình báo cũng rất nghèo nàn: không có các trạm điện đài, vũ khí tự động và dù, cho các đơn vị biệt động, trinh sát. Trong những tháng đầu chiến tranh, các chiến sĩ được cử vào vùng địch hậu chỉ có súng lục, vì không có tiểu liên.

Tôi hỏi tướng Nikolski đánh giá thế nào về hoạt động của quân báo trong giai đoạn đầu chiến tranh, và những tin tức tình báo thu được có đáng với hy sinh tổn thất to lớn phải bỏ ra không?

- Đáng chứ. - Thượng tướng Nikolski trả lời - Nếu không thế, chúng ta không thể chiến đấu được. Đôi khi cái giá để đạt được mục đích lớn kinh khủng, nhưng chiến dịch bảo vệ Matxcơva không có trinh sát, tình báo thì không thể thắng được. Trong khi đó, lãnh đạo liên tục cải tổ cơ cấu các cơ quan an ninh: Bộ Nội vụ khi thì chia làm hai, khi nhập làm một, quân báo khi thì thuộc sự quản lý của Bộ Quốc phòng, khi thì của Bộ Nội vụ, khi lại Bộ Quốc phòng.

Năm 1942, có lệnh cải tổ quân báo, bởi cho rằng có nhiều kẻ hoạt động "hai mặt" trà trộn vào, do đó các cán bộ quân báo bị chuyển hết về Bộ An ninh quốc gia, còn các chiến sĩ trinh sát cấp thấp thì đưa về bổ sung cho các đơn vị. Sau này, theo đề nghị liên tục của các chỉ huy các phương diện quân, mới khôi phục đơn vị trinh sát và thành lập Cục trinh sát trong Bộ Tổng tham mưu. Nhưng hậu quả của đòn đánh vào quân báo năm 1942 vẫn còn tác động lâu. Nhiều cán bộ và chiến sĩ trinh sát có kinh nghiệm và chuyên môn đã hy sinh trong chiến đấu.

Stalin rất yêu quý công tác tình báo. Nhưng cuộc thanh lọc quy mô lớn do ông chủ trương và thực hiện bằng tay Ejev đã làm suy kiệt lực lượng tình báo. Năm 1938, cơ sở tình báo của Liên Xô ở Berlin chỉ còn ba cán bộ, trong đó một người không biết tiếng Đức. Khi Merculov lên lãnh đạo Tổng cục An ninh quốc gia, có phục hồi lại được quy mô cũ của cơ sở này, nhưng kết quả kém xa ngày xưa. Bởi các cán bộ chỉ nắm được tình hình ở nơi mà anh ta được cài vào, chứ không nắm được tình hình rộng, không thăm dò được ý tứ của những người trong giới cầm quyền của Đức nhất là những người trong giới thân cận với Hitler - mà điều này mới có giá trị. Matxcơva không hiểu được lãnh đạo Đức suy tính gì, nên phải xây dựng giả thuyết, mà nhiều giả thuyết bị sai.

Thêm vào đấy, được cử làm trưởng cơ sở tình báo ở Berlin là Kabulov, em trai của Thứ trưởng thứ nhất (Phó của Merculov), một người vừa không có kinh nghiệm tình báo, vừa không biết tiếng Đức. Tình báo Đức nắm được điều đó, đã tung các điệp viên hoạt động hai mang biết nói tiếng Nga để tiếp cận. Và Kabulov dễ dàng tiêu hoá số thông tin giả mà những người này bơm cho ông ta. Chính Hitler đích thân xem trước các thông tin được an ninh Đức làm ra để đưa cho Kabulov.

Chính thông qua con đường đó mà Đức tung hoả mù cho Liên Xô là Đức chưa định tấn công Liên Xô. Tất cả được Merculov báo cáo cho Stalin. Ngoài ra, nhiều người cộng tác với An ninh Liên Xô là những người chống phát xít, cánh tả, có những người khác làm việc vì tiền - có thông tin là có tiền. Cho nên nhiều khi chúng ta đã phải trả tiền để nhận thông tin giả.

Vấn đề nữa là phân tích thông tin. Stalin không tin vào năng lực phân tích và tổng hợp của cán bộ, thường yêu cầu Merculov cung cấp nguyên văn các báo cáo và tin tức tình báo để tự mình rút ra kết luận. Do đó mà Merculov cũng không phải nhọc công thành lập bộ phận phân tích đánh giá thông tin. Điều ảnh hưởng đến đánh giá của lãnh đạo Liên Xô là trước ngày 22/6/1941 Stalin và những đồng chí thân cận nhất của ông vẫn tin vào khả năng hợp tác lâu dài với Đức, do đó trong các báo cáo chỉ nhìn thấy và nhận ra những gì mà họ muốn nhìn thấy...

Cho tận đến khi kết thúc chiến tranh, Stalin vẫn sợ rằng quân Đức thoả thuận được với Mỹ và Anh để đầu hàng ở mặt trận phía Tây và tung quân sang mặt trận phía Đông để chống lại Liên Xô. Những cuộc đàm phán riêng rẽ giữa Đức với Anh và Mỹ quả thật đã diễn ra.

Tháng 3 năm 1945, Anh và Mỹ cử tình báo Allen Dulles đi Thụy Sĩ để đàm phán với bộ chỉ huy quân Đức về việc đầu hàng của lực lượng quân đội Đức ở Italia.

Allen Dulles, Giám đốc tương lai của C.I.A, theo nghề nghiệp là một luật sư, trong chiến tranh thế giới thứ nhất đã là gián điệp Mỹ ở Thụy Sĩ. Được tin Mỹ tiến hành đàm phán riêng rẽ với Đức sau lưng Liên Xô, Stalin nổi giận. Mặc dù người Mỹ thanh minh là Mỹ làm thế để giảm bớt tổn thất cho Mỹ trong chiến dịch giải phóng nước Ý, song sau khi nhận được bức thư trách móc của Stalin, Tổng thống mới của Mỹ lúc đó là H.Truman đã ra lệnh dẹp bỏ hết tất cả các cuộc đàm phán với Đức để không chọc tức người Nga.

Nhưng sau đó hai bên đã tính được một giải pháp hợp lý: ngày 28/4/1945 đã ký văn bản tiếp nhận sự đầu hàng của quân Đức ở Bắc Ý với sự có mặt của đại diện Liên Xô.

Khi Yulian Semenov viết truyện và kịch bản phim "Mười bảy khoảnh khắc mùa xuân", ông không được vào kho xem các tài liệu mật của Liên Xô và của Đức Quốc xã, mặc dù có được đọc hai tập thư từ qua lại giữa Stalin với Churchill và Roosevelt trong những năm chiến tranh. Nhưng ông là một nhà văn tài năng. Hình tượng Stirlits được tổng hợp từ nhiều mẫu người tình báo và chặt lọc trong cuộc đời. Một số tình tiết khác được ông nghĩ thêm ra, chí lý chí tình. Thực tình, Stirlits như trong truyện và phim không có thật trong đời một trăm phần trăm, mà là hình tượng tổng hợp có pha trộn của người tình báo Xô viết. Chính Semenov nói rằng trong hình tượng Stirlits có một phần của nhà tình báo Norman Borodin con trai ông M.M.Borodin - Cố vấn chính trị của Liên Xô tại Trung Quốc trong những năm 20. Còn Thiếu tướng An ninh S.A.Kondrashov cho rằng nguyên mẫu của Stirlits là Alexandr Mikhailovich Korotkov - trùm phản gián hoạt động dưới thời của Merculov.

Thành công của "Mười bảy khoảnh khắc mùa xuân" gắn liền với hình ảnh người chiến sĩ tình báo Liên Xô được nhân dân yêu thương và mến phục. Tình yêu lớn đó của nhân dân, ngành an ninh được thừa hưởng.

TƯỚNG VLASSOV

Khi Merkulov trở thành Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia lần thứ hai, ông được giao một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng: thủ tiêu A.A.Vlassov - Trung tướng Hồng quân chạy sang phía quân Đức.

Tướng Vlassov - chỉ huy tập đoàn quân tiên phong số 2 - bị bắt làm tù binh ngày 13/7/1942. Tin này do đài Đức thông báo không gây ấn tượng gì đặc biệt cả, bởi vì ông không phải là viên tướng duy nhất bị bắt làm tù binh. Matxcova chỉ lo lắng sau khi quân Đức rải truyền đơn có lời kêu gọi của Vlassov và thấy rằng Vlassov đã chạy sang phía quân Đức. Tin về việc Vlassov quay súng chống lại chính quyền Xô viết và lập một đội quân riêng từ các tù binh Liên Xô đã lan khắp các mặt trận, và Vlassov trở thành một kẻ thù nguy hiểm. Hơn nữa trong quân đội, Vlassov được biết đến như một vị tướng dũng cảm và bình tĩnh. Trong những ngày bi kịch năm 1942, khi mọi thứ cảm thấy như sắp đổ sụp, Vlassov đã khích lệ niềm tin trong binh sĩ. Khrushchov - ủy viên Hội đồng quân sự phương diện quân phía Nam và Trung tướng M.P.Kirpanos - Tư lệnh phương diện quân Tây - Nam đã giao cho Vlassov chỉ huy tập đoàn quân bảo vệ Kiev. Kiev đã không bảo vệ được, lỗi cũng chẳng phải của Vlassov. Nhưng ông lại đã xuất sắc trong trận đánh bảo vệ Matxcova. Đại tướng P.Grigorenko viết trong hồi ký: "Năm 1940, không có ngày nào báo "Sao Đỏ" không viết về sư đoàn 99 do Vlassov chỉ huy. Việc đào đạo và luyện tập xạ kích trong sư đoàn ông là kiểu mẫu. Các chuyên gia về xạ kích từ các đơn vị về sư đoàn ông học tập. Lần thứ hai tôi nghe nói nhiều về Vlassov như một nhà chỉ huy quân sự lỗi lạc vào tháng 11 năm 1941".

Các chiến sĩ an ninh tìm cách tiếp cận với các bạn chiến đấu của Vlassov xem ai đó có thể giúp tiêu diệt vị chỉ huy cũ. Một trong những người gần gũi với Vlassov là G.N.Jelenkov - Chính uỷ, ủy viên Hội đồng quân sự tập đoàn quân 32, tháng 10/1941 bị mất tích, hoá ra bị bắt làm tù binh. Trước chiến tranh, Jelenkov là Bí thư huyện ủy Rostokin, ngoại ô Matxcova.

Bộ An ninh quốc gia quyết định tuyển mộ Jelenkov để thực hiện việc giết Vlassov. Kế hoạch chiến dịch do chính Bộ trưởng Merculov phê duyệt.

Báo "Tuyệt mật" năm 1996 đăng những tài liệu lưu trữ quốc gia liên quan đến việc tổ chức tiếp cận Vlassov.

Các chiến sĩ an ninh đã gặp vợ Jelenkov và bảo bà viết một bức thư cho chồng. Trong thư có nói cho Jelenkov biết tình hình là gia đình vẫn yên ổn không bị bắt bớ, nhưng mọi sự sẽ phụ thuộc vào ông ta. Nếu ông ta giúp tiêu diệt Vlassov thì ông ta và gia đình sẽ được bảo vệ.

Merculov ra lệnh sử dụng mọi khả năng của cơ quan an ninh trong các vùng bị chiếm đóng, tìm những người có thể cộng tác để nắm được bộ xâu gần gũi Vlassov, những chỗ yếu của hệ thống bảo vệ Vlassov và tuyến đường đi lại của ông ta.

Nhưng An ninh Liên Xô đã không giết được Vlassov.

Vả lại, Merculov và Bộ An ninh quốc gia cũng không dám và không thể phân tích được nguyên nhân thật sự của hiện tượng Vlassov và các tù binh chạy sang hàng ngũ Đức.

Trong chiến tranh, 5.240.000 người lính Hồng quân đã bị Đức bắt làm tù binh, trong đó có 3,8 triệu người bị bắt ngay trong mấy tháng đầu chiến tranh. Liên Xô không công nhận khái niệm "bị bắt làm tù binh", mà chỉ có những kẻ "đào ngũ, phản bội Tổ quốc" và "kẻ thù của nhân dân". Lệnh số 270 ngày 16/8/1941 do Stalin ký yêu cầu các chiến sĩ Hồng quân trong mọi tình huống phải chiến đấu đến cùng, không được để bắt làm tù binh. Các sĩ quan chỉ huy có quyền bắn chết những ai chọn bị bắt làm tù binh hơn là chết. Điều 58 Bộ Luật hình sự Cộng hòa liên bang Nga cho phép đưa ra tòa thân nhân của những chiến sĩ Hồng quân bị bắt làm tù binh và đưa họ đi đày ở Sibir.

Những qui định nghiêm khắc đó mục đích là để ngăn việc bị bắt làm tù binh, nhưng đã dẫn đến những kết quả ngược lại. Những người đã bị bắt làm tù binh sợ trở về Tổ quốc, nơi họ bị coi là những kẻ phản bội. Như thực tế đã chứng minh, năm 1945, những tù binh Liên Xô được thả ra khỏi nhà tù của phát xít Đức để lại bị đưa vào trại cải tạo Liên Xô. Do đó, nỗi sợ của họ không phải là không có cơ sở.

Nhân loại không quên sự dã man, tàn bạo của chủ nghĩa phát xít Hitler. Hai triệu rưỡi người Liên Xô đã chết trong các nhà tù của Đức. Trong điều kiện tù đầy man rợ của phát xít Đức, nhiều tù binh Liên Xô đã đồng ý cộng tác với Đức để đổi lấy mạng sống. Họ được lái xe hoặc làm thợ cơ giới trong nhà tù cho Đức.

Một bộ phận các tù binh Nga đầu hàng Đức đã tập hợp lại trong cái gọi là "Quân đội giải phóng Nga" dưới sự chỉ huy của các tướng lĩnh cũ của Liên Xô như Vlassov, Krasnov, Buniachenko và đã chiến đấu với Hồng quân Liên Xô. Năm 1945, khi quân Đức liên tiếp thua Hồng quân và phải rút chạy về phía Tây, các Tướng chỉ huy "Quân đội giải phóng Nga" thấy đổ máu tiếp không còn ý nghĩa nữa, đã quay sang tranh thủ phe đồng minh bằng chủ nghĩa chống Bôn-sê-vích của mình.

Có một chi tiết thú vị là chính sư đoàn Một "Quân đội giải phóng Nga" của Buniachenko chứ không phải Nguyên soái Liên Xô Konev đã giải phóng Praha. "Quân đội giải phóng Nga" có mặt ở Tiệp Khắc vào lúc diễn ra cuộc khởi nghĩa của các sĩ quan Tiệp, được các sĩ quan Tiệp yêu cầu giúp đỡ. Buniachenko đã thuyết phục Vlassov nhận giúp đỡ, với lý do là như vậy thì chính phủ tương lai của Tiệp sẽ mang ơn họ và cho họ cư trú chính trị.

Vlassov và Buniachenko chiến đấu tốt, và đã giải phóng được Praha, nhưng sự nghiệp của họ cũng đến hồi kết thúc, vì quân đồng minh do Tướng Mỹ D.Eisenhower chỉ huy và quân Liên Xô do Nguyên soái Konev chỉ huy cũng đã tiến sát đến Praha. Buniachenko ra lệnh rút quân khỏi Praha ngày 8/5. Ngày 9/5 Nguyên soái Konev tiến vào Praha.

Ngày 11/2/1945, Roosevelt, Churchill và Stalin đã ký tại Yalta hiệp định về việc trao trả cho Liên Xô các công dân Liên Xô ở vùng giải phóng của Anh và Mỹ, đặc biệt là các tù binh bị Đức bắt. Quân Vlassov đầu hàng đồng minh, đã bị Mỹ, Anh đưa về Liên Xô. Những kẻ đầu sỏ của "Quân đội giải phóng Nga" đứng đầu là Vlassov đã bị treo cổ. Những người khác bị tống vào trại.

Trong quá trình xem xét lại lịch sử, có người muốn đánh giá vấn đề theo hướng ngược lại: thay vì Vlassov - phản bội Tổ quốc, người ta muốn đánh

giá Vlassov là người yêu nước, bởi theo họ, Stalin với Hiler không tốt hơn nhau là mấy.

Nhưng liệu họ có nghĩ rằng: năm 1941, đâu có phải Stalin đấu tranh với Hiler, mà là nhân dân các dân tộc Liên Xô đứng lên chiến đấu chống bạo tàn để bảo vệ Tổ quốc, đất đai, làng mạc và gia đình họ. Và do vậy mà họ đã chiến thắng Hitler và Vlassov.

TEHERAN – 43

Cuộc gặp gỡ giữa những người lãnh đạo ba nước lớn Xô - Mỹ - Anh đã diễn ra tại Teheran cuối năm 1943.

Vào thời gian này, tại Teheran có số lượng lớn người Đức sinh sống. Ngoài ra, rất đông người Iran đứng về phía Đức, vì ảnh hưởng của Đức ở đây vốn lớn, và khi bắt đầu chiến tranh thế giới II, từ hai phía, Liên Xô và Anh đã đưa quân vào Iran để kết thúc và bảo đảm an toàn cho việc chuyên chở vũ khí cho Liên Xô. Điều này đánh vào lòng tự ái dân tộc của người Iran, đặc biệt giới sĩ quan. Do đó, nhiệm vụ bảo đảm an toàn tính mạng cho ba lãnh tụ và cho việc tiến hành hội nghị là cực kỳ cấp thiết và khó khăn.

Có giả thuyết rằng để phá hoại hội nghị Teheran, Hiler đã cử đội trưởng đội biệt kích của lực lượng SS là Otto Skorzesi - một người gốc Ý - lãnh đạo "chiến dịch Teheran". Skorzesi nổi tiếng với việc cứu Mussolini năm 1943. Khi vua Ý ra lệnh bắt Mussolini để sớm kết thúc chiến tranh, Hiler đã giao cho Skorzesi nhiệm vụ cứu Mussolini. Và lực lượng An ninh Liên Xô - quân của Merculov đã phá vỡ âm mưu phá hoại đó của Đức.

Nhưng lại có giả thuyết khác rằng Liên Xô đã thổi phồng nguy cơ phá hoại từ phía Đức để dọa Tổng thống Mỹ. Sự thực là trong suốt thời gian hội nghị, Stalin đã đón Tổng thống Mỹ Roosevelt về ở trong Sứ quán Liên Xô. Nhân chứng trong Sứ quán Liên Xô ở Teheran kể rằng các bức điện đến và đi của Roosevelt đều bị Liên Xô giải mã. Đó là điều đương nhiên nhưng cũng không phải là chủ yếu. Cái chính là Stalin muốn tách Roosevelt xa Churchill.

Chúng ta chỉ nhìn thấy những bức ảnh Stalin, Churchill và Roosevelt đang cười và nói chuyện thân mật với nhau. Họ gửi điện mừng và trao đổi thư hữu nghị với nhau, gặp nhau, bàn chiến lược chung. Nhưng thực tế họ

là ba con người khác nhau và theo đuổi những mục tiêu riêng. Tuy nhiên cả ba đều có một kẻ thù chung là chủ nghĩa phát xít, là Hitler.

Trong ba lãnh tụ đó, Winston Churchill là người bảo thủ nhất. Mặc dù vốn tính khinh bạc, nhưng ông không phải không có tình cảm cao thượng. Churchill cũng dễ nảy sinh tình cảm gắn bó với những ai mà ông hợp tác, kể cả Stalin. Churchill không ưa Liên Xô. Nhưng sau khi ông đi Matxcơva trình bày với Stalin những ý tưởng về việc tổ chức châu Âu sau chiến tranh trở về, ông như được chấp cánh, và tuyên bố nước Nga Xô viết "chưa bao giờ gần gũi, chặt chẽ và thân thiết như hiện nay".

Franklin Roosevelt thì khó hiểu hơn. Ở ông, những tiểu xảo và những nguyên tắc cao cả kết hợp với nhau một cách kỳ lạ.

Liên Xô có cảm tình với Roosevelt hơn với Churchill nhiều. Do Churchill gắn với cuộc can thiệp của mười bốn nước nhằm bóp chết cách mạng tháng Mười, và không ưa Liên Xô. Còn Roosevelt có cảm tình với Liên Xô hơn, và đặc biệt là - khác với Churchill - rất tin Stalin.

BÍ MẬT NGUYÊN TỬ

Tháng 8 năm 1945, ngay sau khi Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima, Matxcơva điện cho Sứ quán ở Nhật cử ngay người ra thực địa xem. Sứ quán cử hai cán bộ trẻ đi. Họ đã nhìn thấy cái mà chúng ta sau này cũng nhìn thấy trên phim: cảnh đổ nát, và người chết, một thành phố bị san phẳng. Họ mang theo một bao tải đựng đất và tro về Matxcơva cho các nhà khoa học Liên Xô lúc đó cũng đang nghiên cứu việc chế tạo bom nguyên tử.

Đây chỉ là một phần của công tác tình báo rộng lớn mà Liên Xô đã tiến hành nhằm đánh cắp các bí mật nguyên tử. Tình báo Liên Xô đã làm việc này cả ở Canada, ở Anh và nhiều nước khác nhưng chủ yếu nhất vẫn là ở Mỹ.

Trong thời gian chiến tranh và có thể đến hết năm 1945, tình báo Liên Xô hoạt động ở Mỹ tương đối dễ dàng, thoải mái. Bộ trưởng Merkulov có thể báo cáo với Stalin hết thành tích này đến thành tích khác. Bởi Cục tình báo liên bang Mỹ còn chưa quan tâm theo dõi người Nga.

Tháng 9 năm 1945, sau khi I.Guzenko - nhân viên tình báo công tác ở Sứ quán Liên Xô ở nước ngoài chạy trốn, phương Tây mới sừng sốt là An ninh Liên Xô làm gián điệp ở các nước họ tích cực như thế nào. Các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm nguyên tử của họ mới bắt đầu tăng cường các biện pháp bảo vệ.

Nhưng phản gián Mỹ cũng phải mất mấy năm mới sờ nắn được đến mạng lưới gián điệp của Liên Xô ở Mỹ. Và cho đến tận ngày hôm nay, họ cũng không tin chắc được rằng đã tìm thấy hết nhân viên hoặc cộng tác viên của Liên Xô hay chưa.

Cả tình báo chính trị và tình báo quân sự Liên Xô cũng tham gia vào khai thác các bí mật nguyên tử.

Nhưng vai trò chính vẫn là Tổng cục I của Bộ An ninh quốc gia.

Cuộc tranh luận về việc tình báo đóng vai trò đến đâu trong việc chế tạo bom nguyên tử của Liên Xô vẫn còn chưa kết thúc. Viện sĩ Yu.Khariton, người nhiều năm lãnh đạo công tác này khẳng định rằng việc chế tạo bom nguyên tử của Liên Xô từ đầu đến cuối dựa trên những ý tưởng và suy nghĩ của các nhà vật lý Liên Xô và trên số liệu tính toán của họ cùng với các nhà toán học.

Còn Viện sĩ I.V.Kurchatov thì nói rằng các nhà khoa học và các nhà tình báo chia nhau thành công trong việc chế tạo bom nguyên tử.

Các nhà tình báo thì khiêm tốn nói rằng họ chỉ "giúp" cho các nhà khoa học. Nhưng quả là họ đã "giúp" rất đắc lực. Họ đã gửi cho Kurchatov những báo cáo mật hàng trăm trang đầy những công thức, ký hiệu về tiến trình nghiên cứu, sáng chế của Mỹ. Kurchatov chuyển cho các đồng nghiệp xem. Họ nói muốn biết thêm điểm này, điểm kia. Sau một thời gian, họ lại nhận được thêm thông tin trả lời các yêu cầu của họ. Kể cả nếu các nhà vật lý của chúng ta không nhận được thông tin gì mới so với những gì họ đang làm, thì ít nhất họ cũng được củng cố lòng tin vào hướng họ đang đi.

Một trong những người cung cấp thông tin chủ yếu cho tình báo Liên Xô là nhà vật lý người Đức Claus Fuks. ông vào Đảng Cộng sản Đức năm 1921, năm 1933 chạy sang Anh để tránh chủ nghĩa phát xít. Cuối năm 1941, ông đề xuất sự cộng tác với tình báo Liên Xô.

Hai năm sau ông từ Anh sang Mỹ, tham gia nghiên cứu trong phòng thí nghiệm quan trọng nhất và bí mật nhất về nguyên tử của Mỹ ở Los-Alamos. Đại tá tình báo A.S.Feklisov nói đã gặp ông sáu lần trong thời gian đó.

Ông làm việc theo đơn đặt hàng của Kuschatov. Năm 1950, Claus Fuks bị phát hiện và bị bắt, bị kết án 14 năm tù, nhưng đến năm 1959 đã được thả vì tư cách gương mẫu. Ông rời Mỹ về Cộng hoà dân chủ Đức làm ở một viện khoa học. Cách đây mấy năm, đại tá Feklisov khi đi Đức đã đến nghĩa trang, quỳ xuống bên mộ ông.

Đồng thời với C.Fuks còn có nhiều nhà khoa học khác làm việc cho An ninh Liên Xô, như ông bà Moris Coen người Mỹ chuyển tài liệu về nguyên tử cho Liên Xô, cũng bị kết án tù nhiều năm, sau được Liên Xô đổi gián điệp phương Tây để giải phóng ra. Moris Coen gần đây được Nga tặng danh hiệu Anh hùng.

Nói chung chỉ một số rất ít người còn sống đến ngày nay được nhận danh hiệu Anh hùng. Còn trước đây, các chiến sĩ tình báo không được phong tặng một cách hào phóng, ít người được phong Anh hùng, và không một ai trong những người đã tìm kiếm bí mật để giúp chế tạo bom nguyên tử được phong đến hàm tướng. Thời Merkulov, nhà tình báo tài giỏi nhất cũng chỉ được lên đến chức đại tá. Tình báo được coi là binh chủng hậu phương! Còn bây giờ, riêng Cơ quan tình báo đối ngoại đã có nhiều Tướng hơn toàn bộ KGB ngày trước.

CHỊU CHUNG SỐ PHẬN

Merkulov lãnh đạo cơ quan an ninh vào những năm được mùa của ngành tình báo. Nhưng thành tích của công tác tình báo không phải là điều chủ yếu Stalin quan tâm. Quan trọng hơn đối với Stalin là kiểm soát đất nước mình. Mà đối với các vấn đề trong nước, Stalin cho rằng không có những nhiệm vụ không thể giải quyết được, chỉ có những con người không đủ kiên quyết và không biết cách giải quyết những nhiệm vụ đó.

Ngày 4/5/1946, Merkulov thôi chức Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia. Ông đã giữ chức vụ này ba năm - thế là nhiều lắm rồi. Hơn nữa ông lại không bị bắt, mà rời khỏi Lubianka bằng đôi chân của mình chứ không bị

ai áp tải - thế cũng là may lắm rồi. Không ai đặt câu hỏi: " Tại sao Merkulov lại bị cách chức. Nghe nói Stalin không ưng kế hoạch cải tổ hệ thống An ninh quốc gia sau chiến tranh của Merkulov. Ban đầu Stalin định cử S.I.Ogolsov - Thứ trưởng thứ nhất Bộ An ninh quốc gia làm Bộ trưởng, nhưng Ogolsov từ chối khéo, lấy lý do không đủ kiến thức và kinh nghiệm cho chức vụ đó. Lúc đó Stalin mới nêu tên Abacumov - lãnh đạo công tác phản gián quân sự trong thời gian chiến tranh.

Abacumov được mời đến cuộc họp Bộ Chính trị, cũng bắt đầu trình bày rằng mình còn ít kinh nghiệm công tác v. v.. Việc tỏ ra khiêm tốn như thế là điều bình thường đối với một người được đề cử vào chức vụ quan trọng. Nhưng không hiểu sao điều đó làm Stalin bực mình cắt ngang:

- Đồng chí Abacumov? Chúng ta đang có nhiều ghế Giám đốc nhà ăn còn trống đấy. Nếu đồng chí thấy không tin lắm vào bản thân mình, hay là chúng tôi đề bạt đồng chí làm Giám đốc nhà ăn nhé?

Và Abacumov trở thành Bộ trưởng.

Vài ngày sau, dưới sự chủ trì của A.A.Kuznetsov - Bí thư Trung ương Đảng mới phụ trách an ninh, một ủy ban đã họp để xem xét những khuyết điểm của ban lãnh đạo cũ của Bộ. Merkulov bị chỉ trích là đã buông lơ việc theo dõi các phần tử trotskyit trong thời gian chiến tranh.

Bị khổ sở mất gần một năm, nhưng Merkulov vẫn được nhận công tác với hàm Bộ trưởng: tháng 4/1947 ông được đề bạt làm Tổng cục trưởng Tổng cục quản lý tài sản Liên Xô ở nước ngoài. Năm 1950, ông làm Bộ trưởng thanh tra Nhà nước.

Năm 1953, khi Beria bị bắt, Merkulov với tư cách là ủy viên Trung ương còn tham dự hội nghị Trung ương, ở đó sếp cũ của ông bị kết đủ thứ tội. Sau hội nghị Trung ương, Merkulov được Khrushchov mời đến.

Khrushchov viết trong hồi ký: "Phải công nhận rằng tôi đã từng kính trọng Merkulov. Ông là người có văn hoá, không phải là người xấu trong Ban chấp hành Trung ương, chúng tôi có nói: bản thân việc Merkulov đã từng là phó cho Beria còn chưa nói lên rằng ông ta là tòng phạm của Beria. Vì Beria giữ cương vị cao và tự mình sắp đặt mọi người vào vị trí dưới quyền mình, chứ không phải là ngược lại. Chúng tôi gọi Merkulov đến nói

chuyện: báo với ông ta rằng Beria đã bị bắt, đề nghị ông ta là người đã nhiều năm làm việc với Beria, hợp tác với chúng tôi. Merculov nói "sẵn sàng". Nhưng khi chúng tôi gửi bức thư tường trình và những tài liệu của Merculov cho Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao Rudenko, thì Rudenko nói ngay rằng phải bắt Merculov, vì vụ án Beria mà không có Merculov thì không thể tiến hành được.

Trước toà, Merculov nguyên rủa cái ngày mà ông ta đã gặp Beria. Merculov đã cộng tác với Beria và phải chịu chung số phận với Beria. Ông cùng những đồng sự khác của Beria đã bị tử hình ngày 23/12/1953.

CHƯƠNG VII

VICTOR SEMENOVICH ABACUMOV

Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia (5/1946 - 7/1951)

Sinh năm 1908 ở Matxcơva, bố là thợ đốt lò, mẹ làm quét dọn, ông chỉ học hết lớp bốn. Cùng ít học như ông trong các Chủ tịch An ninh còn có Ejov. Nhưng điều đó không cản trở đường quan lộc rất thành công của hai ông. K.A.Stoliarov - người đã nghiên cứu tiểu sử Abacumov và viết mấy cuốn sách về ông - cho biết mặc dù ít học, nhưng Abacumov là một người thông thái: các giấy tờ ông ký khi làm thủ trưởng đều sáng sủa, đúng văn phạm. Và những bức thư ông viết ở trong tù cho Beria và Mergulov cũng rất rành rọt, hoàn toàn của một người có học.

Tuổi trẻ, Abacumov đã từng là công nhân làm thuê, từ khâu vác đến bảo vệ.

Năm 1930, khi đang làm công nhân ở Nhà máy in "Press" ông được kết nạp Đảng, rồi được bầu làm Bí thư Đoàn Nhà máy, sau đó làm Trưởng ban quân sự của quận Đoàn Moskvorets thành phố Matxcơva.

Năm 1932, Abacumov được lấy về Bộ Nội vụ, làm ở Vụ đấu tranh chống tội phạm kinh tế một năm. Theo M.P.Shreider - là Vụ phó của Abacumov thời gian đó kể lại Abacumov rất mê nhảy, đặc biệt là nhảy Fokstrot - một điệu nhảy thời thượng mới du nhập từ Mỹ, Abacumov cũng rất mê gái, thường tán tỉnh các cô gái về chơi trong các căn hộ mà cán bộ được cơ quan phân cho để sử dụng trong thời gian tiến hành công việc, sau đó thay mặt các cô đó viết những bức thư tố cáo những người bị coi là "kẻ thù của nhân dân". Khi những chuyện đó bị phát giác - Shreider viết trong hồi ký - ông báo cáo lên lãnh đạo đề nghị đuổi Abacumov vì mất phẩm chất, không xứng đáng làm việc trong cơ quan an ninh. Abacumov bị đuổi khỏi Vụ đấu tranh chống tội phạm kinh tế thật, nhưng không hiểu có ai đó đỡ đầu nên

không bị ra khỏi ngành, mà được điều về Cục quản lý trại giam. Ông ta làm ở chỗ không lấy gì làm vinh dự lắm này được ba năm.

Năm 1937, Abacumov được điều về Vụ 2 của Tổng cục An ninh quốc gia, một vụ chuyên tiến hành khám xét bắt bớ, theo dõi và đặt thiết bị nghe trộm. Vốn thể lực rất khoẻ, Abacumov cực kỳ phù hợp với công việc này. Và Bogdan Kobulov - một nhân vật thân tín của Beria, năm 1938 là Tổng cục phó Tổng cục An ninh quốc gia - đã chú ý đến Abacumov.

Khi Beria lên thay Ejov và bắt đầu tiến hành thanh lọc bản thân Bộ Nội vụ để gạt bỏ người của Ejov, Abacumov được đặt vào chức vụ quan trọng đầu tiên: "Trưởng Ty Nội vụ tỉnh Rostov, một trong "bộ ba" nắm quyền sinh quyền sát ở địa phương (cùng với Bí thư Tỉnh uỷ và Viện trưởng Viện kiểm sát).

Đến năm 1941, Bộ Nội vụ chia thành hai bộ, lại càng cần cán bộ lãnh đạo. Beria gọi Abacumov về Matxcơva, tháng 2/1941 bổ nhiệm làm Thứ trưởng Bộ Nội vụ, cùng với S.N.Kruglov. Abacumov làm phó của Beria, phụ trách Tổng cục Công an, Tổng cục Cứu hoả và Cục 3 (phụ trách biên phòng và nội chính). Nhưng Abacumov chỉ làm công tác này được mấy tháng. Tháng sáu, chiến tranh nổ ra, Stalin giao cho Abacumov lãnh đạo công tác quân báo.

Từ năm 1918, trong Ủy ban đặc biệt đã có một đơn vị gọi là Cục đặc biệt, phụ trách quân đội. Cục này đầu tiên do Dzerjinski, sau đó do Menjinsski - ủy viên ban lãnh đạo Ủy ban đặc biệt - phụ trách. Cho đến năm 1941, quân báo luôn nằm trong cơ quan An ninh. Tháng 2/1941, bằng một nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ, các cục đặc biệt trong Cơ quan Bộ trưởng nội vụ bị huỷ bỏ, và công tác quân báo chuyển sang Bộ Quốc phòng. Nhưng không lâu sau, tháng 7/1941, sau khi cơ quan Dân Ủy nội vụ tách làm hai, nó lại được trả về Bộ Nội vụ. Lãnh đạo Cục quân báo của Bộ Nội vụ là Thứ trưởng Bộ Nội vụ Abacumov. Cán bộ phụ trách công tác quân báo trên các mặt trận phải do Beria chỉ định.

Nhưng việc sắp xếp công tác quân báo đến đây chưa phải là xong. Ngày 19/4/1943, Cục đặc biệt (Cục quân báo) lại bị tách khỏi Bộ nội vụ, trên cơ sở đó thành lập Tổng cục phản gián của Bộ Quốc phòng. Còn trong bản

thân Bộ nội vụ thì thành lập Vụ phản gián chịu trách nhiệm theo dõi các đơn vị vũ trang của Bộ.

Với chức vụ lãnh đạo Tổng cục phản gián Bộ Quốc phòng, Abacumov về quyền lực thực tế là Thứ trưởng Quốc phòng, lại trực thuộc và trực tiếp báo cáo Stalin.

Tổng cục phản gián có cơ quan điều tra riêng của mình, có những thẩm quyền rộng rãi và có sự đỡ đầu của Stalin, nên đã trở thành một cơ quan rất có thế lực.

N.N.Mesiatsev, đã từng công tác hai năm ở Tổng cục phản gián trong thời gian chiến tranh, sau chiến tranh làm ở Trung ương đoàn và sau này làm Đại sứ ở Úc, kể một số nét về Abacumov:

- Abacumov đáng người cao lớn, đẹp trai, rất hợp mặc quân phục. Ông không bao giờ bắt người nói chuyện với mình phải đứng để thẩm vấn một cách căng thẳng, mà mời ngồi đàng hoàng. Câu chuyện với ông luôn bình tĩnh, mang tính chất công việc. Ông là người kiên quyết trong hành động, có kỷ luật sắt, đồng thời cũng rất tình cảm với cán bộ cấp dưới. Năm 1943, mẹ tôi ở quê mất. Tôi xin phép về nhà bốn ngày để đưa tang mẹ. Abacumov gọi tôi lên, cho luôn 10 ngày phép, viết giấy thông hành cho tôi và dặn thêm:

"Có việc gì cần cứ đến gặp Sở Nội vụ, ở đấy người ta sẽ giúp đồng chí".

Tôi hỏi:

-Trong ngành quân báo Abacumov có được kính nể không ?

Mesiatsev trả lời:

- Nếu như đối với cấp thấp, ông rất quan tâm, săn sóc, như người anh cả, thì đối với các cán bộ ở cấp tương đối cao, ông rất nghiêm khắc.

Abacumov phụ trách công tác tình báo trong lòng địch. Ông biết rõ bố trí lực lượng của Đức hơn là Đức biết về Hồng quân. Stalin - một người hễ thấy cán bộ có bất kỳ biểu hiện nào không hoàn thành nhiệm vụ là thay ngay - đã giữ Abacumov trên cương vị của ông suốt cả cuộc chiến tranh thì đủ biết năng lực của Abacumov.

ĐỐI TRỌNG CỦA BERIA?

Trong chiến tranh vệ quốc, Abacumov được tặng hai Huân chương Suvorov (trong đó một Huân chương do tham gia di dời một loạt dân tộc ít người khỏi Bắc Kavkaz năm 1944), Huân chương Kutuzov và Huân chương Cờ Đỏ. Tháng bảy năm 1945 ông được phong Trung tướng, một năm sau được đề bạt làm Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia.

Người ta cho rằng Stalin đặt Abacumov lên làm Bộ trưởng An ninh quốc gia là để tạo đối trọng và giảm bớt quyền lực của Beria trong việc kiểm soát các bộ sức mạnh. Trên thực tế đến lúc đó Beria đã không còn kiểm soát toàn bộ các bộ sức mạnh nữa, và từ cuối năm 1945 thậm chí thôi không làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ nữa.

Beria coi thường Abacumov. Abacumov cũng không ưa Beria, nhưng sợ Beria. Hơn nữa Stalin toàn quyền và đủ mạnh để không cần dùng đến đối trọng. Ông dùng Abacumov vì Abacumov đã tỏ ra đặc lực trong công tác với tù binh.

Thời gian cuối chiến tranh, Tổng cục phản gián dành nhiều công sức theo dõi mảng các chiến sĩ Hồng quân bị bắt làm tù binh và các công dân Liên Xô đã sang Đức một cách tự ý hoặc bị bắt buộc. Tất cả những người này khi trở về nước đều phải qua trại cải tạo để sàng lọc.

Các trại này chỉ đóng cửa sau khi Stalin chết.

Năm 1946, khi Abacumov thay Mervolov giữ chức Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia, Tổng cục phản gián nhập vào Bộ thành Tổng cục 3. Nguyên Phó Chủ tịch KGB F.D.Bobkov kể rằng Bộ An ninh quốc gia đón thủ trưởng mới một cách hồ hởi, biết ông là một cán bộ chuyên nghiệp, từ lính đi lên, lại có quan hệ gần gũi với Stalin. Bộ trưởng mới có thể bắt chọt rẽ vào xem anh em cán bộ làm việc thế nào, am hiểu tường tận từng công đoạn việc phải tiến hành ra sao và có thể hướng dẫn, chỉ bảo anh em. Trong quan hệ với cán bộ, ông thể hiện là một con người rất quần chúng, dễ gần.

Tháng tư năm 1946, trên cơ sở những hồ sơ về trách nhiệm trong việc xuất xưởng những máy bay chất lượng không tốt, Abacumov đã ký lệnh bắt Bộ trưởng Bộ Hàng không A.Shakhurin, tư lệnh không quân, Nguyên soái không quân A.A.Novikov và một số cán bộ khác. Việc này đương nhiên ảnh hưởng đến vị trí của Malenkov là người quản khối này. Bộ Chính trị

cũng ra một nghị quyết cảnh cáo Malenkov và đưa Malenkov ra khỏi Ban Bí thư. Malenkov chỉ còn chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và bị điều đi phụ trách chế biến bột mì ở Sibir.

Trong việc này, bấy lâu nay người ta cho rằng có bàn tay của Jdanov muốn phá Malenkov. Nhưng Bộ An ninh quốc gia ngoài cấp trên tối cao ra, khó mà làm theo sự giật dây của một ủy viên Bộ Chính trị nào. Và lại một thời gian sau, Stalin lại đưa Malenkov trở lại, trong khi vị trí của Jdanov ngày càng lung lay. Chính Stalin không bằng lòng với Malenkov. Có thể con trai Stalin là Vassili làm phi công có phần nản với bố về tình hình hàng không và chất lượng máy bay.

Shakhurin, Novikov và những người khác bị tù với các thời hạn khác nhau.

Sau khi Stalin chết, tháng năm năm 1953, toà Quân sự của Toà án tối cao huỷ bỏ bản án kết tội của mình về vụ nói trên, và tháng sáu năm 1953 theo đề nghị của Beria, Trung ương Đảng sẽ ra một nghị quyết huỷ bỏ kết quả điều tra vụ án, và khôi phục đảng tịch và quân hàm cho các nạn nhân. . .

Tháng tư năm 1948, các cán bộ Bộ An ninh quốc gia đã dàn dựng một vụ xăng-đan chống Bộ trưởng Bộ Hàng hải A.Afanasiev. Ông này trên đường đi làm, ô tô bị xịt lốp. Một chiếc ô tô khác dừng lại bên cạnh. Từ trong xe một số người bước ra, lôi Afanasiev sang xe của họ, đưa về một căn hộ. Họ tự xưng là người của C.I.A, đề nghị Afanasiev cộng tác. Afanasiev một mực từ chối.

Khi được thả ra, Afanasiev xin gặp Stalin, và được Beria tiếp. Sau khi nghe chuyện, Beria gọi điện ngay cho Abacumov trước mặt Afanasiev bảo phải đến gặp ông ta ngay. Beria trách mắng Abacumov:

- Cậu là Bộ trưởng gì mà để cho bọn tay sai của Mỹ lộng hành đến mức bắt người ngay giữa ban ngày. Đấy, chúng nó vừa bắt Afanasiev và bắt phải cộng tác với chúng đấy. Beria ra lệnh cho Abacumov phải tìm cho ra những kẻ đã bắt cóc Afanasiev. Vài ngày sau, Abacumov đã "tìm được" cán bộ an ninh tự nhận là gián điệp của Mỹ.

Sau khi bị tra hỏi, tên này đã "thú nhận" là theo lệnh của CIA, đã lôi kéo Afanasiev làm gián điệp.

Bộ An ninh đã bắt Bộ trưởng Hàng hải, thậm chí đánh đập ông, bắt ông phải ký vào biên bản ghi những lời khai cần thiết cho họ, và cho ông án tù 20 năm. Sau đại hội 20; Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng đã xử lý một loạt vụ việc của các cán bộ Bộ An ninh, cho biết trong những năm 1941 - 1949 các cơ quan nội vụ của tỉnh Khabarovsk gần biên giới đã làm giả một khu vực gọi là phái bộ của Nhật. Ở đó các sĩ quan an ninh cải trang làm sĩ quan Nhật và Bạch vệ. Người trong nước tưởng đã qua biên giới thì khi vào đây, họ bị hỏi han và dụ dỗ cộng tác với An ninh Nhật, thậm chí tra khảo họ về mối quan hệ với An ninh Liên Xô. Sau đó, những người này được đưa "trở lại" vùng biên phòng Liên Xô, bị bắt giữ và lập hồ sơ. Bằng cách đó, 148 người đã bị lập hồ sơ và bị tù.

Trong cơ quan điều tra của Abacumov có sự phân công lao động: những người ít học thì moi khẩu cung của những người bị bắt, còn những người có học thì viết biên bản.

Sau chiến tranh, Stalin vẫn tiếp tục "siết đinh ốc". Bộ trưởng An ninh quốc gia Abacumov và Bộ trưởng nội vụ Kruglov thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị về việc di dời khỏi Ucraina "những phần tử có hại ở nông thôn, gây tác hại cho việc duy trì kỷ luật và đe dọa sự phồn thịnh của nông trang". Đây thực tế là quyết định đấu tranh chống Ku lắc một lần nữa, do Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng Cộng sản Ucraina Nikita Khrushchov đề xướng. Cuộc đấu tranh lần này tập trung vào vùng Tây Ucraina mới được phép nhập vào Ucraina năm 1939, sau đó chiến tranh nổ ra, nên chưa kịp được thanh lọc khỏi "các phần tử độc hại".

Thế là tại các tỉnh Tây Ucraina, 130 nghìn người đã bị bắt, 200 nghìn người bị di dời khỏi nước cộng hoà.

Cộng với số dân bị di dời khỏi 3 nước cộng hoà Ban-tích, Tây Belarussia và Moldavia, tổng cộng số dân bị di dời sau chiến tranh là hai triệu rưỡi người.

Ngày 26 tháng 11 năm 1948, theo đề xuất của Bộ An ninh quốc gia, Xô viết tối cao ra một sắc lệnh, quy định rằng những người các dân tộc Đức, Kalmuk, Ingush, Chechnya, Balcar, Tacta ở Krưm và những người khác đã

bị di dời là vĩnh viễn. Ai tự ý rời bỏ nơi sinh sống sẽ bị phạt tù khổ sai tối đa là 20 năm.

"VỤ ÁN LÊNINGRAD"

Đây có lẽ là vụ án mà việc xử lý và xét xử được giữ kín nhất trong các vụ án dưới thời Stalin. Báo chí không đưa tin, gia đình các nạn nhân không hay biết là chồng và cha họ đã bị xử bắn.

Mà xử bắn lần này không phải là các bác sĩ phản động, các phần tử Trotski chống Đảng, mà là những cán bộ lãnh đạo trẻ của Đảng bộ Leningrad, những người đã từng tổ chức bảo vệ Leningrad bị phong toả trong chiến tranh vệ quốc. Đó là: Bí thư Trung ương Đảng Alexei Alexandrovich Kuznetsov; Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Thủ tướng Chính phủ Nicolai Alexeevich Voznesenski; Ủy viên Ban tổ chức Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Cộng hoà Liên bang Nga Mikhail Ivanovich Rodionov.

Những đồng chí đó bị buộc tội tiến hành hoạt động phá hoại, đối lập Đảng bộ Leningrad với Ban chấp hành Trung ương, rằng họ định thành lập Đảng Cộng sản Nga để nâng cao vai trò của Cộng hoà Liên bang Nga trong Liên bang Xô viết.

Cùng với ba cán bộ lãnh đạo cao cấp kể trên, hàng trăm cán bộ người Leningrad lúc đó đang công tác trên khắp đất nước đã bị tù hoặc bị mất việc. Báo chí không có một lời nào về vụ này. Nhưng trong Đảng biết rằng cả một đảng bộ bị thanh trừng.

Người ta cho rằng Kuznetsov và các cán bộ cao cấp khác từ Leningrad được đưa lên các chức vụ cao ở Trung ương là do Jdanov - Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Leningrad và người thứ hai trong Đảng. Nhưng không phải hoàn toàn như vậy.

Trong những ngày căng thẳng khi thành phố Leningrad bị phong toả, Jdanov vốn chuộng "chất cay" nhiều khi đã thả lỏng mình. Kuznetsov, người phó trẻ, đầy năng động của Jdanov đã phải nhận lấy trên thực tế quyền lãnh đạo thành phố mang tên Lenin bị địch phong toả. Chính trong những năm chiến tranh, ông đã quen ra các quyết định cấp bách và quan

trọng một mình. Stalin biết và đánh giá cao Kuznetsov, và lấy ông về Matxcơva.

Nhưng thành viên mới của Ban lãnh đạo từ Leningrad lên không thể quen được với "phong tục tập quán" trong Bộ Chính trị ở Matxcơva. Và con người trẻ tuổi hơn, trong sáng và năng động, quen với công tác thực tế sinh động và phong phú ở địa phương - Kuznetsov - cứ thế trở thành lạc lõng giữa ban lãnh đạo ở Matxcơva. Cố tìm được cách làm phong phú cuộc sống của mình, ông có những hoạt động riêng nho nhỏ. Có lần, ông rủ người bạn láng giềng cùng nhà nghỉ ngoại ô của mình là Bí thư Trung ương Đảng, Tổng biên tập báo "Sự thật" M.Suslov đi xem hát, "nghe nói vở diễn này hay lắm". Suslov sừng sốt: "Thế anh đã hỏi ý kiến Stalin chưa?".

Stalin cử Kuznetsov phụ trách Bộ An ninh quốc gia. Việc phân công này chỉ là hình thức, vì ai cũng biết Bộ An ninh quốc gia chỉ trực thuộc lãnh đạo cao nhất, nhưng sự phân công này thực tế biến Abacumov trở thành kẻ thù của Kuznetsov.

Một lần, trong khi có mặt Beria, Malenkov và Molotov, Stalin chợt nói rằng ông đã già rồi, phải chuẩn bị người kế nhiệm, ông nghĩ rằng Tổng Bí thư có thể là Kuznetsov, Thủ tướng Chính phủ là Voznesenski.

Stalin chưa bao giờ sẵn sàng nhường chức, và chưa bao giờ nói có ý định nhường chức cho ai, cho nên sau những lời nói đó, người ta bắt đầu "lập hồ sơ" đối với Kuznetsov và Voznesenski.

Và mọi việc bắt đầu từ một chuyện có vẻ rất nhỏ.

Tháng giêng năm 1949, một hội chợ được tổ chức ở Leningrad. Malenkov nắm trong tay công tác tổ chức Đảng, liền nhắn tin đến Stalin, rằng hội chợ này do lãnh đạo Leningrad tự ý tổ chức, không hỏi ý kiến Trung ương và được sự đồng tình, đỡ đầu của các cán bộ cao cấp người Leningrad ở Trung ương. Thế rồi đồng thời, có một bức thư nặc danh gửi về Trung ương Đảng, nói rằng tại hội nghị Đảng bộ Leningrad, tên của hai ba ứng cử viên được đánh dấu bỏ phiếu sẵn và sau khi kiểm phiếu được công bố trúng cử. Vậy là đảng bộ Leningrad lại còn nói dối cả Trung ương nữa!

Ngày 15 tháng 2, Kuznetsov bị cách chức và được bổ nhiệm làm Trưởng ủy ban của Trung ương phụ trách vùng Viễn Đông. Đây chỉ là một chức vụ hình thức, nhưng Kuznetsov chuẩn bị nghiêm túc nhận nhiệm vụ mới, nghiên cứu kỹ tài liệu về Viễn Đông.

Ngày 29 tháng 7 năm 1949, Abacumov báo cáo với Stalin rằng nguyên Phó Bí thư Thành ủy Leningrad là Ia.F.Kapustin bị tình nghi có quan hệ với tình báo Anh và những hồ sơ được lập về ông ta theo lệnh của Giám đốc Sở nội vụ Leningrad là P.Kubatkin.

Kuznetsov không biết rằng cơ quan an ninh đang điều tra và lập hồ sơ về ông. Để cô lập Kuznetsov, người ta cử ông đi học một khoá bồi dưỡng về quân sự.

Kuznetsov học một cách say sưa, nghiêm túc, thi toàn điểm 5.

Một ngày thứ bảy, Phó Ban kiểm tra Trung ương Đảng gọi điện báo Kuznetsov lên gặp Malenkov.

Hai tiếng rưỡi sau, người ta khám nhà Kuznetsov. Mọi người hiểu rằng thế là Kuznetsov bị bắt rồi.

Kuznetsov bị giam ngay trong Điện Kremli, không phải là phòng giam của Bộ An ninh hay Bộ Nội vụ, mà là của ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng, do Stalin chỉ thị lập ra năm 1950, còn cẩn mật hơn cả các phòng giam của Bộ Nội vụ.

Voznesenski thì bị bắt ngày mùng bảy tháng ba sau khi một Phó chủ nhiệm ủy ban cung ứng viết thư phản ánh với thường trực Chính phủ rằng ủy ban Kế hoạch Nhà nước cố tình hạ thấp mức kế hoạch sản xuất công nghiệp của quý 1 (năm 1949). Voznesenski bị cách chức Phó Thủ tướng và chủ nhiệm ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Một người khác được cử làm chủ nhiệm ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Người này báo cáo với Trung ương Đảng rằng "trong thời kỳ từ 1944 đến 1949 ủy ban kế hoạch Nhà nước bị mất một số lượng lớn tài liệu mật thuộc loại bí mật quốc gia". Stalin chuẩn y ý kiến đề xuất của Abacumov: xử tử sáu cán bộ "đầu sỏ" của nhóm Leningrad. Án được thi hành ngày mùng một tháng 10 năm 1950, những người còn lại bị kết án tù các thời hạn khác nhau.

Sau đại hội 20, trong Đảng bắt đầu nói rằng Kuznetsov, Voznesenski và những người khác trong "vụ án Leningrad" là nạn nhân của Malenkov và Beria.

Malenkov và Beria nói xấu và hạ uy tín của họ trước Stalin. Tại cuộc họp kín của Ban chấp hành Trung ương năm 1957, Khrushchov phát biểu trước cuộc họp, nói với Malenkov:

"Stalin không đồng ý việc bắt Voznesenski và Kuznetsov. Nhưng Beria và Malenkov - những con quỷ Juda - đã nói xấu họ với Stalin, thuyết phục Stalin bắt và xử tử họ - Malenkov! Bàn tay của mi đầm máu, lương tâm mi bẩn thỉu. Mi là một kẻ đố kỵ cáng!".

Abacumov - lúc đó nguyên Bộ trưởng Bộ An ninh và ba đồng sự của ông ta đã bị xử tử vì việc tổ chức "vụ án Leningrad". Abacumov cũng bị xử ở Leningrad.

Nhưng suy đến cùng, gốc rễ của vụ án được tạo dựng đó cũng như các vụ án khác vẫn nằm ở chỗ Stalin. Tất nhiên động cơ và mục đích của Malenkov và Beria là rõ.

Nhưng không có ý kiến của Stalin thì ở Kremli đến người quét dọn cũng không ai dám đụng đến chứ đừng nói Bí thư Trung ương Đảng, ủy viên Bộ Chính trị.

Sau chiến tranh, đầu tiên Stalin đánh phủ đầu các quân nhân thông qua việc cách chức Thứ trưởng Quốc phòng của Nguyên soái Jukov, đưa ra khỏi Trung ương, Jukov ngồi nhà chờ lệnh bắt. Ngoài ra, ông còn bỏ tù mấy tướng nữa thiên cận Jukov. Để cho các Nguyên soái, tướng lĩnh đừng có tưởng rằng đã đánh thắng phát xít Đức rồi thì muốn làm gì cũng được.

Stalin "rung" cả cánh an ninh: ông đề bạt Abacumov để triệt hạ tay chân của Beria, nhưng không cho phép Abacumov đi xa hơn, đụng đến các cán bộ cao cấp của Đảng. Việc xử lý các cán bộ của bộ máy Đảng do Stalin tự quyết định.

Và Stalin đã chọn xử lý đảng bộ Leningrat, vốn được coi là có tính chất độc lập, thậm chí phần nào đối lập với Matxcơva. Đây là một thông điệp gửi đi toàn quốc.

Trong "vụ án Leningrad", tổng cộng gần 300 người đã bị bắt, chưa kể những người bị cho thôi việc. Những cán bộ Đảng chủ chốt của Leningrad hầu như bị bắt hết.

Trong số cán bộ ít ỏi còn sống sót có Alexei Nicolaevich Kossyghin - Thủ tướng tương lai của Liên Xô, và là người bà con với Kuznetsov.

HẾT THỜI

Tháng 5/1947, Liên Xô thành lập ủy ban Thông tin trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng. Ủy ban này bao trùm các vấn đề tình báo chính trị, tình báo quân sự, các cơ quan thông tin của Đảng, của Bộ ngoại giao và Bộ Ngoại thương. Lãnh đạo ủy ban là Molotov, sau đó là Vyshinski - người thay ông trên cương vị Bộ trưởng Ngoại giao.

Stalin muốn tạo ra một cơ quan hết hợp chặt chẽ công tác thông tin và tình báo. Nhưng khi triển khai ủy ban nặng về các sự vụ chính trị, do đó quân đội là người đầu tiên phản ứng, vì họ bị mất mát bản thân công tác tình báo phục vụ quân sự. Stalin thấy thắc mắc của quân đội là đúng, nên tháng 1/1949, ra lệnh trả Tổng cục tình báo lại cho Bộ Quốc phòng, còn tình báo chính trị lại trở lại Bộ An ninh quốc gia. Nhưng lúc này Abacumov đã không còn là Bộ trưởng.

Suốt thời gian làm Bộ trưởng An ninh, Abacumov đã trung thành tận tụy thực hiện các chỉ thị của thủ trưởng tối cao và Stalin nói chung hài lòng. Nhưng việc thực hiện các ý định của lãnh tụ cũng đã bắt đầu có những sai sót. Một mặt vì trình độ và học vấn của Abacumov có hạn. Mặt khác, Stalin ít khi ra những chỉ thị trực tiếp. Ông thường thích nói bóng gió để cấp dưới suy đoán và hiểu ý. Có lẽ Abacumov không phải lúc nào cũng hiểu đúng ý thủ trưởng.

Trong câu chuyện với Bộ trưởng An ninh, Stalin nói điều gì đó tỏ ý không tán thành về một cán bộ cao cấp hoặc một tướng lĩnh nào đó. Thế là Bộ trưởng lệnh cho bộ máy bắt đầu đào xới vấn đề. Các cán bộ an ninh tập hợp toàn bộ hồ sơ, tư liệu mà họ có - thông thường là những lời khai của những người bị bắt. Mà những lời khai này thì vô khối, vì cơ quan an ninh lấy sẵn khẩu cung và lời khai đối với cả những người chưa ở trong diện bị

bắt. Bộ An ninh đã có kinh nghiệm: cứ lấy lời khai sẵn, sớm muộn gì rồi cũng sẽ cần đến.

Những hồ sơ, tài liệu cá nhân đó được mang đến cho Stalin. Ông xem và chuyển cho Bộ Chính trị xem xét và cho ý kiến. Mà ý kiến của Bộ Chính trị thường là: cách mọi chức vụ, khai trừ khỏi Đảng và truy tố. Stalin làm ra vẻ nghe và đồng ý với ý kiến của Bộ Chính trị.

Malenkov và Beria đang ở giai đoạn thăng thế, hơn nữa sau khi Jdanov - người được coi là đỡ đầu cho Abacumov chết năm 1948, thì thời vận của Abacumov bắt đầu hết.

Vả lại, Abacumov, cũng như người chủ Lubianca trước ông, có thể coi là đã có thể biết trước kết cục của mình, vì sớm muộn Stalin cũng sẽ cần đến một người mới để thay thế người cũ. Mà Abacumov ngồi ở chức này đã 4 năm.

Nhà nghiên cứu tiểu sử Abacumov là K.Stoliarov cho biết:

Abacumov là người được Stalin yêu chuộng. Nhưng Stalin không yêu ai một cách thực sự, lâu dài, trừ bản thân mình. Abacumov hoàn toàn mất lòng tin của Stalin là khi ông thực hiện một yêu cầu cá nhân của Beria. Beria nhờ Abacumov tha cho một bác sĩ bị bắt - người này là bác sĩ chữa cho gia đình Beria. Khi Stalin biết chuyện, ông không hài lòng, vì Bộ trưởng An ninh chỉ thực hiện các chỉ thị của ông.

Trước khi tiến hành bắt Abacumov, một ủy ban được thành lập bao gồm Malenkov (Bí thư Trung ương Đảng), Beria (Phó Thủ tướng), Skiriatov (Phó Trưởng ban Kiểm tra Trung ương Đảng), và S.D.Ignatiev (Trưởng Ban tổ chức Trung ương Đảng). Cớ để bắt Abacumov là bức thư tố cáo của thiếu tá M.Riu min - cán bộ điều tra các vụ trọng án, rằng Abacumov không tích cực chỉ đạo theo dõi hoạt động của mạng lưới gián điệp nước ngoài, không làm biên bản tất cả các cuộc hỏi cung, rằng Abacumov kiếm chác vào chiến lợi phẩm và chi tiền nhà nước vào việc trang bị căn hộ mới của mình ở Matxcơva.

Bức thư gửi lên cho Ignatiev - trưởng ban tổ chức Trung ương Đảng được Ignatiev hiệu đính cho, để gửi tiếp lên Malenkov. Malenkov xem, thấy chưa đạt yêu cầu, lại trả về cho Riumin và Ignatiev viết lại. Xong xuôi

bức thư được chuyển lên qua Malenkov, rồi lên Stalin. Stalin đọc xong rồi phán:

- Đấy một cán bộ bình thường mà hiểu rõ những nhiệm vụ của cơ quan an ninh đến như thế, mà Bộ trưởng thì xoàng.

Trung ương Đảng khai trừ Abacumov khỏi Đảng.

Ngày 4/7/1951, Abacumov bị cách mọi chức vụ, ngày mười hai tháng bảy bị gọi lên Viện kiểm sát, Abacumov bị buộc tội quân nhân phản bội Tổ quốc theo điều 58- 1b Bộ Luật Hình sự, bị đưa vào nhà tù của Bộ Nội vụ ở Sokolniki, giam phòng riêng với biệt danh "tù nhân số 15".

Vợ ông đang làm ở phòng trinh sát hải quân của Bộ An ninh quốc gia cũng bị bắt cùng với đứa con trai mới hai tháng tuổi. Ở trong tù, chị bị mất sữa, nhưng đứa con sống được.

Riumin được đề bạt làm Thứ trưởng Bộ An ninh kiêm Cục trưởng Cục điều tra các vụ trọng án. Ông ta, cũng như Ejov trước đây, thường đích thân hỏi cung những người bị bắt, và không ngần ngại dùng cả vũ lực để moi những lời khai cần thiết. Riumin đã thuyết phục được Stalin để ông ta điều tra vụ Abacumov. Để tiến hành điều tra, Riumin đã cho bắt hai Thứ trưởng và một số Cục trưởng của Bộ An ninh, và buộc tội họ lãnh đạo một âm mưu xi-ô-nít (Do Thái) mặc dù Abacumov và những người khác đều là người Nga.

Sau đó, Riumin bắt tay vào vụ các bác sĩ điều trị cho Jdanov, và báo cáo về việc một trong số đó - giáo sư Vasilenko - đã từng tham gia phe đối lập nhưng che giấu lai lịch. Stalin cho ý kiến: "Chúng ta không quan tâm lý lịch chính trị của Vasilenko. Điều đó lúc này phỏng có ý nghĩa gì? Chúng ta muốn biết ông ta có quan hệ với cơ quan tình báo nước ngoài nào?".

Và Stalin bắt đầu ngán anh chàng Riumin "hữu dũng vô mưu" này. Riumin làm được hơn một năm thì bị chuyển sang làm cán bộ thanh tra ở chỗ Merculov. Sau khi Stalin chết, Riumin bị bắt và bị kết án tử hình tháng bảy năm 1954.

Tại phiên tòa xét xử Abacumov và một số người khác tháng ba năm 1955, Abacumov không nhận mình là có tội, ông ta nhận là sai lầm, khuyết điểm thì có nhưng không bao giờ phản bội Tổ quốc. Ông ta nhấn mạnh

rằng mọi quyết định đều do Ban Chấp hành Trung ương thông qua, ông ta chỉ là người thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và các chỉ thị của Stalin. Nhưng phía công tố đại diện bởi Viện trưởng Viện kiểm sát Tối cao Rudenko kiên trì buộc tội Abacumov là "tòng phạm của tập đoàn tội phạm Beria".

Năm 1994, Toà quân sự của Tòa án tối cao Liên bang Nga sửa đổi bản án đối với Abacumov và những cộng sự và định lại tội danh theo điều 193 và 176 Bộ Luật hình sự từ tội "quân nhân phản bội Tổ quốc" thành "tội của quân nhân khi thi hành công vụ". Năm 1997, Tòa án Tối cao đã xem xét lại vụ án và quyết định thay thế bản án tử hình đối với Abacumov và những người đã bị xử tử từ năm 1955 bằng...25 năm tù giam không bị tịch thu tài sản!

CHƯƠNG VIII

SEMION DENISOVICH IGNATIEV

Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia (8/1951 – 3/1953)

Semion Denisovich Ignatiev sinh năm 1904 tại Kherson (Ucraina) trong một gia đình nông dân nghèo. Ông phải đi làm từ năm mười tuổi. Ông đã theo cha làm việc ở nhà máy lọc sợi bông, rồi làm phụ thợ tiện ở một xưởng xe lửa.

Năm 1919, Ignatiev làm Bí thư chi đoàn đoàn đầu máy Bukhara. Năm 1920, anh cán bộ Đoàn tích cực được lấy về làm ở Ủy ban đặc biệt. Anh đã tham gia chiến đấu chống quân phiến loạn Hồi giáo để bảo vệ chính quyền Xô Viết ở Bukhara. Năm 1924 Bukhara được tuyên bố là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Bukhara, và sau này được phân chia giữa Turkmenistan, Uzbekistan và Tatjikistan.

Năm 1926, Ignatiev vào Đảng, năm 1935 tốt nghiệp Học viện công nghiệp mang tên Stalin. Ông được lấy về công tác ở Ban công nghiệp Trung ương Đảng dưới sự lãnh đạo của Bí thư Trung ương Đảng A.A.Andreev.

Hai năm sau, năm 1937, do những nỗ lực của Ejov, các chức vụ trong các cơ quan của Đảng và Chính phủ được giải phóng quá nhiều, gần như hàng ngày, nên Ignatiev được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Buriat, và ở đây, trong hậu phương cho đến gần suốt cuộc chiến tranh.

Năm 1943, ông chuyển sang làm Bí thư tỉnh ủy Bashkiria.

Sau chiến tranh, năm 1946, Trung ương Đảng lập một Cục kiểm tra cán bộ Đảng và tuyển mộ các Bí thư Tỉnh ủy có kinh nghiệm vào làm. N.S.Patolichev - Bí thư Trung ương Đảng - được đề bạt làm Cục trưởng, Ignatiev là Cục phó thứ nhất. Đây là một công tác rất hợp với ông.

Stalin rất tín nhiệm Ignatiev. Một năm sau, Trung ương cử Ignatiev làm Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Belarussia phụ trách nông nghiệp, sau đó làm Bí thư thứ hai. Năm 1949, Ignatiev được cử về đầu kia của đất nước phụ trách Ban Trung Á của Trung ương Đảng và đại diện đặc trách của Trung ương tại Uzbekistan.

Malenkov đã để ý tới người cán bộ Đảng ít nói và đầy năng lực này, và đặt anh vào vị trí người phụ trách cán bộ chủ yếu của đất nước: Trưởng Ban tổ chức Trung ương Đảng - chức vụ mà chính Malenkov trước đây vừa nắm giữ. Ignatiev ở cương vị này từ năm 1950 đến năm 1952.

CỜI BỎ GĂNG TAY TRẮNG

Trong thời gian vài tuần sau khi Abacumov bị bắt, quyền Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia là Thứ trưởng thứ nhất S.I.Ogolsov. Ông này là người đã tổ chức nhiều vụ án quan trọng, trong đó có vụ giết Giám đốc nghệ thuật của Nhà hát Do Thái, Nghệ sĩ nhân dân Liên Xô Solomon Mikhoels. Nhưng người cần đến bây giờ là một người ngoài cuộc, một người mới, một nhà tổ chức kết thúc công tác của Bộ An ninh theo tiến độ mong muốn.

Tháng 7 năm 1951 Ignatiev được quyết định cử làm đại diện của Trung ương Đảng tại Bộ An ninh quốc gia, và tháng tám năm 1951 làm Bộ trưởng.

Sau Menjinsky, Ignatiev là người lãnh đạo dân sự dân sự thứ hai của cơ quan an ninh. Ông không đi bộ đội, cũng không có hàm cấp quân đội hoặc an ninh. Ông đã thay cán bộ lãnh đạo Bộ và đưa về những người - cũng như ông - là cán bộ Đảng. Chức vụ quan trọng của Bộ là Thứ trưởng phụ trách cán bộ do A.A.Epishev - Bí thư Tỉnh uỷ Odessa, được Ignatiev lấy về - đảm nhiệm.

Một trong những việc làm đầu tiên của Epishev là thanh lọc Bộ khỏi các cán bộ người Do Thái hoặc bị nghi là ủng hộ âm mưu xi-ô-nit do Abacumov cầm đầu.

Lãnh đạo mới phổ biến cho cán bộ những ý kiến chỉ đạo của Trung ương Đảng đối với công tác an ninh, trong đó có phê bình cán bộ, chiến sĩ thời gian qua đã không kịp thời phát hiện các ổ khủng bố, mất cảnh giác, "đeo găng tay trắng" khi tiến hành công việc, v.v... Bộ trưởng mới nhắc nhở anh

em phải cởi bỏ "găng tay trắng" khi làm việc, và chú ý mức độ thận trọng khi đánh đập tù nhân. Thế là trong các nhà tù bắt đầu bố trí phòng riêng để tra tấn tù nhân và phân công hạn chế một số nhân viên chuyên trách làm việc đó.

Thiếu tướng An ninh P.A.Sudoplatov viết trong hồi ký rằng làm việc với Ignatiev, ông thường xuyên ngạc nhiên về sự kém hiểu biết chuyên môn của thủ trưởng.

Mỗi một tin tức tình báo đều được Bộ trưởng tiếp nhận như là sự phát hiện ra châu Mỹ. Theo Sudoplatov, Ignatiev hoàn toàn không hợp với công tác này. Ignatiev có nhiều kế hoạch phiêu lưu và đầy tham vọng. Chẳng hạn như ông đã cùng với Bộ trưởng Quốc phòng A.Vassilevski thảo kế hoạch đánh các căn cứ quân sự Mỹ và NATO, mà đòn đầu tiên dự kiến đánh vào trụ sở bộ tham mưu NATO, hoặc kế hoạch ám sát những kẻ cầm đầu các nhóm phản động lưu vong ở Đức và ở Pháp, để có thành tích vang dội báo cáo với Stalin. Năm 1952 Ignatiev nảy ra sáng kiến ám sát A.F.Kerenski nguyên là người đứng đầu Chính phủ lâm thời năm 1917 đang tập hợp một tổ chức chống Bôn-sê-vích ở hải ngoại.

Nhưng sau đó Trung ương quyết định thôi không tiến hành.

Ignatiev cũng đã thảo luận với các phó của mình kế hoạch ám sát lãnh tụ Nam Tư I.B.Tito - người đã dám phản bác lại Stalin. Kế hoạch dự định giao cho I R.Grigulevich - một tình báo Liên Xô làm Đại sứ của Costa Rica ở Ý kiêm nhiệm Nam Tư - thực hiện. Nhưng kế hoạch cũng bị trên bác bỏ, vì bị coi là mạo hiểm. Vì thế mà tính mạng của Tito và của cả Grigulevich đã được cứu sống. Sau vụ này, Grigulevich trở về Matxcơva nghiên cứu khoa học, viết được vài cuốn sách và được phong danh hiệu Viện sĩ thông tấn Viện hàn lâm khoa học.

Tháng 10 năm 1952, Ignatiev được bầu vào Đoàn Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Đảng. Trong số những người đứng đầu cơ quan An ninh trước đó, chỉ có Beria là chiếm vị trí cao như thế trong bộ máy Đảng.

CA TỬ VONG CỦA A.JDANOV

Có một người nữ bác sĩ mà tên tuổi gắn với một vụ xăng-đan lớn mà ý nghĩa thực sự của nó cho đến tận hôm nay vẫn còn chưa rõ. Đó là Lidia

Fedoseevna Timashuk, tốt nghiệp bác sĩ năm 1926, từ đó công tác ở Cục điều trị - điều dưỡng Trung ương. Năm 1948, bà là trưởng phòng điện tim của Bệnh viện Kremli (Bệnh viện của Trung ương Đảng).

Mùa hè năm 1948, Bộ Chính trị quyết định cho Jdanov - người thứ hai trong Đảng - đi điều dưỡng, vì sức khỏe ông bị sút kém. Jdanov nghỉ ở Valdai (một vùng núi ở phía Bắc - ND), nhưng sức khỏe cũng không được cải thiện. Ông bị một cơn đau tim. Trung ương cử một số bác sĩ giỏi nhất đến Valdai để khám cho Jdanov, làm cả điện tâm đồ và các xét nghiệm cần thiết khác nhưng không tìm ra bệnh gì, cuối cùng khuyên bệnh nhân đi dạo nhiều hơn ngoài trời để hít thở không khí trong lành.

Riêng có một người không đồng ý với kết luận của các bác sĩ "gạo cội" của bệnh viện Trung ương là chị Lidia Timashuk trẻ tuổi - người làm điện tâm đồ. Chị được Trung ương đưa máy bay từ Matxcova chở xuống để làm điện tâm đồ cho Jdanov. Sau khi làm xong, chị ghi kết quả là "co thắt động mạch vành ở vùng dạ dày trái và thành dạ dày". Nhưng các bác sĩ giàu kinh nghiệm của bệnh viện Kremli đã khám cho Jdanov thì bác bỏ chẩn đoán co thắt động mạch của Timashuk và yêu cầu chị chẩn đoán lại. Lidia Timashuk không tranh luận với các bác sĩ đồng nghiệp, mà viết thư gửi lên Cục trưởng Cục cảnh vệ Bộ An ninh quốc gia N.S.Vlasik là người phụ trách việc bảo vệ sức khỏe các ủy viên Bộ Chính trị.

Trong thư, chị viết rằng các bác sĩ điều trị Jdanov đã không đánh giá đúng mức bệnh tình nguy hiểm của ông nên đã cho phép đi dạo chơi, xem phim trong khi đáng lẽ phải nằm tĩnh dưỡng, vì thế mà đã gây ra cơn đau tim và trong tương lai có thể dẫn đến tử vong".

Ngày 28 tháng 8, Jdanov lại bị một cơn đau tim nữa.

Timashuk lại được chở đến Valdai, nhưng người ta không bảo chị làm điện tâm đồ. Cùng ngày hôm đó, theo lời kể của Timashuk, "bệnh nhân dậy để đi vào nhà vệ sinh thì bị một cơn nhồi máu cơ tim nặng kèm phù phổi, giãn tim, dẫn đến đột tử".

Ngày 7 tháng 9, Timashuk viết tất cả những điều chị không tán thành cách chẩn đoán và điều trị đối với Jdanov mà theo chị đã dẫn bệnh nhân đến tử vong, gửi cho Bí thư Trung ương Đảng A.A.Kuznetsov.

Kết quả khám nghiệm tử thi và các đánh giá sau này chứng tỏ L.Timashuk đúng. Cục trưởng Cục cảnh vệ Vlasik đưa bức thư của Timashuk cho thủ trưởng của chị là P.I.Egorov - Cục trưởng Cục điều trị - điều dưỡng Kremli xem. Lãnh đạo Cục không hài lòng với việc làm của Timashuk, chuyển chị xuống làm ở một cơ sở phụ của bệnh viện Trung ương. Và câu chuyện coi như bị lãng quên. Về động cơ hành động của Timashuk, người ta cho là có thể chị làm như thế để gỡ bỏ trách nhiệm đối với việc chữa chạy bệnh nhân cho lương tâm được thanh thản.

Nhưng hầu như đồng thời lúc đó lại xảy ra một vụ xcăng-đan chính trị nữa trong đó tên của Jdanov lại được nhắc đến.

Ngày 20 tháng 11 năm 1948, Bộ Chính trị giao cho Bộ An ninh quốc gia nhiệm vụ "giải tán ngay ủy ban Do Thái chống phát xít, đóng cửa và tịch thu hồ sơ tất cả các cơ quan của tổ chức này, và hiện thời không bắt ai cả ". Việc bắt bớ chỉ đến năm 1952 mới tiến hành, và lúc bấy giờ người ta sẽ nhớ đến L.Timashuk. Bức thư của chị vẫn còn được lưu giữ cẩn thận ở Bộ An ninh quốc gia. Người ta gọi chị lên bộ phận điều tra các vụ trọng án và hỏi chị tỉ mỉ về hoàn cảnh tử vong của Jdanov.

Người ta gọi chị lên thăm vấn mấy lần, và đến ngày 20 tháng 1 năm 1953 thì Bí thư Trung ương Đảng G.M. Malenkov mời chị đến Kremli để thay mặt đồng chí Stalin và Chính phủ Liên Xô cảm ơn chị về tinh thần cảnh giác cách mạng.

Ngày hôm sau, các báo đảng quyết định của Xô viết tối cao tặng thưởng L.Timashuk Huân chương Lê nin vì đã có công giúp khám phá ra các "bác sĩ - sát nhân".

Đồng thời, Bộ An ninh quốc gia được lệnh bắt tất cả các bác sĩ đã điều trị cho Jdanov và cả một vài bác sĩ nổi tiếng khác. Tất cả bị buộc tội thực hiện chỉ thị của các cơ quan tình báo nước ngoài bằng cách điều trị sai để giết hại các cán bộ lãnh đạo Liên Xô. Bức thư của Timashuk đã được sử dụng để mở một chiến dịch mà người ta cho là chống Do Thái, vì nhiều người trong các bác sĩ nổi tiếng bị buộc tội là bác sĩ gián điệp, bác sĩ sát nhân là những người Do Thái.

Chiến dịch này đã gây nên một sự nghi ngờ, sợ sệt đối với bác sĩ và việc sử dụng thuốc men. Bác sĩ điều trị cho cán bộ Sứ quán Liên Xô tại Pháp bị quản thúc tại gia, mặc dù chồng chị là cán bộ Bộ An ninh quốc gia. Thật trớ trêu là lúc đó Thứ trưởng Bộ Ngoại giao A.A.Gromyko trên đường đi công tác qua cảnh Paris thì bị ốm. Bác sĩ Sứ quán khám cho Gromyko và đưa thuốc cho ông uống, ông gạt tay chị ra và không chịu nhận thuốc.

Nhưng sau khi Stalin chết, mọi sự bị đảo lộn. Tháng 4 năm 1953, Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng huỷ bỏ sắc lệnh của Xô viết tối cao về việc tặng Huân chương Lê nin cho Timashuk và quyết định đình chỉ việc điều tra và thi hành vụ án các bác sĩ, coi đó là vụ án ngụy tạo, thả và phục hồi danh dự cho 37 người bị buộc tội.

Hai ngày sau, báo chí đưa tin rằng Bộ trưởng An ninh quốc gia Ignatiev có lỗi trong vụ các bác sĩ.

A.Jdanov - ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, là nhân vật số hai sau Stalin, khi còn sống thường chèn ép các ủy viên Bộ Chính trị trẻ và có năng lực là Malenkov và Beria, do đó sau khi Jdanov chết, hai người phục thù, bằng cách bỏ tù Abacumov và dựng lên "vụ án Leningrad" để triệt hạ các tay chân của Jdanov. Mọi người bấy lâu nay vẫn cho là như vậy. Song thực tế không phải như vậy. "Vụ án Leningrad" được sắp xếp và bắt đầu diễn ra từ khi Jdanov còn sống. Thế lực của ông đã hết từ trước khi sức lực của ông cạn kiệt.

Ông đã không còn cần cho Stalin nữa, thậm chí vương.

Các nhà nghiên cứu nói rằng Jdanov đã được giúp đi nhanh sang thế giới bên kia. Jdanov đã rất ốm yếu, đến các buổi họp Bộ Chính trị một cách khó nhọc, nét mặt xám xịt. Shepilov - khi đó công tác ở Cục cảnh vệ, hỏi Jdanov:

- Sao đồng chí không đi nằm bệnh viện một thời gian?

Jdanov trả lời:

- Không, Bộ Chính trị quyết định cho tôi đi điều dưỡng ở Valdai. Đồng chí Stalin bảo rằng ở đó không khí rất trong lành.

Vấn đề đi nghỉ hay điều trị ở đâu là do Bộ Chính trị, chứ không phải do Hội đồng y khoa quyết định.

Stalin còn dặn các bác sĩ:

- Các đồng chí dẫn đồng chí Jdanov đi dạo nhiều nhiều vào, kéo đồng chí ấy hơi bị nặng nề đấy.

Sau khi Jdanov chết, những người trực tiếp ở bên cạnh Jdanov thời gian cuối cũng dần dần đi theo Jdanov. Bảy ngày sau khi Jdanov chết, người giúp việc của ông treo cổ tự tử. Sau đó bác sĩ đã mổ tử thi Jdanov cùng với giáo sư Vinogradov bị chết. Còn năm 1951, quản gia nhà nghỉ của Trung ương Đảng ở Valdai, nơi Jdanov chết, dùng súng tự sát.

*

Trong mấy năm, đặc biệt là mấy tháng cuối đời, Stalin bận tâm lo công việc của Bộ An ninh quốc gia nhiều hơn là công việc của Trung ương Đảng hoặc Hội đồng Bộ trưởng. Bộ trưởng An ninh quốc gia và các sĩ quan điều tra đến làm việc với Stalin hầu như hàng ngày. Đầu óc của vị lãnh tụ đã bắt đầu già bây giờ luôn bận bịu với việc đối phó với các âm mưu. Ông cùng Bộ trưởng An ninh cũng đang có kế hoạch kết thúc mấy vụ án lớn bằng việc xét xử công khai để gây tiếng vang như hồi những năm 30. Đầu năm 1953, Bộ Nội vụ có kế hoạch tăng số phòng giam trong các nhà tù và trại cải tạo.

Bất kỳ ai, kể cả những nhà lãnh đạo cao cấp cũng có thể bị thất sủng. L.M.Kaganovich - ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Hội đồng Quốc phòng - bị cách chức Bộ trưởng Bộ giao thông đường bộ vì không hoàn thành nhiệm vụ, và bị điều đi làm chính ủy phương diện quân ở Bắc Kavkaz. Nhưng may cho Kaganovich, một năm sau ông lại được gọi về Matxcơva, giữ chức Bộ trưởng.

Molotov, Mikoian, Voroshilov cũng bị liệt vào diện làm gián điệp cho nước ngoài. Sau này, khi Stalin đã chết rồi, họ vẫn còn kinh ngạc tự hỏi: làm sao mà Stalin có thể nghĩ được rằng họ làm gián điệp cho nước ngoài được nhỉ? Nhưng chẳng phải chính họ đã từng gán cho các đồng chí của mình trong Bộ Chính trị là Trotski, Kamenov, Zinoviev là tay sai cho tình báo nước ngoài hay sao? Tại sao họ, biết rõ lãnh tụ hơn ai hết, lại nghĩ rằng đến lượt họ thì không?

Năm 1960, Khrushchov - lúc đó là Tổng Bí thư - có giao cho Chủ tịch Xô viết tối cao Voroshilov gọi Vassili (con trai Stalin) lên nhắc nhở về chuyện nghiện rượu.

Voroshilov đã nói chuyện trên tình cha chú với Vassili, và vẫn còn nhắc lại: "Trong mấy năm cuối, cha cháu có nhiều cái rất lạ: hỏi bác quan hệ với bọn Anh hồi này thế nào? Cha cháu coi bác là gián điệp của Anh".

Stalin mà sống thêm ít nữa, rất có thể Molotov và những người khác cũng bị rơi vào danh sách xử bắn.

Nhưng trước nhất có lẽ sẽ là Beria. Trong đội ngũ thân cận của mình, Stalin nể nhất Beria - con người cương quyết và mạo hiểm, không có ảo tưởng hão huyền.

Stalin không chấp nhận quan hệ thân thiết giữa những người thân cận của mình với nhau. Ông sai nghe trộm tất cả các nhà lãnh đạo cao cấp của đất nước, cả Bộ trưởng An ninh. Một câu chuyện bất cần của ai đó cũng có thể phải trả giá bằng công danh, thậm chí sinh mạng. Beria lại là người biết điều đó hơn ai hết.

Mấy tháng trước khi chết, Stalin đã thay toàn bộ người phục vụ và bảo vệ biệt thự ở Volynski ngoại ô Matxcơva (nơi Stalin ở những tháng cuối đời - ND). Lúc đó ông mới yên tâm được rằng những người bảo vệ ông không dính dáng gì với Beria hay bất kỳ ai trong lãnh đạo trước đó của Bộ An ninh. Ông thay Bộ trưởng Abacumov bằng Ignatiev - một cán bộ Đảng trước đó không dính dáng gì đến bộ máy an ninh.

"Vụ các bác sĩ" là bộ phận của một kế hoạch to lớn nhằm tiến hành vài vụ xét xử mà trong đó các bị cáo tự thú nhận tội khủng bố và gián điệp cho đế quốc. Tuy nhiên, việc xét xử vụ ủy ban Do Thái chống phát xít Bộ An ninh quốc gia đã phải tiến hành không công khai, vì các bị cáo không chịu nhận mình là gián điệp. Đó là vào năm 1952.

Các bị cáo là người Do Thái: nữ Viện sĩ Lina Stern, diễn viên Veniamin Zuskin, các nhà văn Perets Markish, Lev Kvitko, David Gofsten, bác sĩ trưởng của bệnh viện Botkin - B.Shimeliovich, nguyên ủy viên Trung ương Đảng Bôn-sê-vich Nga Solomon Lozovski...

Chủ tọa phiên toà là Thiếu tướng tư pháp Chepsov. Năm 1950, ông đã kết án tử hình về tội làm gián điệp và phản quốc hai người Do Thái là Mirian Jeleznova (nữ, họ thật là Aizenstadt) và Samuil Persov với những chứng cứ mà ông cho hoàn toàn là có cơ sở: gửi bài ra nước ngoài để đăng về nhà máy ô tô Matxcova mang tên Stalin và về những người Do Thái là Anh hùng Liên Xô.

Nhưng khi, theo quyết định của Trung ương Đảng phải xử những người lãnh đạo ủy ban Do Thái chống phát xít (được thành lập năm 1941 nhằm góp phần vào cuộc đấu tranh chống phát xít) và sau khi nghiên cứu hồ sơ và những lời buộc tội các bị cáo, thì Chepsov đi đến nghi ngờ các kết quả điều tra. Những người ngồi ở ghế bị cáo - các nhà văn, nghệ sĩ, bác sĩ không hề tham gia các vụ âm mưu khủng bố nhằm ám sát Stalin, không làm gián điệp, thậm chí không có hoạt động chống Liên Xô.

Chepsov thấy họ chỉ có một tội là chủ trương viết và xuất bản sách bằng tiếng mẹ đẻ, bảo tồn các đài kỷ niệm văn hoá dân tộc và giữ nhà hát dân tộc. Chỉ có một tội đó thì Chepsov thấy rằng không thể bắn họ được.

Bất chấp cực hình và sự xỉ nhục, những con người đã không còn trẻ nữa kia vẫn giữ được tinh thần gan dạ, chịu đựng thử thách. Chỉ có viên đạn cuối cùng mới kết liễu được họ mà thôi.

Chấp nhận nguy cơ mất thể Đảng, mất nghiệp, thậm chí cả mất mạng, Thiếu tướng Chepsov hoãn mở phiên toà để điều tra thêm.

Nhưng Georghii Malenkov không đồng ý với đề nghị đó: "Đồng chí định để chúng tôi phải quỳ gối trước những kẻ tội phạm này sao? Bản án đã được nhân dân phán quyết. Bộ Chính trị đã xem xét vụ này ba lần rồi. Đồng chí hãy thực hiện quyết định của Bộ Chính trị".

Thế là các bị cáo đã bị kết án, và bị xử tử chỉ vài tháng trước khi Stalin từ trần.

Việc xử lý các vụ án tiêu biểu trong những tháng cuối cùng của Stalin mang tính chất vội vã. Bộ An ninh Quốc gia cần phải lấy bằng được những chứng cứ về việc các bị cáo làm việc cho các cơ quan tình báo nước ngoài nào?

Họ đang thu thập tài liệu để chuẩn bị xử một sĩ quan cảnh vệ ở Điện Kremlin bị tình nghi là có liên lạc với Mỹ. Tất cả để phục vụ cho việc đưa ra những cáo trạng nghiêm khắc đối với Mỹ - không chỉ về việc can thiệp vào công việc nội bộ, mà còn về việc chuẩn bị tiến hành các hoạt động khủng bố nhằm ám hại Stalin và các nhà lãnh đạo khác của Liên Xô.

Năm 1937, đứng đầu cơ quan an ninh là nhà lãnh đạo an ninh chuyên nghiệp Yagoda đã bị thay thế bằng Bí thư Trung ương Đảng Ejov để bắt đầu một cuộc thanh trừng lớn. Bộ máy cơ quan an ninh bị thanh lọc khỏi lớp cán bộ cũ và đưa về các cán bộ Đảng. Còn những người bị bắt thì bị tình nghi là gián điệp cho Đức.

Nay, cán bộ an ninh chuyên nghiệp Abacumov bị thay thế bởi Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng Ignatiev, thì bộ máy của Bộ An ninh Quốc gia được tăng cường bởi các cán bộ trẻ làm công tác Đảng và công tác Đoàn, còn những người bị bắt thì bị tuyên bố là làm gián điệp cho Mỹ. Nhưng tình hình xã hội năm 1937 và năm 1952 khác nhau. Lúc đó, trước chiến tranh, người dân Liên Xô lo sợ và cảm thấy mối đe dọa chiến tranh của Đức đang đến gần. Bây giờ, tình hình sau chiến tranh đã có nhiều cái khác. Do vậy, cần phải tiến hành những vụ xét xử tiêu biểu và công khai, thì mới kích động được dư luận.

Nhưng các cuộc xét xử đó đã không kịp được tiến hành . . .

BA GIẢ THUYẾT XUNG QUANH CÁI CHẾT CỦA STALIN

Trong ngày đưa tang Stalin, bên linh cữu cha, Vassili Stalin là người đầu tiên khóc và kêu to lên rằng: "Cha ơi? Người ta giết cha!". Lúc đó, không phải chỉ một mình anh ta nghĩ như vậy.

Trong Bách khoa toàn thư và trong tất cả các tiểu sử chính thức, ngày, tháng, năm sinh của Stalin là 21/12/1879. Nhưng trong sổ ghi danh của nhà thờ Uspenski ở thành phố Gori (nơi sinh của Stalin), trong chứng chỉ tốt nghiệp trường dòng Gori và trong một vài tài liệu khác ghi là năm 1878 và ngày khác.

Sớm muộn một năm vài ngày thật ra cũng không phải là vấn đề gì quan trọng. Song, một số nhà sử học cho rằng Stalin muốn che giấu một giai đoạn ngắn có quan hệ với cơ quan sen đầm của Sa hoàng trước khi tham

gia cách mạng. Và nói chung, cuộc sống riêng và tình trạng sức khoẻ của Stalin là điều được giữ bí mật.

Trước chiến tranh, Stalin nói chung khoẻ mạnh. Sau chiến tranh, ông bắt đầu ốm đau - huyết áp cao. Bắt đầu từ năm 1945, mỗi năm ông ở miền Nam 3 - 4 tháng, thường trở về Matxcơva gần vào ngày 21/12 - ngày sinh của ông. Ở miền Nam, xa cách mọi người, ông chữa bệnh và củng cố sức khoẻ.

Mặc dù trong những năm cuối đời, Stalin có đau ốm, nhưng trông ông vẫn khoẻ mạnh, không có biểu hiện gì báo hiệu một sự suy yếu đột ngột. Khi Stalin bị ốm, ông không cho ai đến thăm. Khi Stalin bị nhồi máu cơ tim lần thứ hai, Beria muốn đến thăm, nhưng Stalin không cho, ông không chỉ không cần đến một sự an ủi, cảm thông mang tính chất thuần tuý con người, mà còn không muốn cho ai nhìn thấy mình đau ốm. Bệnh tình của ông cũng là một bí mật quốc gia.

Nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Hungari Matias Rakoshi, nhiều năm sống ở Liên Xô, kể rằng Stalin thường ăn cơm tối với các ủy viên Bộ Chính trị.

"Thức ăn và đồ uống bày trên bàn. Mỗi người, kể cả Stalin, tự lấy thức ăn cho mình. Buổi tối, Stalin cũng thỉnh thoảng uống rượu. Ông thường uống rượu vang đỏ hoặc sâm-panh trong một cái cốc dài và cao, không phải cốc dành cho sâm-panh, nhắm nháp từng ngụm nhỏ, giống như khi hút thuốc, ông dành cho việc quán điếu "Herzegorina" hoặc nhồi thuốc vào tẩu và rít từng hơi chậm và ngắt nhiều thời gian hơn là cho bản thân việc hút thuốc . . .

Không khí trong các bữa cơm tối đó là thoải mái, mọi người kể chuyện tiểu lâm trên chốc nhau và cùng cười...

Khi đã hơn 3 giờ sáng, Stalin đi ra ngoài phòng, tôi nói với các ủy viên Bộ Chính trị rằng đồng chí Stalin đã 73 tuổi, liệu có nên kéo dài các buổi tiệc như thế này đến tận đêm khuya hay không, thì các đồng chí bảo tôi cứ yên tâm, Stalin còn khoẻ lắm, và rất biết chừng mực. Quả thật, thấy Stalin quay lại ngồi vào bàn, nhưng một lúc sau lại đứng dậy, và mọi người cũng giải tán".

Hai tháng sau, Stalin qua đời.

Cho đến ngày hôm nay, vẫn nhiều người cho rằng Stalin bị sát hại. Giả thuyết có nhiều, sau đây là ba giả thuyết chính:

Giả thuyết thứ nhất: Stalin bị Beria ám hại, vì Beria biết rằng Stalin chuẩn bị gạt ông ta nên quyết định gạt Stalin trước.

Theo giả thuyết này, Beria đã diệt những cảnh vệ trung thành nhất với Stalin, sau đó đã dựng ra "vụ các bác sĩ" để diệt bác sĩ riêng của Stalin. Trong khi Stalin ốm và không tin vào các bác sĩ mới được cử đến, vào lúc nguy cấp Beria cử người của cơ quan An ninh đến tiêm cho Stalin một mũi quyết định.

Sự thật thì Beria đã không còn có quyền lực địa vị trong Bộ An ninh quốc gia nữa, và không phải ông là người cắt cử bảo vệ cho Stalin, không phải ông là người tổ chức "vụ các bác sĩ". Song giả thuyết về việc Beria chủ mưu vẫn tồn tại.

Giả thuyết thứ hai: Stalin bị Kaganovich hại, vì Lazar Kaganovich - ủy viên Bộ Chính trị, bản thân gốc Do Thái, là người đỡ đầu của những người Do Thái ở Liên Xô. Trong một cuộc tranh luận ở nhà nghỉ ngoại ô, Stalin muốn tống tất cả người Do Thái đi Sibêri, Kaganovich yêu cầu điều tra lại "vụ các bác sĩ". Stalin định gọi bảo vệ đến bắt Kaganovich, nhưng Kaganovich giữ chặt nút chuông không cho Stalin ấn vào. Stalin lên cơn đau tim và chết luôn.

Khảo dị của giả thiết này là Kaganovich dùng cô cháu gái xinh đẹp tên là Roza đến mê hoặc Stalin và thay thuốc độc vào tủ thuốc cá nhân của Stalin.

Giả thuyết thứ hai này ít người tin, vì chẳng có cô Roza nào mê hoặc được Stalin bao giờ cả, còn bản thân Kaganovich trong suốt cuộc đời là kẻ đầy tớ trung thành của Stalin, và tính người không đủ thẳng thắn và dũng cảm để làm trái ý Stalin đến một lần, chưa nói gì có thể tranh luận trực diện với Stalin.

Giả thuyết thứ ba: Trong phòng Stalin có một ấm điện đun nước. Bất kỳ ủy viên Bộ Chính trị nào cũng có thể bỏ thuốc độc vào đấy. Sau khi tiễn mọi người về, Stalin uống thêm nước, thì bị trúng độc. Khi Khrushchov và

một vài ủy viên Bộ Chính trị quay lại buổi sáng thì thấy Stalin nằm trên sàn nhà, vẫn còn sống, họ bóp cổ cho chết và thủ tiêu các nhân viên bảo vệ. Đây là một giả thuyết tưởng tượng.

Theo các tư liệu thu thập được thêm trong những năm gần đây, có thêm cơ sở để hình dung hoàn cảnh xảy ra sự việc có thể như sau:

Biệt thự ở Kunsevo (Matxcơva) được gọi là biệt thự "gần" của Stalin là ngôi nhà gỗ một tầng, sau có làm thêm tầng hai. Kề bên là ngôi nhà một tầng của bảo vệ và nhân viên phục vụ. Trong một phòng của ngôi nhà này có bảng trên đó ghi số các phòng trong ngôi nhà Stalin ở. Khi Stalin đang ở phòng nào thì đèn bật sáng ở số đó.

Như vậy để bảo vệ và phục vụ luôn theo dõi được Stalin đang ở đâu.

Khi Stalin ngủ lâu chưa thấy dậy, mọi người thường không dám đường đột vào gọi, cứ để yên cho Stalin ngủ.

Và một ngày kia, khi mọi người lâu không thấy Stalin dậy, mở cửa vào, thì thấy Stalin đang nằm trên nền nhà.

Tác giả của tất cả các giả thuyết đều khẳng định rằng sau khi sự việc xảy ra, Beria được cảnh vệ lập tức báo cho biết. Tại sao lại Beria?

Trên thực tế, các chiến sĩ cảnh vệ, theo đúng quy định, đã gọi điện cho Ignatiev - Bộ trưởng An ninh đầu tiên. Ignatiev nhận được điện thoại liền bảo cảnh vệ hãy gọi điện cho Beria hoặc Malenkov. Cảnh vệ gọi cho Malenkov là người lãnh đạo cao nhất sau Stalin.

Malenkov báo cho Beria, Bulganin và Khrushchov. Và họ cùng đến bốn người.

Tại sao lại bốn người này? Vì thời gian cuối, Stalin chỉ mời bốn người này đến nhà mình. Những người khác: Molotov, Mikoian, Kaganovich và cả người bạn già Voroshilov thì số phận treo trên sợi tóc, không được bén mảng đến cửa nhà Stalin. Khi Stalin nói Molotov làm gián điệp cho Mỹ hoặc Voroshilov làm gián điệp cho Anh, đấy là ông nói thật, chứ hoàn toàn không phải nói đùa. Tại đại hội 19 của Đảng, khi Stalin nói chuyện với các ủy viên Trung ương Đảng phải làm gì, ủy viên Trung ương phải thế nào v.v... đấy là ông chuẩn bị trẻ hoá ban lãnh đạo Đảng.

Khi bốn ủy viên Bộ Chính trị đến, bảo vệ báo cáo rằng mở cửa thấy Stalin đang nằm trên nền nhà, họ đã đặt Stalin nằm lên đi văng, và bây giờ Stalin hình như đang ngủ. Họ nghe thế rồi ra về, vì không muốn rằng Stalin tỉnh dậy thấy họ ở bên cạnh ông trong trạng thái như thế. Khi bảo vệ gọi điện lần nữa thì tất cả các thành viên ban lãnh đạo đã tập hợp đầy đủ (có việc gì thì đã có toàn thể ban lãnh đạo cùng chịu trách nhiệm!) và đi cùng với các bác sĩ đến biệt thự của Stalin.

Không ai dám lại gần nâng Stalin dậy. Stalin đã gần kề cái chết mà mọi người còn sợ ông. Các ủy viên Bộ Chính trị cũng sợ ông. Khrushchov kể lần cuối cùng ông đến gặp, Stalin đang ngồi sau chõng giấy tờ che lấp nửa mặt. Stalin bảo: "Cậu làm gì mà lẩn tránh thế? Tôi không bắt cậu đâu mà sợ. Gạt đồng giấy sang một bên và ngồi gần lại đây".

Có người nói trong mấy tiếng cuối cùng, Stalin không có bác sĩ, không được ai chăm sóc y tế. Giáo sư V.S. Naumov - người đã nghiên cứu tất cả các giấy tờ cá nhân của lãnh tụ - nói:

- Không phải vậy. Các bác sĩ luôn có mặt, kể cả trong lần ốm cuối cùng của Stalin. Chỉ có điều tình trạng Stalin trong mấy tiếng đồng hồ cuối cùng thì còn nhiều điều chưa rõ ràng. Nhưng có một điều đã được xác định rõ, là đêm ấy Stalin không đi ngủ. Khi người ta tìm thấy ông trên nền nhà, ông vẫn còn mặc nguyên quần áo dài, và không tháo răng giả. Nếu ông đi ngủ, thì ông đã phải tháo răng giả ra. Còn Stalin tự chết hay có bị ai đầu độc không, thì vẫn chưa có câu trả lời tuyệt đối.

Stalin chết ngày 5/3/1953. Tại hội nghị Trung ương, Ignatiev được bầu làm Bí thư Trung ương Đảng phụ trách khối an ninh và nội chính. Đúng một tháng sau, Beria cách chức ông ta. Trung ương Đảng quyết định đình chỉ vụ án các bác sĩ, thả những người bị bắt và yêu cầu nguyên Bộ trưởng An ninh quốc gia Ignatiev giải trình với Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng về những sự vi phạm pháp luật và làm sai lệch kết quả điều tra của Bộ An ninh quốc gia.

Đáng lẽ Beria bắt Ignatiev rồi, nhưng Malenkov cứu ông ta. Ignatiev bị cách chức Bí thư Trung ương Đảng.

Nhưng đến tháng bảy, khi Beria bị bắt, thì Ignatiev lại trở thành "nạn nhân của Beria" và được phục chức ủy viên Trung ương Đảng, mặc dù chính ông ta là người chỉ đạo việc tạo dựng "vụ các bác sĩ" và xét xử vụ ủy ban Do Thái chống phát xít. Vì Ignatiev đã kịp chuyển từ Malenkov sang tranh thủ Khrushchov. Tại đại hội 20, Khrushchov đã nêu Ignatiev ra làm dẫn chứng cho việc Stalin ép cơ quan an ninh phải đối xử với tù nhân như thế nào. Khi đặt Ignatiev vào chức Bộ trưởng, Stalin hy vọng rằng Ignatiev sẽ trở thành một Ejov thứ hai, sẽ thanh lọc bộ máy an ninh, tự mình đi xuống nhà giam, hỏi cung và đánh đập tù nhân. Nhưng Ignatiev đã không đáp ứng được sự mong đợi đó. Ông ta chỉ là một cán bộ Đảng bình thường, một công chức, thực hiện nghiêm chỉnh các chỉ thị của lãnh đạo, nhưng bản thân không chịu xông xáo vào việc. Stalin phải bảo: "Cậu đừng có ngồi bàn giấy, phải xắn tay áo lên mà làm việc chứ. Nếu cậu cứ thích ngồi một chỗ, tôi sẽ cho cậu biết cậu phải làm như thế nào. Nếu cậu không nghe, sẽ được ngồi ở phòng cạnh phòng Abacumov".

Nếu Stalin không chết năm 1953, thì chắc chắn Ignatiev cũng đã theo chân Abacumov. Ignatiev mới 56 tuổi nhưng đã bị Khrushchov cho về hưu, ăn lương hưu trí của cán bộ cách mạng lão thành suốt hơn 20 năm, đến năm 1983 mới qua đời.

CHƯƠNG IX

LAVRENTI PAVLOVICH BERIA (Lần hai)

Con người này có ảnh hưởng lớn đến số phận nước ta.

Đánh giá về ông ta rất khác nhau. Đa số coi ông ta là ác quỷ của địa ngục. Một số người lại cho ông ta là nhà tổ chức lỗi lạc không có điều kiện thực hiện các kế hoạch của mình.

Lịch sử đã có thể phát triển theo hướng khác. Nếu Nikita Sergeevich Khrushchov vào năm 1953 không hoá ra là nhà chính trị nhạy bén và sắc sảo thì cuộc "tan băng" của đất nước chúng ta sau Stalin đã gắn với tên tuổi của Lavrenti Beria, chứ không phải của Nikita Khrushchov.

Trong không đầy bốn tháng mà ông ta có được từ khi Stalin mất đến khi bị xử bắn, Beria đã nổi lên là người đề xướng những cải cách căn bản.

Tất cả những gì mà khi đó Beria đã bị cáo buộc, nay có thể được coi là công lao của ông ta: đấu tranh chống tệ sùng bái cá nhân Stalin và sự lạm quyền của bộ máy Đảng, ân xá tù nhân, đào tạo các cán bộ dân tộc, khôi phục quan hệ với Nam Tư và không cản trở việc thống nhất nước Đức.

Trong ngày 5/3/1953 (ngày Stalin chết - ND), Nguyên soái Beria trở thành một trong những người lãnh đạo đất nước: ông là Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng, ủy viên Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng (tương đương Bộ Chính trị sau này - ND), Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Đến ngày 26/6 ông đã bị bắt. Như vậy ông cầm quyền được 114 ngày.

Trong khoảng thời gian ngắn đó, ông đã bắt tay vào công cuộc hồi sinh đất nước bị tàn phế. Một số việc đã được làm, như: thả một số tù chính trị, khép lại một số vụ việc như bắn do Bộ An ninh quốc gia tạo dựng và trừng trị những kẻ tổ chức và tiến hành các vụ đó, làm dịu bầu không khí căng thẳng, sợ hãi trong nước; về đối ngoại đã le lói những tia sáng đầu tiên của

hoà hoãn, Liên Xô cùng với các nước lớn bắt đầu thương lượng về đình chiến ở Triều Tiên sau ba năm chiến tranh.

Sau khi Stalin mất, chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng của Stalin được giao cho G.Malenkov. Khi Stalin còn sống, Malenkov là người thứ hai. Do đó theo lô-gích của sự việc, Malenkov giờ phải là người thứ nhất. Sự thật, Stalin còn kiêm chức Tổng Bí thư Đảng. Nhưng Malenkov chỉ nhận chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Ban Chấp hành Trung ương bầu ra Ban Bí thư gồm năm người, trong đó Khrushchov là chính, nhưng chính thức đến tháng 9/1953 Khrushchov mới được bầu là Bí thư thứ nhất. Beria và Malenkov coi Chính phủ quan trọng hơn Ban Bí thư. Dưới thời Lê nin đã như vậy, với Stalin những năm sau này cũng như vậy. Hơn nữa, bốn thành viên của Ban Bí thư mới, trừ Khrushchov, đều là những cán bộ lãnh đạo bộ máy mờ nhạt, không dám tranh chòi với những nhà chính trị sừng sỏ như Malenkov và Beria. Một người nữa là Ignatiev thì một thời gian sau đã nhanh chóng bị đưa ra khỏi Ban Bí thư vì trách nhiệm đầy tai tiếng trong ngành an ninh.

Sau này, Khrushchov sẽ kể lại với hội nghị Trung ương về việc Tổng Bí thư Đảng kiêm Thủ tướng Hungary Matiasz Rakoshi đến Matxcơva hỏi kinh nghiệm Liên Xô xem Hội đồng Bộ trưởng giải quyết những vấn đề gì và Trung ương Đảng giải quyết những vấn đề gì, thì được Beria trả lời: "Trung ương gì! Mọi việc cứ để Hội đồng Bộ trưởng giải quyết, còn Trung ương Đảng lo công tác cán bộ và tuyên huấn".

Ngày 5/3, Bộ An ninh quốc gia và Bộ Nội vụ sáp nhập lại thành Bộ Nội vụ. Beria là Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Ba Thứ trưởng thứ nhất là S.N Kruglov, B.Z.Kobulov, I.A.Serov.

Beria ra lệnh thả đến một nửa số cán bộ của Bộ An ninh đã bị bắt thời Ignatiev, và tập hợp lại lực lượng an ninh có từ trước. Ông ta ấp ủ những kế hoạch lớn và rất muốn làm việc.

Khi Stalin còn sống, Beria, cũng như các cán bộ cao cấp khác, đặc biệt lại là Bộ trưởng An ninh, bất cứ lúc nào cũng có thể ra đi. Beria sợ Stalin. Ông chứng kiến Stalin gạt bỏ tất cả những người mà ông đã đưa lên, và biết rằng các cuộc nói chuyện của ông đều bị nghe trộm và ghi lại.

Từ năm 1941, thực tế là Stalin đã gạt Beria ra khỏi công tác của Bộ An ninh quốc gia. Việc Stalin thường xuyên thay đổi cơ cấu và người lãnh đạo cơ quan an ninh chứng tỏ rằng ông đang tìm kiếm phương án thay thế Beria.

Việc Stalin không công nhận cho Beria truyền đạt các chỉ thị của mình và giao nhiệm vụ lại cho Bộ trưởng An ninh làm cho một số nhà nghiên cứu lầm tưởng. Thật ra thì Ignatiev đã biết trước Beria sẽ nói gì, vì Stalin gặp và bàn việc với ông thường xuyên hơn là với các ủy viên Bộ Chính trị. Nhưng Stalin quy định như thế, nên cứ thế mà làm. Ignatiev cẩn thận ghi lại: ngày này, giờ này đồng chí Beria gọi điện truyền đạt chỉ thị của đồng chí Stalin về vấn đề này thế này v.v... Các cuộc đàm thoại giữa Beria và Ignatiev được ghi lại để Stalin kiểm tra xem Beria truyền đạt có chính xác không và Ignatiev sau này có thực hiện đúng không, nhưng quan trọng hơn là để nắm được tình trạng quan hệ giữa hai người.

Stalin đưa Beria ra khỏi Lubianka (Quảng trường Lubianka - nơi đặt trụ sở của cơ quan An ninh - ND), nhưng vẫn dùng ông như biểu tượng của bộ máy thanh trừng để răn đe mọi người. Beria hiểu rằng sự tàn ác của ông ta được Stalin tán thưởng. Stalin không hề đánh giá cao các đồng nghiệp của mình trong Bộ Chính trị về độ cứng rắn, chỉ trừ Beria. Stalin đã giao cho Beria thực hiện các công việc đẫm máu, biết rằng Beria sẽ không run tay. Đồng thời Stalin cũng sợ Beria, và tìm cách thay thế Beria. Người ta đã có thể tổ chức được việc giết Trotsky ở tận Mehico thì tại sao lại không có thể tổ chức việc giết Stalin?

- Và Stalin nghĩ rằng Beria có thể dám hành động? - Tôi hỏi giáo sư Naumov.

- Stalin biết ông ta là một con người mạo hiểm, dám làm tất cả. Beria thì cảm thấy cái vòng kim cô bao chung quanh ông ta ngày càng siết chặt lại. Ignatiev kể lại rằng khi nói chuyện điện thoại với ông ta, Beria chỉ trả lời ngắn gọn bằng những câu "vâng" hoặc "không" - ông ta sợ cả nói chuyện. Điều đó xảy ra sau khi cuộc nói chuyện của ông ta với Abacumov bị ghi âm và vài tuần sau Abacumov bị bắt.

- Beria có biết được điều gì chờ đợi ông hay không?

- Tất nhiên là có, cũng như mọi ủy viên Bộ Chính trị khác. Nhưng mỗi người đều nuôi hy vọng là lãnh tụ còn chừa mình ra. Còn Beria thì hy vọng rằng Stalin sẽ qua đời trước khi kịp bỏ tù ông. Thông tin về tình trạng sức khoẻ lãnh tụ của Beria là chính xác nhất, vì ở cấp nào, chỗ nào cũng có tai mắt tay chân của ông. Kaganovich sau này kể rằng Beria nói với ông ta rằng nếu Stalin bắt ông ta, thì lực lượng an ninh sẽ nổi loạn để phản kháng. (Chính vì vậy mà các đồng chí của Beria trong Bộ Chính trị sau này sẽ không dám cách chức, mà phải tìm cách bắt giữ ông ta).

Malenkov đứng ở vị trí lãnh đạo số một của đất nước.

Nhưng ông ta không đủ ý chí, thế và lực để làm người đứng đầu. Do đó ông ta liên minh với Beria để giữ quyền lực. Khrushchov còn chưa được họ tiếp nhận một cách nghiêm túc và coi là đối thủ. Vậy là Malenkov - Beria cùng với Khrushchov là bộ ba lãnh đạo. Nhưng riêng Beria không tính đến ai cả và thường hành động một cách độc lập.

Sự khác nhau giữa họ và cả những người lãnh đạo khác với Beria là ở chỗ: trong khi họ còn đang phân vân liệu có quản lý nổi đất nước to lớn này không? (họ đã quen quá lâu làm theo lệnh của Stalin đến nỗi ý chí bị tê liệt đi rồi), thì Beria không chút phân vân: ông ta tin rằng sẽ giải quyết được bất kỳ nhiệm vụ nào. Trong khi những người lãnh đạo khác còn đang nhập vai mới một cách khó khăn, thì Beria đã bắt đầu hành động, độc lập và tự tin. Ông ta có trong tay mọi đòn bẩy quyền lực, có bộ máy an ninh hùng hậu, và không ai dám chất vấn ông ta khi ông ta làm việc này việc kia. Sau khi trở thành Bộ trưởng Nội vụ, Beria thành lập bốn nhóm kiểm tra các vụ việc cũ: "vụ các bác sĩ", vụ bắt các cán bộ của Bộ An ninh quốc gia và vụ bắt các cán bộ Tổng cục pháo binh, và một ủy ban xem xét lại các cáo buộc đối với ban lãnh đạo quân đội. Dựa trên kết quả làm việc của bốn nhóm kiểm tra, Beria ra quyết định huỷ bỏ các kết luận về các vụ việc này, và bắt đầu phục hồi danh dự cho các quân nhân bị bắt sau chiến tranh.

Ngày 3/4, theo đề nghị của Beria, Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng ra quyết định phục hồi phục danh dự cho những người bị bắt và bị xử trong "vụ các bác sĩ" và truy cứu trách nhiệm hình sự các cán bộ của Bộ An ninh quốc gia đóng vai trò tích cực nhất trong việc tạo dựng các vụ án này.

Ngày 4/4, Beria ký lệnh cho Bộ Nội vụ "cấm áp dụng bất kỳ hình thức cưỡng bức và tác động về mặt thân thể nào đối với những người bị bắt".

Tuy nhiên chỉ những vụ án thời gian gần đây mà Beria không dính líu đến được xem xét lại. Còn những vụ án trước và vô số những nạn nhân khác thì bị im lặng.

Song, phải nói rằng khi báo "Sự Thật" đưa tin về việc phục hồi các nạn nhân trong "vụ các bác sĩ", thì điều đó đã gây một ấn tượng mạnh mẽ đối với toàn dân. Đây là sự thú nhận công khai đầu tiên về việc cơ quan an ninh quốc gia cũng thực hiện những việc làm tội lỗi. Bầu không khí ngột ngạt như đám mây đen trong thời gian Stalin còn sống tan bớt đi. Đây là những biểu hiện đầu tiên của thời kỳ mà sau này người ta, dùng lời của nhà văn I.Erenburg, gọi là thời kỳ "tan băng".

Sau này, Trung ương Đảng sẽ phê phán Beria là xem xét lại các vụ án thì đồng ý, nhưng tại sao lại đem ra công bố công khai, làm ảnh hưởng uy tín của Đảng trong nước và trên quốc tế. Còn hiện giờ, mọi việc diễn ra dồn dập. Beria mạnh mẽ, năng động và kiên trì. Các đồng chí trong ban lãnh đạo chỉ còn biết im lặng giơ tay ủng hộ những sáng kiến do Beria đề xướng. Ngày 10/4 Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng ra nghị quyết "tán thành những biện pháp do đồng chí Beria tiến hành nhằm vạch trần những hoạt động tội lỗi trong nhiều năm của Bộ An ninh quốc gia . . . ". Theo đề nghị của Beria, Trung ương Đảng ra nghị quyết cấm mang ảnh lãnh tụ - kể cả còn sống hay đã chết - trong các cuộc tuần hành quần chúng. Hai tháng sau (lúc đó Beria đã bị bắt), Trung ương Đảng lại huỷ bỏ Nghị quyết đó, bởi vì quần chúng đi tuần hành mà không mang cờ và ảnh các vị lãnh đạo thì mang gì?

Trong mấy tháng năm 1953, Beria đã biến Bộ Nội vụ thành một trung tâm quyền lực. Nhưng đồng thời cũng giải phóng Bộ Nội vụ khỏi hoạt động kinh tế - sản xuất, phân phát cho các bộ ngành toàn bộ cơ ngơi xây dựng và công nghiệp của Bộ Nội vụ đã từng sử dụng lao động tù nhân. Ông giao cho Bộ Tư pháp toàn bộ tù nhân trong các trại cải tạo lao động (viết tắt tiếng Nga là GULAG), chỉ giữ lại cho Bộ Nội vụ những trại và nhà tù đặc

biệt giam giữ các tội phạm quốc gia đặc biệt nguy hiểm và tội phạm chiến tranh trong số các tù binh Đức và Nhật.

Riêng số tù nhân trong các trại tù của Bộ Nội vụ là 220 nghìn người. Số này sau này sẽ được Khrushchov thả.

Ngày 26/3/1953, Beria báo cáo với Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng rằng các nhà tù và trại cải tạo lao động hiện đang giam giữ hai triệu rưỡi người. Một số đông những người đó không phải là mối nguy hiểm gì đối với xã hội: họ là phụ nữ, thiếu niên, người già yếu. Những người này bị bắt từ thời gian trước chiến tranh nhiều khi chỉ vì tự tiện bỏ việc, buôn bán đầu cơ, trộm cắp và những lỗi trong công tác hoặc trong sản xuất.

Beria đề nghị thả gần một triệu người. Những người bị kết án trên 5 năm tù, bị kết án vì các tội phản cách mạng, cướp bóc giết người có chủ định và biến thủ lớn không được ân xá. Đồng thời Beria đề nghị xem xét lại ngay các đạo luật để giảm nhẹ hình phạt đối với các tội không nặng, còn đối với các sai phạm sản xuất, công tác và sinh hoạt chỉ cần phạt hành chính.

Mỗi năm các toà án xem xét các vụ việc liên quan đến khoảng một triệu rưỡi người - Beria viết tiếp. Trong số đó, 650 nghìn người bị kết án tù, mà một nửa là vì các tội không nguy hiểm đối với xã hội. Nếu không sửa đổi luật pháp, thì chỉ một, hai năm nữa các trại cải tạo của chúng ta sẽ lại phải chứa ba triệu người.

Ngày 26/3/1953, Beria viết một tờ trình lên Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng kèm dự thảo sắc lệnh cùng với Bộ Tư pháp và Viện Kiểm sát tối cao. Tờ trình lập tức được thông qua. Hai ngày sau, sắc lệnh được ban hành, 1,2 triệu người đã được tha, và các vụ việc đối với 400 nghìn người xét thấy không có tội đã được đình chỉ.

Mùa xuân năm 1953, A.Kobulov - Phó thứ nhất của Beria nói với một cán bộ cấp dưới: "Không thể tưởng tượng được hết những dự kiến của Lavrenti Pavlovich (cách gọi kính trọng đối với Beria - ND). Ông sẽ phá vỡ rất kiên quyết trật tự hiện nay không chỉ ở nước ta, mà cả trong các nước dân chủ nhân dân".

Beria không cho tăng chi phí quốc phòng và đề nghị Hội đồng Bộ trưởng cắt giảm nhiều công trình lớn, tốn kém, tốn rất nhiều ngân sách. Riêng

đối với các dự án công trình cho Bộ Nội vụ quản mà tốn nhiều tiền của và lực lượng như: kênh đào Turkmenia, kênh đào Volga - Ural, đường sông nối Volga và Baltic, thủy điện sông Đông, các đường sắt phía Bắc, Beria ra lệnh đình chỉ.

Malenkov và Beria đã có những bước đi theo hướng phi tập trung hoá việc quản lý kinh tế, thi hành một chính sách kinh tế tự do hoá hơn, rõ ràng nhằm giảm bớt gánh nặng cho người nông dân, như tăng giá thu mua nông phẩm, chú trọng sản xuất hàng tiêu dùng - điều mà Malenkov sau này - khi đến lượt ông bị đưa "lên thớt" - sẽ bị phê bình.

Beria hoạt động tích cực cả trong các vấn đề quốc tế.

Sau ba năm chiến tranh, các cuộc đàm phán về đình chiến ở bán đảo Triều Tiên đã được bắt đầu. Còn ở Hungari, kỷ nguyên của chủ nghĩa Stalin kết thúc với việc Imre Nagy trở thành Thủ tướng - người mà sau này sẽ lãnh đạo đất nước vào năm 1956.

Beria tìm cách khôi phục lại quan hệ với Nam Tư mà dưới thời Stalin đã bị cắt đứt. Ông đã giao nhiệm vụ cho tình báo của mình tổ chức cuộc gặp mặt giữa ông với A.Rankovich - người giữ chức vụ tương đương như ông trong ban lãnh đạo Nam Tư (ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

Mùa hè năm 1953, xảy ra cuộc khủng hoảng ở Đông Đức. Chính sách yếu kém của lãnh đạo, đời sống khó khăn, nhất là so với Tây Berlin mà lúc đó còn mở cửa đã dẫn đến cuộc nổi dậy phản kháng của quần chúng ở tất cả các thành phố lớn của Cộng hoà dân chủ Đức. Cuộc nổi dậy bị đè bẹp bởi xe tăng Liên Xô, nhưng đã buộc người ta phải suy nghĩ về việc liệu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Đức có phải là đúng hay không?

Ý kiến của Matxcova về vấn đề này là chia rẽ. Beria thì cho rằng "không việc gì phải xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Đức cả, cứ để Đông Đức và Tây Đức thống nhất lại thành một nhà nước tư sản, yêu hoà bình ở châu Âu". Molotov - lúc đó đã lại trở thành Bộ trưởng Ngoại giao - thì cực lực phản đối. Ý kiến của Molotov được thực hiện, vì Beria sau đó bị bắt. Nhưng về mặt lịch sử, ý kiến của Beria đã đi trước thời gian.

Không lâu trước khi bị bắt, Beria gọi các sĩ quan tình báo đến gặp, và giao cho họ những nhiệm vụ mới. Ông cũng bắt các đại diện tình báo ở nước ngoài phải thi ngoại ngữ. Ai đạt thì tiếp tục bố trí công tác, ai không đạt thì về nước công tác, và cử nhiều cán bộ trẻ đi công tác ở các nước dân chủ nhân dân. Riêng ở Đông Đức, bộ phận an ninh gồm 2.200 người - Beria cho là quá nhiều và giảm xuống còn 300 người. Ông cũng đổi mới lực lượng và phương thức hoạt động của cố vấn Liên Xô tại các nước dân chủ nhân dân, yêu cầu họ dứt khoát phải biết tiếng và quan hệ sâu sát với nhân dân nước sở tại.

Đồng thời, xuất phát từ chỗ quan hệ của Liên Xô với các nước đồng minh cần phải thân mật trọng thị hơn, ông yêu cầu các cố vấn Liên Xô tránh can thiệp vào công việc nội bộ của nước sở tại, tránh đưa ra những lời khuyên về những vấn đề tế nhị nhất là những vấn đề nội bộ lãnh đạo để người khác có thể vin vào đó mà cho rằng có "bàn tay Liên Xô".

V G.Cherniavski - năm 1953 lãnh đạo một vụ trong Tổng cục 2 (Tổng cục tình báo Đối ngoại) và được cử đi làm trưởng đoàn cố vấn Liên Xô bên cạnh Bộ trưởng An ninh và Nội vụ Rumani. Cherniavski vừa mới làm quen với tình hình thì xảy ra vụ nổi dậy ở Cộng hoà dân chủ Đức và bị Liên Xô dẹp. Beria gọi điện cho anh và nói: "Đồng chí hãy lấy đầu mình mà bảo đảm để tình hình như vậy không xảy ra ở Bucarest", và ra lệnh hàng ngày phải gọi điện về báo cáo tình hình cho ông hoặc phó thứ nhất của ông là Kobulov (phụ trách tình báo và phản gián).

*

Nghĩ rằng ai cũng căm ghét Beria là không đúng.

Sau khi Trung ương Đảng quyết định thả những người bị bắt trong "vụ án các bác sĩ" và trừng trị những kẻ tổ chức vụ đó, viện sĩ Iakov Zeldovich, ba lần Anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa nói với Viện sĩ Andrei Sakharov:

- Cái này chính là Lavrenti Pavlovich của chúng ta làm đấy!

Đối với một số người, Beria được coi là chỗ dựa và người bảo vệ.

Alexei Adjiubei (con rể của Khrushchov, Tổng biên tập báo "Tin tức") mô tả lại hình ảnh Beria đọc diễn văn tại buổi lễ kỷ niệm cách mạng Tháng

Mười: "Người béo đậm, khuôn mặt bầu bầu, áo quần xoàng xĩnh, nom ông giống một anh cán bộ bình thường. Nhưng khi ông cất tiếng phát biểu, thì ông nói hay, đõng dạc, rành mạch và đầy uy lực, thỉnh thoảng ngắt mạch, ngừng đầu lên để mọi người vỗ tay. Bài phát biểu của ông là một bài phát biểu không tẻ nhạt".

Beria khao khát quyền lực, đồng thời muốn làm việc để cải tổ đất nước, và biết rằng muốn thế phải dựa vào Đảng, phải tranh thủ sự ủng hộ của các Bí thư Tỉnh ủy.

Trong vấn đề này Khrushov có thuận lợi hơn Beria, vì ông được các Bí thư Tỉnh ủy biết, và mặc dù họ nhìn Khrushov bằng con mắt có phần giễu cợt, nhưng dù sao họ cũng coi Khrushov là người của mình. Còn Beria chỉ có thể bắt họ phải sợ mình. Nhưng không thể nào quản lý và giữ đất nước chỉ bằng nỗi sợ.

Năm 1953, khi Stalin mất, đã xuất hiện một khoảng chân không chính trị. Ban lãnh đạo không biết đưa ai lên làm người đứng đầu. Đất nước lần đầu tiên không có lãnh tụ. Nhân dân không biết các nhà lãnh đạo của mình ai làm cái gì. Chỉ có một mình Molotov là Bộ trưởng Ngoại giao được báo chí đưa tin đi dự các cuộc chiêu đãi quốc khánh, nhận và trả lời các công hàm và điện chúc mừng hoặc chia buồn của nước ngoài. Và Voroshilov với danh nghĩa là Chủ tịch Xô viết tối cao trao huân chương hoặc huy chương cho các tập thể và cá nhân xuất sắc. Các Bí thư Tỉnh uỷ không biết báo cáo ai, xin ý kiến ai, và dựa vào ai. Sự sắp xếp nội bộ phức tạp trong điện Kremli làm họ bực bội và lúng túng.

Trong bối cảnh đó, Beria tranh thủ các nước cộng hoà. Ông chủ trương phải trao cho họ nhiều quyền chủ động hơn trong việc sắp xếp và đề cử các cán bộ dân tộc (đối với các nước cộng hoà) và địa phương (đối với các khu tự trị). Các nước cộng hoà lâu nay vẫn ngậm tức bực vì Trung ương cử những cán bộ từ đâu tới lãnh đạo, những người này tiếng dân tộc thì không hiểu, điều kiện địa phương thì không tường, mà xử sự thì như ông chủ.

Nếu trước kia cảnh giác đấu tranh với chủ nghĩa dân tộc như thế nào (chẳng hạn nhà điện ảnh lỗi lạc A.Dovienko vì bộ phim rất hay về Ucraina mà bị "treo bút"), thì nay Beria đề nghị phát triển các nền văn hoá dân tộc,

dạy học bằng tiếng dân tộc song song với tiếng Nga, và các Bí thư thứ hai Tỉnh ủy có thể được đề bạt từ địa phương chứ không nhất thiết cứ phải từ Trung ương cử xuống. Những điều đó làm ấm lòng lãnh đạo Đảng các địa phương.

Tháng 6/1953, sau khi đi công tác Belarussia về, Beria báo cáo Trung ương là lãnh đạo Bộ Nội vụ Belarussia không có một ai là người Belarus cả. Tình hình cũng như vậy trong các cơ quan khác của Đảng, Xô viết và chính quyền của Belarussia. Beria đã bằng thế lực của mình làm thay đổi Bộ trưởng Nội vụ của Belarussia. Còn bộ máy Đảng của nước cộng hoà thì Beria không làm được, vì điều đó thuộc thẩm quyền của Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng.

Cũng theo tinh thần những kiến nghị của Beria, Ucraina đã phải tiến hành hội nghị Trung ương, phê phán công tác lãnh đạo của Bộ Chính trị Đảng Ucraina đối với các vùng phía tây và cách chức Bí thư thứ nhất L.Melnikov là một người Nga, thay bằng A.Kirichenko người Ucraina. Cũng theo sơ đồ như vậy Beria đề nghị thay Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Belarussia N.O.Patolichev bằng người Belarus M.V.Zimianin.

Bộ trưởng Nội vụ Belarussia M.Baskakov đi Matxcơva về ghé tai báo cho Patolichev cái "tin chết người" đó. Ông ta lập tức lên Matxcơva, thì gặp người bạn đồng cảnh của mình ở Ucraina là Melnikov vừa bị cách chức thật, đang làm thủ tục đi đại sứ ở Rumani.

Patolichev xin gặp các vị cao cấp có thế lực kể từ Khrushchov trở xuống, nhưng không thấy ai nói là Patolichev sắp sửa bị cách chức. Một vài người "thạo đời", khuyên Patolichev gặp Beria thì mới biết đích xác.

Nhưng Beria không tiếp, nói là quá bận. Patolichev đành về.

Vài ngày sau, Khrushchov gọi điện xuống Minsk cho Patolichev thông báo rằng Trung ương Đảng quyết định cho ông ta thôi chức Bí thư thứ nhất Belarus vì "đã vi phạm chính sách dân tộc lê-nin-nít".

Nhưng Patolichev vẫn số đỏ. Trong khi hội nghị Trung ương Belarussia đang phân tích các khuyết điểm của Bí thư thứ nhất, thì ở Matxcơva Beria bị bắt. Lần này, Malenkov và Khrushchov gọi điện cho Patolichev thông báo rằng Beria bị bắt, và nói nếu Hội nghị Trung ương Belarussia quyết định

vẫn giữ chức cho Patolichev thì Trung ương sẽ không phản đối. Thế là những người vừa mới phê phán Patolichev lại biểu quyết tán thành ông ta.

Nhưng Khrushchov cũng chỉ giữ Patolichev thêm được ba năm, sau đó chuyển ông ta sang làm Thứ trưởng Bộ Ngoại giao rồi cho về hưu.

Người ta cho rằng việc bắt Beria là cái mốc đánh dấu việc mở đầu cuộc đấu tranh chống tệ sùng bái cá nhân Stalin. Đây là sau này Khrushchov tuyên bố như thế.

Còn lúc đó, vào năm 1953, đơn giản chỉ là cuộc đấu tranh giành quyền lực. Các đồng chí trong Đảng tìm cách loại bỏ một nhân vật sùng sỏ và một đối thủ đáng gờm.

Stalin gạt bỏ các ủy viên Bộ Chính trị một cách bài bản, từng bước: tập hợp chứng cứ và lời khai đối với từng người, cho xem hồ sơ, tư liệu về các ủy viên Bộ Chính trị khác và hỏi ý kiến. Sau đó vấn đề được đưa ra hội nghị Trung ương. Đối tượng bị đưa ra khỏi Bộ Chính trị, bị cách mọi chức vụ, cuối cùng bị điều tra và bị bắt.

Với Beria thì họ không làm thế được. Họ không có gì để tố cáo Beria cả. Đúng hơn, họ có thể cáo buộc Beria về mọi chuyện, nhưng là những chuyện mà chính họ cũng dính vào.

Không có bằng chứng nào nói rằng Beria có ý định lật đổ ban lãnh đạo Đảng, bắt tất cả các ủy viên Bộ Chính trị. Khrushchov chỉ nói thế này:

- "Với một kẻ gian xảo như thế thì chỉ có thể hành động như vậy được thôi các đồng chí ạ. Nếu chúng tôi bảo thẳng vào mặt hăn rằng hăn là con người như thế nào, thì chắc chắn hăn đã nghiên nát chúng tôi. Hăn biết làm điều đó lắm. Chúng tôi đã tính toán kỹ: nếu hăn mà biết được Trung ương sẽ họp để bàn về hăn, thì có thể xảy ra là chúng ta đến phòng họp, mà lực lượng của hăn đã bao vây khắp xung quanh rồi".

Khrushchov, Malenkov và những người khác năm 1953 đó đã hành động như dưới thời Stalin đã hành động: họ tóm luôn Beria, chẳng cần đầy đủ chứng cứ, chẳng có lệnh bắt.

Trong năm năm cải tổ, các sĩ quan của Bộ Nội vụ có kể lại rằng năm 1953, một sư đoàn của Bộ Nội vụ đã được đồn về gần Matxcova để chờ hễ có lệnh của Beria là nhảy vào giúp Beria giành chính quyền.

Ý kiến của giáo sư Naumov:

- Sư đoàn ấy bây giờ vẫn đóng ở Matxcơva. Đó là sư đoàn quân cận vệ mang tên Dzerjinski. Người ta không tìm được bằng chứng nào nói rằng Beria chuẩn bị một cuộc đảo chính cướp chính quyền. Theo tôi, ông ta không cần như vậy. Ông ta nắm tất cả mọi người trong tay bằng các hồ sơ mật của mình. Bất cứ lúc nào, nếu muốn, ông ta cũng có thể buộc tội bất kỳ ai về một tội gì đó. Nhưng ông ta không vội, cho rằng thời điểm còn chưa chín.

- Thế nếu Beria chưa có ý định gạt bỏ các đồng nghiệp trong Bộ Chính trị, thì tại sao họ lại quyết định bắt ông ta?

Giáo sư Naumov:

- Uy tín của Beria trong nước ngày càng lớn. Bên cạnh ông ta, Malenkov, Khrushchov, Molotov, Bulganin chỉ là những nhà lãnh đạo yếu ớt. Bằng sức mạnh của tính cách mình, ông ta áp đảo tất cả. Trong các cuộc họp Bộ Chính trị, ông tự mình nêu vấn đề tranh luận, tự mình kết luận, cắt ngang người khác một cách thô bạo khi họ đang nói. Tất cả đều sợ ông và đều âm ỉ với ông nhưng không dám nói lại. Tất cả các ủy viên Bộ Chính trị đều có những bất đồng với nhau, và tự họ với nhau đã cãi lộn, và chính họ cũng biết thế. Nhưng có một cái chung liên kết họ lại với nhau: đó là sự sợ hãi Beria. Và họ đã đi một bước quyết định . . .

Kế hoạch đã chín muồi vào đầu tháng 6 năm 1953.

Và Khrushchov đặt cược tính mạng vào kế hoạch đó.

Malenkov, Jukov cũng vậy. Họ bắt đầu vận động từng người một trong đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng một cách hết sức cẩn mật. Tất cả các cuộc nói chuyện đều ở ngoài phố, vì sợ bị nghe trộm (việc này Cục 9 của Bộ Nội vụ làm, với lý do bảo vệ cán bộ lãnh đạo).

Các đồng chí của Beria trong ban lãnh đạo Đảng lật Beria không chỉ vì Beria có tham vọng lên làm người đứng đầu, mà còn vì sợ ông ta phanh phui các tài liệu về sự dính líu và trách nhiệm của họ trong các vụ thanh trừng. Beria biết rõ hơn ai hết : ai đã từng tham gia cái gì. Mà ai cũng đều có "phốt", có tội. Và Beria nắm tất cả những cái đó của họ trong tay.

Những người lãnh đạo Đảng cũng ý thức được sự cần thiết phải có những thay đổi. Chỉ có điều họ lúng túng và chậm trễ.

Malenkov đề nghị triệu tập trong tháng 4/1953 một Hội nghị Trung ương để phê phán tệ sùng bái cá nhân Stalin. Nhưng Hội nghị Trung ương không triệu tập được. Matxcova không dám nêu tên Stalin ra, còn Beria thì nói thẳng về tệ sùng bái cá nhân Stalin, về những sai lầm của Stalin, và gửi cho các ủy viên Trung ương xem bản phân tích của mình về "vụ các bác sĩ". Tài liệu này dày mấy chục trang, như một quả bom nổ đối với tất cả các ủy viên Trung ương.

Beria làm như thế tức là giữ bỏ trách nhiệm khỏi bản thân về các cuộc khủng bố. Thế còn trách nhiệm của những người khác thì sao? Điều đó làm cho bộ máy Đảng lo sợ. Beria ra lệnh bắt Riumin (nguyên Thứ trưởng Nội vụ) và định bắt Ignatiev (nguyên Bộ trưởng Nội vụ). Và nếu vậy thì hai người này sẽ khai ra khối điều. Đến lúc đó thì Khrushchov và Malenkov đã chủ động bắt Beria.

Làm sao mà một người dày dặn kinh nghiệm, một chuyên gia về các vụ âm mưu như thế, đã sống qua được cả Stalin, mà lại để cho Khrushchov bắt?

Có lẽ Beria đã chủ quan, mất cảnh giác, đánh giá thấp đối thủ, đặc biệt là Khrushchov. Chính Khrushchov - kiên trì và táo bạo - đã quyết định số phận Beria. Sau khi lật đổ Beria, Khrushchov nổi lên vị trí số một và đã được bầu làm Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng.

Thật ra ban đầu mọi người không định xử tử Beria.

Vẫn còn giữ lại một bài phát biểu viết tay của Mergulov, trong đó đề xuất cách mọi chức vụ đang có của Beria và đề bạt làm Bộ trưởng dầu khí. Mikoian và Voroshilov cũng đồng ý như thế, hoặc là bố trí một công tác nào đó khác. Nhưng Khrushchov và Molotov chủ trương loại bỏ hoàn toàn Beria, và ý kiến của họ thắng thế.

Khi mọi người xông vào phòng làm việc của Beria, Malenkov tuyên bố Beria bị bắt. Tiếp đó nhóm quân nhân đứng đầu là Nguyên soái Jukov và Đại tướng Moskalenko tiến đến gần Beria. Bằng một động tác nhanh mạnh, Jukov gạt cái cặp trên bàn trước mặt Beria để phòng nhỡ trong đó có vũ khí. Chiếc cặp bay sang một bên. Beria bị giải đi.

Một cuộc họp Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng được triệu tập khẩn cấp vào ngày 2/7/1953. Nhưng không phải mọi ủy viên Trung ương, thậm chí nhiều ủy viên Đoàn Chủ tịch không được báo. Mikoian thì được Khrushchev báo vì hai người cùng đi một xe. Một số người khác thì chỉ biết trước khi cuộc họp được bắt đầu.

Nhiều người có mặt tại cuộc họp kể tội Beria là đã đặt Bộ Nội vụ lên trên Đảng và Chính phủ, ngạo mạn và thô bạo với các đồng chí.

Những người ta không bị xử tử vì những chuyện đó - Beria nghĩ như vậy. Cho nên khi người ta dẫn ông ta ra khỏi phòng họp, ông ta vẫn không tin là sẽ bị xử tử.

Nhưng Beria quên rằng bản thân ông ta đã từng xử bắn bao nhiêu người khác vì những tội còn bé hơn nhiều.

Các ủy viên Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng ngồi chờ ở Kremli đến tận khuya, cho đến khi được thông báo là đã đưa Beria vào phòng giam.

Người đảm nhận trách nhiệm bắt Beria là Bộ trưởng Quốc phòng N.A.Bulganin. Trực tiếp chỉ đạo công việc này là Thứ trưởng thứ nhất Nguyên soái Jukov bởi vì ban đầu, khi được giao bắt Beria, có người đã ngất xỉu.

Sau khi tuyên xong người, Jukov chở các sĩ quan mang theo súng ngắn lên xe của Bulganin không bị kiểm soát đi thẳng vào Kremli, nói là để báo cáo với Bulganin về hệ thống phòng không.

Khi đến nơi rồi, người ta mới nói với các sĩ quan đó kế hoạch và trình tự tiến hành công việc.

Beria bị bắt vào thứ sáu. Các báo được chỉ thị gạt bỏ mọi tin tức liên quan đến Beria, còn các địa phương thì dỡ bỏ tất cả các ảnh của ông ta. Vài ngày sau hội nghị Trung ương, trên các báo trung ương xuất hiện một tin có vài dòng, nói rằng Trung ương Đảng đã khai trừ Beria khỏi Đảng như một kẻ thù của Đảng và nhân dân Liên Xô, và đề nghị đưa vụ việc của Beria sang Tòa án tối cao xét xử.

Mọi người trong nước đều lập tức cho rằng Beria là một kẻ tội phạm: một khi bị bắt tức là có tội. Một số người còn tin rằng Beria làm gián điệp.

Các cán bộ của bộ máy Đảng trong cả nước thì thờ phào. Họ sợ Beria và sợ bộ máy của ông ta từ trên xuống dưới theo dõi các cấp lãnh đạo Đảng và không công nhận quyền lực của Đảng ở trên bản thân mình.

Không một ai từ Bí thư Đảng bộ cấp bất kỳ đến Bí thư Trung ương Đảng nước cộng hoà được bảo đảm khỏi việc bị bắt bất cứ lúc nào. Họ sợ anh Giám đốc Sở Nội vụ hoặc trưởng ty an ninh hơn bất kỳ ai, vì sinh mạng chính trị của họ phụ thuộc vào những gì mà anh ta báo cáo về Trung ương. Ngày 29/6, trên báo "Sự thật" đã xuất hiện bài về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ các cấp, rằng bất cứ cơ quan nào, cán bộ nào cũng không được nằm ngoài sự kiểm soát của Đảng. Trung ương Đảng ra nghị quyết "Về việc tổ chức tiến hành điều tra, xét xử những hoạt động tội phạm, chống Đảng, chống Nhà nước của Beria".

Viện trưởng Viện Kiểm sát Tối cao cũng bị thay thế bằng R.A.Rudelko đang làm Viện trưởng Viện Kiểm soát Ucraina, được Khrushchov tin cậy.

Những người đặt mua cuốn *"Đại từ điển bách khoa toàn thư Liên Xô"* mùa hè năm 1953 nhận được những trang sách mới in để thay thế trang 22 và trang 23 cũ, có phần về tiểu sử và sự nghiệp của Beria.

Tháng 10/1953, Trung ương Đảng duyệt văn bản luận tội Beria. Trước đó, Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng suốt một tuần không biết làm thế nào để định tội danh cho Beria. Viết là tội "hoạt động chống Đảng". Nhưng Viện trưởng Viện Kiểm sát Tối cao Rudenko bảo rằng trong Bộ luật hình sự không có tội danh đó. Khi ấy, người ta bèn viết là "hoạt động chống nhà nước". Nhưng cụ thể là gì?

Phiên toà xét xử Beria diễn ra từ ngày 18 đến ngày 23/12/1953, đã kết tội Beria "phản bội Tổ quốc, tổ chức hoạt động chống Liên Xô nhằm mục đích cướp chính quyền và tiến hành các hoạt động khủng bố chung các nhà hoạt động trung thành với Đảng Cộng sản và nhân dân; trong thời gian công tác ở Bắc Kavkas đã tìm cách phá hoại tình hữu nghị giữa nhân dân Azerbaijan với nhân dân Nga vĩ đại v.v..." Cùng bị xử với Beria có Merkulov (nguyên Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia hiện là Bộ trưởng Thanh tra Nhà nước), Kobulov (nguyên Thứ trưởng thứ nhất Bộ Nội vụ), Dekanozov (nguyên

Cục trưởng Bộ Nội vụ, hiện là Bộ trưởng Bộ Nội vụ Gruzia), Gogliedze (Cục trưởng Bộ Nội vụ).

Phiên toà xử Beria và những người khác chỉ là hình thức. Ai cũng đã rõ từ trước phiên toà: điều gì sẽ đợi Beria.

Án tử hình Beria được thi hành vài tiếng đồng hồ sau khi kết thúc phiên toà, ngày 23/12/1953.

THỜI KHRUSCHOV

CHƯƠNG X

SERGEI NIKIFOROVICH KRUGLOV

Dân uỷ Nội vụ (12/1945 - 3/1946)

Cuối năm 1945, khi Beria thôi chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ để làm Phó Thủ tướng, thì Kruglov lên làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Đến năm 1953, khi Beria bị bắt, thì Kruglov lại thay Beria. Như vậy, Kruglov làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ bảy năm dưới thời Stalin và ba năm sau Stalin.

Từ nay, người đứng đầu cơ quan an ninh không còn là nhân vật đầy thế lực, nắm quyền sinh quyền sát như trước nữa, mà là những cán bộ thừa hành. Kruglov, cũng như tiếp theo ông sau này là Serov, không phải là những nhà chính trị, cũng không phải là những cán bộ An ninh chuyên nghiệp, mà do Đảng phân công, như người lính thực hiện những nhiệm vụ được giao. Cả hai đều vào ngành an ninh khi mà làn sóng thanh trừng thời Ejoy đã lắng xuống, nhưng sau này đều trở thành những người phó của Beria mặc dù không phải thuộc hạ thân tín của Beria. Tuy vậy sau này người ta vẫn không quên nhắc lại những tội cũ của hai ông. Và để "oán ân báo đáp" Serov - gần gũi với Kruglov - thì phải trả giá ít hơn, còn Kruglov thì nhiều hơn.

Sergei Nikiforovich Kruglov sinh năm 1907 ở tỉnh Kalinin. Hai mươi một tuổi vào đảng. Làm thợ lái máy kéo, Chủ tịch xã. Năm 1929 được gọi đi bộ đội. Đã từng là thợ lái máy kéo, ông được phân vào trung đoàn xe tăng.

Sau Menjinski và Merkulov, ông cũng có trình độ đại học: tốt nghiệp đại học sư phạm công nghiệp Matxcơva mang tên Karl Libnekht. Sau đó, ông được cử đi học tiếng Nhật ở Viện phương Đông, và cuối cùng được về một trường rất có uy tín là Đại học giáo sư đỏ.

Ông hoàn toàn đã có thể trở thành một giảng viên, một giáo sư. Nhưng bộ máy Đảng quá thiếu người, nên từ năm cuối của đại học, năm 1937, ông đã được lấy đi làm cán bộ tổ chức ở Trung ương Đảng. Khi Ejoy bị cách chức và Beria lên thay làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, một số cán bộ Đảng được Trung ương cử về để giúp công tác của Bộ Nội vụ, trong đó có Kruglov. Beria chú ý đến Kruglov, nên hai tháng sau đề bạt Kruglov làm Thứ trưởng kiêm Vụ trưởng Vụ cán bộ, lúc ông mới 32 tuổi.

Năm 1941, sau khi Bộ Nội vụ bị chia thành hai bộ, Beria giữ Kruglov làm Thứ trưởng thứ nhất của mình và phân công cho ông đảm nhiệm mảng công việc mà bản thân Beria không thích làm, là quản lý hệ thống các nhà tù và trại cải tạo và các đơn vị xây dựng. Do đó Kruglov ít tham gia công tác tác chiến, điều tra, và cũng nhờ vậy mà sau này ông được thoát chết.

Tháng 7/1941, khi hai bộ lại nhập làm một, Kruglov vẫn làm phó của Beria. Ông cùng mấy Thứ trưởng khác được phong hàm Chính uỷ An ninh quốc gia bậc 2 (tương đương Trung tướng trong quân đội).

Năm 1944, Kruglov được nhận Huân chương Suvorov hạng Nhất vì đã tổ chức việc di dân Kalmyk, Tulgush, Chechnya, Carachensev về các vùng phía Đông Liên Xô, và Huân chương Kutuzov hạng Hai về chiến dịch thanh lọc các vùng phía Tây Ucraina mới sáp nhập vào Liên Xô khỏi các phần tử phản động. Đây là hai huân chương thường tặng cho các quân nhân vì công lao chiến đấu.

Việc di dân thì sau khi trở thành Bộ trưởng, Kruglov vẫn sẽ tiếp tục làm: đó là năm 1946, khi Kenigsberg nhập vào Liên Xô, cần phải di dân Đức sống ở đó sang khu vực tạm chiếm của quân đội Liên Xô ở Đức.

Năm 1945, Kruglov là thành viên của đoàn đại biểu Liên Xô do Bộ trưởng Ngoại giao tương lai của Liên Xô A.Gromyko dẫn đầu đi công tác ở Mỹ trong thời gian soạn thảo Hiến chương Liên hợp quốc.

Kruglov cũng lo việc bảo vệ an ninh cho các lãnh tụ trong thời gian hai hội nghị "tam cường" và "tứ cường" ở Yalta và Potsdam, và được Mỹ và Anh tặng Huân chương để cảm ơn công trạng.

Kruglov là người thông minh, có năng lực, có học thức, đặc biệt là so với những người tiền nhiệm. Khi Kruglov lên làm Bộ trưởng, thì Bộ Nội vụ đã

bị chia tách: các chức năng tác chiến, điều tra, cảnh vệ đã bị chuyển về Bộ An ninh quốc gia. Thực chất Bộ Nội vụ chỉ còn chủ yếu là Bộ trại giam.

Trong chỉ thị do Beria ký về việc bàn giao các cơ sở sản xuất của Bộ Nội vụ, người ta thấy một danh mục dài ba trang giấy với vài chục tổng cục và xí nghiệp. Hệ thống các cơ sở này không chỉ quản lý và cung cấp lao động trong các trại tù cho các bộ, ngành khác, mà bản thân đã trở thành một vương quốc công nghiệp - xây dựng. Người không am hiểu không thể hình dung được hết quy mô của cái mà nhà văn chống đối A.Soljenitsyn đã gọi là "quần đảo Gulag" và lấy đó đặt tên cho một cuốn sách của mình. Và Kruglov là người chỉ huy trên "quần đảo" này.

Hệ thống "quần đảo Gulag" được thành hình không phải ngay một lúc. Lịch sử hệ thống nhà tù và trại giam của nước ta được trình bày kỹ trong công trình "Các cơ quan và đơn vị của Bộ Nội vụ Nga" của một tập thể tác giả.

Ban đầu, ngay sau cách mạng 1917, việc kiểm soát các trại giam giao cho chính quyền cấp địa phương.

Tháng 9/1918, Hội đồng Bộ trưởng ra nghị quyết "Về khủng bố đỏ", và sau đó ra lệnh về việc thành lập các nhà tù của Ủy ban đặc biệt và các trại cải tạo lao động của Bộ Nội vụ. Sau nội chiến, toàn bộ các nhà tù và trại cải tạo đều do Bộ Nội vụ quản lý, trong đó có 70 nghìn người đang bị giam.

Đến cuối những năm 20, Liên Xô có ý đồ sử dụng rộng rãi hơn sức lao động của tù nhân vào mục đích lao động sáng tạo. Tháng 7/1929, Bộ Chính trị quyết định giao cho Bộ Nội vụ nhiệm vụ khai thác tài nguyên ở những vùng xa xôi của đất nước. Do đó đã có kế hoạch xây dựng các trại cải tạo ở miền Bắc, Sibir, Viễn Đông và Trung Á.

Đến giữa những năm 30, Bộ Nội vụ đã chiếm vị trí đáng kể trong đời sống công nghiệp của đất nước: thăm dò địa chất, khai thác rừng, xây dựng đường sắt, nhà máy hoá chất và nhà máy giấy. Tù nhân đã biến thành một lực lượng lao động quan trọng của đất nước.

Trong giai đoạn trước và trong chiến tranh, họ đã đóng góp xây dựng nhiều sân bay, lao động ở các nhà máy quân sự, sản xuất vũ khí, khí tài.

Khi chiến tranh nổ ra, những người bị bắt giam vì những tội nhẹ về sinh hoạt hay kỷ luật lao động được thả ra và cho đi bộ đội. Đó là gần một triệu người, tức là 1/3 số người trong các trại cải tạo. Số tù nhân còn lại đã xây dựng trong thời gian chiến tranh vài trăm sân bay, xây dựng và lắp đặt hàng nghìn kilômét đường sắt và đường bộ, nhiều nhà máy, hầm mỏ, khai thác mọi tài nguyên đất nước: từ dầu mỏ đến vàng. Do yêu cầu chiến tranh, Bộ Nội vụ và Viện kiểm sát tối cao đã hai lần ra văn bản hướng dẫn về việc giữ những tù nhân đã hết hạn ở lại trại lao động tiếp "trên cơ sở tự nguyện bắt buộc" (từ dùng của Stalin). Sự khác biệt đối với họ là không bị giải đi thành đoàn và được trả tiền bồi dưỡng.

Những người này đến năm 1946 mới được cho về nhà.

N.Baibakov - nguyên Chủ nhiệm ủy ban Kế hoạch Nhà nước, trong thời gian chiến tranh là Bộ trưởng Công nghiệp dầu, kể lại rằng cuối chiến tranh Stalin giao cho ông xây dựng nhà máy sản xuất dầu động cơ, và cắt cử cho ông một lực lượng tù nhân để làm việc đó.

"Đây là một lực lượng lao động rất cần cù và rất cơ động. - N.Baibakov nói. - Những con người ở trong những lán trại và những ngôi nhà dựng tạm, mà làm việc quanh năm, bất kể thời tiết mưa, nắng, bão, tuyết, mười hai tiếng đồng hồ một ngày". Họ làm việc để đổi lấy sự sống, lấy khẩu phần bổ sung và niềm hy vọng được về nhà sớm.

Ban đầu, trong các trại, những người tài, những kỹ sư, chuyên gia giỏi cũng phải làm việc theo chế độ chung. Sức vóc yếu, lại không quen lao động gian khổ, nên họ chết mất một số. Sau đó Bộ Nội vụ nghĩ ra rằng nếu những người này được sử dụng chuyên môn để chế tạo ra máy móc kỹ thuật mới, thì sẽ có cái để báo cáo thành tích. Thế là họ có chính sách khác đối với những người này. Điển hình là câu chuyện về số phận của Sergei Pavlovich Korolev - ông tổ của tên lửa vượt đại châu Liên Xô, vị Tổng công trình sư đã đưa con người đầu tiên vào vũ trụ.

Nhà khoa học này năm 1938 bị kết án mười năm tù vì tội "tham gia hoạt động chống chính quyền Xô viết".

Một số người có thể lực đã đứng ra can thiệp tha cho ông, trong đó có nữ phi công, Anh hùng Liên Xô, Đại biểu Quốc hội Valentina Grizodubova.

Chính là theo đơn yêu cầu và bảo lãnh của bà với tư cách đại biểu Quốc hội mà Toà án tối cao đã huỷ bản án và xem xét lại. Năm 1940, lãnh đạo Bộ Nội vụ quyết định kết án ông tám năm cải tạo lao động. Lần này, lại một đại biểu, cũng là phi công, Anh hùng Liên Xô là Mikhail Grovnov đứng ra bênh vực cho Korolev. Beria phê vào đơn để Thứ trưởng thứ nhất Kobulov nghiên cứu và cho ý kiến.

Kobulov đề xuất chuyển Korolev sang làm ở Phòng kỹ thuật đặc biệt thuộc Bộ Nội vụ và được Beria đồng ý.

Thế là từ đó Korolev bị giữ không xoá án, nhưng hoàn toàn làm công việc chế tạo động cơ tên lửa. Bảy năm sau, năm 1944, theo đề nghị của Bộ Nội vụ, Korolev được trả tự do, và chỉ đến năm 1957, khi phóng vệ tinh đầu tiên lên vũ trụ, ông mới được phục hồi danh dự.

Phòng kỹ thuật đặc biệt mà năm 1941 chuyển thành Vụ 4 đặc biệt của Bộ Nội vụ có gần 500 chuyên gia tù nhân được phân theo các nhà máy quốc phòng và các viện nghiên cứu quan trọng làm công việc chế tạo kỹ thuật quân sự: động cơ, máy bay, tàu chiến, tàu phóng lôi pháo. . . . Chính họ, dưới sự chỉ đạo của các tổng công trình sư Tupolev và Petliakov, đã chế tạo và sản xuất ra ba máy bay ném bom phục vụ cho cuộc chiến tranh.

Còn Grigori Kosunko, người đã sáng chế ra hệ thống tên lửa phòng không mà năm 1960 đã bắn rơi chiếc máy bay do thám siêu âm "U-2" của Mỹ cũng có một số phận đặc biệt. Sau này ông trở thành Viện sĩ, Tổng công trình sư, được nhận những giải thưởng cao quý, là Tướng, Đại biểu Quốc hội. Nhưng phần lớn cuộc đời, ông thấp thỏm lo sợ về nỗi đến khi nào thì vụ cán bộ hoặc cơ quan an ninh phát hiện ra bố ông là ai. Mà bố của ông là một người lái tàu hoả bị xử bắn năm 1938 vì cái gọi là tội "có quan hệ với một tổ chức phản cách mạng". Nhiều năm, vị Tổng công trình sư khả kính của chúng ta mơ thấy những cơn ác mộng: ông cán bộ của vụ tổ chức phát hiện ra một đoạn khai không rõ ràng trong lý lịch của ông, yêu cầu phải kiểm tra lại, và thế là cuộc đời ông đổ sập.

Sau chiến tranh, Tổng công trình sư trẻ Kosunko được đưa sang một bộ phận nghiên cứu - thí nghiệm của Bộ Quốc phòng đang triển khai các dự án chế tạo vũ khí và máy bay phản lực (con trai của Beria là Sergo cũng làm ở

đây). Một số chuyên gia nước ngoài được mời sang cộng tác là chuyên gia Đức, còn lực lượng công trình sư và kỹ sư vẫn là những người Nga đã từng ở trong trại làm công việc nghiên cứu và thử nghiệm suốt thời gian chiến tranh.

Người đặt cơ sở cho hoạt động hiệu quả cao và thành công của cái mà ngày nay chúng ta quen gọi là "tổ hợp công nghiệp - quân sự" là Stalin. Ông cũng là người chăm lo bảo đảm mọi điều kiện cần thiết cho công tác nghiên cứu và thử nghiệm để hiện đại hoá quốc phòng.

Ông nói với các nhà kỹ thuật tên lửa: "Để thực hiện công việc của mình, các đồng chí có quyền huy động bất kỳ bộ, ngành nào tham gia, được bảo đảm về vật chất và tài chính theo nhu cầu mà không có bất kỳ sự hạn chế nào".

Nhiều con của các ủy viên Bộ Chính trị cũng làm việc trong các cơ quan của tổ hợp công nghiệp - quân sự.

Chẳng hạn con trai Ustinov làm về lazer áp dụng trong quân sự, con trai Suslov lãnh đạo một viện kín của Bộ Quốc phòng nghiên cứu các hệ thống điện tử.

Có một lần Beria thăm Tổng công trình sư máy bay Andrei Tupolev đang bị cải tạo. Tupolev bắt đầu kể lể những nỗi oan ức của mình với Beria, nói chưa hết câu thì Beria ngắt lời ngay: "Thôi mà, bạn thân mến ơi, tớ cũng biết là cậu vô tội. Nhưng mà thôi, cứ làm việc đi, hể máy bay của cậu mà bay được lên trời, thì cậu được tha".

A.N.Tupolev sau này là Trung tướng, Viện sĩ, được nhận giải thưởng Lê nin và năm giải thưởng Stalin, ba lần Anh hùng Lao động xã hội chủ nghĩa.

Nhân dịp chiến thắng phát xít Đức, ngày 7/7/1945, Xô viết tối cao Liên Xô ra lệnh ân xá 300 nghìn người.

Còn từ năm 1947, chế độ quản lý nhà tù được nới lỏng hơn: cụ thể là cho phép người nhà được mang đồ ăn tiếp tế, những người cải tạo tốt thì được trả tự do trước thời hạn... Nhưng đồng thời, lại thắt chặt kỷ luật đối với những tội nhân hình sự trong thời bình. Do đó mà số lượng tù nhân vẫn không giảm, và quần thể Gulag vẫn không bị thu hẹp. Năm 1948, Bộ Nội vụ trình lên Hội đồng Bộ trưởng kế hoạch xây dựng một số nhà tù và trại

cải tạo đủ khả năng giam giữ 100 nghìn người, dành để giam các tội phạm quốc gia đặc biệt nguy hiểm.

Đối với đối tượng này, sau khi mãn hạn tù, Bộ Nội vụ cũng đưa họ về Sibir và Karakhstan chứ không cho trở về nhà. Nhưng số nhà tù này vẫn hoá ra không đủ.

Năm 1950, Kruglov trình kế hoạch xây dựng thêm nhà tù và trại cải tạo ở nước cộng hoà tự trị Komi, Vorkuta, Norilsk, Mordovia... để nâng "sức chứa" lên thêm 250 nghìn người.

Năm 1949, Kruglov được thưởng Huân chương Lênin (cùng đợt với Beria) vì sự đóng góp vào công cuộc sản xuất bom nguyên tử, và tại Đại hội 19 được bầu vào Ban chấp hành Trung ương. Tuy vậy, Kruglov ít có may mắn được làm việc thường xuyên với lãnh tụ, vì trọng tâm chú ý của Stalin lúc này là ở Bộ An ninh quốc gia.

Ngày 5/3/1953 khi Beria lên cầm quyền lần thứ hai, Kruglov làm Phó của Beria. Nhưng Beria cùng các phó của mình là Kruglov, Kabulov và Serov tập trung vào các công việc an ninh, còn công tác trại và nhà tù Gulag được Beria đẩy sang cho Bộ Tư pháp.

Sau khi Beria bị bắt, Hội đồng Bộ trưởng xem xét lại và lại giao các trại và nhà tù lại cho Bộ Nội vụ. Thế là Kruglov - lúc đó trở thành Bộ trưởng - lại nhận lại Gulag.

Khi Beria bị bắt, Kruglov liên lạc ngay với Khrushchov và Malenkov, tỏ ra trung thành với lãnh đạo mới và trở thành Bộ trưởng. Còn hai Thứ trưởng thứ nhất được Khrushchov đích thân chọn là I.A.Serov - người được Kruglov tin cậy và N.N.Shatalin - Bí thư Trung ương Đảng.

Bốn nghìn cán bộ lãnh đạo các cấp của Bộ Nội vụ đã bị thôi việc. Những người mới được đưa về Bộ từ cán bộ Đảng và quân đội. Trung ương chỉ thị cho Kruglov giảm biên chế Bộ Nội vụ và sắp xếp lại các đơn vị cho đơn giản hơn và đỡ công kèn.

*

Tuy vậy, sự quan tâm của lãnh đạo mới của đất nước đối với cơ quan an ninh không hề giảm. Kruglov quan tâm đến việc tiến hành các công tác do thám và trả đũa tại các vị trí chiến lược quan trọng của Mỹ và NATO, cũng

như đối với các đối tượng thù địch tích cực nhất của Liên Xô, và đã ký lệnh thành lập một đơn vị đặc biệt nằm trong Tổng cục 2 (tình báo đối ngoại) của Bộ Nội vụ để phụ trách hoạt động này.

Cũng hầu như đồng thời, vào mùa thu năm 1953, Kremli xuất hiện ý nghĩ rằng Bộ Nội vụ là một con ác quỷ, cần phải chặt bớt chân tay nó đi. Và lại Kruglov cũng không phải là người để có thể tin cậy giao phó cho ông ta cả tình báo, phản gián, cả kiểm soát quân đội và bảo vệ Chính phủ. Ở chức vụ này phải là một người tuyệt đối tin tưởng. Một số phương án khác nhau đã được bàn, cuối cùng quyết định thành lập ủy ban An ninh quốc gia trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng (10/4/1954). Bộ Nội vụ chuyển cho ủy ban An ninh quốc gia toàn bộ các đơn vị điều tra - tác chiến. Phó thứ nhất của Kruglov là Trung tướng Ivan Alexandrovich Serov được đề bạt làm Chủ tịch Ủy ban An ninh quốc gia (KGB).

Kruglov - Bộ trưởng Bộ Nội vụ - chỉ còn quản công an, cứu hoả, biên phòng và nội chính. Còn "quần đảo Gulag" thì từ năm 1953, và đặc biệt là từ năm 1956 bị chìm dần - nói cách khác cơ sở của lao động cưỡng bức đã bị thu hẹp. Và Kruglov cũng không còn là Bộ trưởng. Khrushchov tách dần khỏi các cán bộ cũ. Người của Bộ Nội vụ, của Beria còn nắm giữ cương vị bấy giờ chỉ làm ông ta mất thanh danh. Khrushchov lại đang chuẩn bị cho Đại hội 20 lịch sử.

Kruglov rời khỏi Bộ Nội vụ một cách nhẹ nhàng, im ắng. Tuy vậy, một ủy ban đã được thành lập để làm nhiệm vụ tiến hành việc bàn giao công tác của Bộ Nội vụ từ lãnh đạo cũ cho lãnh đạo mới. Kruglov được cử làm Thứ trưởng Bộ xây dựng các nhà máy thủy điện, sau đó một năm bị điều đi khỏi Matxcơva làm Chủ tịch nông trường quốc doanh ở thành phố Kirov. Ở đó Kruglov bắt đầu ốm đau, năm 1958 làm sổ hưu. Nhưng người ta không cho phép ông trở về Matxcơva, vì lúc đó ủy ban kiểm tra Trung ương Đảng bắt đầu rà lại hồ sơ các cán bộ lãnh đạo Bộ Nội vụ và Bộ An ninh quốc gia thời Stalin và Beria. Năm 1959, ông bị thu lại căn hộ rộng đang ở để chuyển sang một căn hộ nhỏ, năm 1960 bị khai trừ khỏi Đảng vì những sai phạm trong quá trình di dân dưới thời Beria.

Trong đơn gửi Ban chấp hành Trung ương Đảng, Kruglov đề nghị Trung ương tính đến đóng góp của ông trong việc xây dựng nền công nghiệp quốc phòng và công nghiệp nguyên tử mà giữ Đảng tịch cho ông, và ông xin được đi lao động xây dựng Nhà máy Thủy điện Bratsk.

Nhưng Trung ương bác đơn của ông.

Ngày 6/6/1977, lúc đó đã là một ông già về hưu, ở ngoại ô, ông bị ngã - hay tự lao - vào gầm tàu hoả và chết.

CHƯƠNG XI

IVAN ALEXANDROVICH SEROV

*Chủ tịch KGB trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng
(3/1954 - 12/1958)*

Ngày 20/4/1954 tại Tây Đức đã diễn ra một sự kiện thu hút sự chú ý của thế giới: người ta tổ chức một cuộc họp báo để giới thiệu với đông đảo phóng viên từ các nước một cựu sĩ quan An ninh Liên Xô - Đại úy Nicolai Khokhlov, người được KGB giao nhiệm vụ giết G.Okolovich - lãnh đạo tổ chức Bạch vệ phản động Nga lưu vong, nhưng đã không thực hiện mà ở lại phương Tây. Việc đào tẩu của một sĩ quan An ninh Liên Xô lúc đó là một hiện tượng mới, và KGB cũng là một cái tên mới. Và ai cũng quan tâm muốn biết xem vị Chủ tịch đầu tiên của KGB là người thế nào.

Nhà văn Anh Yan Flemming - tác giả loạt truyện về nhà trinh thám James Bond có viết một cuốn sách nhan đề "*Rời nước Nga với tình yêu*", trong đó có một đoạn nói về vai trò của Serov đối với đất nước như sau:

"Serov, Anh hùng Liên Xô và người học trò tài năng của các nhà sáng lập Ủy ban đặc biệt và Bộ Nội vụ, về nhiều phương diện là nhân vật lỗi lạc hơn cả Beria.

Chính ông ta đã lãnh đạo việc thanh trừng hàng triệu người không được mong muốn đối với lãnh đạo Liên Xô những năm 30. Ông ta là đạo diễn các vụ án tiêu biểu xử ở Matxcơva. Ông ta đã diệt chủng các dân tộc Kavkaz, đã di dân các nước Cộng hoà Ban-tích và bắt các nhà bác học nguyên tử của Đức giúp cho Liên Xô đạt được tiến bộ kỹ thuật nhanh chóng trong những năm sau chiến tranh.

Ông ta cùng với Khrushchov và Bulganin cai trị đất nước. Có thể sẽ đến một ngày Serov vượt tất cả những người khác để đứng lên đỉnh cao quyền lực".

Bức chân dung của Serov mà họa sĩ phương Tây vẽ ra trên đây khác quá xa với nguyên mẫu trong thực tế, và tương lai của nhân vật, tác giả cũng tiên đoán sai. Đây chỉ là một trong số nhiều huyền thoại được đơm đặt xung quanh hình tượng của vị Chủ tịch đầu tiên của KGB thời sau Stalin.

*

Ivan Alexandrovich Serov sinh năm 1905 ở tỉnh Vologda. Ông vào Đảng sớm: năm 1926, khi đang học ở trường quân sự Leningrad. Trong quân đội, đã từng là lính kỵ binh, rồi pháo binh. Năm 1935, Serov được cử đi học ở Học viện quân sự Frunze để đào tạo thành cán bộ quân đội. Anh sĩ quan trẻ dũng cảm cũng thích binh nghiệp. Nhưng tốt nghiệp Học viện, thì Tổng cục chính trị không phân công anh về quân đội, mà lại cử về Bộ nội vụ. Serov và một số người tốt nghiệp đợt ấy được cử về Bộ Nội vụ theo yêu cầu và lời kêu gọi của Beria, lúc đó mới nhận công tác, để tăng cường lực lượng trẻ cho Bộ Nội vụ. Serov được Beria tiếp và sau đó lập tức được phong hàm Thiếu tá An ninh. Hàm của an ninh cao hơn hàm trong quân đội hai bậc. Hai tháng rưỡi sau, Serov lại được phong hàm Thượng tá, có nghĩa là trở thành Thiếu tướng, nếu trong quân đội. Công tác ở Bộ Nội vụ Serov bắt đầu ở chức vụ cao: là Phó tổng cục trưởng Tổng cục Công an từ tháng 2/1939.

Vợ Serov rất buồn về việc chồng mặc quân phục công an thay vì theo nghiệp quân sự mà ông rất hợp và yêu thích.

Sau khi Beria về, bắt đầu thanh lọc Bộ Nội vụ khỏi những người của Ejoy. Tháng 7/1939, Serov được cử làm Tổng cục phó Tổng cục An ninh quốc tế và Cục trưởng Cục bí mật chính trị (một cục quan trọng phụ trách việc đấu tranh với các phần tử chống chính quyền Xô viết).

Trước Serov, lãnh đạo cục này là B.Kobulov, một người thân cận của Beria mới lên làm Thứ trưởng.

Ngày 2/9/1939, ngày hôm sau khi chiến tranh thế giới II nổ ra ở châu Âu, Serov được cử làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ Ucraina thay Uspenski chạy trốn đã kể ở một chương trước. Tại Ucraina, số phận đã run rủi cho Serov gần gũi với Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng Cộng sản Ucraina kiêm Bí thư thứ nhất Thành ủy Kiev là Nikita Khrushchov. Còn mùa xuân năm 1940,

ông gặp Georghi Jukov lúc đó vừa mới được phong Đại tướng và được bổ nhiệm làm tư lệnh quân khu Kiev. Hai người này sẽ đóng vai trò quyết định trong cuộc đời công tác sau này của Serov.

Serov đến Kiev nhận công tác được hai tuần thì Liên xô tuyên chiến với Ba Lan. Hồng quân Liên Xô tiến vào Tây Ucraina và sáp nhập Tây Ucraina vào Liên Xô. Bắt đầu công việc thanh lọc các lãnh thổ mới được giải phóng khỏi các phần tử chống chính quyền Xô viết: các sĩ quan, cảnh sát, các nhà hoạt động chính trị, trí thức Ba Lan. Công việc mà Bộ Nội vụ đã tiến hành trên lãnh thổ Liên Xô trong 20 năm, thì phải tiến hành ở đây trong một thời gian ngắn.

Serov công tác ở Ucraina được một năm nữa. Tháng 2/1941, khi Bộ Nội vụ chia làm hai bộ, ông được gọi về Mátxcơva làm Thứ trưởng thứ nhất Bộ An ninh quốc gia (Bộ trưởng là Merculov). Nửa năm sau, khi hai bộ lại nhập làm một, Serov làm Thứ trưởng Bộ Nội vụ, phụ trách Công an, cứu hoả, quản lý trại giam và công tác tù binh, và cùng với Beria thực hiện công việc di dân.

Tháng 8/1941, theo lệnh của Stalin, họ đã hủy bỏ nước cộng hoà tự trị của người Đức ở vùng Volga và di chuyển tất cả người gốc Đức rời xa phòng tuyến về các vùng Sibir, Altai và Kazakhstan. Serov đã huy động mấy nghìn cán bộ Bộ Nội vụ thực hiện công việc này trong vòng hai tháng.

Năm 1944, một cuộc di dân nữa đã được thực hiện.

Lãnh đạo chiến dịch di dân lần này là Beria, có sự phân công hợp tác của các phó của ông. Stalin rất coi trọng việc này, sau đó đã tặng thưởng cho Beria, Merculov, Serov, Kruglov, Kobulov và Abacumov Huân chương Suvorov hạng nhất.

Tháng 7/1944, Serov cùng với Kobulov được tặng Huân chương Cờ Đỏ vì việc "Thanh lọc Krưm khỏi các thành phần chống chính quyền Xô viết" - đó là những người Tacta, Bun, Hy Lạp bị trục xuất khỏi Krưm.

Thời gian cuối chiến tranh, nhằm mục đích thanh lọc hậu phương của Hồng quân theo đà phản công của quân Đức đã lập ra chức vụ đại diện Bộ Nội vụ tại các phương diện quân. Serov được cử làm đại diện Bộ Nội vụ bên cạnh Jukov - Tư lệnh phương diện quân Belorussia (Jukov đã giới thiệu

Serov). Và sau chiến thắng, theo đề nghị và sự giới thiệu của Jukov, Serov được tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô.

Sau chiến thắng, Serov vẫn giữ chức Thứ trưởng Bộ Nội vụ, đồng thời lãnh đạo công tác tác chiến của Bộ Nội vụ tại lãnh thổ Đức do Hồng quân Liên Xô chiếm đóng.

Như vậy, trên lãnh thổ Đức có sự chạm trán của ba cơ quan cùng làm công tác an ninh: tình báo quân sự (do Abacumov phụ trách). Bộ Nội vụ và Bộ An ninh quốc gia. Không thể tránh khỏi chông chéo và xung đột nhau.

Tạm thời, ưu thế thuộc về Abacumov. Nhưng, đặc biệt, giữa Serov và Abacumov đã diễn ra một cuộc chiến tranh thực sự. Sau này khi đã về Matxcơva rồi, Serov ở Bộ Nội vụ, còn Abacumov làm Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia, sự thù địch giữa họ vẫn tiếp tục. Abacumov phàn nàn với Beria về Serov và hai người viết đơn cho Stalin tố cáo nhau và nói xấu nhau. Stalin thì nhờ đó mà biết rõ hơn về từng người, nắm được những chỗ yếu của cả hai người.

Cuối cùng là năm 1951 Abacumov bị mất chức, còn Serov được Stalin giữ lại.

Còn năm 1953, khi Beria bị bắt, thì Serov lại được Khrushchov cứu. Nếu không, Serov - ngần ấy năm làm phó của Beria và đã từng đóng góp nhiều như thế vào các chiến dịch thanh lọc - hoàn toàn xứng đáng được bổ sung vào danh sách của "bè lũ Beria".

Như vậy là Serov dưới thời Stalin và thời Khrushchov đều gặp may. Tuy vậy, trong những ngày đầu tiên sau khi Beria bị bắt, chắc hẳn Serov và các cán bộ lãnh đạo khác của Bộ Nội vụ đều cảm thấy mình đứng trên miệng vực. Một trong các Thứ trưởng Bộ Nội vụ là Ivan Maslennikov, Đại tướng, Anh hùng quân đội đã tự sát.

Ủy ban An ninh quốc gia (KGB) được thành lập ngày 13/3/1954 theo sắc lệnh của Xô viết tối cao. Khrushchov muốn giảm bớt vai trò của cơ quan này nên đặt cho nó quy chế một ủy ban trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng, tức là thấp hơn bộ. Song, nói gì thì nói, vai trò và ảnh hưởng của cơ quan này được quy định không phải bởi quy chế hình thức của nó.

Một trong những nhiệm vụ đầu tiên đặt ra trước ban lãnh đạo KGB là thanh toán trong một thời gian ngắn những hậu quả của hoạt động phá hoại của Beria và "biến cơ quan an ninh thành vũ khí sắc bén của Đảng, chống những kẻ thù thực sự của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chứ không phải chống lại những người trung thực".

Sau hai năm, Serov đã thay toàn bộ lãnh đạo các cục chủ yếu của ủy ban bằng các cán bộ từ Trung ương Đảng, và tuyển các cán bộ quân đội về bổ sung cho hàng ngũ sĩ quan. Thời gian đầu, trên các cuộc họp, Serov tập trung tố cáo Beria và những "kẻ thù của nhân dân", kêu gọi nâng cao cảnh giác cách mạng, tuân thủ pháp luật và những nguyên tắc sinh hoạt Đảng. Đến khi chiến dịch phê phán và thanh lọc lãnh đạo cũ lắng xuống, Serov mới bắt tay vào khôi phục công tác tình báo đã bị bỏ bê một thời gian.

Serov cũng đã tiến hành một cuộc sàng lọc lớn các hồ sơ lưu trữ của An ninh quốc gia, trước hết là những tài liệu làm mất uy tín Đảng và Chính phủ. Suốt mấy ngày trời, khói bốc lên từ sân trong của KGB ở Lubianka - nơi huỷ các tài liệu, và ô tô chở hồ sơ từ Thành ủy Matxcơva mang đi - nơi mà Khrushchov đã từng làm Bí thư thứ nhất, để thủ tiêu tung tích dính líu của Khrushchov đến các vụ khủng bố. Vì vậy mà Khrushchov đi tới Đại hội 20 với một sự sẵn sàng vạch trần cái cũ. Hành động của Khrushchov tại Đại hội 20 ngoài việc nhằm trút bỏ gánh nặng của quá khứ và minh oan cho những người vô tội, còn nhằm một mục đích chính trị là đánh vào uy tín của các đối thủ cạnh tranh của ông ta là Malenkov, Molotov, Kaganovich.

Bản báo cáo mật của Khrushchov chống tệ sùng bái cá nhân của Stalin được trình bày tại cuộc họp kín của Ban chấp hành Trung ương sau khi Đại hội đã bế mạc. Có người cho rằng sở dĩ như vậy là vì Khrushchov chỉ quyết định làm điều đó vào phút cuối cùng. Không phải như vậy. Bản báo cáo lớn này đã được chuẩn bị một cách công phu từ trước Đại hội và đã được thảo luận nhiều lần trong Ban chấp hành Trung ương. Nhưng, như Voroshilov lão thành đã nhận xét, sau khi nghe bản báo cáo như vậy thì không ai còn bầu chúng ta vào Ban chấp hành Trung ương nữa. Có lẽ vì thế mà việc công bố bản báo cáo lịch sử được gác lại sau khi đã có kết quả Đại hội.

Beria có lưu giữ hồ sơ về tất cả các cán bộ lãnh đạo.

Serov đã mang những hồ sơ này chuyển vào kho lưu trữ của Trung ương Đảng. Khrushchov nói là không đọc những hồ sơ này. Cũng có thể là như vậy. Nhưng Serov đã đọc. Và vì thế, Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng quyết định thủ tiêu các hồ sơ đó. Đó là mười một thùng giấy to. Sự thật thì cũng có một số tài liệu còn sót lại, mà căn cứ vào đó người ta có thể hình dung được những gì chứa đựng trong các thùng kia.

SỰ KIỆN HUNGARI NĂM 1956

Ngày 23/10/1956, những người tuần hành đi dọc theo các đường phố của thủ đô Hungari là Budapest hát "Mac-xây-e" và "Quốc tế ca", hô đã đảo những người sta- lin-nít đang cầm quyền và đưa Imre Nagy trở lại làm Thủ tướng. Những người lãnh đạo cao cấp của Đảng Hungari chạy đến sứ quán Liên Xô cầu cứu, đề nghị đưa quân vào giúp lập lại trật tự.

Những người biểu tình tấn công trụ sở Thành uỷ Budapest. Thủ tướng Imre Nagy yêu cầu các đơn vị quân đội Liên Xô rút khỏi Hungari và tuyên bố Hungari ra khỏi Hiệp ước Vacsava. Khrushchov lệnh cho Jukov chuẩn bị chiến dịch "Gió xoáy", đồng thời đưa Yanos Kadar sang Matxcơva tiếp kiến lãnh đạo Liên Xô. Khrushchov nói chuyện với Kadar và thấy rằng có thể tin cậy Kadar. Ngày 4/11, chiến dịch "Gió xoáy" bắt đầu. Liên Xô vào thủ đô Budapest và các thành phố khác của Hungari, và đè bẹp cuộc nổi dậy.

Việc đầu tiên là Liên Xô bắt Bộ trưởng Quốc phòng Maleter và Tổng tham mưu trưởng I.Kovatch. Sau đó, tại một căn cứ quân sự Liên Xô ở gần Budapest, Serov bắt một số sĩ quan Hungari. Tiếp đó, Serov lệnh cho các đơn vị Liên Xô đã tiến vào đất Hungari tìm bắt tất cả những người tổ chức cuộc nổi dậy, những người đã cầm súng chống lại quân đội Liên Xô và những người kích động sự thù địch đối với chủ nghĩa cộng sản và cơ quan an ninh.

Yanosh Kadar phàn nàn với Matxcơva rằng An ninh Liên Xô bắt cả những người biểu tình. Serov báo cáo với Matxcơva rằng những người không thuộc các đối tượng trọng điểm cũng có thể bị bắt, nhưng sau đó sẽ thanh lọc dần. Kadar đề nghị Liên Xô thả nguyên Phó Thủ tướng, trưởng nhóm Nghị sĩ Ferent Erdei, bảo đảm rằng Viện sĩ Erdei không phải là phản

động. Về việc này, Serov và Đại sứ Liên Xô Andropov báo cáo về nước như sau: "Chúng tôi cho rằng không nên nhân nhượng trong vấn đề này. Thực tiễn cho thấy rằng một nhân nhượng nhỏ đối với bọn phản động tất sẽ kéo theo những đòi hỏi mới của chúng".

Thứ trưởng Bộ Nội vụ M.Kholodkov đến biên giới để đón những người Hungari bị bắt, báo cáo về Trung ương kết quả đón, nhưng báo cáo thêm rằng đa số những người này không có giấy tờ tùy thân và không rõ bị bắt vì tội gì, rằng có thể có nhiều trường hợp bắt không có sơ sớ. Serov trả lời rằng có một đơn vị Liên Xô đã bắt người "không có sự phối hợp với chúng tôi".

Sau sự kiện ở Hungari, 26 quân nhân Liên Xô đã được phong danh hiệu Anh hùng.

Đối với Serov, sự kiện này không ảnh hưởng gì đến việc thăng quan tiến chức. Nhưng nó đã quyết định số phận của một người sau này sẽ trở thành Chủ tịch của KGB mà lúc này đang làm Đại sứ ở Hungari. Đó là Yuri Andropov.

LANDAO VÀ HỒI CUỐI CỦA "ĐỘI CẬN VỆ GIÀ"

Về các sự kiện tại Hungari, ở Liên Xô ít nhất có một người nghĩ hoàn toàn khác với lãnh đạo Liên Xô. Đó là nhà vật lý lý thuyết Lev Davidovich Landao, người sau này trở thành Viện sĩ Viện hàn lâm khoa học Liên Xô và được giải thưởng Nobel. Landao đã bị cơ quan An ninh lập hồ sơ theo dõi, bị bắt một lần năm 1937 sau được thả ra vì quá giỏi. Landao hân hoan đón chào cuộc nổi dậy ở Hungari, gọi đó là một cuộc "cách mạng", là khát vọng của nhân dân vươn tới tự do. Ông khâm phục người Hungari đã là những người "đầu tiên giáng một đòn vào tư tưởng phản Chúa", vào một hệ thống mà ông coi là "phát xít".

Trong tháng ba năm 1957, nhân ngày mất của Stalin tại một số thành phố, địa phương của Gruzia đã diễn ra những cuộc họp quần chúng bày tỏ sự không tán thành với việc phê phán Stalin. Những biểu hiện tự do tư tưởng trong xã hội đã làm tăng tâm lý chống Khrushchov trong ban lãnh đạo. Các đối thủ của Khrushchov cho rằng việc phê phán Stalin là nguy hiểm đối với chủ nghĩa xã hội, và cần phải chặn đứng. Và cuộc đấu tranh

quyền lực trong nội bộ ban lãnh đạo Liên Xô đã bắt đầu năm 1957. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng N.A.Bulganin và các Phó Chủ tịch Molotov, Malenkov, Kaganovich cho rằng Khrushchov đã thâm tóm về mình quá nhiều quyền hành, không tính đến ý kiến trong Bộ Chính trị, chèn ép sáng kiến, cần phải giải phóng chức Bí thư thứ nhất của Đảng, và nói chung không cần thiết chức vụ đó nữa, lãnh đạo Đảng cần phải là lãnh đạo tập thể. Ngày 18/6/1957, Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng đã biểu quyết về vấn đề này. Bảy người ủng hộ và bốn người không ủng hộ quyết định Khrushchov từ chức.

Nhưng Khrushchov không hề có ý định tuân thủ quyết định đó. Serov và Jukov đã cứu ông. Hai người này đem máy bay quân sự chở các ủy viên Trung ương Đảng từ các nơi trong nước về Matxcơva, gây sức ép buộc Đoàn Chủ tịch phải triệu tập hội nghị Trung ương. Mà ủy viên Trung ương Đảng thì đa số ủng hộ Khrushchov.

Malenkov, Bulganin, Molotov và Kaganovich nói những điều đúng đắn và hợp lý cả: nào là đang hình thành tệ sùng bái cá nhân Khrushchov, rằng cần dân chủ và sự lãnh đạo tập thể trong Đảng, nào là khẩu hiệu "đuổi kịp và vượt Mỹ về thịt, sữa..." là vớ vẩn v.v....

Nhưng chẳng ai nghe họ cả, cũng như trước kia họ đã không hề nghe những người chỉ trích những sai lầm của lãnh tụ và bộ máy của Đảng.

Các Bí thư Tỉnh uỷ thì không hề muốn một sự tự do hoá hoặc dân chủ hoá nào trong đời sống xã hội cả.

Nhưng quay trở lại thời Stalin, khi mà không một cán bộ cao cấp nào được bảo đảm thoát khỏi bị bắt và bị xử tử cả họ lại còn sợ hơn. Không phải tất cả đều có thiện cảm với Khrushchov, nhưng ông ta còn mở cho họ con đường, còn Molotov và những thành viên bảo thủ khác trong Bộ Chính trị trong mắt họ là hiện thân của thời Stalin. Do đó mà hội nghị Trung ương tháng 6/1957 đã ủng hộ Khrushchov.

Bulganin và đội cận vệ già cho rằng KGB là một ủy ban của Hội đồng Bộ trưởng và phải phục tùng Hội đồng Bộ trưởng, phản đối việc KGB phục tùng Ban chấp hành Trung ương, tức là Khrushchov. Khrushchov trả lời rằng

Ủy ban An ninh quốc gia là một cơ quan chính trị, cho nên phải phục tùng Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Cuối cùng, tất cả những đối thủ của Khrushchov đều bị tan tác: Molotov bị cử đi làm đại sứ ở Mông Cổ, Malenkov - làm Giám đốc một nhà máy thủy điện ở vùng Altai xa xôi, Kaganovich - làm Giám đốc liên hợp Ashest ở Sverdlovsk, Bulganin - làm Chủ tịch nông trường quốc doanh ở Stavropol. Khrushchov chỉ giữ lại mỗi Voroshilov già nua ở chức vụ danh nghĩa - Chủ tịch Xô viết tối cao. Tất cả họ đều bị cơ quan An ninh giám sát.

NGUYỄN SOÁI JUKOV

A.I.Adjubei (nguyên Tổng biên tập báo "Tin tức", con rể Khrushchov) kể rằng mùa hè năm 1957, trong một bữa tiệc ở Krưm, có Khrushchov, Serov, Jukov và một số người khác. Giữa bữa tiệc, Bộ trưởng Quốc phòng Jukov nâng cốc chúc sức khỏe Chủ tịch KGB Serov, và ca ngợi "KGB là tai mắt của quân đội". Sau đó, đến khi Khrushchov đứng dậy nâng cốc thì chỉnh lại cả Jukov và Serov: "Đồng chí Serov cần phải nhớ rằng KGB là tai mắt của Đảng".

Ý nghĩa sâu xa của phản ứng đó của Khrushchov chỉ một thời gian sau nữa mới được hiểu đúng. Đó là khi Khrushchov lần lượt chia tay với Jukov, rồi với Serov. Với Jukov trước, vì Jukov mạnh hơn.

G.Jukov là vị nguyên soái huyền thoại, nhà quân sự được nhân dân tin yêu. Xung quanh ông có khá nhiều dư luận. Có dư luận cho rằng ông dự định tiến hành đảo chính quân sự và được quân đội ủng hộ, nhưng bị Khrushchov kịp thời phát hiện. Nhưng kể cả những người không tin vào giả thuyết ấy cũng không thể giải thích nổi Jukov - vị tướng làm nên chiến thắng, và tên tuổi đã đi vào lịch sử, được cả thế giới và nhân dân khâm phục, mà tại sao trong những năm sau chiến tranh lại liên tiếp bị thất sủng.

Tại buổi lễ mừng chiến thắng trên Quảng trường Đỏ ngày 24/7/1945, chính Nguyên soái Jukov là người cưỡi ngựa trắng chỉ huy cuộc duyệt binh chiến thắng. Mà đáng lẽ đó là việc của Tổng tư lệnh tối cao - Stalin.

Nghe nói Stalin đã thử cưỡi ngựa để chuẩn bị thống lĩnh cuộc duyệt binh. Nhưng không thành công. Dù sao ông cũng đã 66 tuổi, mà chưa cưỡi ngựa bao giờ, trong khi Jukov vừa cường tráng, vừa bắt đầu chiến trận từ ky

binh. Do đó Stalin gọi Jukov đến. Jukov từ chối, nói vinh dự đó thuộc về Tổng tư lệnh. Nhưng Stalin nói "tôi bắt đầu già rồi, đồng chí còn trẻ khoẻ hơn", và giao cho Jukov thống lĩnh duyệt binh.

Nhưng chưa đầy một năm trôi qua kể từ ngày lễ chiến thắng vinh quang và đáng nhớ đó, thì những đám mây đen đã kéo đến trên đầu vị Nguyên soái. Bộ An ninh quốc gia bắt đầu lập hồ sơ theo dõi Jukov. Người ta tìm cho Stalin những lời khai của một số người bị bắt nói rằng Jukov tự kiêu tự mãn, công thần, không phục lãnh đạo, không trung thành về mặt chính trị, rằng hải quan giữ bảy toa hàng chở từ Đức, trong đó có đồ gỗ và một số hàng cho Jukov v.v... Người ta dựng lên giả thuyết về một vụ âm mưu của quân nhân do Jukov cầm đầu, kết quả là một số tướng tá bị bắt. Vài ngày trước khi chết, Stalin có cho gọi Jukov đến gặp. Để làm gì, đến nay không được rõ. Có thể Stalin muốn làm rõ một số việc hoặc có thể chỉ thị gì đó cho Jukov.

Sau khi Stalin chết, Bộ An ninh quốc gia đã từng lập hồ sơ chống Jukov bị giải tán, Bộ trưởng Abacumov thì ngồi tù, Bộ trưởng mới là Ignatiev thì cũng bị cách chức.

Những đám mây đen trên đầu Jukov bỗng dưng tan đi.

Chính quyền mới cần đến uy tín của Jukov, cử ông làm Thứ trưởng thứ nhất, rồi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Jukov đã hiện đại hoá quân đội, thành lập các đơn vị cơ động, trang bị kỹ thuật mới triển khai các đơn vị đổ bộ bằng không quân, đồng thời tinh giản lực lượng: giảm một triệu rưỡi quân.

Hồng quân Liên Xô là một quân đội lớn. Nhưng Jukov giảm quân từ từ, nên người ta không để ý. Còn sau này, Khrushchov giảm mạnh, đột ngột, làm giảm sút sức chiến đấu của quân đội, đến ngày nay vẫn còn bị nhắc đến.

Năm 1984 Serov đặt vấn đề ân xá cho những người đã bị bắt làm tù binh và cộng tác với Đức. Còn Jukov đề nghị thay đổi thái độ bất tín nhiệm đối với những quân nhân đã bị bắt làm tù binh, khôi phục cho họ trở về quân ngũ.

Mùa hè năm 1957, khi Molotov, Malenkov, Kaganovich định gạt Khrushchov, chính Jukov đã cứu Khrushchov. Giọng nói sang sảng của Jukov và sức mạnh của cả quân đội đứng sau lưng ông đã là sự bảo vệ hữu hiệu nhất đối với Khrushchov.

Sau việc này, Jukov được bầu vào Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng. Khrushchov thể hiện tình thân hữu với Jukov trong mọi dịp có thể, giữ Jukov luôn ở gần mình, thậm chí đi nghỉ họ cũng nghỉ cùng với nhau.

Jukov thậm chí cũng không thể nghĩ được rằng một âm mưu đang được sửa soạn chống lại ông, rằng ông sẽ ở trong Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng không được tới năm tháng nữa.

Ngày 4/10/1957, Jukov bay xuống Sevastopol, rồi từ đó đáp chiến hạm "Kuibyshev" đi thăm chính thức Nam Tư và Albanie. Trong khi đó thì Khrushchov xuống quân khu Kiev dự tập trận, thăm dò binh tình, đồng thời chuẩn bị tư tưởng trước cho các sĩ quan. Về Matxcơva, ông cho ra nghị quyết "Về việc cải tiến công tác chính trị - tư tưởng trong Quân đội" và tiến hành các cuộc họp phê phán Bộ trưởng thiếu quan tâm đến công tác chính trị - tư tưởng.

Jukov đang ở nước ngoài không hề hay biết gì về những chuyện đó. Đến khi tùy tùng báo cáo với ông là không liên lạc được với Matxcơva, người kinh nghiệm thì đã có thể nghĩ đến khả năng này nọ, nhưng mà ông vẫn không hề nghi ngờ gì.

Khi Jukov về nước, ra sân bay đón ông có Nguyên soái Konev - Thứ trưởng thứ nhất Bộ Quốc phòng và gia đình Jukov. Konev nói ông được dặn là đón Jukov đến thẳng Kremli để họp Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng.

Nhưng hai con gái của Jukov xin bằng được cho bố rẽ qua nhà "uống cốc nước". Konev đành lòng phải đồng ý.

Về nhà, các con gái đã tranh thủ thông báo qua tình hình với Jukov.

Jukov đến Kremli, thì ở đó các ủy viên đoàn Chủ tịch đang ngồi đợi. Và họ lập tức đổ lên đầu ông một loạt những lời cáo buộc. Một số ủy viên khác giả đờ bác lại.

Nhưng cuối cùng Đoàn Chủ tịch kết luận là Jukov tạm thời bị cách chức Bộ trưởng, trước mắt không được đến Bộ Quốc phòng.

Ra đến hội nghị Trung ương để quyết định vấn đề thì mọi sự đã rõ: người ta phê bình Jukov là định đặt quân đội ra ngoài sự kiểm soát của Đảng, giảm bớt các đơn vị làm công tác chính trị - tư tưởng, rằng tác phong lãnh đạo của ông thô bạo, độc đoán, cứng nhắc... Việc ông lập ra những đơn vị biệt động và tổ chức trường để huấn luyện cũng bị chất vấn để nhằm mục đích gì? có phải nằm trong kế hoạch chiếm Kremli hay không? . . .

Có phải Jukov định làm đảo chính quân sự để thay Khrushchov hay không?

Tất nhiên Khrushchov coi Jukov là một đối thủ. Jukov có uy tín cao ở trong nước. Các con gái của Jukov xác nhận đúng là có những người gọi điện đến bày tỏ nguyện vọng ông đứng ra lãnh đạo đất nước để chỉnh đốn lại trật tự. Và tất nhiên các cuộc nói chuyện điện thoại đó được KGB ghi lại. Các cú điện thoại đó có thể chính là của KGB, nhằm xem xem phản ứng của ông thế nào. Thêm vào đó là tính cách cứng cỏi, tự tin và không khoan nhượng của Jukov (kể cả trong vấn đề trách nhiệm của lãnh đạo đối với các cuộc khủng bố trong quá khứ) đã khiến Khrushchov dè chừng. Nguyên soái Jukov bị cách mọi chức vụ, thậm chí không được vào nhóm các tổng thanh tra của Bộ Quốc phòng - nơi mà theo thông lệ các Nguyên soái khi không giữ chức vụ chính quyền nữa thì tức khắc trở thành thành viên.

Nhưng khi Khrushchov đang đi nghỉ ở Pitsunda thì có gọi điện cho Jukov thăm hỏi và nói "Chúng ta cần phải gặp nhau". Có lẽ đó là lúc Khrushchov linh cảm thấy nguy cơ đang bủa vây ông. Thư ký còn ghi rõ vào chương trình của Khrushchov sau khi về Matxcơva: "Bố trí cuộc gặp với Jukov". Nhưng cuộc gặp không diễn ra được vì đã muộn: từ nhà nghỉ trở về, Khrushchov được nhận luôn quyết định về hưu.

Sau khi Jukov bị cách chức, tháng 12/1958 Serov cũng bị cách chức Chủ tịch KGB và chuyển sang làm Vụ trưởng Tổng vụ trình sát của Bộ tổng tham mưu quân đội. Serov là người của Khrushchov.

Trước đây, khi xem xét việc đề bạt Serov vào chức chủ tịch KGB, toàn bộ Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng không tán thành, vì mọi người đều biết Serov là nhà tổ chức chính các cuộc di dân thời Stalin. Chỉ nhờ có Khrushchov bênh vực và cố đặt Serov vào thì Serov mới trở thành Chủ tịch KGB. Bây giờ, khi hạ chức của Serov, nguyên nhân này cũng được nêu ra, nhưng thực chất là Khrushchov nhớ rõ Jukov và Serov là bạn chiến đấu và bạn thân của nhau. E.Khrutski, con rể của Serov kể rằng sau này có lần Serov thổ lộ với anh là ông rất mừng với việc bị cách chức Chủ tịch KGB, bởi vì lại được trở lại quân đội.

Serov làm việc được 5 năm ở Tổng cục trinh sát, vui hưởng cuộc sống và công tác, thì xảy ra vụ gián điệp Penkovski làm ông choáng váng và mất hẳn sự nghiệp.

Oleg Penkovski là đại tá quân báo, đã từng học trường pháp binh và tham gia chiến đấu, làm tình báo, được Nguyên soái pháo binh Varentsov sủng ái. Varentsov thân với Khrushchov và xin với Serov cho Penkovski về làm ở Tổng cục trinh sát. Serov nhận. Đến năm 1960 và 1962 Penkovski làm gián điệp cho CIA (Mỹ) rồi cho Anh, và bị Tòa án quân sự Liên Xô xử bắn.

Khrushchov vô cùng tức giận vì Penkovski đã làm lộ hết tiềm lực tên lửa của Liên Xô. Serov bị cách mọi chức vụ Đoàn Chủ tịch. Trung ương Đảng còn giao cho một ủy ban xem xét sự việc của Serov và đánh giá, kết quả là do "mất cảnh giác chính trị", Serov bị hạ cấp từ Đại tướng xuống Thiếu tướng và đặc biệt là tước mất danh hiệu Anh hùng Liên Xô là điều mà ông tiếc nhất.

Serov về hưu năm 1965 và sống thêm một phần tư thế kỷ nữa. Ông duy trì một nếp sống điều độ: mùa hè đi đánh quần vợt ở nhà nghỉ quân đội, mùa đông trượt tuyết, ít uống rượu và không hút thuốc lá. Ông lãng tránh những câu chuyện về đề tài chính trị hoặc công tác. Thích nhớ lại những kỷ niệm chiến tranh.

Serov qua đời năm 1990. Và đó cũng là cơ để O.Gordievski và đồng tác giả người Anh của ông trong cuốn sách về KGB nghĩ ra thêm một huyền thoại nữa về Serov là nguyên Chủ tịch của KGB tự sát.

CHƯƠNG XII

ALEXANDR NICOLAEVICH SHELEPIN

Chủ tịch KGB (12/1958 - 11/1961)

Vào một ngày cuối thu năm 1998, tất cả những người đã một thời làm việc với A.N.Shelepin đến nghỉ trang Novodeviche ở Matxcơva để tưởng nhớ thủ trưởng và người bạn của mình.

Đồng nghiệp từng gọi ông là "Sura sắt đá" - ám chỉ "Felix sắt đá" - vị Chủ tịch đầu tiên của cơ quan An ninh Liên Xô, vị tiền bối của cách mạng là Derjinski.

Vào thời điểm đường công danh đang lên vùn vụt, Shelepin được trong nước và quốc tế coi hầu như là người lãnh đạo Liên Xô.

Shelepin đã thắng nhiều trận, nhưng đã có một trận thua, mà lại là trận thua quyết định. Ông bị loại ra khỏi chính trường, bị hạ chân dung khỏi các công sở. Và người ta không nhắc đến tên ông nữa.

Nhưng Shelepin đã đi vào lịch sử như một trong những người tham gia cuộc đảo chính lật đổ Khrushchov và được coi là ứng cử viên sáng giá nhất cho chức vụ người đứng đầu đất nước. Nhưng ông đã không trở thành...

Tôi được gặp Shelepin khi ông đã thất sủng. Ít người chào hỏi ông. Còn ông cũng tránh mọi người. Tuổi già đã che phủ bớt khuôn mặt sáng sủa gợi cảm và cặp môi mím chặt cương quyết của Shelepin trẻ. Nhưng trong ánh mắt, trong dáng đi, trong cái bắt tay chắc chắn vẫn có một cái gì đó của một con người có ý chí và hoài bão lớn không thực hiện được.

Shelepin quả là một con người khác hẳn Brejnev.

Nếu như ông lãnh đạo đất nước, có thể đã không có thập kỷ "trì trệ" và biết đâu không có cả "cải tổ".

*

Alexandr Shelepin sinh năm 1918 trong một gia đình công nhân đường sắt ở Voronej . Những phẩm chất của người đứng đầu đã bộc lộ ở ông từ

sớm. Ông trở thành Bí thư Đoàn trường, tốt nghiệp phổ thông cũng xuất sắc được thưởng Huy chương vàng và chiếc đồng hồ quả quýt. Ngồi ở trường phổ thông, ông đã viết thư cho Stalin trình bày những kiến giải của mình về vấn đề xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở một nước riêng biệt, không chờ đợi thắng lợi của cách mạng thế giới. Tuy chưa được Stalin trả lời trực tiếp, nhưng báo có đăng câu trả lời của Stalin về vấn đề này cho một người có tên khác, và cậu học sinh Shelepin như thế cũng rất hài lòng.

Tốt nghiệp phổ thông, anh lên Matxcơva thi đỗ vào trường Đại học Triết - Văn - Sử - một trường đại học đầu ngành về khoa học xã hội và nhân văn. Ở đây, anh cũng lại được bầu làm Bí thư Đoàn trường.

Tháng 10/1940, Shelepin tình nguyện đi bộ đội và tham gia cuộc chiến tranh ngăn ngủi với Phần Lan.

Đúng lúc đó, Nhà nước ra quyết định học đại học phải trả tiền, chỉ trừ những sinh viên xuất sắc thì được cấp học bổng. Khi Shelepin ở bộ đội về học tiếp, bị nợ thi, không được xuất sắc nữa, nên không được học bổng.

Đang ngồi ở văn phòng Đoàn trường, thì Krasavchenko Bí thư Thành ủy Matxcơva bước vào, sau khi nói chuyện và hỏi thăm, Krasavchenko đề xuất đưa Shelepin về công tác ở Thành ủy, làm Trưởng ban Thể dục thể thao.

Cả nước biết đến tên Shelepin khi anh mới 24 tuổi.

Đây là mùa thu năm 1941. Bí thư Thành đoàn Matxcơva Shelepin tuyển mộ thanh niên xung phong tham gia các đội du kích hoạt động trong lòng địch. Có một nữ sinh trường trung học số 201 ở Matxcơva đến đăng ký tình nguyện tên là Zoia Kosmodemianskaia.

Shelepin lưỡng lự không nhận, và cảm thấy cô có vẻ rụt rè, yếu đuối, nhưng cuối cùng cũng đồng ý nhận. Zoia đã bị quân Đức bắt và anh dũng hy sinh tháng 12 năm 1941, trước khi chết đã xử sự hết sức can đảm. Zoia Kosmodemianskaia được truy tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô. Câu chuyện về người nữ anh hùng trẻ tuổi đã trở thành đề tài của nhiều tác phẩm yêu nước, trong đó có trường ca "Dô-à" (Zoia) của Margarita Aliger có nhắc đến "đồng chí Shelepin".

Năm 1942, Shelepin được tặng thưởng Huân chương "Sao Đỏ" về công tác ở Thành ủy Matxcơva, sau đó được đề cử làm Bí thư Trung ương Đoàn

Thanh niên Cộng sản.

Một năm trước khi qua đời, Stalin quyết định giao công tác Đoàn thanh niên Komsomol cho Iuri Jdanov - con trai của cố ủy viên Bộ Chính trị A.Jdanov - đang làm Trưởng Ban khoa học của Trung ương Đảng. Iuri Jdanov đến Trung ương Đoàn, gặp lãnh đạo Trung ương Đoàn thăm và tìm hiểu tình hình. Anh cũng nói thật với họ là Stalin muốn cử anh làm Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn, và đề nghị kể cho biết về tình hình và công việc của Đoàn thanh niên. Nghe xong, anh nói: "Các cậu ạ mình thấy công tác này phức tạp quá, mình không lãnh đạo được các cậu đâu. Mình sẽ gặp lại Yossif Vissarionovich (tức Stalin, cách gọi tôn kính - ND) và xin từ chối thôi".

Thế là Stalin cử Shelepin làm Bí thư thứ nhất.

Thời ấy, nhiều người trong bộ máy Đảng và Đoàn tìm cơ hội thăng tiến bằng cách viết các bức thư tố cáo.

V. I. Kochemasov nguyên Bí thư Trung ương Đoàn kể về một lần đang ở cơ quan. Shelepin gọi điện cho ông: "Cậu có bận không?... Rẽ qua đây một chút". Shelepin mở tủ tài liệu lấy ra một bức thư, đưa cho Kochemasov đọc.

Thư tố cáo lý lịch của Kochemasov: bố là Ku lắc, vợ là con một Bí thư Tỉnh uỷ bị xử bắn, và nói xấu bản thân Kochemasov. Shelepin bảo: "Cậu đừng để ý đến những cái đó, không phải bận tâm", rồi xé bức thư vứt vào sọt rác. Theo Kochemasov, Shelepin là người giản dị, biết điều thường không hay giáo huấn và không thích phong cách làm việc quan cách của lãnh đạo trước của Komsomol với những cuộc họp kéo dài.

Những năm công tác ở Đoàn thanh niên của Shelepin trùng vào thời mà Khrushchov dựa nhiều vào thanh niên. Shelepin thuộc thế hệ cán bộ Đảng mà năm 1957 đã đứng về phía Khrushchov để chống lại phái cận vệ già.

Shelepin là một trong số những ủy viên Trung ương trẻ, đã đứng ra bên vực Khrushchov một cách mạnh mẽ và kiên quyết nhất. Shelepin được cử làm Trưởng ban của Trung ương Đảng phụ trách các nước cộng hoà. Nhưng ông ở trên cương vị này chỉ được vài tháng. Ngày 25/12/1958, tròn 40 tuổi, ông trở thành Chủ tịch KGB.

NGÔI SAO ĐANG LÊN

Khác với các lãnh tụ trước và sau ông, Khrushchov không có cảm tình với cơ quan an ninh và không yêu mến các chiến sĩ an ninh. Khrushchov lấy làm khó chịu tại sao cơ quan nội vụ lại nhiều tướng đến thế, và yêu cầu giảm biên chế KGB. Thế theo nguyện vọng của Bí thư thứ nhất, Shelepin đã phải đề xuất một kế hoạch giảm 3200 biên chế, và được Khrushchov đồng ý. Bản thân Shelepin cũng nêu gương từ bỏ hàm tướng (điều mà cuối đời ông sẽ hối tiếc).

Tháng 2/1960, Shelepin ký một sắc lệnh, trong đó có một ý nói rằng "vẫn còn chưa hết tình trạng bỏ công sức ra theo dõi những đối tượng mà thực tế không có vấn đề gì lớn xét từ góc độ an ninh quốc gia".

Bình luận của N.N.Mesiatsev - nguyên sĩ quan tình báo quân sự và cán bộ Bộ An ninh quốc gia:

- Shelepin cắt giảm mạng lưới thông tin ở cơ sở thường làm công việc chỉ điểm hoặc cung cấp thông tin sai lạc sự thật làm cho nhiều người vô tội hoặc không đúng tội bị chết oan. Đồng thời, ông đẩy mạnh công tác phòng ngừa: đối với một người có phát ngôn ngược chiều, thì không bắt tội, mà gặp để cảnh cáo và giải thích. Đối với thời đó, đây đã là một bước tiến bộ lớn.

Shelepin đề nghị giảm bớt số lượng nhà tù do KGB trực tiếp quản lý. Dưới thời Shelepin (và gởi sang thời Semichastnyi sau này), số lượng tù chính trị bị bắt giữ là thấp nhất. Năm 1961, có 207 người và năm 1961 có 323 người bị xử vì tội tuyên truyền chống chế độ.

Shelepin đã dũng cảm bắt tay vào cuộc cải tổ cơ quan an ninh. Ông tuyển lớp trẻ, có học từ Đoàn thanh niên vào để thay thế các cán bộ, chiến sĩ cũ mà nhiều người chưa học hết cấp hai. Trước Shelepin, trong kinh tế - xã hội có ngành nào thì KGB có bộ phận ấy. Shelepin bỏ cơ cấu đó và giảm bớt biên chế công kênh, gộp tất cả các đơn vị ngành đó vào một tổng cục. Shelepin mở thêm mảng tình báo điện tử và giải mã (các điện mật của nước ngoài), và năm 1959 lập ban "D" (tức "desinformation" - làm thông tin giả hoặc nhiễu thông tin), sau gọi là ban "A" (từ chữ "Active" - tích cực, chủ

động). Hoạt động của ban này nhằm chủ yếu vào Tây Đức lúc đó được coi là mối nguy cơ chủ yếu - từ đó bắt nguồn chủ nghĩa phục thù.

Shelepin quay trở lại ngưỡng mộ vị Chủ tịch đầu tiên của cơ quan an ninh là Dzerjinski hướng vào việc bảo vệ con người Xô viết. Ông cắt bớt những đặc quyền đặc lợi của ngành, trả các nhà nghỉ của Bộ cho Nhà nước, khiến các cán bộ nhân viên của cơ quan không vui.

Shelepin được cán bộ trong cơ quan ngưỡng mộ về tác phong làm việc dân chủ. Nghe cán bộ báo cáo trực tiếp, Shelepin lắng nghe và coi trọng ý kiến cá nhân của người báo cáo. Có một lần sau khi nghe báo cáo của một cán bộ lãnh đạo Tổng cục tình báo về tình hình thế giới, Shelepin đột nhiên hỏi thêm đánh giá của ông ta về chiều hướng phát triển tình hình ở Somali. Khi anh cán bộ Tổng cục không trả lời được và xin có thời gian để nghiên cứu và trả lời sau, thì Shelepin bèn yêu cầu cho số điện thoại của cán bộ theo dõi khu vực để trao đổi trực tiếp với cán bộ đó. Đây cũng là một bài học của Shelepin cho anh em cấp dưới về tính dân chủ và tính tác chiến, kịp thời.

Tại Đại hội 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô, Shelepin đã có bài phát biểu chống tệ sùng bái cá nhân và những khuyết điểm của Stalin, nêu ra những con số thanh trừng những năm 30 và 40, và báo cáo về những cải tổ để cải thiện công tác và hình ảnh của KGB. Shelepin được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Khrushchov dựa rất nhiều vào lớp cán bộ lãnh đạo trẻ được đưa lên sau Đại hội 20, trong đó Shelepin chiếm một vị trí quan trọng hàng đầu. Shelepin giữ một lúc mấy chức vụ: là ủy viên Trung ương Đảng, ông còn là Phó Thủ tướng - tức là phó của Khrushchov và Chủ tịch Ủy ban Kiểm tra Đảng - Nhà nước. Việc tập trung những chức vụ Đảng và Nhà nước quan trọng đó làm cho ông trở thành một trong những nhân vật có thế lực nhất trong ban lãnh đạo. Đó là vì Khrushchov kính nể Shelepin về trí thông minh và tính nghiêm khắc đối với công việc, lại biết giữ mình một cách đúng mực, đúng với cương vị của mình. Không có ai được Khrushchov tin cậy và đưa lên nhanh như Shelepin.

LẬT KHRUSCHOV

Khrushchov là một nhà lãnh đạo có nghị lực to lớn và tiềm lực dồi dào không được sử dụng hết. Nhưng sự thiếu học thức thường thúc đẩy ông tới những quyết định cách tân dở dẩn và phi lý. Mặt khác, trong nội bộ cũng không tán thành việc ông phê phán Stalin, nâng đỡ Soljenitsyn và Trardovski, cắt giảm quốc phòng và tìm tiếng nói chung với phương Tây. Các Bí thư Tỉnh ủy thì có những lý do riêng để không yêu thích Khrushchov.

Họ khao khát được yên ổn, "toạ lạc" thì Khrushchov lại liên tục khuấy động các cuộc cải tổ cán bộ, cho các ủy viên Trung ương về vườn như cho trẻ nhỏ nghỉ học.

Trước tình hình đó, một nhóm các nhà lãnh đạo Đảng, trong đó có Shelepin và Semichastnyi đã thống nhất gạt bỏ Khrushchov.

Có lẽ thời gian gần cuối, Khrushchov cũng đã linh cảm thấy điều đó, nên đã định gọi Jukov quay trở lại giúp đỡ. Trong một bữa tiệc chiêu đãi Tổng thống Indonesia, Khrushchov thốt nhiên phát biểu một cách bộc bạch:

"Đây này, tôi vừa mới đi nghỉ về, mà ai cũng bảo trông tôi không được khoẻ, cần phải củng cố sức khoẻ, bác sĩ thì bảo cần phải chữa trị một thời gian. Được rồi, tôi sẽ đi. Nhưng mà xin báo trước nhé: khi mà tôi về ấy, tôi sẽ đập vỡ cái hộp rỗng này cho mà xem" - và lấy tay chỉ vào các ủy viên Bộ Chính trị đang ngồi quanh bàn.

Nhưng Khrushchov đã nhầm, và sự ngạo mạn tự tin của ông ta chỉ càng chọc tức thêm Bộ Chính trị. Kết quả là người ta đã đưa ông về vườn trước khi ông đưa người khác về.

Sau hội nghị Trung ương mà tại đó Ban Chấp hành Trung ương thảo luận và quyết định hạ bệ Khrushchov, các ủy viên Bộ Chính trị tập hợp lại để "chia tay" với Khrushchov. Mọi người lần lượt bắt tay chào Khrushchov.

Khi đến lượt Shelepin, Khrushchov giữ tay Shelepin lại một lúc, nói: "Họ cũng sẽ làm như thế với cậu thôi".

Shelepin lúc đó trong bụng có lẽ cười thầm, không tin.

Nhưng những lời của Khrushchov cáo già, giàu kinh nghiệm hoá ra là những lời tiên tri.

Nhưng Shelepin không thể không tham gia đảo chính Khrushchov, vì xu thế lúc đó là như thế. Đất nước không chịu nổi Khrushchov lâu hơn được

nữa. Việc lật đổ Khrushchov không gây bất bình gì cả trong xã hội. Mọi người lại còn hài lòng. Thay Khrushchov là những khuôn mặt mới, trẻ hơn và dễ chịu hơn. Sau Khrushchov, người đáp ứng mọi tiêu chuẩn để đứng ở cương vị người thứ nhất là Brejnev: phụ trách công tác vũ trụ, tên lửa, công nghiệp quốc phòng, tính người ôn tồn, quảng giao. Tuy nhiên, ban đầu mọi người thấy rằng đất nước cần một nhà lãnh đạo mạnh mẽ, cứng cỏi, mà Brejnev có vẻ hơi mềm, lãnh đạo tầm cỡ tinh, vụng, nước cộng hoà thì hợp, còn lãnh đạo cả một đất nước to lớn thế này thì hơi non. Cho nên ông được coi là người lãnh đạo quá độ, về lâu dài sẽ phải nhường chỗ cho người lãnh đạo mạnh mẽ hơn là Shelepin. Ai cũng nghĩ vậy, và Shelepin cũng nghĩ như vậy.

Nhưng Brejnev dẫn với Shelepin một cuộc chơi lòng vòng. Thời gian đầu Brejnev rất trọng dụng Shelepin, coi Shelepin là người thứ hai, nhưng khi đi đâu vắng dài ngày thì lại chia sẻ công việc của mình ra giao cho những người khác. Sau đó Brejnev giao cho Shelepin công tác tổ chức cán bộ và các nghĩa vụ quan trọng khác của người thứ hai. Nhưng rồi lại cắt bớt công tác tổ chức cán bộ giao cho Kapitonov. Có nghĩa là không tin tưởng Shelepin.

Đến đây, không còn là sự xung đột giữa người lãnh đạo thứ nhất và thứ hai nữa, mà là sự xung đột giữa hai lực lượng. Các ủy viên trẻ của Bộ Chính trị đã hạ bệ Khrushchov, nhanh chóng nhận ra rằng Brejnev cũng không đáp ứng yêu cầu của họ. Họ chờ đợi những thay đổi to lớn trong chính trị, trong kinh tế, trong đời sống xã hội, chứ không phải lật Khrushchov để Brejnev tập hợp lực lượng cho bản thân. Người ta đồn rằng Shelepin là con người cứng rắn, rất khắc nghiệt. Không phải ngẫu nhiên mọi người trong cơ quan gọi ông là "Shura sắt đá". Nhưng N.Mesiatsev - người từng công tác trong quân báo và trong Bộ An ninh quốc gia - lại cho rằng Shelepin về bản chất là một người dân chủ.

- Ông là một người có tác phong dân chủ và dễ gần - Mesiatsev nói - Tôi chỉ biết trong lãnh đạo đất nước có hai người tự tay cầm ống nghe nói chuyện là Kossygin và Shelepin. Còn những người khác đều nghe qua thư

ký và trợ lý. Hơn nữa, nếu Shelepin đang bận họp thì ông trả lời là bận và sau đó bao giờ cũng chủ động gọi lại.

Xung quanh Shelepin tập hợp những người trẻ trung, năng động. Bộ phận trẻ tuổi trong bộ máy Đảng và Nhà nước dành toàn bộ cảm tình cho Shelepin. Những cán bộ từ cái "lò" Komsomol ra giữ những vị trí quan trọng trong bộ máy Đảng và chính quyền: An ninh quốc gia, Nội vụ, Truyền hình, Thông tấn xã - đều có người của Shelepin. Có lẽ điều đó đã khiến cho Brejnev suy nghĩ: "Liệu rồi một ngày kia họ có thể sẽ lại gạt bỏ Bí thư thứ nhất như đã từng gạt Khrushchov hay không? Một số ủy viên Bộ Chính trị thân Brejnev thậm chí còn nói đến việc dường như đã thành lập một danh sách nội các của Shelepin.

Ý kiến của Viện sĩ A.Yacovlev (ủy viên Bộ Chính trị thời Govbachov):

- Trong quá trình điều tra "tập đoàn thanh niên" người ta có tìm thấy một danh sách nào đó thật.

Nhưng liệu có phải đã có một âm mưu đảo chính lật đổ Brejnev hay không thì cũng khó kết luận. Shelepin là ngôi sao sáng trong Bộ Chính trị. Chỗ yếu của ông là từ công tác Đoàn chuyển sang Ủy ban An ninh, rồi Ban Chấp hành Trung ương Đảng, toàn lãnh đạo bộ máy và phong trào, chưa từng lãnh đạo một địa phương với mọi mặt sinh động của nó, đặc biệt là kinh tế. Tuy nhiên, ông là ủy viên trẻ nhất và có lẽ thông minh nhất trong Bộ Chính trị.

Còn quan điểm của Shelepin đối với vấn đề Stalin: trên cương vị Chủ tịch KGB, Shelepin đã làm nhiều việc để phục hồi cho các nạn nhân của Stalin. Ông kiên quyết lên án các cuộc khủng bố năm 1937. Nhưng về mọi thứ còn lại, đặc biệt là về công lao chiến thắng phát xít Đức, Shelepin cho rằng Stalin xứng đáng với sự kính trọng sâu sắc nhất. Ở đây, ông khác biệt về căn bản với Khrushchov.

Leonid Zamiatin (nguyên Trưởng Ban tuyên truyền Trung ương Đảng):

- Shelepin là một người xta-lin-nít, kiểu như Andropov, thậm chí còn cứng rắn hơn. Ông là người thông minh, có học thức, đồng thời là người giáo điều, luôn nhấn mạnh quan điểm giai cấp trong các vấn đề đối nội và đối ngoại. Nhưng điểm đáng quý nhất mà ông để lại cho cuộc đấu tranh của

các thế hệ sau là ông chỉ rõ: đổi mới phải bắt đầu từ Đảng. Ông nói về những đặc quyền đặc lợi như là một căn bệnh của bộ máy của Đảng và Nhà nước.

Có dư luận rằng Shelepin phát biểu phản đối tính chất tự do hoá của những nghị quyết của đại hội 20.

Không phải như vậy. Shelepin là người nguyên tắc.

Nhưng ông đề nghị mở rộng tư nhân hoá các cơ sở dịch vụ vì hiểu rằng sản xuất toàn những xe vận tải chỉ để chở vài ba cái thùng, khi mà có thể tổ chức mạng lưới dịch vụ nhỏ, cơ động hơn, là điều ngu ngốc. Nhưng đã tồn tại một đường lối chung của Đảng, và người ta thường ngại rời xa khỏi đường lối ấy.

Shelepin chính là đại biểu cho bộ phận trẻ, ưu tú của bộ máy Đảng lên nắm quyền sau chiến tranh. Họ tin rằng phải đổi mới, cải cách đất nước, phải hiện đại hoá kỹ thuật, trong khi cần giữ vững hệ tư tưởng. Cần phải nói thêm rằng vào thời gian đó, một nhóm nhà lãnh đạo có thể lực cũng muốn đưa Alexei Kossygin lên thay Brejnev lãnh đạo đất nước để tiến hành những cải cách kinh tế mạnh mẽ và tiến bộ.

BREJNEV

Brejnev có một lý lịch thật hoàn hảo: đã từng làm việc ở nhà máy, chiến đấu, đi khai hoang, làm Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Moldavia, Kazakhstan, có quan hệ tốt với cán bộ công nghiệp và quân đội. Còn lý lịch công tác của Shelepin chỉ có: Đoàn thanh niên, KGB và Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Đây là những công tác khiến người ta nể sợ nhưng không phải là những công tác làm cho người ta có thêm bạn. Người ta sợ Ủy ban Kiểm tra còn hơn cả KGB, vì Ủy ban kiểm tra của Đảng quyết định sinh mệnh chính trị. Mà Shelepin lại là người nguyên tắc và nghiêm khắc trong công tác. Trong khi đó Brejnev nhẹ nhõm, tươi cười, thông cảm với mọi người, Brejnev về trình độ học vấn và chuyên môn không bằng Shelepin, nhưng là một chiến sĩ trên chiến trường, một người am hiểu công việc tổ chức, và có linh cảm chính xác về con người. Bên cạnh Brejnev là những bậc thầy về sắp xếp sau hậu trường, như Suslov và

Kirilenko. Chính hai người này đã "lo" vụ Shelepin bằng cách gỡ dần các cơ cấu quyền lực dưới chân Shelepin.

Việc đầu tiên là Breinev tìm cách đưa Semichastnyi ra khỏi chức Chủ tịch KGB và cử xuống Ucraina. Ba bốn mươi người trong "đội" của Shelepin thì được cử đi tứ tung - chủ yếu là đi đại sứ ở các nước không quan trọng: Egorychev đi Đan Mạch, còn Mesiatsev đi Úc.

Cuối cùng, bản thân Shelepin tại hội nghị Trung ương 9/1967 bị thôi chức Bí thư Trung ương Đảng. Tuy vẫn là ủy viên Bộ Chính trị, nhưng ông được giao lãnh đạo Tổng công đoàn. Trên công tác mới này, Shelepin, con người tích cực năng nổ đã đi xuống cơ sở, gặp gỡ công nhân để lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của họ và đề ra các chính sách trợ giúp xã hội cho người lao động, lên kế hoạch xây dựng nhà ở và nhà an dưỡng cho công nhân. Uy tín của Shelepin trong nhân dân lại vẫn cao.

Nhưng Shelepin làm việc rất khó khăn. Ông càng tích cực bao nhiêu, quan hệ giữa ông với Brejnev lại càng lạnh nhạt. Các kiến nghị do ông nêu ra với tư cách Chủ tịch Ủy ban chấp hành trung ương toàn Nga các công đoàn Liên Xô đều hoặc bị bác bỏ, hoặc bị ngâm, khiến cho Shelepin rơi vào tình thế bất tiện trước quần chúng và cơ sở: hứa hẹn, vạch kế hoạch thì nhiều, hoạt động thì tích cực, nhưng kết quả lại chẳng có gì. Năm 1975 Shelepin dẫn đoàn đại biểu công đoàn đi dự hội nghị ở Anh. Ông bị đoàn người biểu tình hô khẩu hiệu phản đối. Ở phương Tây, ông vẫn được tiếp nhận như là nguyên trùm KGB. Brejnev đã mượn thất bại của chuyến đi Anh làm cái cớ để đưa Shelepin ra khỏi Bộ Chính trị. Giữa hai người đã có một cuộc nói chuyện gay gắt về mọi vấn đề, cuối cùng Shelepin bất mãn nói: "Thế thì tôi không thể làm việc được". Brejnev nói: "Không làm được thì thôi". Và gọi điện cho tất cả các ủy viên Bộ Chính trị. Mấy tiếng sau, quyết định đã được thông qua. Cho Shelepin về hưu thì quá sớm, nên người ta xếp cho ông chức Phó chủ nhiệm ủy ban dạy nghề - cho một cán bộ lãnh đạo mà cả đời không biết cầm chiếc búa!

Điều đáng ngạc nhiên là sau khi Shelepin bị giáng chức và những người ủng hộ ông bị tan tác, các chiến hữu của ông vẫn giữ quan hệ tốt với ông. Egorychev giải thích:

- Đó là vì chúng tôi thấy rằng mình có quan hệ với một người tử tế, hiểu biết, thật lòng phục vụ tổ quốc mình. Shelepin là một người trung thực và liêm khiết - không nhà nghỉ ngoại ô, không ô tô con, và bản thân đã từng đấu tranh ở Bộ Chính trị để huỷ bỏ các đặc quyền đặc lợi đối với lãnh đạo, và vì thế chỉ gây thêm sự không ưa thích trong Bộ Chính trị đối với bản thân mình.

V. Kharazov, một chiến hữu khác của Shelepin nói:

- Shelepin là một trong số ít người mà quyền lực không làm thay đổi con người. Nhưng ông tiếp nhận và vượt qua việc bị gạt ra khỏi chính trường một cách đau đớn. Những người đã trải qua chiến trường như chúng tôi thường vượt qua dễ hơn.

Năm 1984, Shelepin về hưu, ông sống những năm cuối đời một cách túng thiếu, hay đau ốm, và rất tiếc là thời gian lãnh đạo KGB đã tự bỏ hàm tướng, nếu không khi về hưu ông đã có thêm chế độ phụ cấp và được điều trị tốt hơn.

CHƯƠNG XIII

VLADIMIR EFIMOVICH SEMICHASTNYI

Chủ tịch KGB (11/1961 – 5/1967)

Ngày 13/10/1964, khi Khrushchov đang nghỉ ở Pitsunda bị gọi về họp Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng, ra sân bay đón ông chỉ có một mình Chủ tịch KGB V. E.Semichastnyi. Đó không phải chỉ vì Semichastnyi đã thay thế đội cảnh vệ cũ và đứng ra lo toàn bộ việc bảo vệ Khrushchov đồng thời theo dõi diễn biến hành động của ông. Mà là vì không phải mọi người vào lúc đó đều dám một mình mặt đối mặt với Khrushchov. Brejnev thậm chí còn đề xuất phương án giết Khrushchov vì không tin chắc là sẽ buộc được Khrushchov rời chức vụ.

Ai khác thì không nói, chứ Semichastnyi thì không hề sợ Khrushchov. Riêng ý chí và lòng cương quyết thì ông quá đủ.

Trước khi lật đổ Khrushchov, các nhà lãnh đạo đã bàn thảo với nhau một thời gian. Và vì Semichastnyi tham gia việc này, nên tất cả các thông tin mật liên quan bị bịt hết, không đến được tai Khrushchov. Một cuộc đảo chính cung đình êm ả đã diễn ra. Ngày 14/10/1964, Khrushchov đồng ý "tự nguyện" về hưu, và cùng ngày, hội nghị Trung ương lập tức thông qua quyết định.

Cũng tại hội nghị, Semichastnyi được chuyển từ dự khuyết Thành ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nhưng còn chưa ai biết rằng Semichastnyi vừa bước lên cái cầu thang đi xuống.

CHỦ TỊCH ỦY BAN AN NINH TRẺ NHẤT

Vladimir Efimovich Semichastnyi lớn lên ở Ucraina, sau chiến tranh làm công tác Đoàn, hai mươi một tuổi đã làm Bí thư thứ nhất Tỉnh Đoàn Donetsk.

Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Ucraina kiêm Thủ tướng Ucraina sau chiến tranh là Nikita Sergeevich Khrushchov. Khrushchov đã lấy

Semichastnyi từ Donetsk lên làm Bí thư thứ nhất Đoàn thanh niên Cộng sản Ucraina. Từ đấy Khrushchov coi Semichastnyi là đệ tử của mình.

Năm 1950, Semichastnyi được Khrushchov đưa lên Matxcơva, làm Bí thư Trung ương Đoàn lúc mới 26 tuổi! Nhờ mối quan hệ thân thiết với Shelepin (Shelepin và Semichastnyi đều thuộc lớp lãnh đạo trẻ, có triển vọng, mà Shelepin lại được Khrushchov tin nhiệm). Năm 1958, khi Shelepin thôi chức Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn để nhận công tác ở Trung ương Đảng, thì Semichastnyi thay Shelepin làm Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn. Vài tháng sau, ông lại được đề bạt một chức vụ mới quan trọng hơn mà Ejov, Ignatiev đã từng giữ: đó là Trưởng Ban tổ chức Trung ương Đảng.

Shelepin vẫn ở bên cạnh Khrushchov và chờ dịp tiến cử chiến hữu của mình. Hai năm rưỡi sau, dịp đó đã đến. Đây là năm 1961, khi Shelepin được yêu cầu giữ trọng trách Bí thư Trung ương Đảng. Và vấn đề đặt ra ai sẽ thay thế ông lãnh đạo KGB?

Lúc ấy Semichastnyi đang ở trong viện mổ ruột thừa, chuẩn bị ra viện thì Shelepin gọi điện: "Ngày mai cậu đến Trung ương Đảng". Khrushchov tiếp Semichastnyi và bảo Semichastnyi sẽ làm Chủ tịch KGB. Lúc đó Semichastnyi mới 37 tuổi, trở thành vị Chủ tịch trẻ nhất trong lịch sử của cơ quan An ninh Liên Xô.

Cán bộ sĩ quan KGB thấy thủ trưởng mới của mình quá trẻ (tất cả các Cục trưởng đều nhiều tuổi hơn ông), không nhìn nhận Semichastnyi như một chính khách, mà chỉ nghĩ rằng đây là người của Shelepin. Nhưng Semichastnyi rất nhanh chóng đi vào công việc, nắm bắt nhanh những ý tưởng mới, chú ý học hỏi chuyên môn, đồng thời cũng tỏ ra khá quyền thế.

Điểm hạn chế của ông là quá trẻ. Đội ngũ của Brejnev đa số là các nhà lãnh đạo tuổi tác đáng kính cả, mà tự nhiên lọt vào một anh cán bộ Đoàn? Khi Brejnev đã củng cố được quyền lực và bố trí đội ngũ, thì Semichastnyi được xem như người của Shelepin, tức là bất lợi cho Semichastnyi.

Markus Wolf - nguyên Giám đốc Cơ quan An ninh Cộng hòa dân chủ Đức nhận xét về Semichastnyi:

- Đây là một nhà lãnh đạo cởi mở, có thiện chí. Đằng sau vẻ ngoài nhã nhặn là một người cán bộ tính toán kỹ càng mọi việc và rất cứng rắn về tư

tướng hệ.

Khác với các Chủ tịch KGB trước ông và nhất là sau ông, Semichastnyi chỉ giữ có bốn Phó Chủ tịch. Ông giải thích:

- Anh sử dụng được bao nhiêu phó thì chỉ nên giữ chừng ấy. Nếu không, họ không thể giúp anh một cách đắc lực được. Khi người ta cần gặp, anh phải tiếp người ta, chứ phải chờ hoặc phải lên chương trình thì còn gì là phó nữa? Làm việc với một Phó Chủ tịch là phải hàng nửa tiếng, một tiếng, không thể dăm ba phút được, có khi họ còn đi cùng với các Cục trưởng có liên quan đến công việc. Nếu anh có đến tám, chín Phó Chủ tịch thì phải phân lịch họp với họ cả tuần à?

Semichastnyi kể rằng ông có ấn tượng rất tốt về đội ngũ cán bộ An ninh Liên Xô. Đây là những người đã qua tuyển chọn và sàng lọc nhiều lần. Cơ quan an ninh chọn trong hàng trăm người mới lấy được vài ba người. Do đó mà có một đội ngũ thành thực. Đây là những người tài mà đáng lẽ có thể trở thành Bộ trưởng, nhà bác học, nhà văn nếu đi theo thiên hướng của họ.

Sau khi trở thành Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng, Khrushchov mỗi năm ký lệnh phong hàm tướng cho khoảng chục người trong ngành an ninh. Nhưng kể từ năm 1961, ông không phong hàm tướng cho sĩ quan an ninh nữa. Nhiều Chủ tịch KGB của các nước cộng hoà chỉ Đại tá, trong khi Bộ trưởng Nội vụ các nước cộng hoà ít nhất là Thiếu tướng. Semichastnyi một đôi lần trình bày với Khrushchov về việc này để tạo thuận lợi cho công tác. Khrushchov bảo: "Không sao, các cậu sẽ khắc phục được thôi". Một lần khác, Semichastnyi lại đề nghị việc này với Khrushchov. Khrushchov cắt ngang: "Thôi, ta đi ăn cơm đi". Và sang phòng ăn của Bộ Chính trị ở Kremli. Bước vào phòng ăn, Khrushchov nói to lên với mọi người đang ngồi ăn:

- Chủ tịch KGB vừa đến gặp tôi đề nghị phong quân hàm tướng. Tôi chỉ có thể tặng cho anh ta cái quần Trung tướng của tôi. Nhưng mà anh ta mặc vào thì sẽ phải chui cả người vào mới vừa.

Mọi người phá lên cười. Còn Semichastnyi thì bào chữa:

- Nikita Sergeevich, nhưng mà tôi có xin cho mình đâu.

Cũng phải nói cho công bằng, rằng Khrushchov không bị cảm dỗ bởi sao và huân chương như Brejnev sau này.

Kết thúc chiến tranh, Khrushchov là Trung tướng, và cứ Trung tướng như thế suốt. Cũng đã nhiều lần người ta thuyết phục ông:

- Đồng chí là Tổng tư lệnh tối cao, mà chúng tôi lại cao cấp hơn đồng chí thế nào được?

- Không sao, - Khrushchov đáp. - Tôi cũng vẫn quản lý được các đồng chí chứ có sao đâu!

VỀ UCRAINA

Nửa năm sau khi lên làm Bí thư thứ nhất, Brejnev bắt đầu suy nghĩ về việc thay Chủ tịch KGB. Ông nói với Semichastnyi:

- Ngày Volodia, hay là cậu về Ban Chấp hành Trung ương làm cùng với chúng tớ đi.

Semichastnyi đáp:

- Thưa anh, tôi sợ là còn sớm. Tôi mới làm ở KGB có hơn ba năm, bắt đầu quen việc. Để cho tôi thêm một thời gian nữa.

Brejnev không nhắc đến vấn đề này nữa, nhưng từ lúc đó đã cho Semichastnyi hiểu rằng có vấn đề như thế, và Bí thư thứ nhất đang suy nghĩ. Vấn đề đã được giải quyết vào năm 1967. Và cùng lúc, Brejnev gạt Egorychev - một nhân vật có thể lực và tương đối độc lập với Brejnev - ra khỏi chức Bí thư thứ nhất Thành ủy Matxcơva, và ba tháng sau là Shelepin khỏi chức Bí thư Trung ương Đảng.

Tháng 3/1976, Svetlana Allilueva - con gái Stalin sau khi đi Ấn Độ đưa tang người chồng Ấn Độ của mình đã xin cư trú chính trị ở Đại sứ quán Mỹ. Đây là một vụ xằng-đạn, và là cơ để đội ngũ thân cận của Brejnev quy khuyết điểm cho Semichastnyi là mất cảnh giác.

Ngày 19/5/1967, Bộ Chính trị họp. P.E.Shelest - Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Ucraina lúc đó miêu tả sự việc này trong cuốn hồi ký của ông như sau:

"Brejnev rút trong túi ngực ra một mảnh giấy gì đó, đọc đọc và bảo:

- Gọi Semichastnyi vào đây.

Semichastnyi bước vào, không hiểu Bộ Chính trị mời ông ta đến về việc gì, nét mặt lộ rõ vẻ thắc mắc, thậm chí lúng túng.

Brejnev tuyên bố:

- Bây giờ chúng ta bàn đến vấn đề Semichastnyi. Đồng chí Semichastnyi, có đề nghị để đồng chí thôi chức Chủ tịch KGB và chuyển sang công tác khác.

Semichastnyi bị bất ngờ, còn đang thắc mắc "tại sao..." thì Brejnev phê phán luôn công tác an ninh thời gian gần đây, rồi vụ Allilueva.., và kết luận:

- Đồng chí Semichastnyi sẽ nhận công tác ở Ucraina.

Semichastnyi toan cãi lại: "Tôi có thể làm gì được ở Ucraina?" v.v... thì Bí thư Trung ương Đảng phụ trách tổ chức là Chernenko bèn nói:

- Yên tâm đi, ở đó chúng tôi sẽ tìm được công tác cho đồng chí.

Semichastnyi được bố trí làm Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng Ucraina. Trước khi rời Matxcơva, Semichastnyi gọi điện cho Brejnev. Brejnev ân cần hỏi:

- Đồng chí có thể thu xếp rẽ qua chỗ tôi một lúc không? Có vấn đề gì cần trao đổi với tôi trước khi đi không?

Nhưng khi Semichastnyi trả lời rằng không có vấn đề gì, Brejnev có vẻ dỗi.

Trong khi chưa hết nhiệm kỳ ủy viên Trung ương, Semichastnyi vẫn lên Matxcơva họp. Ngồi cạnh ông một bên là Tsukanov - trợ lý của Brejnev, một bên là Tsiniov - Phó Chủ tịch mới của KGB, rõ ràng là để canh chừng nếu Semichastnyi định lên diễn đàn phát biểu thì ngăn lại.

Semichastnyi làm ở Hội đồng Bộ trưởng Ucraina 14 năm. Trong thời gian đó, hai lần Brejnev xuống Ucraina công tác đều đến thăm Semichastnyi.

Semichastnyi có viết thư xin về Matxcơva công tác.

Bí thư Trung ương Đảng Chernenko tiếp ông để bàn về vấn đề này, nhưng không tìm được công việc nào thích hợp cả. Semichastnyi không hiểu rằng Brejnev không cho ông về Matxcơva vì muốn tách ông với Shelepin.

Trong số các Chủ tịch KGB còn đang sống, Semichastnyi là người không né tránh các cuộc phỏng vấn.

THỜI BREJNEV

CHƯƠNG XIV

YURI VLADIMIROVICH ANDROPOV

Chủ tịch KGB 5/1967 – 5/1982)

Yu.V. Andropov sinh ngày 15/6/1914 tại Nagutaskaia, tỉnh Stavropol. Cha ông là điện báo viên đường sắt, mất sớm khi ông mới lên năm. Mẹ ông là Evginia Fainstein gốc Do Thái, một giáo viên âm nhạc, cũng qua đời sớm năm 1927, lúc ông mới 13 tuổi. Cho nên Iuri Andropov đã sớm phải tự lập và vươn lên trong cuộc sống.

Andropov tốt nghiệp trung cấp kỹ thuật giao thông đường sông ở Rurbinsk (thành phố miền Bắc nước Nga).

Sau này, khi đã là Trưởng ban đối ngoại Trung ương Đảng, Andropov học trường Đảng cao cấp - đây là hình thức để bổ khuyết việc thiếu bằng đại học đối với cán bộ cấp cao. Khi đã là Chủ tịch KGB, ông bắt đầu học tiếng Anh. Ngoài ra, công tác ở nước ngoài, tiếp xúc nhiều với giới trí thức, văn nghệ sĩ và tài liệu, sách vở cũng là nguồn bổ sung cho việc chưa được học đại học chính quy thời trẻ của ông. Nói chung, tiếp xúc và làm việc với ông, người ta thấy ông là một người có tri thức cao.

Sau khi ra trường, Andropov làm điện báo viên và thợ máy trên chiếc tàu mang tên Volodarski chạy dọc sông Volga. Giai đoạn sông nước này sẽ để lại mãi trong Iuri Andropov hình ảnh người cầm lái đưa cả chiếc tàu cùng đoàn thủy thủ vượt qua sóng gió đi tới bến bờ.

Từ 22 tuổi, Andropov làm công tác Đoàn, sau đó làm công tác Đảng và KGB. Đường đi của ông giống với Shelepin. Ưu điểm của con đường đó là: nắm được nhiều thông tin, toàn những thông tin chặt lọc và chất lượng cao, hiểu bộ máy cơ chế và biết vận hành các đòn bẩy quyền lực. Nhưng mặt hạn chế của con đường công danh đó là ít kinh nghiệm lãnh đạo thực tế, địa phương và con người với muôn mặt đa dạng đời thường. Hàng trăm trang tài liệu mật đặt lên bàn làm việc thường ngày như cung cấp cho các thủ

trường một bức tranh đầy đủ nhất, thật ra là không đầy đủ vì là sản phẩm của bộ máy.

Công tác Đoàn là trường đào tạo tốt đối với các cán bộ trẻ, có thể đưa người ta lên rất nhanh, miễn là sống sót được. Andropov đã sống sót được qua những năm thanh trừng 1936 - 1937, và trở thành Bí thư Tỉnh đoàn Iaroslav và năm 1940 được cử về Petrozavodsk (phía bắc nước Nga, giáp Phần Lan - ND) làm Bí thư thứ nhất Đoàn thanh niên nước Cộng hoà Karelia - Phần Lan.

Trong những năm 1929 - 1930, đây là nước Cộng hoà tự trị Karelia. Nhưng khi bắt đầu chiến tranh với Phần Lan, Stalin có những ý đồ sau xa nên đã đặt tên là nước Cộng hoà Karelia - Phần Lan. Trong trường hợp Liên Xô thắng, thì chắc chắn lãnh thổ "nước Cộng hoà Karelia - Phần Lan" đã được mở rộng thêm rất nhiều.

Bí thư Trung ương Đảng nước Cộng hòa là Otto Kuusinen - một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Phần Lan nguyên cán bộ của Quốc tế Cộng sản. Ông sẽ là người đỡ đầu của Andropov.

Năm 1935, Andropov lấy vợ - vợ ông là Nina Engaluycheva học cùng trường giao thông đường sông, và sinh hai con – một trai, một gái. Sau đứa con thứ hai, hai người bỏ nhau. Ở Petrozavodsk, Andropov lấ vợ lần thứ hai và cũng sinh được một trai, một gái.

Năm 1944, 30 tuổi, Andropov trở thành Bí thư Thành ủy Petrozavodsk, sau chiến tranh là Bí thư thứ hai Đảng Cộng sản nước Cộng hòa Karelia.

Năm 1952, Kuusinen được bầu vào Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng, liền đưa Andropov lên Matxcơva.

Năm 1953, Andropov làm Vụ trưởng Vụ châu Âu 4 - Bộ ngoại giao. Sau khi Stalin mất, Liên Xô chủ trương cử các cán bộ Đảng có kinh nghiệm tăng cường cho Bộ Ngoại giao để đi làm Đại sứ ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Năm 1954 Andropov được cử đi làm Đại sứ ở Hungari.

BÀI HỌC HUNG-GA-RI

Ba năm làm Đại sứ đã rất có ích cho Andropov, trước hết là về mặt mở rộng tầm mắt và tiếp nhận cái mới - 40 tuổi chưa phải là nhiều.

Andropov đến Hungari khi mà tình hình kinh tế nước này xấu đi do chính sách đẩy mạnh công nghiệp hoá và tập thể hoá nông thôn. Người dân Hungari không thấy có chuyển biến gì như ở Liên Xô sau Đại hội 20, muốn nhìn thấy sự đổi mới lãnh đạo, đặc biệt là thay thế Matias Rakoshi già cỗi và phục hồi cho những người đã bị thanh trừng thời gian trước. Đại sứ Andropov chăm chú theo dõi sự trở lại chính trường của Yanosh Kadar - người đã từng bị bắt vì quan điểm chính trị, và coi việc ông ta được trở lại Bộ Chính trị là một sự nhượng bộ về lập trường.

Sứ quán cũng rất chú ý theo dõi và lo lắng trước sự phục hồi của Imre Nagy - một người có tư tưởng cải cách, và không thể phủ nhận được sự thật ông ta là chính khách được lòng dân nhất. Là Thủ tướng Hungari sau 1945, Imre Nagy bị kết tội "hữu khuynh" và bị khai trừ Đảng. Các nhà lãnh đạo Hungari, đặc biệt là thuộc phái "thủ cựu" liên tục thông tin cho Andropov biết nội dung các cuộc họp Trung ương và cả các câu chuyện riêng giữa các ủy viên Bộ Chính trị Hungari. Và Andropov thường xuyên báo cáo về Matxcova tình hình nội bộ ban lãnh đạo Hungari kèm theo đánh giá nguyên nhân tình hình là sự thiếu kiên quyết của lãnh đạo Hungari.

Tháng 10/1956 Imre Nagy được phục hồi Đảng tịch.

Trước đó ít lâu, ở Ba Lan, Gomulka, người mà năm 1949 cũng bị khai trừ Đảng vì quan điểm dân tộc hữu khuynh, cũng được phục hồi Đảng tịch và được bầu làm Bí thư thứ nhất Đảng công nhân thống nhất bất chấp ý kiến của Matxcova. Nguyên soái Liên Xô Rokossovki - người mà năm 1949 được Stalin cử sang Ba Lan và trở thành Bộ trưởng Quốc phòng Ba Lan bị ra khỏi Bộ Chính trị Ba Lan, mất chức Bộ trưởng Quốc phòng, và trở về Nga với lời than vãn chua chát: "Khi ở Nga tôi luôn là người Ba Lan, còn về Ba Lan tôi lại bị xem là người Nga".

Ở Budapest, những người tuần hành giật đổ bức tượng Stalin. Cuộc tuần hành sinh viên ngày 23/10 ban đầu bị cấm, sau được phép, đã biến thành một cuộc biểu dương lực lượng chống chính quyền. Andropov đề nghị chỉ huy Quân đoàn Liên Xô đóng ở Hungari đưa quân vào thủ đô Budapest, nhưng Tư lệnh Quân đoàn trả lời là việc này phải có lệnh của Bộ trưởng Quốc phòng.

Andropov bèn liên lạc với Matxcơva. Tổng tham mưu trưởng quân đội là V.D.Sokolovski gọi điện cho chỉ huy quân đoàn ở Hungari và ra lệnh đưa quân vào.

Tưởng rằng Liên Xô đưa quân vào là xong mọi chuyện, như ở Đức năm 1953. Nhưng người Hungari đánh trả bằng cách bắn vào lính Liên Xô, ném chai có chất cháy vào xe tăng Liên Xô. Quân đội Hungari thì không giúp quân đội Liên Xô.

Imre Nagy lên làm Thủ tướng và yêu cầu quân Liên Xô rút ra khỏi thủ đô. Ý kiến ở Matxcơva cũng không phải là đồng nhất. Nhưng Khrushchov quyết định thu quân về, vì hiểu rằng quan hệ giữa Liên Xô với các nước xã hội chủ nghĩa đã bước vào một giai đoạn khủng hoảng.

Nhưng quân và xe tăng Liên Xô vừa rút khỏi Budapest thì lại xảy ra đổ máu: quần chúng biểu tình trừng trị các cán bộ Thành ủy và An ninh quốc gia, treo ngược họ lên cành cây.

Matxcơva quyết định lại đưa quân vào, lần này 60 nghìn quân, và hành động kiên quyết hơn, đồng thời chủ trương thành lập một chính phủ mới, "biết điều" hơn. Ba mươi xe tăng ngày đêm tề tựu xung quanh để bảo vệ an ninh cho Sứ quán. Hai ứng cử viên được xem xét là Ia.Kadar và F.Miunich. Họ được bí mật đưa sang ra mắt Matxcơva. Kết quả, Matxcơva ưng Kadar hơn.

Ngày 11/1, Thủ tướng Imre Nagy hủy bỏ Hiệp ước Varsava và tuyên bố Hungari trung lập, và thông báo trên đài phát thanh cho toàn dân về "cuộc can thiệp của Liên Xô nhằm lật đổ chính phủ dân chủ hợp pháp của Hungari".

Các ổ đề kháng của Imre Nagy lần lượt bị pháo binh và xe tăng Liên Xô dập tắt. Imre Nagy, Bộ trưởng Quốc phòng Maleter cùng vài người khác bị tử hình, những người còn lại bị kết án tù với thời hạn khác nhau.

Tổn thất của Hồng quân Liên Xô qua sự kiện Hungari là 640 người chết, 1.251 người bị thương. Tổn thất của Hungari là 2.652 người chết và 19.226 người bị thương.

Bài học mà Andropov rút ra được từ sự kiện ở Hungari rất giản dị: không có khó khăn kinh tế hay sự phá hoại của gián điệp và phản động nào có thể

làm sụp đổ chính quyền. Nhưng chỉ cần lơ lửng mặt trận tư tưởng là Đảng cầm quyền có thể dễ dàng mất sự kiểm soát đối với đất nước.

Tính khắc nghiệt của bài học nói trên còn được bổ sung bởi việc Andropov đã chính mắt mình nhìn thấy người dân căm ghét và hành quyết các cán bộ an ninh như thế nào. Người ta còn nói rằng những ngày bi thảm ở Budapest đã ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ và đặc biệt là tâm lý - tinh thần của bà vợ Andropov và hạnh phúc gia đình ông.

BAN ĐỐI NGOẠI

Andropov trở về Matxcơva năm 1957 trong hình ảnh của vị cứu tinh chủ nghĩa xã hội ở Hungari. Trung ương Đảng giao cho ông phụ trách Ban Đối ngoại - tức là cơ quan phụ trách quan hệ với các đảng cầm quyền của các nước Xã hội chủ nghĩa. Vấn đề trong lĩnh vực này cũng tích tụ khá nhiều: Quan hệ với Nam Tư, Albanie và nhất là với Trung Quốc ngày càng xấu đi. Với tính cách của Khrushchov, thì ông sẵn sàng hoà hoãn với Mỹ chứ nhất quyết không chịu nhượng bộ về lập trường với Trung Quốc.

Andropov dành nhiều thời gian nghiên cứu và triển khai hoạt động trên cương vị công tác mới. Ông tuyển chọn được khá nhiều người có đầu óc về để cộng tác với mình. Nhiều người trong số đó sau này trở thành các Viện sĩ, như Georghii Arbatov (Viện Mỹ - Canada). Oleg Bogomolov (Viện kinh tế Xã hội chủ nghĩa), nhà báo và nhà chính luận A. Bovin v.v. . . , tạo cho ông hình ảnh của một nhà chính trị có tư duy đổi mới. Những người đã từng làm việc với ông thời gian này đều vui sướng nhớ lại bầu không khí tự do tư tưởng và cởi mở về tinh thần mà ông đã tạo ra để phân tích và bàn thảo giải pháp trên những đề tài mà người ta thường không dám đụng đến ở cơ quan của Đảng. Andropov kiên nhẫn lắng nghe cả những ý kiến và quan điểm mà ông không thể thích được, nhưng kiềm chế bình luận chụp mũ. Ông coi đó là nguồn thông tin từ đời sống sinh động, là sự bổ sung vào đánh giá chính thống, lắng lẽ nghe và suy ngẫm.

Andropov không uống rượu và không hút thuốc, không quát tháo, yêu nhạc, hát được, và làm thơ. Vốn bản chất khiêm tốn, giản dị, không thích khoe mẽ, người cao lớn, nhưng Andropov đi đứng không bao giờ ưỡn

ngực, ngẩng cao đầu - đến cả trong dáng đi ông cũng như sự chiều cao của mình lấn át người khác.

Thời Khrushchov và sau đó Brejnev, người ta rất trọng dụng những người viết diễn văn cho lãnh đạo - những cây bút. Để làm việc này, người ta sử dụng những công chức có kiến thức uyên bác, có tài năng văn chương.

Chung quanh Andropov cũng không thiếu những người như thế. Chỉ có điều, xét trên bình diện toàn xã hội, các diễn văn thì ngày càng hay, trong khi thực tế thì cứ ngày càng chán.

Sau khi Brejnev trở thành Tổng Bí thư, hai người ở vị trí thứ hai trong Ban Bí thư là Suslov và Kirilenko. Họ đấu đá nhau để giành vị trí kế cận Brejnev. Điều đó khiến cho Andropov khổ sở khi phải xin ý kiến cả hai người. Xin được ý kiến người này thì người kia cho ý kiến ngược lại. Khi người này vắng mặt, người kia ở nhà chủ trì Ban Bí thư thì bác cách giải quyết trước đó.

V.M.Falin - nguyên Bí thư Trung ương Đảng phụ trách đối ngoại, nguyên Đại sứ Liên Xô ở Đức viết: "Về tri thức, Andropov hơn hẳn các thành viên khác trong ban lãnh đạo. Nhưng trong khi ông còn đang ở vị trí hạng hai, hạng ba, điều đó chỉ càng làm cho ông thêm khổ. Những kiến giải hồ đồ, bộp chộp của một số vị lãnh đạo làm cho ông bị tổn thương, co lại trong cái vỏ kín đáo của mình". Ngoài việc không tìm được tiếng nói chung với nhà tư tưởng Suslov, Andropov cũng không được cảm tình của Kosygin - nhà cải cách kinh tế, không vào nhóm với Shelepin, còn Kuusinen - người đỡ đầu của ông thì mất năm 1964. Andropov hầu như đơn thương độc mã.

"KGB...KHÔNG PHẢI AI CŨNG LÀM ĐƯỢC"

(L.I.Brejnev)

Ngày 19/5/1967, Andropov được cử làm Chủ tịch KGB thay Semichastnyi. Andropov chỉ được biết về quyết định này vào ngày hôm đó. Người đề xuất và quyết định việc này là Brejnev, vì chức Chủ tịch KGB vốn được coi là vị trí quan trọng, thuộc thẩm quyền quyết định riêng và cuối cùng của Tổng Bí thư. Người ta cho rằng Brejnev cử Andropov nhận công tác đó để đưa Andropov ra khỏi bộ máy Ban Bí thư để đỡ "gai" cho Kosygin.

Quan hệ giữa Andropov với Kosygin cũng thật lạ lùng: ngoài sự không ưa nhau về cá tính, cá nhân thế nào đó, sâu trong tư tưởng, Andropov cho rằng những kế hoạch cải cách kinh tế của Kosygin (sau này không được thực hiện) là đi quá xa so với khuôn khổ chính trị tư tưởng.

Nhưng sự thực, Brejnev đưa Andropov về KGB không phải để làm hài lòng Kosygin, mà là làm hài lòng chính mình: hơn ai hết, Brejnev hiểu con người.

Hội nghị Trung ương diễn ra một tháng sau đó, Andropov được bầu làm ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị. Sau Beria, đây là lần đầu tiên Chủ tịch cơ quan an ninh lại được giữ cương vị Đảng cao như thế. Đây là món quà tặng của Brejnev để bù đắp cho việc nhận chức vụ mà Andropov không muốn, đồng thời là sự đặt trước lòng tin.

Andropov nhất quán thể hiện lòng trung thành và sự ủng hộ đối với Tổng Bí thư, coi đó là "vấn đề ổn định của Đảng và Nhà nước, đồng thời là vấn đề ổn định quốc tế (hồi ký của M.Gorbachov). Cũng theo Gorbachov kể lại, khi ông trở thành ủy viên Bộ Chính trị kiêm Bí thư Trung ương (tức là ngôi sao đang lên trong Đảng), được phân một ngôi nhà nghỉ ngoại ô cạnh nhà nghỉ của Andropov, vợ chồng ông có mời ông bà Andropov sang chơi ăn cơm, Andropov từ chối và ôn tồn giải thích cho Gorbachov: "Nếu chúng tôi sang anh ăn cơm, thì ngày mai người ta sẽ thắc mắc là chúng ta bàn chuyện gì, rồi thì sẽ có báo cáo gửi tới Leonid Ilich" (tức Brejnev).

Nói chung Andropov là người thận trọng và nguyên tắc, không bao giờ nhận thừa trách nhiệm về mình, để không tạo cảm tưởng là vượt quá quyền hạn. Về mọi vấn đề lớn nhỏ có tính nguyên tắc cần phải có ý kiến lãnh đạo, ông đều viết công văn gửi Ban Chấp hành Trung ương. Tháng 12/1967, nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập KGB, lại nhân dịp Andropov mới về làm Chủ tịch, Cục cán bộ có chuyển một thùng rượu cô-nhắc kèm thiệp của Phó Chủ tịch thứ nhất ủy ban mừng Andropov. Vợ Andropov bảo người mang rượu nói lại với Phó Chủ tịch thứ nhất ủy ban là rất cảm ơn, nhưng rượu thì không nhận. Sau ngày lễ, toàn cơ quan biết chuyện đó, và từ đấy về sau không bao giờ ai dám gửi quà cho Chủ tịch ủy ban nữa.

Andropov về lãnh đạo KGB đã tăng thêm rất nhiều quyền lực cho cơ quan này, trả lại cho nó tính bao trùm toàn bộ xã hội và cuộc sống của người Xô viết mà nó vốn có và đã bị cắt giảm đi mất nhiều bởi Khrushchov - một người vốn rất ngại vai trò của KGB dưới thời Beria.

Trước Andropov, KGB là ủy ban ngang Bộ trực thuộc Chính phủ. Khi Andropov về làm Chủ tịch, KGB thôi trực thuộc chính phủ và được gọi đơn giản mà đầy ý nghĩa là KGB Liên Xô. Là thủ trưởng, Andropov quan tâm đến công tác và đời sống của cán bộ, chiến sĩ, và họ đáp lại Andropov bằng lòng trung thành và tận tâm phục vụ. Cán bộ nhân viên cơ quan được hưởng nhiều ưu đãi về nhà ở, hàng phân phối, cơ quan còn có hệ thống phòng khám, bệnh viện, nhà nghỉ cho cán bộ nhân viên không mất tiền. Công tác trong cơ quan an ninh trở thành một ngành nghề danh giá và được nể trọng. Uy tín của cơ quan an ninh tăng lên. Những nỗi kinh hoàng mỗi khi nhắc đến những gì mà KGB đã làm dưới thời Stalin lùi dần vào dĩ vãng.

Là người có tầm nhìn chiến lược và làm việc có phương pháp, Andropov đã thành lập thêm một số bộ phận mới trong cơ cấu tổ chức của cơ quan nhằm theo dõi bao quát và đầy đủ hơn mọi mặt của đời sống xã hội.

Nhưng đồng thời, Andropov tập trung đầu tư nhiều nhất cho khâu then chốt là lĩnh vực tư tưởng mà kinh nghiệm thời gian công tác ở Hungari đã mách bảo ông.

Khi người đứng đầu cơ quan an ninh Cộng hoà dân chủ Đức là Wolf bàn việc đánh đổi Sharansky (nhân vật bất đồng chính kiến người Do Thái của Liên Xô - ND) lấy một sĩ quan phản gián Cộng hoà dân chủ Đức bị Tây Đức bắt, Andropov giải thích:

"Đồng chí Wolf ạ, mong đồng chí hãy thông cảm cho: Sharansky là gián điệp. Nhưng quan trọng hơn, anh ta là một người Do Thái. Nếu chúng ta thả anh ta, thì rồi các dân tộc khác cũng sẽ theo gương: người Đức ở vùng Volga, người Tacta ở Crum, rồi người Chechnya... Nếu chúng ta mở các van ra, người ta sẽ thi đua nêu yêu sách. Chúng ta sẽ ngập trong cơn lũ đó và không tài nào giữ được họ nữa". Những lời của Andropov trở thành những lời tiên tri!

Một tháng sau khi nhận chức, Andropov viết một bản báo cáo gửi Ban chấp hành Trung ương về tình hình hoạt động của các lực lượng phá hoại ngầm, các xu hướng dân tộc chủ nghĩa và tôn giáo phản động, ảnh hưởng của văn hoá phương Tây đối với thanh niên, và sau đó được Bộ Chính trị nhất trí, Andropov cho thành lập trong KGB một đơn vị mới gọi là Tổng cục 5, bao gồm một số vụ như Vụ phụ trách công tác với giới trí thức, với thanh niên sinh viên, Vụ phụ trách quan hệ dân tộc, tôn giáo, vấn đề chủ nghĩa sionit (tức Do Thái), vụ phụ trách công tác với những nhân vật bất đồng chính kiến nổi tiếng nhất (như Soljenitsyn, Sakharov).

KGB dưới thời Andropov đã tìm được những cách tiếp nhận cương quyết nhưng mềm dẻo và có hiệu quả đối với những thành phần tế nhị trong xã hội.

Người ta cho rằng nếu không phải Andropov mà một người khác đứng đầu KGB, quy mô bắt bớ và khủng bố có thể đã lớn hơn nhiều. Đúng là như vậy. Những năm Brejnev làm Tổng Bí thư và Andropov làm Chủ tịch KGB là thời kỳ ổn định nhất về chính trị - xã hội của Liên Xô. Điều này một phần cũng do ở tư chất của các nhà lãnh đạo đó. Một lần Brejnev nói chuyện với nhà văn K.Simonov:

- "Chừng nào tôi còn sống - và sửa lại - có nghĩa là chừng nào tôi còn ngồi ở đây, sẽ không có đổ máu".

Phải là một nhà lãnh đạo khoan hoà như Brejnev để mà giữ xã hội Liên Xô bình ổn trong hai chục năm. Và cũng phải có một trí tuệ sắc sảo và tư chất tinh tế, điềm đạm như Andropov thì mới nghĩ ra được một hệ thống kiểm soát xã hội về mặt tư tưởng - tinh thần một cách tổng thể và toàn bộ như thế.

Song le, thời Andropov cũng là thời mà số người mắc bệnh tâm thần hơi nhiều so với các giai đoạn khác.

Những công dân bị buộc tội theo điều 70 (tội "tuyên truyền chống chế độ") và theo điều 190 (được đưa vào dưới thời Brejnev, chỉ tội nhẹ hơn: tội "phổ biến những thông tin thất thiệt có hại cho chế độ Xô viết") phần lớn bị đưa đi các cơ sở điều trị bệnh tâm thần. Đó là hình thức cải tạo người bất đồng chính kiến nhân đạo hơn so với thời Stalin.

Tại Hội nghị Trung ương tháng 4/1973, khi đánh giá về công tác an ninh, Brejnev đã bỏ giấy ra nói "vo" như sau:

"Ủy ban An ninh quốc gia dưới sự lãnh đạo của đồng chí Andropov đã giúp cho công tác của Trung ương đặc lực, cả về đối nội và đối ngoại. Thường người ta nghĩ rằng KGB là phải bắt bớ, bỏ tù. Họ nhầm. KGB - đó trước hết là công tác to lớn và đầy trách nhiệm. Cần phải có năng lực và tính cách, không phải ai cũng làm được ở đây cần phải có lòng dũng cảm và lòng trung thành to lớn".

Những lời đó là sự đánh giá cao đối với KGB, cũng là sự đánh giá cao đối với Andropov.

TỔNG BÍ THƯ

Cuối năm 1967, Brejnev thăm hữu nghị chính thức Tiệp Khắc, nhưng rút ngắn chương trình và về sớm so với kế hoạch. Khi ông ở đó, các ủy viên Bộ Chính trị đều níu áo nói nhỏ để mỗi người trình bày chuyện của mình.

Brejnev bực, nói với thành viên trong đoàn: "Lại còn thế nữa, họ còn muốn kéo chúng ta vào những chuyện lôi thôi của họ nữa", và bảo chuẩn bị máy bay ngay ngày hôm sau về.

Chín tháng sau, Bộ Chính trị Liên Xô cho đưa quân vào Tiệp Khắc.

Đối với Andropov, "mùa xuân Praha" là sự xét lại chủ nghĩa xã hội, là sự lặp lại những sự kiện ở Hungari. Cần phải phản ứng một cách nhanh chóng và cứng rắn.

Khác với Hungari, ở Tiệp quân đội Liên Xô không gặp phải sự kháng cự vũ trang.

Bản thân chức vụ công tác của Andropov buộc ông phải là "diều hâu" trong chính sách đối ngoại, trước hết là trong quan hệ với Mỹ và phương Tây. Trong khi Brejnev còn sống, quan hệ với Mỹ được duy trì một cách cân bằng trong khuôn khổ của chính sách hoà hoãn, hoà dịu. Khi Brejnev ốm nặng, không còn nắm được toàn bộ việc trong tay, thì mọi quyết sách lớn nằm trong tay bộ ba trong Bộ Chính trị: Andropov - Chủ tịch KGB, Ustinov – Bộ trưởng Quốc phòng và Gromyko – Bộ trưởng Ngoại giao. Đặc biệt Andropov và Ustinov rất gần gũi nhau trong đánh giá đối phương và xác định chiến lược nghiêng về quân sự và an ninh.

Việc Liên Xô đưa quân vào Afganistan năm 1979 do bộ ba quyết định chính là trong bối cảnh đó.

Tháng 1/1982, Mikhail Suslov, người giữ trọng trách Bí thư Trung ương suốt 35 năm, từng đóng vai trò quan trọng trong việc hạ bệ Khrushchov và đưa Brejnev lên làm Tổng Bí thư, người thứ hai trong Đảng - qua đời.

Mọi người hồi hộp chờ đợi: Ai sẽ thay vị trí của Suslov?

Vì đây thực tế sẽ là người lãnh đạo tương lai của Liên xô. Vì Brejnev lúc đó đã rất ốm yếu. Tại Hội nghị Trung ương tháng 4/1982, Andropov được bầu làm Bí thư Trung ương Đảng. Được phân công đọc diễn văn tại lễ kỷ niệm Ngày sinh Lênin 22/4, Andropov có một bài phát biểu đặc sắc. Cái mới toát ra từ bài diễn văn súc tích, không có những câu tung hô rỗng tuếch như thường lệ, lại có cả những câu như: "Chúng ta còn chưa hiểu một cách thực sự xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng". Andropov được hoan hô rất lâu, đến nỗi chính ông chột dạ (vì sợ "lấn chúa"). Nhưng Brejnev quá hiểu và tin Andropov. Và lại, ông cũng hiểu rằng đã đến lúc phải xây dựng uy tín cho người kế tục. Ngày 10/11 năm đó (1982), Brejnev qua đời. Hội nghị Trung ương chính thức hoá việc Andropov thay thế Brejnev lãnh đạo Liên Xô.

Việc chuẩn bị người thừa kế Brejnev đã được bàn từ lâu trong những năm cuối của Brejnev. Bản thân Brejnev có ý định "nhắm" K.Chernenko hoặc Sherbitsski. Trên đoàn Chủ tịch, Chernenko cũng thường ngồi cạnh Brejnev, còn bên kia là Thủ tướng Tikhonov. Nhưng tháng 4/1983, khi Andropov thôi chức Chủ tịch KGB lên làm Bí thư Trung ương Đảng, thì người ta đã dự đoán về khả năng Andropov là người kế vị.

Hai chiến hữu còn lại trong "bộ ba" hùng mạnh là Ustinov và Gromyko, cùng với Thủ tướng Tikhonov đã thống nhất rằng Tổng Bí thư phải là Andropov. Lúc đó ông đã 68 tuổi - một cái tuổi đã kha khá mà ít người giữ được sức lực và sự nhanh nhạy để bắt đầu một công cuộc mới.

Tuy thế Andropov vẫn đã bắt đầu.

G.Shakhnazarov - nguyên Trợ lý của Tổng Bí thư có lần nói chuyện với Andropov về việc chi phí quân sự của Liên Xô quá lớn, trở thành gánh nặng đối với nền kinh tế Andropov trả lời:

- Anh nói đúng. Đúng là gánh nặng rất lớn. Nhưng chúng ta thực sự vẫn chỉ mới khai thác được một phần rất nhỏ những nguồn tiềm lực của chế độ xã hội chủ nghĩa. Xã hội ta còn nhiều lộn xộn, nhiều tiêu cực, còn nghiện rượu, còn tham nhũng, bòn rút của công. Khi nào chúng ta chấn chỉnh lại một cách thực sự, tôi bảo đảm với anh rằng khi đó sức lực chúng ta sẽ đủ.

Hơn ai hết, Andropov hiểu rõ thực trạng xã hội và những mối đe dọa bên trong và bên ngoài đối với đất nước. Ông bắt đầu bằng việc giải quyết một số tồn đọng để quá lâu, siết chặt lại kỷ luật, trật tự, sắp xếp lại nhân sự mà trước hết là giải phóng bộ máy khỏi những cán bộ cấp cao sâu mọt, chú trọng hiệu quả việc làm hơn lời nói.

Egor Kuzmich Ligachov - nguyên ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng kể lại trong hồi ký về lần gặp cuối cùng của ông với Andropov trong bệnh viện:

"Tôi không dám tin đó là Andropov. Cơ bệnh đã làm ông thay đổi hoàn toàn đến nỗi không thể nhận ra được nữa. Vẫn cái giọng rất nhẹ nhàng thân mật. Bằng cái giọng đó ông mời tôi vào "Hãy vào đi Egor Kuzmich - đồng chí ngồi xuống đây". Andropov đã nhận thấy sự hồi hộp của tôi và thật là lạ ông lại bắt đầu trấn tĩnh tôi:

- Hãy bình tĩnh, hãy kể cho tôi nghe về công việc của đồng chí đi - được một lúc Andropov nói - Tôi mời đồng chí đến đây để nói với đồng chí rằng tại hội nghị Trung ương lần tới, Bộ Chính trị sẽ thảo luận vấn đề bầu đồng chí làm Bí thư Trung ương Đảng.

Nước chè được mang tới cho chúng tôi và chúng tôi bình tĩnh nói chuyện trong 15 phút nữa về những vấn đề trong nước. Chia tay nhau, tim tôi thấy quặn lại với sự thương cảm dành cho ông. Tôi hiểu rằng sức lực của ông đã cạn kiệt. Tôi không còn dịp nào được thấy Andropov sống nữa".

Andropov qua đời ngày 9/2/1984. Lễ mai táng trọng thể diễn ra ngày 14/2 tại Quảng trường Đỏ.

CHƯƠNG XV

VITALI VASSILIEVICH FEDORCHUK

Chủ tịch KGB (tháng 5 - tháng 11/1982)

Tháng 5 năm 1982, sau khi Andropov thôi lãnh đạo KGB sau 15 năm xây dựng cơ quan này thành một cơ quan an ninh lành mạnh bậc nhất thế giới, chuyển sang làm Bí thư Trung ương Đảng, bộ máy khổng lồ của cơ quan này được giao cho một người ít được biết đến là V.V. Fedorchuk, lúc đó đang làm Chủ tịch Ủy ban an ninh quốc gia Ucraina. Quyết định này khá bất ngờ và gây ngạc nhiên trong đội ngũ làm công tác an ninh Liên Xô. Bởi vì lúc đó có mấy người phó kỳ cựu của Andropov, trong đó Phó Chủ tịch thứ nhất KGB Liên Xô.

V. M.Chebrikov, cánh tay phải của Andropov, được coi là người có triển vọng nhất thay thế Andropov. Còn nếu vì lý do chính trị hoặc nhân sự theo suy xét của Tổng Bí thư, nếu không phải là người trong ngành thì đó thường sẽ là một nhà hoạt động chính trị lão luyện ở nơi khác về (như trường hợp của Shelepin và Semichastnyi).

Đảng này một ông Chủ tịch KGB Ucraina không mấy tên tuổi lại được đưa lên lãnh đạo KGB Liên Xô?

*

Vitali Vassilievich Fedorchuk sinh năm 1918 trong một gia đình nông dân ở Jitomir (Ucraina). Học xong phổ thông, Fedorchuk mơ ước trở thành nhà báo và đi làm việc ở một số tòa soạn báo tỉnh, năm 1938 học cao đẳng bưu điện quân đội, học xong đi vào quân báo, đã từng tham gia mặt trận ở Khalkhin Gol (nơi Liên Xô chiến đấu với Nhật trong chiến tranh thế giới II). Fedorchuk đã từng làm phó chỉ huy quân báo trong các đơn vị quân đội Liên Xô đóng ở Áo.

Fedorchuk tuân tự tiến theo nghề cho đến khi ông chơi thân với một sĩ quan tình báo lão luyện khác là G.K.Tsiniov.

Tsiniov tốt nghiệp đại học luyện kim ở thành phố Dnepropetrovsk, Thủ tướng tương lai của Liên Xô cuối thời Brejnev là N.A.Tikhonov cũng tốt nghiệp trường này. Còn thành phố thì là nơi mà trước chiến tranh L.I.Brejnev đã từng công tác Đảng - làm trưởng ban, Bí thư thành ủy rồi Bí thư tỉnh ủy. Tikhonov, cùng với phó thủ tướng I.I.Novikov, chánh văn phòng Trung ương Đảng G.S.Pavlov và Bộ trưởng nội vụ N.A.Ahelokhov và G.E.Tsukanov trợ lý của Tổng Bí thư làm thành "nhóm đồng hương Dnepropetrovsk" là ê-kíp trung thành của Brejnev. Hai phó Chủ tịch KGB là Tsiniov và Tsvigun cũng thuộc nhóm đồng hương này.

Sau khi đưa Andropov thay Semichastnyi làm Chủ tịch KGB, Brejnev đề xuất với Andropov đưa Tsvigun đang ở Azerbaijan về làm Phó Chủ tịch thứ nhất KGB, còn Tsiniov làm Phó Chủ tịch KGB. Szigun công tác ở Bộ An ninh quốc gia Moldavia khi Brejnev làm Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Moldavia từ năm 1950 đến 1952. Khi làm công tác ở Matxcơva, ngoài công tác ông còn viết văn với bút danh S.Dneprov, và là cố vấn chính cho bộ phim truyền hình nhiều tập *"Mười bảy khoảnh khắc mùa xuân"*. Tsiniov phụ trách Cục 9 (Cục bảo vệ các ủy viên Bộ Chính trị và nghe nói bên cạnh việc bảo vệ còn kiêm luôn cả việc theo dõi các mối quan hệ và các cuộc nói chuyện điện thoại của các cán bộ cấp cao. Với hai phó của mình là Tsiniov và Tsvigun là người của Brejnev, Andropov rất khó xử, thường phải dè chừng, nhiều khi phải làm ngoại giao nhiều hơn là làm thực chất công việc. Mọi việc đều được hai người báo cáo lại cho Brejnev.

Nhưng Tsvigun qua đời sớm (vì tự sát), cho nên Tsiniov trở thành Phó Chủ tịch thứ nhất KGB. Brejnev không ký cáo phó của Ban Chấp hành Trung ương, mà chỉ có Suslov là người cao nhất ký. Về cái chết của Tsvigun cũng có tin đồn là ông lập hồ sơ theo dõi những việc làm và quan hệ của Galina (con gái Brejnev), khi đưa lên báo cáo Suslov thì bị Suslov đuổi về. Tsvigun sợ quá về nhà rút súng lục tự sát. Còn Suslov thì bị đau tim, phải đi bệnh viện cấp cứu, rồi mất.

Nhưng đó chỉ là một câu chuyện trinh thám được sáng tác ra. Galina Brejnev là một phụ nữ có duyên, hơi dễ dãi và phóng túng, nhưng làm gì có hồ sơ vụ việc gì về bà. Về mọi vấn đề quan hệ của người trong gia đình

Tổng Bí thư, KGB đều phải thảo luận với Tổng bí thư, chứ Suslov không nhảy vào giải quyết. Mà cũng chẳng có ai mang hồ sơ đến thảo luận với Suslov những vấn đề đó cả. Sự thực Tvigun tự sát, nhưng là vì bệnh ung thư phổi của ông đã nặng, mổ cũng không cứu được.

Thấy bệnh tình của mình trở thành gánh nặng cho người thân, vào lúc tỉnh trí, ông đã quyết định kết liễu cuộc đời. G.K.Tsiniov trở thành Phó Chủ tịch thứ nhất KGB, bàn giao nhiệm vụ phụ trách tình báo quân sự lại cho V.V.Fedorchuk.

Fedorchuk làm công tác quân báo cho đến năm 1970, khi ông được cử về Ucraina làm Chủ tịch KGB. Khi Brejnev đi châu Âu trên đường về ghé qua Kiev, cả Bộ Chính trị Ucraina ra đón. Nhưng Brejnev chào hỏi, nói chuyện với mọi người một lúc thì kéo Nikitchenko - Chủ tịch KGB Ucraina riêng ra đi cùng nói chuyện đến hai mươi phút. Brejnev đề xuất với Nikitchenko về Matxcova công tác. Nikitchenko rất không muốn, nhưng cuối cùng Tổng Bí thư cũng thuyết phục được ông.

Người ta cho rằng Brejnev cử Fedorchuk làm chức này để phục vụ cho việc gạt Shelest khỏi chức Bí thư thứ nhất Đảng cộng sản Ucraina để đưa Sherbitsky thân tín lên.

Fedorchuk làm Chủ tịch KGB Ucraina 12 năm, cho đến một ngày có điện của Sherbitski gọi đến, nói gọn lỏn một câu: "Cậu đừng đi đâu nhé, chuẩn bị nghe điện thoại". Lát sau một hồi chuông vang lên - ở đầu dây bên kia là Brejnev gọi điện, đề xuất Fedorchuk làm Chủ tịch KGB thay Andropov. "Tôi chỉ kịp bật ra - Fedorchuk kể - "Tôi sợ mình không đảm đương được...". Breinev nói:

"Đảm đương được. Ngày mai tôi sẽ cho máy bay xuống đón" .

Khi ra đi, trong thâm tâm Andropov muốn đưa Chebrikov thay mình. Nhưng Andropov là con người khiếm tốn và thận trọng, không muốn Brejnev nghĩ rằng ông đưa người của mình vào. Vì vậy, khi Brejnev hỏi ông có kiến nghị ai không, ông chỉ trả lời: "Việc này do Tổng Bí thư quyết". Và Brejnev quyết định Fedorchuk.

Gorbachov kể lại: "Tôi có hỏi Andropov về tình hình công việc của Fedorchuk ở KGB hồi này thế nào, Andropov đáp: "Anh biết không, tôi chỉ

trao đổi với Fedorchuk khi nào anh ấy gọi điện cho tôi - mà điều đó rất ít. Nghe nói anh ấy có điều chỉnh lại một số cải tổ bộ máy mà thời gian trước tôi đã làm. Nhưng thôi, tôi cũng không đi sâu, để tùy lãnh đạo mới của ủy ban quyết định".

Fedorchuk lãnh đạo KGB có bảy tháng, nhưng ông cũng đem lại cho cán bộ, chiến sĩ cơ quan vô số phiền toái.

Fedorchuk là một con người trung thực, nghiêm chỉnh và tuân thủ luật pháp, nhưng những quan niệm của ông về công tác an ninh và cơ quan an ninh được hình thành từ những năm trước chiến tranh. Ông lại chủ yếu làm quân báo, nên sự chỉ đạo công tác tình báo của ông nhiều khi phiến diện. Ông quy định mọi người đến cơ quan phải mặc quân phục, ông đích thân kiểm tra xem các cục trưởng cục phó các đơn vị có đi làm đúng giờ hay không. Sau vụ một số cán bộ chạy trốn sang phương Tây, ông nói rằng sĩ quan tình báo không nhất thiết phải biết ngoại ngữ, dùng phiên dịch cũng được - như thế càng ngăn được cán bộ đào ngũ.

Khi Brejnev sắp mất, người ta thấy Sherbitski hoạt động rất tích cực và thường xuyên liên lạc với Fedorchuk để chạy đua chức Tổng Bí thư.

*

Ngay sau khi trở thành Tổng Bí thư (Tháng 11/1982), Andropov cử Fedorchuk làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Bằng cách đó, ông sa thải N.Sholokov - Bộ trưởng Nội vụ được Brejnev bao che đã gây nhiều tai tiếng, đồng thời giải phóng chức Chủ tịch KGB khỏi một nhân vật không được ưa thích mà không gây căng thẳng với Sherbitski.

Andropov còn phong hàm Đại tướng cho Fedorchuk để bù đắp cho việc bị chuyển đi.

Từ sau khi Brejnev mất và Gorbachov lên làm Tổng Bí thư, Liên Xô còn phải làm tang lễ cho hai Tổng Bí thư nữa là Andropov và Chernenko. Thời gian Fedorchuk làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, đã xảy ra cái chết của Chernenko. Trợ lý của Chernenko là Victor Pribytkov kể lại quá trình suy yếu sức khoẻ của Chernenko như sau:

"Mùa hè năm 1983 Tổng Bí thư Chernenko đi nghỉ ở Crum. Tại nhà an dưỡng cạnh đó, Bộ trưởng Nội vụ Fedorchuk cũng đang nghỉ, thường hay

cá sòng và tự nướng ăn. Và một hôm mang sang mời Chernenko nếm thử.

Bản thân sự việc không có gì đặc biệt - Pribytkov kể - Chernenko và Fedorchuk biết nhau từ lâu. Cá thì béo, ngon, ăn với khoai tây luộc thật tuyệt. Và cả gia đình ăn ngon lành. Thế nhưng đến đêm thì Chernenko bị đau bụng dữ dội, miệng nôn mửa, người rất khó chịu.

Người ta phải đưa máy bay chở ông về Matxcơva.

Những người khác trong gia đình không bị sao. Còn Chernenko thì phải nằm trong phòng hồi sức - bị nặng đến như thế.

Chuyện gì đã xảy ra? Cục cảnh vệ đã không tuân thủ quy định nghiêm ngặt là mọi đồ ăn mang cho các ủy viên Bộ Chính trị đều phải được kiểm tra, hay đơn giản chỉ là Chernenko đã ăn phải một miếng cá "không tươi", người lại vốn yếu nên dẫn đến như thế. Chỉ biết rằng sau khi Gorbachov lên làm Tổng Bí thư một thời gian thì cũng cho cả Fedorchuk và Pribytkov về hưu luôn (có lẽ để bịt nhân chứng).

Nhưng E.K.Ligachov - nguyên ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng thì không lấy làm tiếc mà tán thành việc làm đó của Gorbachov, vì theo ông, "Fedorchuk là một nhân vật khô khốc và mờ nhạt, đã đến và đi không để lại một dấu ấn gì đậm nét cả".

CHƯƠNG XVI

VICTOR MIKHAILOVICH CHEBRIKOV

Chủ tịch KGB (12/1982 - 10/1988)

Mùa hè năm 1967, Phó Bí thư Tỉnh ủy Dnepropetrovsk là Victor Mikhailovich Chebrikov bị gọi lên Matxcơva một cách đột ngột, không giải thích lý do.

Khi Chebrikov lên đến Matxcơva, I.V.Kapitonov - Bí thư Trung ương Đảng phụ trách tổ chức, thay mặt Trung ương dẫn Chebrikov đến gặp chính Brejnev. Brejnev hỏi thăm tình hình tình nhà, nói chuyện một lúc (trước đó Brejnev đã xem hồ sơ lý lịch của Chebrikov) rồi nói:

- Chúng tôi cử đồng chí Andropov sang KGB. Cho nên cần một vài người để giúp đồng chí ấy và củng cố cơ quan.

Ngày hôm sau Chebrikov có quyết định về làm Cục trưởng Cục cán bộ của KGB. Cấp cục của ủy ban, nhưng đây lại là vị trí vô cùng quan trọng. Chẳng thế mà đích thân Brejnev phải lựa chọn trong mấy ứng cử viên được đưa lên từ các chức vụ khác nhau và địa phương khác nhau. Cuối cùng chỉ có Chebrikov được chọn.

V.M. Chebrikov sinh năm 1923 ở Dnepropetrovsk trong một gia đình công nhân. Thi vào trường Đại học luyện kim Dnepropetrovsk (ê-kíp của Brejnev rất nhiều người tốt nghiệp trường này ra) . Chiến tranh bùng nổ.

Chebrikov đi bộ đội làm binh nhất, đã trải qua các mặt trận Tây-nam, Stalingrad, Voronej, Ucraina, bị thương, bị lạnh cóng suýt chết, năm 1944 vào Đảng, và đón ngày chiến thắng ở Tiệp Khắc trong quân hàm thiếu tá.

Năm 1946, được phục viên, ông học tiếp đại học, tốt nghiệp năm 1950 và làm việc ở nhà máy luyện kim được một năm thì được lấy sang làm công tác Đảng: làm trưởng ban công nghiệp của một quận ủy, rồi trở thành Bí thư Quận ủy. Năm 1955 ông được cử về lãnh đạo Đảng ủy Nhà máy luyện kim, năm 1958 được bầu làm Phó Bí thư Thành ủy. Cứ thế

Chebrikov tiến dần từng bước trong công tác Đảng, đến năm 1967 đã là Phó Bí thư Tỉnh ủy Dnepropetrovsk. Chebrikov là một cán bộ nghiêm khắc, cứng rắn, tuân thủ điều lệ Đảng, rất nâng đỡ các vận động viên và nhờ thế họ đã làm rạng danh tỉnh nhà, trong đó V.Lobanovski đã trở thành ngôi sao bóng đá quốc gia.

Tướng V.Ivanenko kể về ông như một thủ trưởng nghiêm khắc, lúc nào cũng nguyên tắc, một con người khô khan, buồn tẻ. Và ông từ Dnepropetrovsk nên người ta cho rằng ông là người của Brejnev. Nhưng kỳ thực bằng cả tâm hồn và công tác, ông gắn bó với Andropov.

Hai phó của Andropov là Tvigun và Siniov là tay chân của Brejnev (hai người này cũng đã làm tổn khá nhiều nợ-ron thần kinh của Andropov), còn F.D.Bobkov là nhân vật kỳ cựu của KGB từ trước cả Andropov. Riêng Chebrikov không bao giờ mơ chức Chủ tịch ủy ban và trước sau trung thành với Andropov.

Năm 1971, Chebrikov trở thành Phó Chủ tịch ủy ban, và vào Trung ương. Chebrikov đã đóng góp vào việc xây dựng tổ hợp kỹ thuật tác chiến của KGB, được phong Anh hùng Lao động và nhận giải thưởng quốc gia. Nhưng cả hai quyết định này đều không được công bố, vì những công trình mà Chebrikov lãnh đạo là những công trình điều khiển bí mật để sử dụng trong trường hợp xảy ra chiến tranh hạt nhân.

*

Vài ngày sau khi Brejnev mất, việc đầu tiên trong sắp xếp nhân sự của Andropov là cách chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ Shelokov, và điều Fedorchuk sang thay. Chức Chủ tịch KGB, Andropov đề nghị Chebrikov. Tại sao lại không phải là Phó Chủ tịch phụ trách tình báo V.A.Kriuchkov - người cộng sự đắc lực của Andropov từ thời ở Hungari, người đã lãnh đạo chiến dịch Afganistan của KGB, đồng thời là người mà ông luôn luôn nâng đỡ và bồi dưỡng? Đó là vì Chebrikov là một cán bộ Đảng chuyên nghiệp, giao phó cho ông lãnh đạo một cơ quan là hoàn toàn phù hợp với những yêu cầu và tiêu chuẩn của chính sách cán bộ thời ấy.

Một năm sau, Andropov đề cử Chebrikov vào ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị và tại Hội nghị Trung ương tháng 12/1983, hội nghị mà Andropov

không dự được vì đang nằm bệnh viện và chỉ còn sống thêm được một thời gian ngắn nữa, Chebrikov được đưa vào Bộ Chính trị.

Sau khi Andropov mất, Chernenko già yếu, đại biểu cho đội cận vệ già lên thay được hơn một năm. Khi Chernenko lại sắp mất, Thủ tướng Tikhonov thuyết phục Chủ tịch KGB về sự cần thiết không để Gorbachov lên làm Tổng Bí thư. Nhưng Chebrikov, cùng với Ligachov đứng về phía Gorbachov. Kết quả là tại Hội nghị Trung ương tháng 3/1985, M.S.Gorbachov được bầu làm Tổng Bí thư thay Chernenko.

Chebrikov lãnh đạo KGB được sáu năm, trong đó bốn năm đầu ông hoàn toàn làm chủ bộ máy hùng mạnh từ tay Andropov, bộ máy đã từng quản lý toàn bộ tình hình trong nước. Với hệ thống đại diện ở tất cả các địa phương, KGB thông báo cho lãnh đạo đất nước những gì xảy ra ở trong nước, từ đó lãnh đạo mới yêu cầu các Bí thư Tỉnh ủy báo cáo, hoặc Bộ Chính trị hướng dẫn, chỉ đạo việc xử lý vấn đề. KGB theo dõi và có thể "làm việc" với các nhân vật có chức vụ cao ở các cấp, chỉ từ cán bộ lãnh đạo cao cấp thì phải được phép của Trung ương Đảng. Nếu KGB không làm như thế, thì đã không thể thu thập được tài liệu để kỷ luật và cách chức Shelokov (Bộ trưởng Bộ Nội vụ) và Medunov (Bí thư khu ủy Krasnodar). Chỉ đến khi Andropov lên làm Tổng Bí thư, năm 1983 họ mới bị ra khỏi Trung ương.

Dựa trên những tài liệu tác chiến của KGB do Chebrikov làm Chủ tịch, Andropov đã tuyên chiến với nạn tham nhũng trong bộ máy Đảng và Nhà nước.

Andropov mới kịp làm có ít, nhưng những cái đó cũng đủ khiến nhân dân và cán bộ biết ơn ông.

E.K.Ligachov - nguyên ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương kể một lần Andropov gọi ông đến và bảo ông theo dõi thấy ở Uzbekistan có nhiều điều mờ ám, cần phải tìm hiểu và làm rõ tình hình. Ligachov nhất trí và trả lời rằng ông sẵn sàng bắt tay vào việc ngay.

Andropov nói:

- Đồng chí có biết bắt đầu từ đâu không? Theo tôi, đồng chí mời Rashidov đến gặp trước đã.

"Tôi phân vân - Ligachov kể - S.Rashidov đường đường là Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản một nước Cộng hòa, lại là ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô, mà một anh Trưởng ban tổ chức Trung ương Đảng lại mời đến gặp??"

- Đừng ngại gì cả. - Andropov nói - Cứ bảo là tôi ủy nhiệm".

Rashidov lên Matxcơva, được báo là rẽ vào phòng làm việc gặp Ligachov. Rashidov bước vào như một ông chủ.

Nhưng rồi Rashidov nguôi dần. Khi Ligachov rút trong tủ ra một chồng dăm chục đơn, thư khiếu kiện và tố cáo để lên bàn, thì Rashidov tái mặt. Ligachov kết luận là Trung ương Đảng sẽ buộc phải lập một ủy ban kiểm tra.

Rashidov xin để qua vụ thu hoạch bông. Ligachov đồng ý. Qua kiểm tra đã phát hiện ra cả một hệ thống ma-phia ở bộ máy đảng và Nhà nước ở Urbekistan. Rashidov dựa vào sự che chắn của nhóm Gdlian-Ivanov ở địa phương nên không bị kỷ luật ngay. Nhưng rồi cuối cùng cũng bị kỷ luật và cách chức.

Tôi hỏi Ligachov: ấn tượng của các ủy viên Bộ Chính trị khác về Chebrikov thế nào? Có phải ông là người khó tính, cau có như người ta thường kể không?

Ligachov:

- Làm thế nào được, mỗi người một tính. Chebrikov đúng là kín đáo, hơi khắc nghiệt, nhưng bình tĩnh, đáng tin cậy. Ông không phải là người a dua, nói theo Gorbachov, là một trong số ít người có ý kiến độc lập và dám trình bày lại ý kiến đó với Tổng Bí thư một cách nhã nhặn, đúng mực.

Công việc cải tổ bắt đầu được khởi động hết công suất. Các giáo điều ý thức hệ bắt đầu bị sụp đổ. Và chính lúc đó (tháng 9/1987) tại cuộc mít tinh trọng thể kỷ niệm 110 năm Ngày sinh F.Dzerjinski, Chebrikov đã đọc một bài diễn văn. Ông đã nói gì trong bài diễn văn đó? Chúng ta nghe một đoạn:

"Một trong những mục tiêu chủ yếu của các cơ quan an ninh đế quốc vẫn là sức mạnh chính trị - tinh thần của xã hội ta, thế giới quan của người Xô viết. . . Chúng tìm những kẽ hở để len lỏi vào xã hội ta, tác động một cách

có mục đích và có phân loại đối tượng đối với các tầng lớp nhân dân nhằm gieo rắc cách hiểu tư sản về nền dân chủ, tách tính tích cực chính trị của nhân dân lao động khỏi sự ảnh hưởng của Đảng, chia rẽ Đảng và nhân dân, thúc đẩy việc hình thành đa nguyên chính trị và tư tưởng".

Chebrikov dường như bê y nguyên những điều ông đã phát biểu từ thời Andropov còn sống, được tổ thư ký cập nhật và hiệu đính lại. Con đường của ông và con đường của Gorbachov rõ ràng đã đi về hai ngã.

Khi được tin A.Sakharov được bầu vào Đoàn Chủ tịch Viện hàn lâm khoa học, Chebrikov gọi điện báo tin cho Gorbachov và bình luận với vẻ không tán thành. Gorbachov sau này cười nhạo Chebrikov coi đó là vấn đề lớn.

Tháng 10/1988, Chebrikov thôi chức Chủ tịch KGB để chuyển sang chức vụ yên tĩnh hơn là Bí thư Trung ương phụ trách khối hành chính và bảo vệ luật pháp.

Chebrikov là con người chính tặc, ít biểu lộ tình cảm hơn cả Andropov. Ông đúng là một cán bộ truyền thống của Đảng. Với chiếc mũ phớt có bộ và nét mặt nghiêm túc, ông là hình ảnh điển hình của người cán bộ của bộ máy Trung ương Đảng.

Càng ngày, Gorbachov càng thấy rằng Chebrikov không chỉ trong thâm tâm chống lại cải tổ mà, trên cương vị quan trọng và đầu sóng ngọn gió của mình, còn cản trở những sự thay đổi. Gorbachov cần một Chủ tịch cơ quan an ninh có nhãn quan rộng hơn, tháo vát hơn và mềm dẻo hơn để giúp ông ta. Tại hội nghị Trung ương tháng 9/1988. Gorbachov thay nhân sự hàng loạt: cho Gromyko, Solomentsev, Demichev, Dobrynin về hưu, giao công tác đối ngoại cho Iakovlev, tư tưởng cho Medvedev, và thay Chebrikov bằng V.A.Kriuchkov - một người cũng thuộc thế đội Andropov.

Chebrikov qua đời năm 1999, thọ 76 tuổi.

THỜI KỲ TAN RÃ

CHƯƠNG XVII

VLADIMIR ALEXANDROVICH KRIUCHKOV

Chủ tịch KGB (10/1988 - 8/1991)

V.A.Kriuchkov sinh năm 1924 ở Saritsyno trong một gia đình công nhân. Bản thân ông làm công nhân ở nhà máy, rồi làm công tác Đoàn. Năm 1946 làm Phó Bí thư Thành đoàn Stalingrad. Từ đó ông được Viện kiểm sát lấy sang làm điều tra viên, rồi Chánh công tố quận. Ông vào học hàm thụ Đại học Luật Saratov và tốt nghiệp năm 1949.

Năm 1951, Thành uỷ Stalingrad cử ông đi học ở Học viên Ngoại giao ở Matxcơva - là nơi đào tạo các cán bộ đã có kinh nghiệm và thâm niên công tác thành các cán bộ ngoại giao. Ở đây, bên cạnh các môn học khác, ông học một ngoại ngữ khó là tiếng Hung.

Năm 1954, tốt nghiệp Học viện, Kriuchkov về công tác ở Bộ Ngoại giao lúc đó do A.A.Gromyko đang lên làm Thứ trưởng thứ nhất. Không khí và ngày làm việc dần dần trở lại bình thường không còn căng thẳng như thời Molotov làm Bộ trưởng. Nhưng các cán bộ ngoại giao cũng vẫn chỉ là những công chức mẫn cán được giao thực hiện các công việc nhỏ nhặt.

Năm 1955, Kriuchkov được cử đi làm Bí thư thứ ba Đại sứ quán Liên Xô tại Hungari. Đại sứ là Iu.V.Andropov - một cán bộ Đảng hơn 40 tuổi giàu kinh nghiệm. Đây là một dịp may cho Kriuchkov. Ông sẽ cùng đi và phục vụ dưới trướng của Andropov, được Andropov giúp đỡ chỉ bảo cho đến tận cuối đời Andropov.

Kriuchkov nhớ mãi những ngày diễn ra cuộc bạo động ở Hungari, khi sứ quán Liên Xô bị bao vây, rồi những đêm mất ngủ, những cuộc gặp bí mật đầy nguy hiểm với các đồng chí Hungari. Kriuchkov cũng như Andropov, cho rằng nguyên nhân của mọi chuyện là sự mềm yếu của lãnh đạo Hungari. Mấy chục năm đã trôi qua, Kriuchkov vẫn tin rằng Liên Xô và Sứ quán Liên Xô lúc đó đã hành động đúng.

Do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong điều kiện chiến đấu, theo đề nghị của Đại sứ, Kriuchkov được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Cờ Đỏ.

Andropov hết nhiệm kỳ về nước năm 1957, Kriuchkov còn ở lại Hungari. Nhưng Andropov không quên người cán bộ dũng cảm và nhiều triển vọng. Khi đã là Bí thư kiêm Trưởng ban đối ngoại Trung ương Đảng, Andropov chuyển Kriuchkov về làm việc với mình. Một cán bộ được chuyển từ Bộ Ngoại giao về Trung ương Đảng là một sự tín nhiệm lớn. Nhưng còn chưa ai ngờ được rằng Kriuchkov sẽ tiến xa đến mức trở thành phó của Andropov.

Kriuchkov làm chuyên viên, vụ trưởng, rồi trợ lý của Bí thư Trung ương Đảng. Khi Andropov chuyển từ Trung ương Đảng sang làm Chủ tịch KGB, Kriuchkov lại làm trợ lý của Andropov, Trưởng ban thư ký của Chủ tịch KGB. Phòng làm việc của Kriuchkov đối diện với phòng làm việc của Andropov. Lúc nào Kriuchkov cũng có thể trợ giúp cho thủ trưởng, tận tình và đặc lực.

Năm 1971, Andropov chuyển Kriuchkov sang một công tác độc lập là làm Tổng cục phó thứ nhất Tổng cục 1 (Tổng cục tình báo). Đây là một bước bồi dưỡng để Kriuchkov đảm nhận những nhiệm vụ cao hơn. Song, trong bước đầu, như chính Kriuchkov thú nhận, ông cảm thấy thiếu vắng người thầy của mình.

Và lại, bước đầu công tác tình báo của ông lại trùng vào một việc đáng buồn: tháng 9/1971, Oleg Lialin - sĩ quan tình báo Liên Xô đóng ở Luân Đôn chạy sang phía Anh. Anh vốn đã phàn nàn về biên chế sứ quán Liên Xô quá lớn so với sứ quán Anh ở Matxcơva và tình nghi nhiều cán bộ trong số đó hoạt động gián điệp, đã nhân cơ đó trục xuất hơn 100 người của các cơ quan Liên Xô đóng ở Luân Đôn. Lialin hoạt động dưới danh nghĩa kỹ sư trưởng ở Thương vụ Liên Xô tại Luân Đôn, bị giữ vì vi phạm luật lệ giao thông. Thông thường những sự vi phạm luật lệ giao thông của cán bộ, nhân viên sứ quan bị ghi lại và thả ngay. Nhưng trong trường hợp này có sự sắp đặt của an ninh Anh. Vốn biết rõ đời tư của Lialin, biết một số sai phạm của Lialin, kể cả việc anh ta "lòng thông" với một nữ nhân viên trong cơ

quan. An ninh Anh hù dọa Lialin và dụ anh ta cộng tác. Lialin không chịu, sau đó nói là để suy nghĩ. Đến sáng hôm sau, lãnh sự đến gặp và đón Lialin về sứ quán. Cũng không may là trưởng bộ phận an ninh - người mà Lialin rất kính trọng - lúc đó đi công tác vắng. Phó bộ phận, một đồng nghiệp trẻ vốn có thành kiến với Lialin bắt đầu nói chuyện với Lialin đại ý: anh đã nhiều khuyết điểm như thế, lại xảy ra như thế. . . thì chỉ có cách xách vali về nước. Lialin bèn quyết định chạy sang phía địch.

Kinh nghiệm trong công tác an ninh cho thấy rằng khi một người rơi vào trường hợp không may, bị dính, nếu đẩy người ta ra xa quá, có thể mất luôn cán bộ.

Trong vụ này Kriuchkov không có lỗi gì cả, nhưng ông nhớ mãi bài học đó.

Năm 1974, Andropov đề nghị Kriuchkov làm Phó Chủ tịch KGB kiêm Tổng cục trưởng Tổng cục Tình báo, và được Brejnev đồng ý. Đồng nghiệp kể rằng Kriuchkov là một người thông minh, uyên bác, và cực kỳ chăm chỉ. Khi cần đi phát biểu ở đâu đó, lẽ dĩ nhiên người ta chuẩn bị bài vở cho ông - cơ quan có những bộ phận xử lý thông tin rất mạnh. Ông xem, có vẻ không có ý kiến gì lớn, cũng không bắt viết đi viết lại, sửa đi sửa lại như thường thấy. Nhưng đến khi nghe ông phát biểu thì thấy khác, nghe hay hơn. Có nghĩa là ông đã tự viết lại.

Tự bản thân ông nghiên cứu, thu thập tư liệu. Ông lập hồ sơ và các hộp "phích" riêng về các vấn đề, y như trong thư viện. Khi phát biểu hoặc bàn luận, ông có thể sử dụng tư liệu một cách thành thục như một nhà nghiên cứu.

Kriuchkov thuộc loại người lúc nào cũng chăm chăm chú chú vào công việc. Ra nhà nghỉ ngoại ô của ủy ban, người thì đánh bài, người thì chơi domino, bi-a, tùy thích, còn ông đi dạo một chút rồi lại lên phòng làm việc.

Ông tự hào về công tác tình báo, cũng như Andropov rất quý và coi trọng tình báo. Nhân tiện phải nói rằng ông là một trong số rất ít người dám có ý kiến riêng, cãi lại cả Andropov, mặc dù yêu kính vô hạn người thầy của mình. Ông đã từng dám nói thẳng với Andropov việc này việc nọ giải

quyết như thế là không đúng. Andropov đã giận, không nói chuyện với ông cả một thời gian.

Nhưng sau chính Andropov lại phải làm lành: "Volodia, cậu đến đây ta bàn việc này một chút".

Sáng sáng, ông dậy tập thể dục ngoài trời một tiếng đồng hồ, và thường đi nghỉ phép vào mùa đông, vì ông yêu thích nhất là trượt tuyết và tắm hơi, mặc dù là *sauna* Phần Lan chứ không phải là tắm hơi kiểu Nga.

Khi xảy ra cuộc đảo chính tháng 8/1991, người ta khám nhà ông và tìm mãi quyển sổ địa chỉ và điện thoại của ông, không thấy. Lúc đó bà vợ ông mới bảo là ông không có quyển sổ đó, vì tất cả tên họ và số điện thoại cần thiết ông nhớ trong đầu cả, không cần phải dùng đến sổ.

*

Một ngày cuối tháng ba năm 1978, đại diện Liên Xô tại Liên hợp quốc, Oleg Troyanovski mời A.N.Shevchenko - Phó Tổng thư ký Liên hợp quốc người Liên Xô - đến gặp để truyền đạt chỉ thị của Matxcova yêu cầu Shevchenko về nước gấp có việc.

Shevchenko hoảng hốt, khi trở về trụ sở của mình ở Liên hợp quốc đã gọi điện cho CIA, rồi đi bộ xuống nhà theo cầu thang máy, sang đường: ở đó đã có xe ô tô của CIA chờ sẵn.

Đại sứ Liên Xô tại Mỹ Dobrynin và Đại diện Liên Xô tại Liên hợp quốc Troyanovski yêu cầu Mỹ cho gặp Shevchenko để xem có đúng là Shevchenko muốn ở lại không, hay ông ta bị bắt cóc. Cuộc gặp đã được thu xếp.

Hai đại sứ đã cố gắng thuyết phục Shevchenko thay đổi ý định, nhưng không có kết quả.

A.N.Shevchenko là một trong những quan chức cấp cao nhất của Liên Xô đào ngũ. Ông ta làm việc đó không phải vì chính trị. Quan điểm tư tưởng của ông không phải như thế. Đúng hơn là ông ta thích lối sống phương Tây, những ưu đãi, tiện nghi và danh giá mà chức vụ Phó Tổng thư ký Liên hợp quốc đem lại cho ông ta. Ngoài ra, cũng có yếu tố gia đình, khi người đàn ông đã ngoài bốn mươi tuổi thường phải trải qua khủng hoảng trong đời sống vợ chồng. Người Mỹ đã tìm cho ông ta một phụ nữ điều

luyện. Shevchenko thích ứng được với xã hội, nhưng cuộc sống của ông ở Mỹ sau này không thể gọi là hạnh phúc được.

Năm 1979, một thiếu tá tình báo Liên Xô khác là S. A. Levchenko - phóng viên thường trú tuần báo "Thời mới" (tờ tuần báo chính trị - xã hội của Liên Xô) ở Nhật cũng xin cư trú chính trị ở Mỹ, vì biết là không thể cư trú chính trị ở Nhật được. Anh ta đã khai ra rằng Liên Xô có tới hai trăm điệp viên và cơ sở chân rết ở Nhật. Anh ta đã nêu tên một số chính khách và nhà báo cỡ lớn của Nhật làm việc cho Liên Xô. Những người này, trên cương vị của mình dẫn dắt công việc thuận lợi cho Liên Xô. Thực chất họ thuộc loại mà Chủ tịch KGB Kriuchkov gọi là "các điệp viên gây ảnh hưởng". Ngoài ra, Levchenko cũng cho biết rằng tình báo Nga đã vận động một nghị sĩ Nhật thành lập Nhóm nghị sĩ hữu nghị với Xô viết tối cao Liên Xô và chi tiền cho hoạt động của nhóm này, và rằng KGB cũng tài trợ cho Đảng Xã hội Nhật bằng cách tính hoa hồng từ các hợp đồng có lợi mà các công ty bạn bè của Nhật ký với Liên Xô.

Sau vụ Levchenko chạy, Kriuchkov đã buộc phải thay toàn bộ mạng lưới điệp báo viên ở Tokyo và tổ Nhật của KGB. Nhiều cán bộ làm về Nhật đã bị mất việc, phải chuyển sang công tác khác ít thú vị hơn hoặc không được dùng đến tiếng Nhật, không được đi Nhật nữa. Họ căm thù Levchenko. Có người nói nếu gặp Levchenko sẽ tự tay giết chết hắn ta.

Những năm 1950, sau khi một sĩ quan an ninh chạy sang phương Tây, KGB có lệnh ám sát anh ta. Nhưng tìm kiếm và giết một người ở nước ngoài không phải đơn giản. Sau này, KGB không ban hành những lệnh như thế nữa.

Còn Kriuchkov thậm chí xử khoan hồng đối với những cán bộ hối cải và quay trở lại (như trường hợp V. Yurchenko). Ông thà tỏ ra độ lượng với những cán bộ coi như bị bắt cóc hoặc bị dụ dỗ, mua chuộc còn hơn là mang tiếng đào tạo ra những cán bộ phản bội tổ quốc.

THỜI KỲ HOÀNG KIM CỦA NGÀNH TÌNH BÁO

Thời gian Kriuchkov lãnh đạo Tổng cục 1, công tác tình báo, cũng như toàn bộ công tác an ninh dưới thời Andropov, có thể nói, ở vào giai đoạn phát triển rực rỡ nhất. KGB đã triển khai được một mạng lưới điệp báo viên

đông đảo và rộng rãi chưa từng có trên toàn thế giới, cùng với ngân sách lớn, kỹ thuật hiện đại và đương nhiên là địa vị cao. Cán bộ và chiến sĩ tình báo luôn cảm thấy được cánh tay nâng đỡ và điều dắt của Andropov.

Andropov có một phòng làm việc riêng ở tại trụ sở của Tổng cục I ở Yasenevo (Matxcova) - thỉnh thoảng ông đến đây, gặp gỡ không chỉ với Kriuchkov mà với cả các tướng lĩnh khác. Andropov thậm chí còn sinh hoạt chi bộ ở đây.

Sau này, người ta cũng phê phán Kriuchkov là ham làm ăn lớn và triển khai theo chiều rộng. Nhưng quả thực tình báo Liên Xô cảm rễ được ở tất cả các khu vực, như một cái máy hút bụi khổng lồ thu hút thông tin an ninh trên toàn thế giới và tuyển mộ điệp viên, cộng tác viên kể cả ở Zimbabwe và Malaysia, mà mục tiêu tuyển mộ trước hết là người Mỹ hoặc người làm cho Mỹ. Tình báo và phản gián Liên Xô quả thực có tầm vóc của một siêu cường.

Kriuchkov viết trong hồi ký, rằng những thông tin thu được cho thấy NATO có kế hoạch tấn công Liên Xô. Quả thực, vấn đề số một mà lãnh đạo Liên Xô trong những năm ấy quan tâm là vấn đề chiến tranh và hoà bình. Và tình báo phải tập trung vào nhiệm vụ đó.

Bản thân Kriuchkov không ngớt tự hào về công tác của ngành tình báo, và không phải vô cớ. Tháng tám năm 1974, diễn ra cuộc đảo chính quân sự ở đảo Síp kết thúc bằng việc chia cắt lãnh thổ Síp và quân Thổ Nhĩ Kỳ đổ bộ chiếm phía Bắc. Dinh tổng thống bị ném bom, và quân đảo chính đưa tin Tổng thống Macarios đã bị giết.

Nhưng KGB theo chỉ thị của Kriuchkov nhân danh Tổng thống đưa tin qua đài phát thanh rằng Makarios vẫn còn sống và kêu gọi đấu tranh. Cuộc đảo chính sau đó thất bại và điều ngạc nhiên đối với cả KGB là Tổng thống Macarios vẫn còn sống thật. Kriuchkov gọi đó là công tác "A" (active measures) - công tác tuyên truyền chặn trước của KGB.

Năm 1978, đích thân Kriuchkov lãnh đạo chiến dịch Afganistan của KGB, đã báo cáo với lãnh đạo Liên Xô rằng Mỹ đang tìm cách thâm nhập vào Afganistan để biến Afganistan thành tiền đồn chống Liên Xô ở phía Nam, rằng H.Amin là gián điệp, tay sai của Mỹ.

BỘ MẶT "CHỐNG CẢI TỐ" VÀ CUỘC ĐẢO CHÍNH THÁNG TÁM NĂM 1991

Sau khi cho Chebrikov thôi chức Chủ tịch KGB tháng 9/1988. Gorbachov đưa Kriuchkov lên thay.

Tại sao Gorbachov lại chọn Kriuchkov, mà không phải là F.D.Bobkov - một Phó Chủ tịch kỳ cựu của KGB, nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục 5, chẳng hạn?

Đó là vì Gorbachov cho rằng Kriuchkov, con người có đầu óc sáng tạo, năng động nhất trong các cán bộ lãnh đạo nội vụ và có hiểu biết thế giới sẽ ít chống đối nhất với cải tổ. Và lại Gorbachov biết Kriuchkov từng là trợ thủ trung thành và đắc lực như thế nào của Andropov. Ông cũng muốn có một trợ thủ như thế.

L.V.Shebarshin - người thay Kriuchkov lãnh đạo Tổng cục tình báo Xô viết bình luận: "Có thể rằng Gorbachov cảm thấy Kriuchkov là con người mềm dẻo, năng động và dễ làm việc... Nhưng theo tôi Tổng Bí thư đã nhầm to, không biết rằng đằng sau cung cách nhẹ nhàng, bề ngoài mềm dẻo và chấp hành của Kriuchkov là cả một ý chí sắt đá và sự cương nghị, khả năng đi vòng, đi lâu nhưng bao giờ cuối cùng cũng đi tới đích".

Cũng trong năm đó (1988), Kriuchkov được phong làm Đại tướng Quân đội, một năm sau, trở thành ủy viên Bộ Chính trị, nhưng ở đó không lâu vì sau đó Gorbachov thay đổi cơ cấu - nghĩ ra Hội đồng cố vấn của Tổng thống (năm 1990) rồi Hội đồng an ninh (năm 1991) mà Kriuchkov vẫn luôn luôn là một thành viên.

Là Chủ tịch KGB, Kriuchkov bước vào một thời kỳ khó khăn. Khuôn mặt nghiêm khắc, luôn luôn không hài lòng của ông mỗi lần xuất hiện trên vô tuyến đã trở thành biểu tượng của các lực lượng "chống cải tổ" như ngày ấy thường hay nói. Tiến trình cải tổ, lô-gích phát triển của các sự kiện không chỉ trái ngược hẳn lại với nhãn quan chính trị của ông, mà còn dẫn tới sự sụp đổ trông thấy được của đế chế an ninh.

Quyền lực của ủy ban bị suy yếu từng ngày.

Kriuchkov có sức được đến đâu thì cố gắng chèo chống đến đâu để duy trì quyền lực của ủy ban và thích nghi với thời thế mới. Ông cho soạn thảo

đạo luật về cơ quan an ninh để Xô viết tối cao thông qua, tiến hành một số biện pháp để dư luận thấy rằng cải tổ và công khai hoá lan sang cả KGB, như tăng cường hợp báo, mở hồ sơ lưu trữ về một số vụ việc.

Trong cơ quan, kể cả ở Tổng cục 1 và Tổng cục 5, người ta bắt đầu công khai thảo luận về việc cải tổ công tác và cải tổ cơ quan. Yêu cầu cải tổ đó được Trung ương Đảng phê duyệt. Tổng cục 5 được đổi thành Tổng cục bảo vệ chế độ hợp hiến, trong đó có bỏ đi một số Vụ phụ trách đấu tranh với các lực lượng xã hội, thí dụ như Vụ đấu tranh chống chủ nghĩa xi-ô-nít. Nhưng những thay đổi đó mang tính chất không cơ bản, nói chung Tổng cục vẫn giữ tính chất cũ.

Về thành phần và thái độ của đội ngũ cán bộ KGB trong những năm cải tổ, thì khoảng 10% là các nhà chuyên môn, tiếp tục công việc của mình trong mọi trường hợp, không phụ thuộc vào sự thay đổi hoặc ý muốn của lãnh đạo. Khoảng 15% là cán bộ Đảng và cán bộ cốt cán. Số đông còn lại tùy theo gió đổi chiều mà liên kết với phái này hoặc phái kia. Chính sự chia rẽ, không đồng nhất này là một trong những nguyên nhân không thành công của cuộc đảo chính tháng 8/1991. Tuy nhiên bầu không khí chung trong KGB là không tán thành hoàn toàn với cải tổ của Gorbachov. Trong một buổi sinh hoạt chính trị của cơ quan, khi các đại biểu Quốc hội V.Alksnis và E.Kogan (những người chống lại Mặt trận nhân dân đòi độc lập ở các nước cộng hoà Ban-tích) được mời đến cơ quan nói chuyện, toàn hội trường đã đứng dậy chào, và khi Alksnis lên tiếng phê phán đường lối của Gorbachov, cả hội trường đã vỗ tay rất lâu.

Tại một cuộc họp kín của Xô viết tối cao Liên Xô, Kriuchkov đã có một bài phát biểu dài không công bố mà tinh thần là phản đối những cải cách của Gorbachov. Kriuchkov nói rằng đang diễn ra một đường lối trên toàn tuyến nhằm thay đổi chế độ chính trị - xã hội của đất nước. Trong một số vùng của đất nước, bạo lực và khủng bố đã diễn ra. Các phương tiện thông tin đại chúng nằm trong tay các thế lực chống chế độ Xô viết. Cái gì cũng phải có giới hạn của nó. Đã đến lúc phải sử dụng quyền lực. Mà quyền lực nằm trong tay Tổng thống. Bây giờ là lúc không thể không áp dụng những hành động mang tính khẩn cấp, bất thường.

Vấn đề thiết lập tình trạng khẩn cấp đã được bàn trong suốt một năm trước khi diễn ra đảo chính. Suốt một năm, người ta yêu cầu Gorbachov ban bố tình trạng khẩn cấp. Nhưng ông ta chần chừ, không đồng ý. Trong thâm tâm, ông hiểu rằng việc thiết lập tình trạng khẩn cấp sẽ quyết định số phận cuộc cải tổ của ông.

Gorbachov càng do dự, yếu đuối, thì Kriuchkov lại càng thêm quyết tâm hành động. Bộ Chính trị càng bị mất vai trò dưới thời Gorbachov, thì vai trò của Kriuchkov càng tăng. Bây giờ, trên ông không còn ai ngoài Gorbachov. Trước Kriuchkov, các Chủ tịch KGB đều hiểu rằng số phận và sự an toàn của lãnh đạo đất nước kể cả người thứ nhất nằm trong tay họ. Họ là người cung cấp thông tin, họ cũng là người đề ra các phương án hành động. Nhưng nếu trước kia, cả đến Andropov cũng còn phải xem ý Suslov và Kirilenko và phải thoả thuận với Bộ Chính trị, thì nay Kriuchkov chỉ còn vượng có Gorbachov. Mà Gorbachov thì yếu đuối như thế. Hơn nữa, trong tay Kriuchkov vẫn còn một bộ máy hùng hậu nửa triệu cán bộ và chiến sĩ.

Ngày 31/7/1991, Tổng thống Nga Yeltsin và Tổng thống Kazakhstan Nazarbaev gặp Tổng thống Liên Xô Gorbachov trước khi Gorbachov đi nghỉ ở Foros, và ba người đã thống nhất gạt Kriuchkov và Bộ trưởng Quốc phòng Yazov.

Ngày 17/8, tại một cơ sở bí mật của KGB, Kriuchkov gặp Bộ trưởng Quốc phòng Yazov và Bí thư Trung ương Đảng O.Shenin, thống nhất rằng cần phải ban bố tình trạng khẩn cấp, phải buộc Gorbachov ký lệnh ban bố. Nếu Gorbachov không ký, thì buộc ông ta từ bỏ quyền hành.

Gorbachov không đồng ý. Họ bèn cách ly ông ta tại Foros, rút đội trưởng đội cảnh vệ, Thiếu tướng KGB V.Medvedev về Matxcơva. Ngay tối hôm đó ở Matxcơva, ủy ban Nhà nước về tình trạng khẩn cấp ra "Tuyên bố của ban lãnh đạo Liên Xô", nói rằng vì tình trạng sức khoẻ, Gorbachov không thể thực thi quyền hạn của mình và chuyển giao quyền hành cho Phó Tổng thống G.I.Yanaev.

Ủy ban tình trạng khẩn cấp, như mọi người biết, đã bị thất bại. Nguyên nhân chính là sự bất tài về mặt tổ chức. Không hề có một kế hoạch chi tiết về âm mưu đảo chính, mà chỉ có những ý định và tính toán kéo Gorbachov

vào cuộc. Ủy ban tình trạng khẩn cấp xét cả về bản chất cả về thành phần những người tham dự không thể đóng nổi vai trò một Pinochet.

Tướng Vorotnikov - nguyên Cục trưởng Cục bảo vệ chế độ hợp hiến (tức Tổng cục 5) KGB bình luận:

- Vladimir Alexandrovich (tức Kriuchkov - cách gọi kính trọng và thân mến) là con người của thời đại trước. Những người được ông giao bảo đảm về mặt tác chiến và an ninh cho ủy ban tình trạng khẩn cấp không hiểu một cách thực rõ ràng tình hình và nhiệm vụ và đã đề ra những biện pháp không phù hợp với tình hình. Tôi đã từng hoạt động trong điều kiện tình trạng khẩn cấp ở Erevan (Armenia) và biết đó là thế nào rồi, nhưng đấy mới chỉ là một thành phố. Chỉ có một người không có khái niệm thế nào là thiết quân luật hoặc tình trạng khẩn cấp mới có thể ra lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp trên cả nước.

Ý kiến của nguyên ủy viên Bộ Chính trị E. K. Ligachov :

- Tôi kính trọng Vladimir Alexandrovich về trí tuệ sắc sảo (đặc biệt là đầu óc phân tích) và ý thức chính trị. Nhưng ông thiếu sự kiên quyết.

- Có nghĩa là, theo đánh giá của ông thì ông ta quá mềm?

- Kể cũng lạ, nhưng đúng là như vậy. Kriuchkov không phải là người mềm lảm đầu, nhưng thiếu tính kiên quyết và độc lập trong hành động, có lẽ do một thời gian dài ông đứng sau Andropov, giúp Andropov.

Kriuchkov là một tài năng mật vụ. Trong công tác an ninh, ông như cá trong nước. Trong phân tích, đánh giá, dự báo tình hình và hoàn thành những nhiệm vụ đặc biệt thì ông là người tuyệt hảo từ tổ chức mạng lưới tình báo, tuyển mộ điệp viên, giết địch thủ, bảo đảm cho việc rút quân Liên Xô khỏi Afganistan, đến ổn định tình hình ở Kavkaz, ông đều hoàn thành xuất sắc. Đến một ngày, Kriuchkov đã chán vai trò làm người thừa hành cho một ông chủ yếu đuối. Trí nhớ tuyệt vời và sự hiểu biết thông tin đầy đủ chỉ càng làm bùng cháy tham vọng của ông. Ngày lại ngày, ông báo cáo tình hình và những điều bí mật mà ông nắm được cho Gorbachov, và càng ngày càng đầy thêm lòng khinh bỉ đối với ông chủ cái gì đưa cho cũng nuốt nhưng rồi cứ ngồi đấy như ông bụt chẳng chịu làm gì.

Cuộc đảo chính tháng 8/1991, trong đó Kriuchkov thử sức mình để xoay chuyển tình thế đã thất bại. Trên đường từ Foros về Matxcơva, Kriuchkov đã bị bắt. Khi chánh công tố Liên bang Nga Stepankov ở sân bay tuyên bố điều đó, Kriuchkov nói: "Giờ thì ủy ban (tức KGB) cũng tan rã nốt".

Cuộc đảo chính đã làm thay đổi tâm lý xã hội. Những người trước đây còn do dự thì nay đứng hẳn về phía chính quyền mới của B.Yeltsin để mong có một cuộc sống bình yên, không có đảo chính và xáo trộn. Các nước cộng hoà thì chạy khỏi Liên Xô, sợ rằng cuộc đảo chính như vậy không phải là cuối cùng.

Tháng 1/1993, Toà quân sự của Toà án tối cao thay đổi hình thức xử lý đối với các thành viên của Ủy ban tình trạng khẩn cấp: thả tất cả họ về nhà. Tháng 5/1993, Viện công tố đề nghị giam giữ trở lại Kriuchkov, Lukianov và Yanaev vì họ "lại bắt đầu hoạt động chính trị làm mất ổn định xã hội". Bằng cớ là cuộc tuần hành quần chúng ngày 1 tháng Năm ở Matxcơva mà họ tham gia đã kết thúc bằng một cuộc ẩu đả tại Quảng trường Đỏ. Nhưng tất cả họ vẫn tại ngoại.

Phiên toà xử vụ này năm 1993 cũng không dẫn đến kết quả gì. Chủ toạ phiên toà A.Ukolov cho rằng Chánh công tố V. Stepankov đã vi phạm luật và đề nghị Xô viết tối cao chỉ định các công tố độc lập. Nhưng Xô viết tối cao từ chối. Kriuchkov bị buộc tội "phản bội tổ quốc" (Điều 64) và "lạm dụng chức quyền" (Điều 260 Bộ luật Hình sự Nga).

Nhưng Kriuchkov tự bào chữa rằng tháng 8/1991, ông thi hành phận sự của mình với tư cách người lãnh đạo KGB Liên Xô trong việc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và an ninh Tổ quốc; hơn nữa KGB đã nhận được những thông tin chính xác về một kế hoạch đang được chuẩn bị với sự hỗ trợ của nước ngoài nhằm làm tan rã Liên Xô.

Tháng 2/1994, Duma quốc gia (Hạ viện Nga) mới thông qua luật ân xá cho Kriuchkov và tất cả những người tham gia Ủy ban tình trạng khẩn cấp năm 1991.

Trên danh nghĩa, đồng ý nhận ân xá tức là công nhận tội lỗi. Song trên thực tế, Kriuchkov chưa bao giờ nhận mình có tội. Trái lại, thời gian càng trôi qua, ông càng tự coi mình là anh hùng.

Thời gian đầu sau khi được tự do, Kriuchkov tập trung đấu tranh với nguyên ủy viên Bộ Chính trị, viện sĩ A.N.Yakovlev, vạch trần ông ta là từ lâu đã làm gián điệp cho Mỹ. Kriuchkov còn nói thêm: "Tôi chưa một lần nào nghe thấy từ miệng Yakovlev một lời nào yêu mến tổ quốc, chưa bao giờ thấy ông ta tự hào về điều gì của nhân dân mình, dù là chiến thắng vĩ đại chống phát xít. Đối với Kriuchkov, A.Yakovlev là hiện thân của cái ác.

Kriuchkov có xuất bản một cuốn hồi ký 2 tập nhan đề "Hồi sơ cá nhân" khô và cứng như bản thân tác giả.

CHƯƠNG XVIII

VADIM VICTOROVICH BAKATIN

Chủ tịch KGB (tháng 8 - tháng 11/1991)

*Giám đốc Cơ quan An ninh liên nước Cộng hòa
(tháng 11 - tháng 12/1991)*

Sau khi được bổ nhiệm làm Chủ tịch KGB, việc đầu tiên của Bakatin là cho con trai đang phục vụ trong cơ quan thôi việc để chuyển sang ngành khác. Nhưng điều mà ông sợ bị mang tiếng là nâng đỡ con cháu trong ngành lại chẳng thấm vào đâu so với lời buộc tội khác nặng hơn nhiều là kẻ phản bội. Vadim Bakatin có lẽ là ông thủ trưởng bị căm ghét nhất, mặc dù có thể là người thú vị nhất trong các ông chủ ở Lubianka.

Vadim Victorovich Bakatin sinh năm 1937 tại một thành phố vùng mỏ ở Kemerovo (Sibir). Từ nhỏ ông có năng khiếu vẽ, và đã định theo học hội họa. Nhưng vào trường mỹ thuật phải thi, trong khi Bakatin tốt nghiệp phổ thông được huy chương bạc có thể vào các trường khác mà không cần phải thi. Và thế là ông chọn trường Đại học Xây dựng.

Ông đã làm việc 13 năm trên các công trường xây dựng ở Kemerovo, từ làm kỹ sư, đội trưởng đến kỹ sư trưởng - trung bình cứ hai năm ông lại được nâng bậc một lần vì tỏ rõ là một kỹ sư có năng lực và nhà tổ chức tháo vát. Do những ưu điểm nổi bật đó, người ta lấy ông sang làm công tác Đảng. Bakatin trở thành Phó Bí thư Thành ủy, rồi Trưởng Ban xây dựng Tỉnh ủy, và hai năm sau làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Kemerovo. Những người từng biết Bakatin ở địa phương nói rằng khi Bakatin lãnh đạo ở đó, nhân dân không kêu ca gì về ông cả.

Ngoài giờ công tác, chủ nhật ông đi đánh quần vợt, đá bóng, lúc rảnh rỗi vẽ tranh phong cảnh bằng sơn dầu để tặng bạn bè.

Năm 1983, Bakatin được lọt vào mắt xanh của E.K.Ligachov. Nhà tổ chức cán bộ chủ yếu của Đảng đi tìm trong nước các Bí thư Tỉnh và cán bộ

Đảng xông xáo, có năng lực, có triển vọng, đưa về làm ở một nhóm cán bộ thanh tra của Trung ương Đảng để bồi dưỡng và đưa lên tiếp. Thời gian này, Bakatin tranh thủ tốt nghiệp Viện hàn lâm Khoa học Xã hội của Trung ương Đảng (AON).

Tháng 3/1985, Bakatin được Trung ương cử làm Bí thư Tỉnh ủy Kirov, hai năm sau trở về quê hương làm Bí thư Tỉnh ủy Kemerovo. Những vấn đề của vùng mỏ Kuzbas đến cuối những năm 80 trở nên gay gắt. Vốn hiểu biết rất rõ các mặt của đời sống tỉnh nhà, và nắm được chiều hướng mới, Bakatin có kế hoạch đổi mới phương thức hoạt động của vùng than. Nhưng giữa năm 1988 thì Bakatin lại bị lấy về Matxcơva. Sang năm 1989 thì nổ ra cuộc đình công gây tai tiếng của công nhân mỏ Kemerovo, đáng lẽ ảnh hưởng xấu đối với Bakatin, nhưng lúc đó ông đã không còn là Bí thư Tỉnh ủy nữa, mà đang là Bộ trưởng Bộ Nội vụ Liên Xô.

Thời gian này, thêm vào việc đấu tranh chống tội phạm, Bộ Nội vụ còn phải đối phó với các cuộc xung đột sắc tộc và các cuộc biểu tình gây rối nổ ra khi thì ở nơi này, khi thì ở nơi khác của đất nước. Thấy rằng đội ngũ công an nghèo túng và biến chất khó lòng đấu tranh nổi với tình trạng tội phạm mới và những cuộc biểu tình của quần chúng, Bakatin đã lập ra các đơn vị cảnh sát đặc nhiệm (gọi tắt tiếng Nga là OMON). OMON là lực lượng chuyên nghiệp được đào tạo để đấu tranh chống tội phạm có tổ chức và để giải tán các đám biểu tình của quần chúng và dẹp loạn. Đó như thể là lực lượng cảnh sát trong cảnh sát.

Bakatin không ủng hộ và cũng không được lòng phái bảo thủ trong ban lãnh đạo. Do đó họ thường xuyên gây sức ép với Gorbachov để thay Bakatin. Trước ngày lễ cách mạng tháng Mười năm 1990, Gorbachov yêu cầu Bakatin cấm tổ chức cuộc tuần hành song song của các lực lượng dân chủ tại Quảng trường Đỏ. Nhưng Bakatin không chịu, làm cho Gorbachov rất tức bực. Cuối tháng 11 Gorbachov gọi Bakatin đến báo cho biết là đã quyết định cho Bakatin thôi chức Bộ trưởng Nội vụ. Ngày 3/12, Bakatin đến Bộ Nội vụ lần cuối, sắp xếp đồ đạc và chia tay mọi người. Thủ tướng Ryjkov dẫn Bộ trưởng mới là Pugo - nguyên Chủ tịch KGB Latvia - đến giới thiệu.

Nhưng Gorbachov không muốn mất Bakatin, nên đưa ông vào làm thành viên Hội đồng an ninh. Bản thân Bakatin cũng không biết sẽ làm gì ở Hội đồng này.

Gorbachov thấy Bakatin buồn vì ít việc, nên đề xuất với ông ta chức Phó Thủ tướng thứ nhất. Nhưng Hội đồng liên bang (thượng viện-ND) không đồng ý. Đề xuất cho ông chức Phó Thủ tướng thứ nhất phụ trách các ngành thì ông không nhận, cáo là không nắm vững các ngành, nhưng thực ra là chê chức thấp.

Bakatin còn đương sung sức, muốn hoạt động và tự coi mình xứng ở vị trí hàng đầu. Do đó, mùa hè năm 1991, ông tự ứng cử tại cuộc bầu cử Tổng thống đầu tiên của Nga. Bằng việc làm này, ông trở thành đối thủ cạnh tranh của Boris Yeltsin lúc đó đang tranh cử. Nhưng Bakatin không hề có hoạt động tranh cử gì đặc biệt, hoặc có nhưng rất yếu ớt. Một vài phát biểu của ông trên vô tuyến, trước cử tri thì vừa dài vừa mang tính chất kinh viện. Cử tri - một số thì cho ông là quan chức truyền thống của bộ máy Đảng (thực ra không phải như vậy) một số khác nghe các phát biểu của ông thì có cảm giác là ông thiếu kiên quyết và chương trình tranh cử hời hợt. Kết quả thăm dò một thời gian sau cho thấy Bakatin chỉ thu được 3,42% số phiếu tín nhiệm, trong khi Yeltsin thu được đa số.

LIÊN XÔ TAN RÃ

Trong những ngày diễn ra cuộc đảo chính tháng 8 năm 1991, Bakatin giữ lập trường trung thành với Gorbachov, không tham gia và không hợp tác với Ủy ban tình trạng khẩn cấp. Ông viết đơn tự nguyện từ bỏ quyền hạn và chức vụ của mình trên cương vị thành viên Hội đồng An ninh và sau đó, cùng với một thành viên khác của Hội đồng An ninh là E.Primakov viết thư lên tiếng phản đối Ủy ban tình trạng khẩn cấp.

Sau khi Ủy ban tình trạng khẩn cấp thất bại và Kriuchkov bị bắt, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Cục trưởng Tổng cục Tình báo là L.Shebarshin được bổ nhiệm làm quyền Chủ tịch KGB. Kriuchkov thấy Shebarshin có năng lực đã bồi dưỡng ông thành Tổng Cục phó, rồi Tổng cục trưởng Tổng cục tình báo và Phó Chủ tịch KGB thay mình. Nhưng Kriuchkov không đưa

Shebarshin tham gia vào vụ đảo chính, vì có những người khác gần gũi và tin cậy hơn.

Nhưng Shebarshin làm quyền Chủ tịch KGB không được lâu vì sau vụ đảo chính, nhiệm vụ đặt ra là phải hủy bỏ KGB, cải tổ nó để nó không trở thành mối nguy hiểm cho lãnh đạo trong những trường hợp đột biến.

Shebarshin chưa đủ tín nhiệm và độ chín để đảm đương nhiệm vụ đó. Ngoài ra, sau đảo chính, các nước cộng hòa cũng đòi chia ra để họ thành lập hệ thống an ninh riêng.

Ngày 23/8/1991, Bakatin được quyết định làm Chủ tịch KGB. Gorbachov và sau đó là Yeltsin đều đặt ra cho Bakatin nhiệm vụ là không để KGB tồn tại dưới dạng như hiện nay.

Ba giờ chiều cùng ngày, Bakatin đến trụ sở KGB để nhận nhiệm vụ, thì đám đông tụ tập ở Quảng trường Lubianka trước mặt trụ sở KGB để phản đối và đòi giải thể KGB, đã giật đổ tượng Dzerjinski, nhưng không dám tràn vào trụ sở KGB để đuổi các cán bộ KGB ra ngoài, như họ đã làm với cán bộ Trung ương Đảng ở Quảng trường Cũ, và với Bộ An ninh quốc gia Cộng hòa dân chủ Đức ở Berlin năm 1990.

Vào lúc Bakatin nhận chức Chủ tịch KGB, các kế hoạch khác nhau về việc cải tổ KGB đã được thảo luận: từ kế hoạch giải thể KGB và thành lập một cơ quan an ninh có chức năng hạn chế đến kế hoạch thay đổi nhỏ một số chức năng, nhiệm vụ của KGB. Bakatin chọn một phương án nằm giữa hai cái đó. Phương án của ông hoá ra hiệu nghiệm. Ông giải thích:

- Cơ quan an ninh là rất cần thiết. Chúng ta đang một nửa ở chủ nghĩa xã hội, một nửa ở chủ nghĩa tư bản. Cho thôi việc các cán bộ cũ tức là xóa bỏ công tác tình báo. Chỉ có những ai mà thấy hệ tư tưởng cản trở mình phục vụ Tổ quốc thì nên thôi sớm.

Bakatin đã chuyển một số đơn vị của KGB cho Bộ Quốc phòng quản lý. Đây chính là những sư đoàn mà trước đó Kriuchkov đã lấy ở Bộ Quốc phòng nhằm mục tiêu xa là để sử dụng cho trường hợp bạo loạn. Các lực lượng biên phòng cũng tách ra khỏi KGB thành một cơ quan riêng.

KGB bị mất Cục 9 - chuyên bảo vệ lãnh tụ và các ủy viên Bộ Chính trị, vì nó chuyển sang trực thuộc Tổng thống. Chủ tịch KGB từ nay không có

quyền và lực lượng trong tay để bắt Tổng thống nữa.

Bakatin cũng giải tán Cục 5 là Cục bảo vệ chính trị chuyên theo dõi trí thức, giáo giới và các phong trào dân tộc. Ông tuyên bố: "Cục bảo vệ chính trị, nói cách khác là Cục theo dõi, bắt bớ vì lý do chính trị từ nay phải bị bãi bỏ". Nhân tiện phải nói rằng người ta đã tìm được trong kho lưu trữ của KGB hồ sơ của ông nội Bakatin làm thợ lái máy xúc bị kết tội là có ý đồ phá hoại bằng cách làm hỏng máy xúc, bị bắt và bị xử tử năm 1937.

Bộ trưởng Quốc phòng lúc đó là E.Shaposhnikov đề nghị chuyển Tổng Cục 3 (tình báo quân sự) về Bộ Quốc phòng. Nhưng điện Kremli không đồng ý, vì muốn quản lý tình báo quân sự.

Đối với xã hội lúc đó, Bakatin là một nhân vật chính trị khá nổi. Nhưng đối với cơ quan, ông như một người lạ mới từ nơi khác về. Cán bộ an ninh cho rằng ông sẽ không lãnh đạo cơ quan lâu, nên không muốn hé mở tất cả cho ông. Và nói chung cánh an ninh không thích công an. Mà khi đến KGB, Bakatin là Bộ trưởng Nội vụ.

Thêm vào đó, Bakatin tác phong thô bạo, hay quát tháo cấp dưới. Thật ra những thủ trưởng thô bạo, hách dịch thì chiến sĩ an ninh đã gặp không ít. Vấn đề là Bakatin tuyên chiến với "truyền thống Ủy ban đặc biệt" (tchekism - tiếng Nga) như một hệ tư tưởng.

Nhưng đặc biệt, Bakatin đã bị giới an ninh hoàn toàn ghét bỏ sau vụ tai tiếng liên quan đến sứ quán Mỹ.

Thỏa thuận giữa Liên Xô Và Mỹ về việc xây dựng Sứ quán mới ở mỗi nước đã đạt được từ thời Tổng thống Mỹ R.Nixon - người đã hai lần đi thăm chính thức Liên Xô và cùng với Brejnev xây dựng chính sách hoà dịu quốc tế.

Phía Mỹ dự trù cho việc xây dựng Sứ quán 72 triệu đôla ở Matxcơva, và bắt đầu xây dựng từ năm 1979. Còn KGB thì bắt tay vào chuẩn bị cho việc trang bị các thiết bị nghe trộm cho Sứ quán mới của Mỹ ba năm sớm hơn - tức là từ năm 1976. Theo kế hoạch thỏa thuận giữa hai bên, các vật liệu xây dựng được lấy từ địa phương, còn ốp lát nội thất, cửa sổ và đồ điện, thang máy thì mang từ Mỹ sang. Công nhân xây dựng là người Nga. Mỹ cử một số sĩ quan an ninh đứng ra kiểm tra nguyên vật liệu và giám sát công nhân.

Các quan chức an ninh Mỹ đầy tự tin rằng họ có đủ khả năng phát hiện và gạt ra ngoài bất kỳ thiết bị cài đặt nào của Liên Xô. Nhưng họ đã đánh giá thấp trình độ khoa học - kỹ thuật của các đồng nghiệp Liên Xô.

Đến năm 1985, khi toà nhà Sứ quán sắp xây xong thì Mỹ phát hiện ra rằng người Nga đã cài thiết bị vào tất cả các bức tường từ khi gạch còn chưa ra lò. Độ nhạy của các thiết bị cao đến mức ghi được cả tiếng thì thầm trong nhà. Thiết bị còn được cài đặt vào cả máy chữ để đo ghi, và giải mã từng tiếng gõ, qua đó mà tái hiện

văn bản. Người Mỹ buộc phải công nhận người Nga đã đi trước họ và Tây Âu: "Về kỹ thuật nghe trộm, họ đã vượt tất cả thế giới".

Sau khi nghiên cứu hiện trường, người Mỹ đi đến kết luận rằng không thể nào giải phóng được một cách triệt để toà Sứ quán mới khỏi các thiết bị nghe trộm của Liên Xô. Tổng thống R.Reagan đề nghị phá để xây mới. Nhưng Quốc hội không đồng ý vì quá tốn kém.

Đến lúc đó, Vadim Bakatin đã làm một việc điên rồ, là trao cho Mỹ sơ đồ lắp đặt các thiết bị nghe trộm, mục đích là để cho người Mỹ thấy rằng hầu như toàn bộ những vị trí lắp đặt thiết bị đã được tìm ra rồi.

Trước khi làm việc này, Bakatin đã viết một tờ trình cho Tổng thống Gorbachov. Gorbachov phê: "Phối hợp giải quyết việc này với Pankin" (Pankin lúc đó là Bộ trưởng Ngoại giao). Các Bộ trưởng Ngoại giao sau đó là Shevardnadze và Kozyrev cũng đều đồng ý, vì Liên Xô lúc đó đang tranh thủ Mỹ. Để cho chắc, Bakatin gọi điện thoại cả cho Yeltsin. Yeltsin trả lời: "Cứ làm đi!" Có sự đồng ý của hai Tổng thống (Tổng thống Liên Xô và Tổng thống Nga - ND) như thế rồi, mà sau đó Bakatin vẫn bị gọi ra tòa nhiều lần để chất vấn về hành động phản bội này.

Nhưng thú vị hơn nữa là như thế mà người Mỹ vẫn không tin Bakatin, cho rằng dù sao người Nga cũng không nói thật hết. Mười năm trời Quốc hội Mỹ họp nghe điều trần, xem xét các giám định kỹ thuật, họp các Bộ các ngành, tốn hàng chục triệu đô la. Ngần ấy tiền nữa tiêu cho việc điều tra, khảo sát toà nhà xây dở dang. Cuối cùng, tính đến cả lý do an ninh và lý do tài chính, Mỹ quyết định xây tiếp nốt toà nhà, để dùng làm phòng làm việc cho nhân viên người Nga và vào những mục đích không mang tính chất

mật, tốn hết 240 triệu đô la - tức là gấp bốn lần dự trù chi phí ban đầu như một đài kỷ niệm cho óc sáng kiến của cơ quan An ninh Liên Xô và sự kiêu ngạo chủ quan của người Mỹ.

*

Tháng 5/1991 Yeltsin (Tổng thống Cộng hoà Liên bang Nga) ký với Chủ tịch KGB Liên Xô Kriuchkov biên bản thành lập Ủy ban An ninh của Liên bang Nga.

Kriuchkov giải thích rằng việc đó là "phù hợp với cơ cấu liên bang của nhà nước ta". Chủ tịch đầu tiên của KGB Nga được đề bạt là V.Ivanenko lúc đó đang là Cục phó cục Thanh tra của KGB Liên Xô. Bằng việc xin thành lập được KGB Nga, Yeltsin cảm được một "con ngựa thành Troia" trong KGB, còn Kriuchov muốn mở cuộc chơi với Yeltsin để thu thập thông tin từ ê-kíp ông ta.

Chứ trên thực tế, bộ máy KGB nước Cộng hòa Nga chỉ có vền vện vài chục người, chả có quyền lực gì, các cơ quan an ninh tỉnh, thành vẫn chỉ phục tùng KGB Liên Xô. Đến tháng 9, Bakatin mới ra một công lệnh chuyển tất cả các đơn vị quản lý địa phương Nga của KGB Liên Xô cho KGB Nga, chỉ giữ lại cho bản thân chức năng phối hợp hoạt động của KGB các nước Cộng hòa.

Ngày 28/11/1991, Tổng thống Liên Xô M.Gorbachov ký một trong những sắc lệnh cuối cùng của ông ta: lệnh "Về quy chế tạm thời của Cơ quan An ninh liên nước Cộng hòa" do Bakatin làm Chủ tịch. Ban cán sự của cơ quan này bao gồm các Chủ tịch cơ quan An ninh nước Cộng hòa. Các hiệp định hợp tác được ký với KGB từng nước Cộng hòa. Còn cơ quan an ninh liên nước Cộng hòa của Bakatin có nhiệm vụ phối hợp an ninh của tất cả các nước cộng hòa và đấu tranh chống những hoạt động tội phạm kinh tế nguy hiểm nhất.

Vài ngày sau, 3/12/1991, Xô viết tối cao thông qua, và Gorbachov ký ban hành "Luật về việc tổ chức lại các cơ quan An ninh Liên Xô".

Nhưng các luật của Liên bang và các sắc lệnh của Gorbachov đã không còn ý nghĩa thực tế gì nữa, còn sau cuộc gặp ở rừng Belovej đã chẳng còn cả ý nghĩa pháp lý. Ngày 8/12/1991, tại rừng Belovej (gần Thủ đô Minsk

của Belarus), ba Tổng thống Nga, Ucraina và Belarus là Yeltsin, Kravchuk và Shushkevich đã ký Hiệp định thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập. Cơ quan An ninh liên nước Cộng hòa trở thành vô nghĩa. Mỗi nước Cộng hòa thành lập cơ quan An ninh riêng của mình.

V.Bakatin lãnh đạo KGB vền vẹn có 107 ngày: từ 28/8 đến 3/1/1991, khi KGB kết thúc sự tồn tại.

Ngày 23/12, Yeltsin mời Bakatin đến gặp lần cuối cùng, bảo Bakatin thích đi làm Đại sứ ở nước nào thì tùy chọn, trừ Mỹ. Nhưng Bakatin đã không trả lời, cũng không xin Yeltsin bố trí công việc cho ông ta. Bakatin là con người quá tự trọng để làm điều đó. Còn chính quyền mới của Yeltsin cũng đâu có cần ông nữa. Bakatin đến trụ sở trên Quảng trường Lublanka lần cuối cùng, thu dọn đồ đạc, giấy tờ cá nhân và ra đi.

Ngày hôm sau, Gorbachov từ chức.

Đó là ngày 25 tháng 12 năm 1991. Không còn Liên Xô Cũng không còn KGB.

Phụ Lục

1. Felix Edmundovich Dzerjinski

Chủ tịch Ủy ban đặc biệt toàn Nga (từ tháng 12/1917 đến tháng 2/1922)

Cục trưởng Cục chính trị quốc gia (từ 2/1922 - 7/1926).

2. Viacheslav Rudolfovich Menjinski

Cục trưởng Cục chính trị quốc gia (7/1926 - 5/1934)

3. Henrich Grigorievich Yagoda

Dân uỷ Nội vụ (7/1934 - 11/1936)

4. Nicolai Ivanovich Ejov

Dân uỷ Nội vụ (9/1936 - 11/1938)

5. Lavrenti Pavlovich Beria

Dân uỷ Nội vụ (11/1938 - 12/1945)

Bộ trưởng Bộ Nội vụ (5/3 - 26/6/1954)

6. Vsevolod Nicolaevich Merculov

Dân uỷ An ninh quốc gia (2/1941 - 4/1943)

Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia (3/1943 - 4/1946)

7. Victor Semenovich Abacumov

Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia (5/1946 - 7/1951)

8. Sergei Nikiforovich Kruglov

Dân uỷ Nội vụ (12/1945 - 3/1946)

Bộ trưởng Bộ Nội vụ (3/1946 - 3 /1953) và (6/1953 - 1/1956)

9. Semion Denisovich Ignatiev

Bộ trưởng Bộ An ninh quốc gia (8/1951 - 3/1953)

10. Serov Ivan Alexandrovich

Chủ tịch KGB trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng (3/1954 - 12/1958)

11. Shelepin Alaxandr Nikolaevich

Chủ tịch KGB (12/1958 - 11/1961)

12. Vladimir Efimovich Semichastnyi

Chủ tịch KGB (11/1961 - 5/1967)

13. Yuri Vladimirovich Andropov

Chủ tịch KGB 5/1967 - 5/1982)

14. Vitali Vassilievich Fedorchuk

Chủ tịch KGB (tháng 5 - tháng 11/1982)

15. Victor Mikhailovich Chebrikov

Chủ tịch KGB (12/1982 - 10/1988)

16. Vladimir Alexandrovich Kriuchkov

Chủ tịch KGB (10/1988 - 8/1991)

17. Vadim Victorovich Bakatin

Chủ tịch KGB (tháng 8 - tháng 11/1991)

Giám đốc Cơ quan An ninh liên nước Cộng hòa
(tháng 11 - tháng 12/1991)

^[1]

Ca-det: sĩ quan quý tộc (ND).

^[2]

Đây là một cách chuyển ngữ của người dịch

Table of Contents

THỜI LÊNIN

CHƯƠNG I

CHƯƠNG II

THỜI STALIN

CHƯƠNG III

CHƯƠNG IV

CHƯƠNG V

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG VII

CHƯƠNG VIII

CHƯƠNG IX

THỜI KHRUSCHOV

CHƯƠNG X

CHƯƠNG XI

CHƯƠNG XII

CHƯƠNG XIII

THỜI BREJNEV

CHƯƠNG XIV

CHƯƠNG XV

CHƯƠNG XVI

THỜI KỲ TAN RÃ

CHƯƠNG XVII

CHƯƠNG XVIII